

CÔNG TY TNHH TẤN ĐẠT PHÚ THỌ

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN: CỬA HÀNG XĂNG DẦU VĨNH LẠI
ĐỊA ĐIỂM: KHU 1, XÃ VĨNH LẠI, HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ



PHÚ THỌ, NĂM 2024

CÔNG TY TNHH TÂN ĐẠT PHÚ THỌ

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: CỬA HÀNG XĂNG DẦU VĨNH LẠI

ĐỊA ĐIỂM: KHU 1, XÃ VĨNH LẠI, HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY TNHH TÂN ĐẠT PHÚ THỌ



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Khắc Hoạt

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
MANH QUANG



GIÁM ĐỐC
Dương Thùy Linh

PHÚ THỌ, NĂM 2024

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN.....	1
1.1. Thông tin chung về dự án.....	1
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án	3
1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan	3
1.3.3. Mối quan hệ của dự án với các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan	3
2. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	4
2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM.....	4
2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án	11
2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.	11
3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐTM.....	12
4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	14
4.1. Phương pháp lập ĐTM.....	14
4.2. Phương pháp khác.....	16
5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM	16
5.1. Thông tin về dự án.....	16
5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường	18
5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án	19
5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.....	22
5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án.....	25
CHƯƠNG I	28
THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN.....	28
1.1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN	28
1.1.1. Tên dự án	28
1.1.2. Tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; người đại diện theo pháp luật của chủ dự án; tiến độ thực hiện dự án	28
1.1.3. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án	28
1.2. CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN	33
1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án	36
1.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của dự án	41

1.2.3.1. Hệ thống thoát nước mưa:	41
1.2.3.2. Đối với công trình thu gom, thoát nước thải và xử lý nước thải:	41
1.3. NGUYÊN, NHIÊN, VẬT LIỆU, HÓA CHẤT SỬ DỤNG CỦA DỰ ÁN; NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC VÀ CÁC SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN	42
1.3.1. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu sử dụng của dự án	42
1.3.1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên phụ liệu:	42
1.3.1.2. Nhu cầu sử dụng hóa chất:	42
1.3.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, điện, nước	43
1.3.3. Các sản phẩm của dự án	44
1.4. CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT, VẬN HÀNH	45
1.5. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THI CÔNG	46
1.5.1. Biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án	46
1.5.1.1. Giải phóng mặt bằng:	46
1.5.1.1. Phương án san nền:	46
1.5.1.2. Phương án kiến trúc xây dựng:	47
1.5.2. Nhu cầu về nguyên nhiên liệu phục vụ thi công xây dựng dự án	52
1.5.3. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng dự án	54
1.6. TIẾN ĐỘ, TỔNG VỐN ĐẦU TƯ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN	55
1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án	55
- Quý IV năm 2021 đến Quý III năm 2024: Thực hiện các thủ tục đầu tư, xây dựng, PCCC và các thủ tục pháp lý khác của dự án ;	55
1.6.2. Vốn đầu tư	55
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án	55
1.6.3.1. Tổ chức quản lý trong giai đoạn thi công xây dựng:	55
1.6.3.2. Tổ chức quản lý dự án trong giai đoạn vận hành:	55
CHƯƠNG 2	57
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG	57
MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN	57
2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI	57
2.1.1. Điều kiện về địa lý	57
2.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng	57
2.1.2.1. Nhiệt độ không khí:	57
2.1.2.2. Độ ẩm:	58
2.1.2.3. Hướng gió và tốc độ gió:	58
2.1.2.4. Nắng và bức xạ:	59
2.1.2.5. Mưa:	60
2.1.2.6. Đông sét:	60
2.1.4. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải của dự án và đặc điểm chế độ thủy văn của nguồn tiếp nhận nước thải	61
2.1.5. Điều kiện về kinh tế xã hội	62

2.2. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	65
2.2.1. Dữ liệu hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	65
2.2.2. Hiện trạng các thành phần môi trường	65
2.2.2.1. Môi trường không khí:	65
2.2.2.2. Môi trường nước mặt:	66
2.2.2.3. Hiện trạng môi trường đất:.....	67
2.2.3. Hiện trạng tài nguyên sinh vật	67
CHƯƠNG III.....	70
ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG,.....	70
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	70
3.1. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG.....	72
3.1.1. Đánh giá, dự báo tác động.....	72
3.1.1.1. Đánh giá tác động trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng:	72
3.1.1.2. Đánh giá các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:	78
3.1.2. Các công trình, biện pháp, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường.....	96
3.1.2.1. Các công trình, biện pháp, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường trong giai đoạn san lấp mặt bằng:	96
3.1.2.2. Các công trình, biện pháp, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường trong giai đoạn xây dựng:	99
3.1.3. Đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn vận chuyển, lắp đặt máy móc thiết bị.....	107
3.2. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH.....	108
3.2.1. Đánh giá, dự báo tác động.....	108
3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường	126
3.3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BVMT	139
3.3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường của dự án	139
3.3.2. Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường	140
3.3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị:	140
3.3.2.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:.....	140
3.4. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ NHẬN DẠNG, ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO.....	141
3.4.1. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá	141
3.4.1.1. Về mức độ chi tiết của các đánh giá:	141
3.4.1.2. Về độ tin cậy của các đánh giá:	141
3.4.2. Nhận xét về mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng trong báo cáo ĐTM.....	142
CHƯƠNG IV	143

PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN	143
BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC	143
CHƯƠNG V	144
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG.....	144
5.1. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ DỰ ÁN	144
5.1.1. Mục tiêu của chương trình quản lý môi trường.....	144
5.1.2. Thực hiện chương trình quản lý môi trường	144
5.1.3. Nội dung chương trình quản lý môi trường.....	144
5.2. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ DỰ ÁN	150
5.2.1. Nội dung giám sát	150
5.2.2. Chế độ báo cáo	151
CHƯƠNG VI.....	152
KẾT QUẢ THAM VẤN.....	152
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT	153
1. KẾT LUẬN.....	153
2. KIẾN NGHỊ.....	154
3. CAM KẾT.....	154

DANH MỤC BẢNG

Bảng 0. 1. Danh mục các QCVN, TCVN sử dụng trong báo cáo ĐTM.....	8
Bảng 0. 2. Danh mục các QCVN, TCVN sử dụng trong quá trình lập báo cáo ĐTM dự án	10
Bảng 0. 3. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập báo cáo ĐTM dự án.....	14
Bảng 0. 4. Danh sách chữ ký các thành viên lập báo cáo ĐTM.....	14
Bảng 0. 5. Các hạng mục công trình của dự án.....	17
Bảng 1. 1. Tọa độ các điểm mốc của dự án	28
Bảng 1. 2. Các hạng mục công trình của dự án.....	33
Bảng 1. 3. Sản phẩm của dự án theo mã ngành.....	44
Bảng 1. 4. Khối lượng đào, đắp và san lấp mặt bằng.....	47
Bảng 1. 5. Bảng tổng hợp khối lượng nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình thi công xây dựng dự án	52
Bảng 1. 6. Tổng hợp danh mục, máy móc thiết bị phục vụ trong quá trình thi công xây dựng dự án	54
Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng lao động của dự án	55
Bảng 2. 1. Bảng nhiệt độ trung bình hàng năm của khu vực dự án	57
Bảng 2. 2. Bảng độ ẩm trung bình hàng năm của khu vực dự án.....	58
Bảng 2. 3. Vận tốc gió trung bình theo các tháng	59
Bảng 2. 4. Số giờ nắng hàng tháng qua các năm tại khu vực dự án	59
Bảng 2. 5. Lượng mưa bình quân qua các năm của khu vực dự án.....	60
Bảng 2. 6. Thống kê số ngày có dông sét trung bình trong năm.....	60
Bảng 2. 7. Mực nước sông Hồng bình quân các năm (Trạm Việt Trì)	61
Bảng 2. 8. Thời gian lấy mẫu và phân tích mẫu.....	65
Bảng 2. 9. Kết quả chất lượng môi trường không khí trong khu vực dự án	65
Bảng 2. 10. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt tại khu vực dự án.....	66
Bảng 2. 11. Kết quả phân tích chất lượng đất khu vực dự án.....	67
Bảng 2. 12. Bảng nhận dạng các đối tượng bị tác động và yếu tố nhạy cảm.....	68
Bảng 3. 1. Bảng tổng hợp tác động của dự án trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành Dự án	70
Bảng 3. 2. Hệ số phát thải ô nhiễm trong hoạt động chuẩn bị mặt bằng và xây dựng	72
Bảng 3. 3. Khối lượng đào, đắp và san lấp mặt bằng.....	72
Bảng 3. 4. Thải lượng chất ô nhiễm đối với xe ô tô chạy xăng	75

Bảng 3. 5. Thải lượng chất ô nhiễm đối với xe tải.....	75
Bảng 3. 6. Thải lượng nguồn thải trong thời gian san gạt mặt bằng	76
Bảng 3. 7. Nguồn phát sinh chất thải trong quá trình xây dựng dự án.....	78
Bảng 3. 8. Hệ số phát thải ô nhiễm trong hoạt động xây dựng	79
Bảng 3. 9. Thải lượng chất ô nhiễm đối với xe tải.....	80
Bảng 3. 10. Thải lượng bụi và các khí ô nhiễm của các phương tiện vận chuyển phát sinh tại khu vực dự án trong giai đoạn xây dựng	81
Bảng 3. 11. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh từ quá trình đốt dầu DO do hoạt động của máy móc thi công	82
Bảng 3. 12. Thành phần bụi khói một số loại que hàn.....	82
Bảng 3. 13. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình hàn	82
Bảng 3. 14. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình hàn	83
Bảng 3. 15. Tác động của chất gây ô nhiễm môi trường không khí.....	83
Bảng 3. 16. Các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	84
Bảng 3. 17. Nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt	85
Bảng 3. 18. Lưu lượng nước từ dưỡng hộ bê tông trên công trường.....	86
Bảng 3. 19. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải xây dựng	86
Bảng 3. 20. Dự báo khối lượng chất thải thi công xây dựng.....	88
Bảng 3. 21. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải	90
trong giai đoạn thi công xây dựng	90
Bảng 3. 22. Mức ồn gây ra do các phương tiện thi công	91
Bảng 3. 23. Mức áp âm do phương tiện giao thông và máy xây dựng	92
Bảng 3. 24. Đối tượng, phạm vi bị tác động trong giai đoạn xây dựng dự án.....	94
Bảng 3. 25. Tóm tắt các tác động và biện pháp giảm thiểu tác động.....	98
của dự án.....	98
Bảng 3. 26. Các hoạt động, nguồn gây tác động và các biện pháp giảm thiểu môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị.....	107
Bảng 3. 27. Tổng hợp các nguồn gây tác động có liên quan chất thải	108
trong quá trình hoạt động của dự án	108
Bảng 3. 28. Tải lượng khí thải của các xe tải chạy dầu Diesel 3,5 - 16T.....	109
Bảng 3. 29. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu.....	110
Bảng 3. 30. Lượng hao hụt xăng dầu của dự án	110
Bảng 3. 31. Lượng VOC phát sinh từ quá trình tồn chứa và xuất xăng dầu của dự án.....	111
Bảng 3. 32. Kết quả dự báo tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong	112
khí thải máy phát điện dự phòng.....	112
Bảng 3. 33. Thành phần đặc trưng của nước thải sinh hoạt	114
Bảng 3. 34. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt	116
Bảng 3. 35. Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án	119

Bảng 3. 37. Mức ồn tối đa cho phép của một số phương tiện giao thông.....	121
Bảng 3. 38. Tác hại của tiếng ồn có mức ồn cao đối với sức khỏe con người.....	122
Bảng 3. 39. Tác động của các chất gây ô nhiễm không khí.....	123
Bảng 3. 40. Tác động của các chất ô nhiễm trong nước thải.....	123
Bảng 3. 41. Tóm tắt mức độ tác động đến môi trường khi dự án đi vào hoạt động.....	124 124
Bảng 3. 42. Số lượng và các thông số kỹ thuật của bể tự hoại.....	133
Bảng 3. 43. Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của..... cửa hàng	135 135
Bảng 3. 44. Dự trù danh mục kinh phí công trình xử lý môi trường..... đầu tư khi dự án đi vào hoạt động.....	139 139
Bảng 3. 45. Tổ chức nhân sự cho công tác quản lý môi trường tại cửa hàng	141
Bảng 5. 1. Bảng chương trình quản lý môi trường của dự án	146

DANH MỤC HÌNH

Hình 0. 1. Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn	23
Hình 1. 1. Vị trí thực hiện dự án cửa hàng xảng dầu Vĩnh Lại	29
Hình 1. 2. Vị trí tiếp giáp giáp khu vực dự án với các đối tượng.....	30
tự nhiên xung quanh.....	30
Hình 1. 3. Khoảng cách từ khu vực thực hiện dự án đến khu dân cư gần nhất.....	32
Hình 1. 4. Quy trình hoạt động kinh doanh của dự án.....	45
Hình 2. 1. Biểu đồ biểu thị tần suất gió	59
Hình 3. 1. Hình ảnh minh họa nhà vệ sinh di động tại công trường thi công	102
Hình 3. 3. Thành phần nước thải sinh hoạt	115
Hình 3. 4. Tác hại của tiếng ồn đối với sức khỏe con người.....	122
Hình 3. 5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc.....	132
Hình 3. 6. Sơ đồ cấu tạo bể lắng gạn dầu.....	134
Hình 3. 7. Quy trình ứng phó sự cố PCCC	137

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

A	
ATLĐ	An toàn lao động
B	
BOD	Nhu cầu ôxy sinh học
BVMT	Bảo vệ môi trường
BTNMT	Bộ tài nguyên môi trường
C	
COD	Nhu cầu ôxy hóa học
CTRXD	Chất thải rắn xây dựng
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
D	
dBA	Decibel A
Đ	
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
G	
GTVT	Giao thông vận tải
H	
HST	Hệ sinh thái
K	
KT-XH	Kinh tế xã hội
N	
NĐ	Nghị định
NVL	Nguyên vật liệu
U	
UBND	Ủy ban nhân dân
UBMTTQ	Ủy ban mặt trận tổ quốc
P	
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
Q	
QCCP	Quy chuẩn cho phép
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
T	
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
TN&MT	Tài nguyên và môi trường
W	
WB	Ngân hàng thế giới

MỞ ĐẦU

1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN

1.1. Thông tin chung về dự án

Xăng dầu là mặt hàng thiết yếu đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống và an ninh quốc phòng. Mạng lưới dự trữ, cung cấp xăng dầu là cơ sở hạ tầng quan trọng không thể thiếu của mọi địa phương nhằm đảm bảo cung ứng đầy đủ nhiên liệu chất lượng cho các thiết bị vận tải, sản xuất và cho nhu cầu phát triển của xã hội. Thực tế trong những năm qua, tình hình kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Thọ nói chung cũng như huyện Lâm Thao nói riêng phát triển khá nhanh hình thành các tuyến đường giao thông mới hoặc được mở rộng, nâng cấp để thông thương giữa các vùng miền (xây dựng hoàn chỉnh tuyến QL32C đoạn qua thành phố Việt Trì; tuyến đường nối đường tỉnh 325B kết nối đường Hồ Chí Minh đi cầu Ngọc Tháp và tuyến cứu hộ, cứu nạn; cải tạo nâng cấp đường nội thị đoạn từ QL32C đi QL32D thuộc địa bàn thị trấn Lâm Thao; sửa chữa, cải tạo tuyến đường nối từ quốc lộ 32C với quốc lộ 2D, xã Thạch Sơn; nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn...), có nhiều khu dân cư và cụm công nghiệp được hình thành (CCN Hợp Hải - Kinh Kệ, CCN Bắc Lâm Thao...) thu hút nhiều doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đòi hỏi mạng lưới cửa hàng xăng dầu trên địa bàn huyện được tiếp tục mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu nhiên liệu cho các phương tiện giao thông, sản xuất công nghiệp và hoạt động dân sinh của nhân dân trên địa bàn.

Khu vực dự án là vị trí nằm tiếp giáp với tuyến đường QL.2D đi qua xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ nên mật độ các phương tiện giao thông cao, do đó nhu cầu về xăng dầu cho các phương tiện giao thông qua lại trên địa bàn là rất lớn. Vì vậy công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ đã tìm hiểu vị trí địa lý, nhu cầu của thị trường tiêu thụ và lập Dự án “Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại” tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 và điều chỉnh lần thứ nhất tại Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 10/4/2024; được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 6330751534 chứng nhận lần đầu ngày 23/9/2021 và chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 10/4/2024. Đây là loại hình dự án đầu tư mới do công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ làm chủ đầu tư với mục tiêu chính của dự án là xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên diện tích khoảng 2.368,7 m² nhằm cung ứng xăng dầu cho các phương tiện giao thông lưu thông trên địa bàn, phát huy tối đa được hiệu quả sử dụng đất, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần phát triển kinh tế xã hội huyện Lâm

Thao nói riêng và của tỉnh Phú Thọ nói chung.

Dự án có tổng mức đầu tư là 7,7 tỷ đồng, vì vậy theo Khoản 4, Điều 10 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 và Mục IV, phần C, Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, dự án thuộc nhóm C. Ngoài ra, căn cứ tiêu chí phân loại dự án theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường, Dự án không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, tuy nhiên, do dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nên dự án thuộc mục số 6, Mục I, Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, thuộc danh mục dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nộp Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt theo quy định tại Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường.

Vì vậy, tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn Luật có liên quan, công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ đã ký hợp đồng với đơn vị tư vấn tiến hành lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án “Cửa hàng xảng dầu Vĩnh Lại” tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ để nộp Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt theo quy định. Cấu trúc và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được lập theo hướng dẫn tại mẫu số 4, Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trên cơ sở đó lựa chọn giải pháp tối ưu cho hoạt động bền vững của dự án, bảo vệ sức khỏe của người lao động và bảo vệ môi trường. Nội dung báo cáo ĐTM của dự án như sau:

- Mô tả cụ thể các thông tin chung về dự án; hiện trạng khu vực thực hiện dự án; nêu rõ các hạng mục công trình đầu tư xây dựng của dự án, nguồn cung cấp, nhu cầu sử dụng nguyên nhiên, vật liệu, hóa chất; công nghệ sản xuất vận hành của dự án.

- Mô tả vị trí dự án và mối tương quan với các đối tượng tự nhiên trong khu vực; xác định tổng thể các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hiện trạng môi trường tự nhiên tại khu vực thực hiện dự án.

- Đánh giá, dự báo các tác động tích cực và tiêu cực đến môi trường tự nhiên - xã hội trong khu vực khi dự án đi vào hoạt động;

- Mô tả các nguồn chất thải, các vấn đề môi trường không liên quan đến chất thải khi thực hiện dự án để đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

trong hoạt động của dự án.

- Cam kết thực hiện các biện pháp, công trình BVMT trong hoạt động của dự án.

- Xây dựng chương trình quản lý và giám sát môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường này còn là tài liệu cung cấp cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý cho các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm quản lý tốt các vấn đề môi trường trong quá trình hoạt động của dự án, đồng thời cũng giúp cho chủ đầu tư có những thông tin cần thiết để lựa chọn các giải pháp tối ưu nhằm khống chế, kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ sức khỏe công nhân khi thi công, vận hành công trình và môi trường khu vực.

*** Loại hình dự án:** Đầu tư xây dựng mới.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án: UBND tỉnh Phú Thọ.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án: UBND tỉnh Phú Thọ là cơ quan phê duyệt quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án “Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại”.

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan

Dự án “Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại” tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ Dự án phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2030; phù hợp với thực tế nhu cầu nhiên liệu không ngừng tăng lên “*Tức là để tăng GRDP lên 1,0% thì mức tiêu thụ xăng dầu của tỉnh phải tăng tương ứng là 0,7%*” nhằm đáp ứng các hoạt động vận tải đang ngày càng phát triển của địa phương và khu vực được nêu trong phần Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.3.3. Mối quan hệ của dự án với các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan

- Khu vực thực hiện Dự án “Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại” được xây dựng trên thửa đất thuộc tờ bản đồ số 03/2023/TĐĐC-TC của xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ với tổng diện tích là 2.368,7 m² (trong đó hành lang

giao thông là 984,2 m²; đất thực hiện dự án là 1.384,5 m²) là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt tại Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã Vĩnh Lại giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020.

- Trong nội dung Quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao giai đoạn 2021-2030, khu đất được xác định là đất thương mại dịch vụ, đồng thời dự án đã được UBND tỉnh Phú Thọ đồng ý cho công ty lập hồ sơ dự án cửa hàng xăng dầu tại vị trí trên tại Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 19/10/2023; chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại tại Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 và điều chỉnh lần thứ nhất tại Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 10/4/2024.

2. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM

2.1.1. Các văn bản pháp luật:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020;
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/6/2014; Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 27/11/2023;
- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 3, thông qua ngày 19/6/2017;
- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 25/6/2015;
- Luật phòng cháy chữa cháy của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 27/2001/QH10 có hiệu lực từ ngày 4/10/ 2001; Luật phòng cháy chữa cháy sửa đổi số 40/2013/QH13 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2014;

- Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 20/11/2019;
- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 11/11/2011;
- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 19/11/2018;
- Văn bản hợp nhất Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 30/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc hội.

2.1.2. Các văn bản dưới luật:

**** Về môi trường:***

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 5/5/2020 của Chính phủ và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 7/7/2022 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;
- Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT, ngày 13/03/2023; Thông tư số 39/2010/TT - BTNMT, ngày 16/12/2010; Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT, ngày 28/12/2011;
- Thông tư số 22/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng, mức cho phép chiếu sáng tại nơi làm việc; Thông tư số 24/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- Quyết định số 09/2020/QĐ-TTg ngày 18/03/2020 của Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải, về quy chế ứng phó chất thải.

**** Về lĩnh vực tài nguyên nước:***

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước
- Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ.

*** Về xây dựng:**

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 26/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Thông tư số 08/2017/TT-BXD, ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng về quản lý chất thải rắn xây dựng;
- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;
- Quyết định số 1329/QĐ-BXD, ngày 19/12/2016 của Bộ Xây dựng công bố định mức sử dụng vật liệu trong xây dựng;
- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD ngày 27/4/2020 của Bộ Xây dựng: Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải.

*** Về Đất đai:**

- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

*** Về kinh doanh xăng dầu:**

- Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;
- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
- Nghị định số 99/2020/NĐ-CP ngày 26/08/2020 của Chính phủ về Quy

định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30/6/2020 của Bộ Công Thương ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu;

- Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-BCT ngày 13/02/2018 về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 3/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 04/2011/BCT ngày 16/02/2011 của Bộ Công Thương quy định về an toàn lưới điện đối với công trình xăng dầu;

- Thông tư số 41/2011/TT-BCT ngày 16/12/2011 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng;

- Thông tư liên tịch số 15/2001/TTLT-BTM-BCA ngày 10/5/2001 của Bộ Thương mại và Bộ Công an; văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BCT ngày 9/5/2014 của Bộ Công thương quy định việc trang bị và quản lý các phương tiện chữa cháy để áp dụng cho các kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ.

** Về Phòng cháy chữa cháy và An toàn vệ sinh lao động:*

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định cho tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy chữa cháy cơ sở, lực lượng PCCC chuyên ngành;

- Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/2/2021 của Bộ Công an quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;

- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC;

- Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn vệ sinh, lao động;

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định

kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

- Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế về hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động.

* Về Đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hóa:

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

- Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;

- Thông tư số 08/2018/TT-BKHCN ngày 16/8/2018 sửa đổi khoản 7, điều 6 Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015 của Bộ khoa học và Công nghệ quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu.

* Một số văn bản pháp lý khác:

- Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ;

- Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ;

- Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

2.1.3. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng trong báo cáo ĐTM:

a. Các QCVN, TCVN về môi trường:

Bảng 0. 1. Danh mục các QCVN, TCVN sử dụng trong báo cáo ĐTM

TT	Tên QCVN/TCVN áp dụng	Nội dung quy chuẩn/tiêu chuẩn
CÁC QCVN TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG		
I	<i>QCVN trong lĩnh vực môi trường không khí, khí thải</i>	
1	QCVN 05:2023/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
2	QCVN 19:2009/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công

		nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
3	QCVN 20:2009/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
II QCVN trong lĩnh vực môi trường nước		
1	QCVN 08:2023/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
2	QCVN 09:2023/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
3	QCVN 14:2008/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
4	QCVN 29:2010/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu
5	QCVN 01-1:2018/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
III QCVN trong lĩnh vực tiếng ồn, độ rung		
1	QCVN 26:2010/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
2	QCVN 27:2010/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung
IV QCVN trong lĩnh vực chất thải và bùn thải		
1	TCVN 6705:2009/BTNMT	Chất thải rắn thông thường – Phân loại
2	TCVN 6706:2009	Phân loại chất thải nguy hại
3	TCVN 6707:2009	Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa
4	QCVN 07:2009/BTNMT	Quy định về ngưỡng chất thải nguy hại
5	QCVN 50:2013/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước
V QCVN trong lĩnh vực đất		
1	QCVN 15:2008/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy định giới hạn tối đa cho phép của dư lượng một số hoá chất bảo vệ thực vật trong tầng đất mặt
2	QCVN 03:2023/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất
CÁC QCVN TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG		
1	Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế	Ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động
2	QCVN 22:2016/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng tại nơi làm việc
3	QCVN 24:2016/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
4	QCVN 26:2016/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
5	QCVN 27:2016/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị cho phép tại môi trường làm việc
6	QCVN 02:2019/BYT	Quy chuẩn: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 5 yếu tố về bụi nơi làm việc
7	QCVN 03:2019/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học nơi làm việc

b. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan khác:

Các QCVN, TCVN khác về lĩnh vực hạ tầng, phòng cháy chữa cháy và cấp thoát nước được sử dụng để thực hiện đánh giá tác động môi trường trong quá trình lập GPMT của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 0. 2. Danh mục các QCVN, TCVN sử dụng trong quá trình lập báo cáo ĐTM dự án

TT	Tên QCVN/TCVN áp dụng	Nội dung quy chuẩn/tiêu chuẩn
I	<i>QCVN trong lĩnh vực cấp thoát nước</i>	
1	TCVN 13606:2023	Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế
2	TCVN 5673:2012	Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - cấp thoát nước bên trong - Bản vẽ thi công
3	TCVN 3989:2012	Hệ thống tài liệu thiết kế cấp nước và thoát nước - Mạng lưới bên ngoài - Bản vẽ thi công
4	20TCN-51-84	Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước mạng lưới bên ngoài và công trình
5	TCXDVN 372: 2006	Tiêu chuẩn ống bê tông cốt thép thoát nước
6	QCVN 08:2010/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình ngầm đô thị
7	TCXDVN 362:2005	Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế
8	TCXDVN 104-2007	Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị
9	TCN 4054-2005	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô
10	TCVN 9436:2012	Tiêu chuẩn Việt Nam về nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu
11	22TCN211-2006	Quy trình thiết kế áo đường mềm
12	TCVN 8859:2011	Tiêu chuẩn thi công, nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô
13	TCVN8819:2011	Tiêu chuẩn Việt Nam về Mặt đường bê tông nhựa, yêu cầu thi công và nghiệm thu
14	QCVN 41: 2016/BGTVT	Tiêu chuẩn báo hiệu đường bộ
15	TCVN 9844:2013	Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu
16	TCVN 2737-1995	Tiêu chuẩn tải trọng và tác động
17	TCVN 4756:1989	Quy phạm nối đất và nối không các thiết bị điện
II	<i>QCVN trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</i>	
1	QCVN 07:2016/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật
2	QCVN 01:2021/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch Xây dựng
III	<i>QCVN, TCVN trong lĩnh vực phòng cháy chữa cháy</i>	
1	TCVN 2622-1995	Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình. Yêu cầu thiết kế
2	TCVN 5738:2001	Hệ thống báo cháy tự động
3	QCVN 06:2010/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình
IV	<i>QCVN, TCVN trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu</i>	
1	QCVN 01:2020/BCT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa

		hàng xăng dầu
2	TCVN 4530:2011	Cửa hàng xăng dầu - Yêu cầu thiết kế
3	QCVN 01:2022/BKHCN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu Diesel và nhiên liệu sinh học
4	TCVN 4090-1985	Đường ống chính dẫn xăng dầu và sản phẩm dầu - Tiêu chuẩn thiết kế
5	ĐLVN 05:2017	Xi téc ô tô - Quy trình thẩm định
6	TCVN 5684-2003	An toàn chữa cháy các công trình dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Yêu cầu chung
8	TCVN 3255-1986	Tiêu chuẩn về an toàn nổ
9	TCVN 42-01-1990	Thiết kế chống ăn mòn cho đường ống
10	TCVN ISO 9001:2015	Hệ thống quản lý chất lượng
11	QCVN 07-6:2016/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình xăng dầu, khí đốt

2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn mã số doanh nghiệp 2600887919 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ - Phòng đăng ký kinh doanh cấp đăng ký lần đầu ngày 20/06/2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 15/01/2024;

- Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và điều chỉnh lần thứ nhất tại Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 10/4/2024;

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 6330751534 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp chứng nhận lần đầu ngày 23/9/2021 và chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02 ngày 10/4/2024;

- Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ thuê để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 658809 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ ngày 19/01/2024;

- Hợp đồng thuê đất số 111/2023/HĐTD ngày 28/11/2023 giữa UBND tỉnh Phú Thọ và công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ ;

- Tờ bản đồ số 03/2023/TĐĐC-TC bản đồ trích đo địa chính (tỷ lệ 1/500) về việc thu hồi, chuyển mục đích và giao đất cho công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ.

2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.

- Thuyết minh Dự án “Đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại” tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ và các thiết kế kỹ thuật có

liên quan của công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ;

- Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và bản vẽ thiết kế thi công các hạng mục công trình của dự án;
- Báo cáo Khảo sát địa chất công trình của Dự án;
- Thuyết minh trình duyệt an toàn phòng cháy - chữa cháy của Dự án;
- Số liệu thu thập về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại khu vực dự án;
- Kết quả khảo sát, phân tích và đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí tại khu vực dự án;
- Các tài liệu điều tra, đo đạc thực tế tại hiện trường khu vực dự án;
- Các tài liệu kỹ thuật của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và Ngân hàng Thế giới (WB) về xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia, Cục Môi trường (Bộ khoa học, Công nghệ và Môi trường): Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động môi trường chung các Dự án phát triển, Hà Nội, 2000);
- Cơ sở đánh giá tác động môi trường, Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam 2006;
- Niên giám thống kê tỉnh Phú Thọ năm 2022;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành.

3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐTM

3.1. Tóm tắt việc tổ chức thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án, đơn vị tư vấn

Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án “Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại” do chủ đầu tư là Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ phối hợp với đơn vị tư vấn là Công ty TNHH công nghệ môi trường Mạnh Quang thực hiện theo đúng cấu trúc hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- * Chủ dự án: Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 543, đường Trần Phú, phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
 - Điện thoại: 0913282017
 - Người chịu trách nhiệm trước pháp luật của cơ quan chủ dự án:
Ông: Nguyễn Khắc Hoạt Chức vụ: Giám đốc công ty.
- * Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH công nghệ môi trường Mạnh Quang
 - Địa chỉ: Tổ 37A, khu Lãng Cẩm, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
 - Điện thoại: 0914472688 Email: manhquangcnmt@gmail.com

- Đại diện người đứng đầu cơ quan tư vấn:

- Bà: **Dương Thùy Linh** Chức vụ: Giám đốc công ty.

* Quá trình thực hiện ĐTM của dự án được tiến hành theo các bước:

+ **Bước 1:** Thu thập các số liệu, tư liệu liên quan đến hiện trạng khu vực thực hiện dự án;

+ **Bước 2:** Lập kế hoạch và tiến hành khảo sát điều kiện tự nhiên, địa lý - địa chất - vi khí hậu - thủy văn khu vực dự án và chụp ảnh thị sát; tiến hành phân tích các mẫu không khí - đất - nước khu vực dự án để có cơ sở đánh giá chất lượng môi trường nền khu vực dự án;

+ **Bước 3:** Làm việc nội nghiệp để viết dự thảo báo cáo ĐTM cho Dự án (bao gồm các nội dung chính của Dự án, các đánh giá về các tác động tiềm tàng và các giải pháp giảm thiểu cũng như chương trình quản lý, giám sát môi trường dự kiến cho Dự án);

+ **Bước 4:** Tiến hành khảo sát chi tiết (về chất lượng môi trường, hệ sinh thái...), điều tra kinh tế - xã hội và phối hợp cùng Chủ Dự án tham vấn chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội tại xã Vĩnh Lại và cộng đồng dân cư chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi Dự án. Trong quá trình khảo sát chi tiết và tham vấn cộng đồng, tư vấn môi trường đã tiếp thu các ý kiến đóng góp của cộng đồng để nghiên cứu, điều chỉnh các đánh giá tác động môi trường, đề xuất biện pháp giảm thiểu cho phù hợp với tình hình thực tế tại hiện trường;

+ **Bước 5:** Sau khi có các kết quả khảo sát môi trường chi tiết và kết quả tham vấn cộng đồng tại địa phương, trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, tư vấn môi trường về sàng lọc các kết quả khảo sát, tổng hợp các ý kiến tham vấn cộng đồng để hoàn thiện báo cáo ĐTM. Các ý kiến tham vấn và trả lời tham vấn đã được cập nhật vào chương 6 báo cáo ĐTM, các tác động môi trường và biện pháp giảm thiểu được đưa vào lồng ghép trong chương 3 của báo cáo ĐTM trước khi nộp thẩm định tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ **Bước 6:** Tư vấn Môi trường nộp báo cáo ĐTM tới đại diện chủ Dự án để chủ dự án xem xét báo cáo và ký hồ sơ trình nộp báo cáo ĐTM tới Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trong quá trình thực hiện lập báo cáo ĐTM dự án, chúng tôi còn nhận được sự quan tâm giúp đỡ của các cơ quan sau:

1. UBND tỉnh Phú Thọ;
2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ;
3. Sở Xây dựng; Sở Công thương tỉnh Phú Thọ;
4. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lâm Thao;
5. UBND và UBMTTQ xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

3.2. Danh sách cán bộ trực tiếp tham gia lập báo cáo ĐTM của dự án

Bảng 0. 3. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập báo cáo ĐTM dự án

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chức danh	Nội dung phụ trách trong ĐTM
I. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ				
1	Nguyễn Khắc Hoạt	-	Giám đốc công ty	Ký và duyệt hồ sơ trình thẩm định
2	Nguyễn Bá Khiêm	-	Cán bộ	Cung cấp thông tin hồ sơ pháp lý
II. Cơ quan tư vấn: Công ty TNHH công nghệ môi trường Mạnh Quang				
1	Dương Thùy Linh	Cử nhân Môi trường	Giám đốc	Đại diện đơn vị tư vấn và Quản lý chung
2	Quách Minh Công	Thạc sỹ khoa học môi trường	Cán bộ	Chủ biên - Tổng hợp các chuyên đề, hoàn thiện báo cáo ĐTM
3	Hoàng Phương Thảo	Cử nhân ngành Quản lý tài nguyên môi trường	Cán bộ	Thu thập số liệu viết báo cáo chương I, III biên tập sơ đồ, bản vẽ
4	Bùi Thị Hoàn		Cán bộ	Viết báo cáo chương II, V, VI và giám sát chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo
5	Nguyễn Thị Kim Thúy	Cử nhân Môi trường	Chuyên gia	Tham gia ý kiến nội dung báo cáo ĐTM
6	Trịnh Lê Huy	Kỹ sư Hóa	Chuyên gia	Tham gia ý kiến nội dung báo cáo ĐTM
7	Ngô Cẩm Tú	Cử nhân Môi trường	Chuyên gia	Tham gia ý kiến nội dung báo cáo ĐTM
II. Các đơn vị, cá nhân cộng tác lập báo cáo: Công ty cổ phần môi trường Đại Nam				

Bảng 0. 4. Danh sách chữ ký các thành viên lập báo cáo ĐTM

STT	Họ và tên	Chữ ký
I. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ		
1	Nguyễn Khắc Hoạt	
2	Nguyễn Bá Khiêm	
II. Cơ quan tư vấn: Công ty TNHH công nghệ môi trường Mạnh Quang		
1	Dương Thùy Linh	
2	Quách Minh Công	
3	Hoàng Phương Thảo	
4	Bùi Thị Hoàn	

4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

4.1. Phương pháp lập ĐTM

1. Phương pháp thống kê:

Phương pháp này được sử dụng trong nội dung Chương II của báo cáo

ĐTM để thu thập và xử lý các số liệu về: Khí tượng thủy văn, địa hình, địa chất, điều kiện KT-XH tại khu vực thực hiện Dự án. Các số liệu về khí tượng thủy văn (*nhệt độ, độ ẩm, nắng, gió, bão, động đất,...*) được sử dụng chung của tỉnh Phú Thọ. Các yếu tố địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn được sử dụng số liệu chung của huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội được sử dụng số liệu chung của xã Vĩnh Lại năm 2022.

2. Phương pháp lập bảng liệt kê và ma trận:

Phương pháp này áp dụng tại Chương III của báo cáo ĐTM nhằm chỉ ra các tác động và thống kê đầy đủ các tác động đến môi trường cũng như các yếu tố kinh tế, phường hội cần chú ý, quan tâm giảm thiểu trong quá trình hoạt động của Dự án; lập mối quan hệ giữa các hoạt động của dự án và các tác động đến các thành phần môi trường để đánh giá tổng hợp ảnh hưởng của các tác động do các hoạt động của dự án đến môi trường.

3. Phương pháp mạng lưới:

Phương pháp này áp dụng tại Chương III của báo cáo ĐTM nhằm chỉ rõ các tác động trực tiếp và các tác động gián tiếp, các tác động thứ cấp và các tác động qua lại lẫn nhau giữa các tác động đến môi trường tự nhiên và các yếu tố kinh tế, phường hội trong quá trình thực hiện dự án.

4. Phương pháp chỉ số môi trường:

Phân tích các chỉ thị môi trường nền tại Chương II của báo cáo (*điều kiện vi khí hậu, chất lượng không khí, đất, nước...*) trước khi thực hiện dự án. Trên cơ sở các số liệu môi trường nền này, có thể đánh giá chất lượng môi trường hiện trạng tại khu vực thực hiện dự án làm cơ sở để so sánh với chất lượng môi trường sau này khi dự án triển khai thi công xây dựng và vận hành.

5. Phương pháp so sánh:

Các số liệu, kết quả đo đạc, quan trắc và phân tích chất lượng môi trường nền, đã được so sánh với các TCVN, QCVN hiện hành để rút ra các nhận xét về hiện trạng chất lượng môi trường tại khu vực thực hiện dự án được sử dụng tại phần mô tả hiện trạng chất lượng môi trường của khu vực dự án tại Chương II báo cáo.

6. Phương pháp đánh giá nhanh trên cơ sở hệ số ô nhiễm:

Phương pháp này do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thiết lập và được Ngân hàng Thế giới (WB) phát triển thành phần mềm IPC được sử dụng tại Chương III của báo cáo nhằm dự báo tải lượng các chất ô nhiễm (*khí thải, nước thải, CTR*). Trên cơ sở các hệ số ô nhiễm tùy theo từng ngành nghề sản xuất và các biện pháp BVMT kèm theo, phương pháp cho phép dự báo các tải lượng ô nhiễm về không khí, nước, CTR khi dự án triển khai.

7. Phương pháp phân tích tổng hợp: Từ các kết quả của xây dựng ĐTM, lập báo cáo ĐTM với bố cục và nội dung theo quy định;

4.2. Phương pháp khác

1. Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong PTN:

Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm nhằm xác định các thông số về hiện trạng chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn, đất tại khu vực dự án phục vụ cho việc đánh giá trạng môi trường được trình bày tại Chương II của báo cáo, nhóm khảo sát đã tiến hành đo đạc, quan trắc và lấy mẫu các thành phần môi trường nền. Các phương pháp lấy mẫu và phân tích chất lượng môi trường tuân thủ các TCVN, QCVN hiện hành có liên quan.

2. Phương pháp điều tra xã hội học:

- Tham vấn ý kiến cộng đồng là phương pháp khoa học cần thiết trong quá trình lập báo cáo ĐTM, Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ đã gửi công văn xin ý kiến tham vấn cho UBND, UBMTTQ xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ để tổ chức họp Hội nghị tham vấn cộng đồng và văn bản trả lời của chính quyền địa phương.

- Điều tra, phỏng vấn trực tiếp cán bộ của xã Vĩnh Lại về tình hình kinh tế xã hội, vấn đề môi trường ở địa phương cũng như nguyện vọng của nhân dân liên quan đến Dự án. Chi tiết được trình bày tại Chương VI của báo cáo.

- Điều tra, phỏng vấn trực tiếp các hộ dân trong khu vực Dự án về các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường của Dự án. Các ý kiến của các hộ dân về bảo vệ môi trường được ghi nhận và lồng ghép trong các biện pháp giảm thiểu trình bày chi tiết tại Chương VI của báo cáo.

3. Phương pháp kế thừa:

Kế thừa các kết quả thực hiện ĐTM của các dự án đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu hoặc kho chứa xăng dầu đã được phê duyệt do Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Mạnh Quang làm đơn vị tư vấn.

5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM

5.1. Thông tin về dự án

5.1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại.
- Địa điểm thực hiện: Khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.
- Tên chủ dự án: Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ
- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 543, đường Trần Phú, phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
- Điện thoại số: 0913282017
- Người chịu trách nhiệm trước pháp luật của cơ quan đại diện chủ dự án:

Ông: **Nguyễn Khắc Hoạt**

Chức vụ: Giám đốc Công ty

5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

a. Phạm vi:

Khu vực thực hiện Dự án “Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại” của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ có tổng diện tích khoảng 2.368,7 m² thuộc khu đất tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

b. Quy mô dự án:

- Quy mô diện tích: 2.368,7 m².

- Quy mô lao động: 05 người.

c. Công suất dự án:

Dự án hoạt động kinh doanh, buôn bán xăng dầu với quy mô tổng sức chứa là 75.000 lít xăng, dầu các loại bao gồm:

- 01 bể chứa 25 m³ ngăn làm đôi: 01 nửa chứa 12,5 m³ xăng (E5) và 01 nửa chứa 12,5 m³ xăng (E5)

- 01 bể chứa 25 m³ ngăn làm đôi: 01 nửa chứa 12,5 m³ dầu (DO) và 01 nửa chứa 12,5 m³ xăng (A95)

- 01 bể chứa 25 m³ ngăn làm đôi: 01 nửa chứa 12,5 m³ dầu (DO) và 01 nửa chứa 12,5 m³ dầu (DO).

5.1.3. Công nghệ sản xuất:

Do loại hình hoạt động của dự án là kho chứa xăng dầu nên không diễn ra hoạt động sản xuất, vì thế không có quy trình, công nghệ sản xuất mà chỉ có quy trình hoạt động kinh doanh của dự án như sau:

Nhiên liệu Xăng dầu → Vận chuyển xăng bằng xe bồn → Kiểm tra tính nguyên vẹn của niêm phong kẹp chì xi téc chở xăng, dầu → Kiểm tra vị trí bề mặt xăng dầu tại cổ bể nhập so với vị trí tấm giới hạn dung tích của bồn (lưỡi gà) ghi trên phiếu/hóa đơn giao hàng hoặc kiểm tra dung tích từng ngăn hoặc khối lượng qua cân → Nhận và lưu mẫu hoặc thống nhất việc lưu mẫu xăng, dầu → Không có dấu hiệu bất thường → Tiến hành nhập xăng dầu vào bồn chứa xăng tại cửa hàng → Bơm xăng lên các trụ bơm → Bán cho người tiêu dùng có nhu cầu mua.

5.1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

Bảng 0. 5. Các hạng mục công trình của dự án

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Ghi chú
I. Diện tích đất thực hiện dự án (Chủ dự án quản lý)			1.384,5 m²	Xây mới
1	Mái che cột bơm	m ²	187	
2	Nhà bán hàng	m ²	94,3	
3	Nhà kho + Nhà vệ sinh chung của khách	m ²	41	

	Bể tự hoại			
	Hố ga			
4	Kho chất thải nguy hại	m ²	16	
5	Cụm bể chứa xảng dầu ngầm (25 m ³ /bể)	bể	03	
6	Bể cát PCCC	bể	01	
	Bể nước PCCC			
7	Bể lắng, gạn dầu	HT	01	
	Rãnh thu nước mặt, dầu			
8	Sân đường đổ bê tông	m ²	795,0	
9	Diện tích cây xanh thâm cỏ	m ²	1.047,2	
II. Diện tích đất hành lang giao thông (UBND xã Vĩnh Lại)			984,2	
Tổng cộng (Mục I + II)			2.368,7	

[Nguồn: Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ]

5.1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có sử dụng 2.368,7 m² trong đó có đất chuyên trồng lúa nước thuộc yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường

Các tác động môi trường chính của dự án được tóm tắt qua bảng sau:

Giai đoạn dự án	Các hoạt động	Tiến độ thực hiện	Công nghệ/cách thức thực hiện	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
Chuẩn bị	Lập dự án đầu tư xin cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư, chuẩn bị hồ sơ pháp lý của dự án	Quý IV năm 2021 đến Quý III năm 2024	- Làm việc với các Sở ban ngành hữu quan; - Thủ tục cấp phép xây dựng, PCCC; - Hợp đồng thuê tư vấn lập báo cáo ĐTM.	Không
Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	- Nạo vét, san gạt mặt bằng. - Xây dựng các hạng mục công trình phục vụ kinh doanh của dự án	Quý IV năm 2024 đến Quý I năm 2025	- Sử dụng các phương tiện máy móc, cơ giới hiện đại (máy lu, máy ủi, máy xúc); - Xây dựng các hạng mục công trình thủ	- Môi trường không khí: bụi, khí thải, tiếng ồn; - Môi trường nước: tăng độ đục, có khả năng lẫn dầu mỡ; - Chất thải rắn sinh hoạt và xây dựng (vỏ bao nilon, gạch vỡ, xi măng)

			công kết hợp cơ giới	thừa, mẫu sắt thép,...); - Nước thải sinh hoạt
Dự án đi vào hoạt động thương mại	- Sinh hoạt hàng ngày cán bộ công nhân cửa hàng - Hoạt động kinh doanh của cửa hàng - Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào nhập hàng, mua hàng. - Hoạt động của máy phát điện dự phòng - Sự cố môi trường	Tháng 3 năm 2025	Công nhân viên có trách nhiệm vận hành hoạt động của cửa hàng	- Môi trường không khí: + Tiếng ồn, bụi và khí thải của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và thành phẩm có chứa thành phần ô nhiễm như CO, SO₂, NO_x, CO₂, THC, bụi,... + Hơi xăng dầu từ hoạt động kinh doanh của cửa hàng xăng dầu. + Khí thải từ máy phát điện dự phòng - Chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động - Nước thải: + Nước thải sinh hoạt. + Nước mưa chảy tràn chứa cặn lơ lửng, dầu mỡ cuốn theo. - Tiếng ồn.

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

5.3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải, khí thải, chất thải rắn:

Giai đoạn phát sinh	Nguồn phát sinh	Quy mô	Tính chất
I. Về nước thải			
Giai đoạn chuẩn bị	- Nước thải phát sinh của 5 công nhân dọn dẹp, san lấp mặt bằng. - Nước mưa chảy tràn	Lượng nước thải: 0,225 m ³ /ngày	- Trong nước thải sinh hoạt chứa hàm lượng các chất hữu cơ và các vi khuẩn gây bệnh nếu không được thu gom xử lý sẽ gây ô nhiễm môi trường nước và phát tán các vi khuẩn gây bệnh đường ruột.
Giai đoạn thi công xây dựng	- Nước thải sinh hoạt phát sinh của 5 công nhân tham gia quá	- Lượng nước thải sinh hoạt: 0,225 m ³ /ngày	

	trình thi công dự án. - Nước mưa chảy tràn - Nước thải thi công xây dựng	- Lưu lượng nước mưa chảy tràn: 0,039 m ³ /s. - Lưu lượng nước thải thi công: 0,112 m ³ /ngày.	- Nước thải thi công xây dựng chứa bùn, đất, cặn lơ lửng, dầu mỡ gây ô nhiễm nguồn nước mặt.
Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị	- Nước thải sinh hoạt của 05 cán bộ kỹ thuật trong 5 ngày	Lượng nước thải: 0,225 m ³ /ngày	
Giai đoạn vận hành dự án	- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh cho nhân viên và khách hàng (khoảng 20người/ngày) - Nước súc rửa bồn xăng định kỳ - Nước mưa chảy tràn	- Lượng nước thải sinh hoạt: 0,9 m ³ /ngày - Nước súc rửa bồn xăng: 0,375 m ³ /năm - Lưu lượng nước mưa chảy tràn: 0,039 m ³ /s.	
II. Về bụi, khí thải			
Giai đoạn chuẩn bị và Giai đoạn thi công xây dựng	Quá trình đào đất, san gạt mặt bằng, thi công xây dựng sẽ phát sinh bụi là chủ yếu. Ngoài ra, trong giai đoạn chuẩn bị xây dựng dự án, hoạt động đào đắp, san ủi mặt bằng sẽ phát sinh các loại khí thải như SO ₂ , NO ₂ , CO, THC, muối khói, bụi do hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công như máy xúc, máy san gạt, xe ô tô	- Nồng độ bụi phát sinh tại giai đoạn san lấp mặt bằng: 323,31 ÷ 32.331 g/ngày. - Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình đào móng: là 0,88 ÷ 8,8 mg/m ³ .	Gây tác động đến môi trường không khí khu vực dự án và khu vực xung quanh.
Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị (05 ngày)	Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển máy móc về công ty	Dân cư ven tuyến đường vận chuyển máy móc, thiết bị	
Giai đoạn vận hành dự án	- Khí thải từ quá trình hoạt động của các phương tiện giao	Với đặc trưng ngành nghề kinh doanh của dự án là	- Trong khói thải của các động cơ có chứa các chất gây ô nhiễm

	thông - Ô nhiễm hơi xăng dầu từ quá trình xuất nhập xăng dầu tại cửa hàng - Khí thải từ máy phát điện dự phòng.	kinh doanh, bán lẻ xăng dầu với quy mô nhỏ. Do vậy, lượng bụi và khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động là không lớn.	không khí như: CO, CO₂, NO₂, SO₂, NO_x, hơi xăng dầu rò rỉ v. - Hơi xăng dầu gồm các thành phần như S, C_nH_{2n+1}, N, dễ bay hơi và phát tán vào môi trường không khí. - Phát điện dự phòng sẽ phát sinh khí thải chứa các thành phần độc hại như: bụi, SO₂, CO, NO₂, VOC_s
II. Tiếng ồn, độ rung			
Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng	- Phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu của các phương tiện, quá trình thi công san gạt mặt bằng và xây dựng - Quá trình đào móng và vận chuyển đổ thải các nguyên vật liệu không đạt tiêu chuẩn.	- Ảnh hưởng trên dọc tuyến đường vận chuyển và dân cư xung quanh khu vực dự án. Tuy nhiên dự án có quy mô tương đối nhỏ nên giai đoạn này xảy ra trong thời gian ngắn và mức độ vừa phải.	
Giai đoạn lắp đặt máy móc	- Phát sinh chủ yếu trong quá trình tháo dỡ máy móc từ xe hàng và lắp đặt tại vị trí phù hợp.	- Ảnh hưởng đến các hộ dân xung quanh nhưng do quy mô dự án nhỏ nên thời gian lắp đặt máy móc tương đối ngắn.	
Giai đoạn đi vào vận hành	- Khi dự án đi vào vận hành, tiếng ồn và độ rung phát sinh từ các phương tiện ra vào khu vực dự án.	- Tiếng ồn phát sinh thường xuyên nhưng không lớn, chủ yếu trong khu vực dự án. Ngoài ra chủ dự án có các biện pháp trồng cây xanh để giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng tới khu vực người dân xung quanh	
III. Về chất thải rắn			
Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng	- Chất thải sinh hoạt: khoảng 1,5 kg/ngày - Chất thải rắn xây dựng: + Chất thải rắn là đất hữu cơ từ quá trình nạo vét khoảng 244,51 m³ ≈ 403,44 tấn.		Ô nhiễm môi trường nước, đất, ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, cảnh quan khu

	+ Khối lượng thực bì: 01 tấn + Cát, đất, gạch vỡ, vữa xi măng thừa 9,79 tấn + Bao bì xi măng, đầu thừa sắt, thép, mẫu que hàn, các thùng gỗ...: 1,9 tấn - Chất thải nguy hại phát sinh trong cả quá trình thi công xây dựng khoảng 10kg.	vực xung quanh dự án
Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị (05 ngày)	- Chất thải rắn từ quá trình lắp đặt các thiết bị máy móc: túi, hộp, vỏ bao, giẻ lau, các đầu mẫu dây điện, ống nước... - Chất thải nguy hại là giẻ lau dính dầu mỡ với khối lượng phát sinh khoảng 2kg.	
Giai đoạn vận hành dự án	- Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là rác thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại cửa hàng phát sinh khoảng 3,0 kg/ngày. - Chất thải rắn công nghiệp: Bùn phát sinh từ bể tự hoại: 0,8 m ³ /năm. - Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động khoảng 395,3 kg/tháng	

5.3.2. Các tác động môi trường khác:

Ngoài các loại chất thải phát sinh từ dự án, còn có các tác động môi trường không liên quan đến chất thải, cụ thể như sau:

Các giai đoạn của dự án	Các tác động không liên quan đến chất thải	Đối tượng chịu tác động
Giai đoạn san lấp xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị	Sự cố chập điện	Công nhân xây dựng, lắp đặt máy móc
	Sự cố cháy nổ	
	Sự cố tai nạn lao động	
	Sự cố ngộ độc thực phẩm	
Giai đoạn vận hành	Sự cố chập điện	CBCNV làm việc tại cửa hàng, tài sản công ty
	Sự cố cháy nổ	
	Sự cố tai nạn lao động	
	Sự cố rò rỉ, tràn xăng dầu	CBCNV làm việc tại cửa hàng và các đối tượng khác liên quan đến vụ việc
	Sự cố tai nạn giao thông	
	Sự cố ngộ độc thực phẩm	CBCNV làm việc tại cửa hàng
	Sự cố hệ thống bể tự hoại	Nguồn tiếp nhận nước thải

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

5.4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải:

a. Xử lý nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

* Đối với nước thải sinh hoạt:

Tại khu vực lán trại trên công trường sử dụng nhà vệ sinh lưu động đặt tại công trường, sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để tiến hành tháo dỡ và vận chuyển đi xử lý đúng theo quy định.

*** Đối với nước mưa chảy tràn**

- Nước mưa chảy tràn: Áp dụng phương thức thi công san nền, thi công các tuyến đường theo hình thức cuốn chiếu. Việc thi công theo phương thức như trên sẽ hạn chế khối lượng đất bờ rời do đào nền thi công móng công trình, đường giao thông nội bộ nên hạn chế đất, cát bị nước mưa chảy tràn cuốn trôi vào một thời điểm, tạo điều kiện cho nước mưa chảy tràn được thu gom, lắng cặn theo hệ thống thoát nước mưa của Dự án;

- Các điểm tập kết vật liệu như xi măng, sắt thép, nhà chứa máy móc, thiết bị thi công sẽ được che chắn cẩn thận để tránh nước mưa cuốn theo dầu mỡ, chất rắn lơ lửng;

- Thu gom dầu mỡ bôi trơn tại các bãi đỗ xe, các địa điểm đặt thiết bị thi công để tái sử dụng hoặc thu gom xử lý cùng chất thải nguy hại;

- Ưu tiên xây trước các mương rãnh như thiết kế thoát nước, không để vật liệu xây dựng, đất cát bồi lấp mương rãnh này;

- Quá trình san nền tạo độ dốc thấp dần về các tuyến đường để thu gom nước mưa và nước thải

- Tránh thi công vào những ngày có mưa lớn; thu dọn, nạo vét các mương thoát nước tạm trong quá trình thi công;

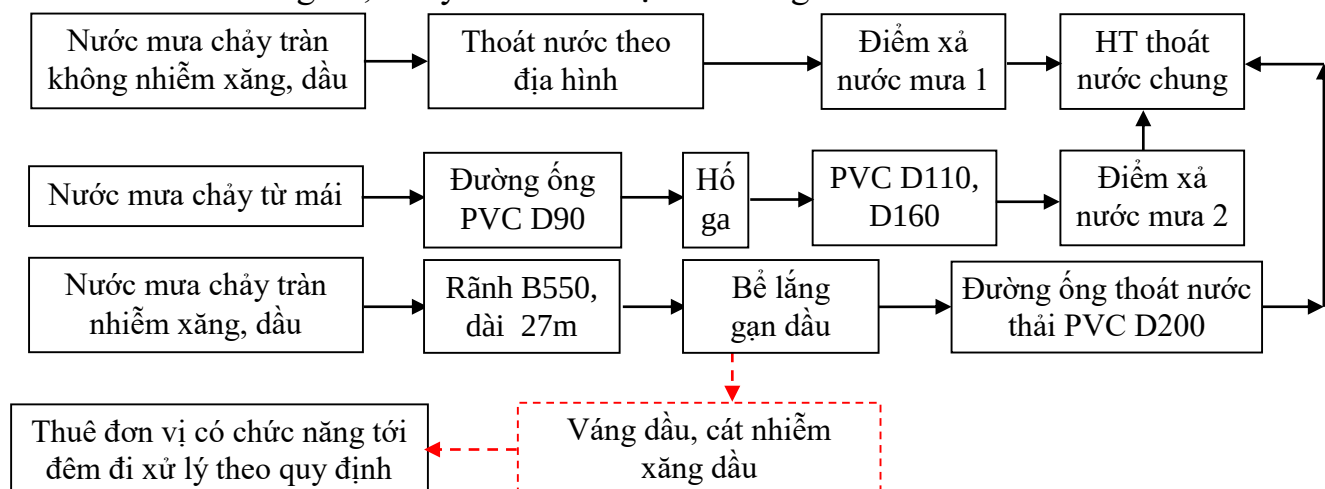
b. Xử lý nước thải trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

*** Đối với nước thải sinh hoạt:**

Với tổng nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khoảng 0,9 m³/ngày.đêm được xử lý qua 01 bể tự hoại 3 ngăn (dùng phương pháp sinh học yếm khí) có thể tích 4,44 m³, đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao.

*** Đối với nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án:**

Sơ đồ thu gom, xử lý nước mưa tại cửa hàng:



Hình 0. 1. Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn

*** Đối với nước thải từ quá trình súc, rửa bể chứa xăng, dầu**

Chất thải lỏng nguy hại từ quá trình súc rửa bể chứa xăng dầu: 2 năm tiến

hành xúc rửa định kỳ 1 lần. Do nước thải là nước thải vệ sinh bể chứa xăng, dầu vì vậy nước thải có tính chất nguy hại. Chủ đầu tư tiến hành thu gom toàn bộ nước thải súc rửa bể chứa xăng dầu vào 2 thùng phuy dung tích 500 lít/thùng, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng tới mang đi xử lý (định kỳ 2 năm/1 lần).

5.4.2. Các công trình và biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:

**** Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong giai đoạn thi công:***

- Sử dụng phương tiện vận chuyển chuyên dụng.
- Máy móc, thiết bị thi công được đăng kiểm, kiểm tra nhằm đảm bảo yêu cầu trước khi làm việc tại Dự án.
- Yêu cầu nhà thầu thi công trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.
- Che chắn các bãi tập kết vật liệu bằng vật liệu chuyên dụng, bố trí tập kết vật liệu cuối hướng gió;
- Che kín thùng xe các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng (cát, đất, xi măng, đá...) để tránh phát tán bụi. Khi bốc dỡ nguyên liệu, công nhân bốc dỡ sẽ được trang bị đồ dùng bảo hộ lao động đầy đủ.
- Áp dụng các biện pháp thi công cuốn chiếu theo từng giai đoạn xây dựng cụ thể, nhanh gọn theo thời gian thi công, bảo đảm an toàn và hạn chế các tác động có hại do bụi, khí thải,... giữa các khu vực thi công trên công trường.
- Định kỳ tưới nước để làm tăng độ ẩm cho đất tại khu vực xây dựng, đường, làm giảm nhiệt độ không khí trong điều kiện nóng, khô, gió.
- Thành lập tổ công tác giám sát tình hình tuân thủ của các nhà thầu phụ, công nhân thi công tại công trường và thực hiện công tác báo cáo môi trường cho các cơ quan quản lý môi trường liên quan theo định kỳ.

5.4.3. Các công trình, biện pháp quản lý CTR, chất thải nguy hại:

a. Chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt của nhân viên được thu gom hàng ngày đem đổ vào thùng tập kết rác trong khu vực theo đúng quy định. Hàng tháng công ty chúng tôi thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định của khu dân cư và yêu cầu của đơn vị thực hiện dịch vụ vệ sinh môi trường khu vực.

b. Chất thải rắn nguy hại:

Các loại chất thải sau khi được thu gom, lưu giữ tạm thời tại cửa hàng, khi đủ khối lượng vận chuyển sẽ thuê đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Đối với tiếng ồn của hoạt động giao thông ra vào khu vực: Trồng cây

xanh dọc theo khuôn viên cửa hàng. Các hàng cây xanh không chỉ tạo cảnh quan đẹp mà còn có vai trò to lớn trong giảm thiểu ô nhiễm không khí. Cây xanh hấp thụ được một số khí độc hại, phát tán được mùi hôi, ngăn chặn và giảm được tiếng ồn, điều tiết vi khí hậu, tạo nhiệt độ mát mẻ trong khu vực xung quanh.

5.4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Hệ thống bồn chứa phải được thiết kế, chế tạo, lắp đặt, bảo trì, kiểm tra và thử nghiệm định kỳ theo TCVN 6153 ÷ 6156:1996 và các quy định hiện hành trong các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan.

- Trang bị tại các vị trí dễ gây cháy các phương tiện về chữa cháy như vòi phun nước, cát, dụng cụ bình cứu hỏa, trang bị hệ thống nội quy, tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy, biển cấm lửa...(hệ thống PCCC của cửa hàng với số lượng dự kiến: 20 bình cứu hỏa, 06 tiêu lệnh PCCC, 01 trụ cứu hỏa và 01 bể nước và 01 bể cát).

- Hệ thống cấp nước cho công tác PCCC: nước luôn được chứa đầy trong bể chứa, hệ thống ống được dẫn từ bể tới các vị trí quan trọng để lấy nước dễ dàng.

- Thực hiện công tác huấn luyện cho cán bộ công nhân công tác phòng cháy chữa cháy.

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.5.1. Nội dung:

- Đánh giá tác động môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lâm Thao, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ, cơ quan quản lý môi trường địa phương, các đơn vị chuyên môn tiến hành giám sát môi trường định kỳ trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải rắn.

- Xây dựng chương trình đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, kế hoạch phòng chống sự cố môi trường.

- Thực hiện các tiêu chuẩn, chương trình giảm thiểu ô nhiễm môi trường thông qua việc tuyên truyền ý thức công nhân trong an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn và phân loại rác thải công nghiệp phát sinh trong quá trình kinh doanh, hoạt động tại cửa hàng.

5.5.2. Yêu cầu:

- Quản lý chất lượng nước thải sinh hoạt của dự án sau khi xử lý.

- Quản lý hoạt động của hệ thống giảm thiểu ô nhiễm môi trường như: Hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn....

- Quản lý chất thải: Bao gồm thống kê, xử lý nước thải và chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh tại dự án theo thời gian để vận hành các công trình xử lý môi trường không để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường trong quá

trình hoạt động kinh doanh.

- Xây dựng hệ thống phòng chống sự cố môi trường (sự cố bể tự hoại); phòng chống cháy nổ tại dự án.

- Thực hiện các quy định quản lý môi trường trong quá trình hoạt động: Khai khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, đăng ký chất thải rắn nguy hại, thực hiện giám sát môi trường định kỳ.

5.5.3. Thông số giám sát:

Công tác giám sát môi trường thực hiện nhằm đảm bảo các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất ở trên được thực hiện một cách đầy đủ và có hiệu quả nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động bất lợi do Dự án mang lại.

a. Giai đoạn tiền hành xây dựng dự án

*** Giám sát môi trường không khí:**

- Các thông số quan trắc: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂.

- Vị trí giám sát: K1- Mẫu không khí trong khu đất thực hiện dự án.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

*** Giám sát môi trường nước thải:**

- Các thông số giám sát: pH, BOD₅, DO, COD, TSS, NH₄⁺_N, Cl⁻, NO₂⁻_N, NO₃⁻_N, PO₄³⁻, Các chất hoạt động bề mặt, Tổng dầu mỡ, Coliform.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

*** Giám sát môi trường đất:**

- Các thông số giám sát: pH (KCl), Zn, Cu, Cd, As, Pb.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

*** Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:**

Giám sát số lượng, chủng loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động xây dựng.

b. Giai đoạn vận hành dự án

*** Giám sát nước thải:**

- Ký hiệu mẫu: 01 vị trí trước điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Các thông số giám sát, quan trắc: pH, BOD₅, TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề

mặt, Phosphat, tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần.

- Tiêu chuẩn so sánh:

- + QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, mức B.

- * Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Công ty sẽ giao cho Cán bộ phụ trách môi trường và an toàn lao động giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh, phân loại, thu gom để xử lý theo đúng quy định.

- Giám sát khối lượng, chủng loại CTR và CTNH. Định kỳ tổng hợp kết quả và báo cáo cho cơ quan quản lý môi trường địa phương.

- Tần suất: 01 năm/lần.

CHƯƠNG I THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1.1. Tên dự án

- Tên dự án: “Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại”.
- Địa điểm thực hiện dự án: Khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

1.1.2. Tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; người đại diện theo pháp luật của chủ dự án; tiến độ thực hiện dự án

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ
- Địa chỉ trụ sở chính: số nhà 543, đường Trần Phú, phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
- Điện thoại: 0913282017
- Người chịu trách nhiệm trước pháp luật của cơ quan chủ dự án:
Ông: **Nguyễn Khắc Hoạt** Chức vụ: Giám đốc công ty.
- Tiến độ thực hiện dự án:
 - + Tháng 9/2021 - 1/2024: Thực hiện các thủ tục đầu tư để bàn giao mặt bằng;
 - + Tháng 9/2024 - tháng 01/2025: Dự kiến khởi công công trình;
 - + Tháng 3/2025: Hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động.

1.1.3. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án

1.1.3.1. Vị trí thực hiện dự án:

Vị trí thực hiện Dự án “Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại” tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ có tổng diện tích đất là 2.368,7 m² theo chỉ giới A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A1 thể hiện trên bản vẽ trích đo địa chính chuyển mục đích và giao đất cho Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ tại tờ bản đồ trích đo địa chính số 03/2023/TĐĐC-TC, tỷ lệ 1/500 do Công ty TNHH TG Vina lập, đã được UBND xã Vĩnh Lại và UBND huyện Lâm Thao xác nhận thống nhất trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt (*có bản đồ photo đính kèm phần phụ lục báo cáo*).

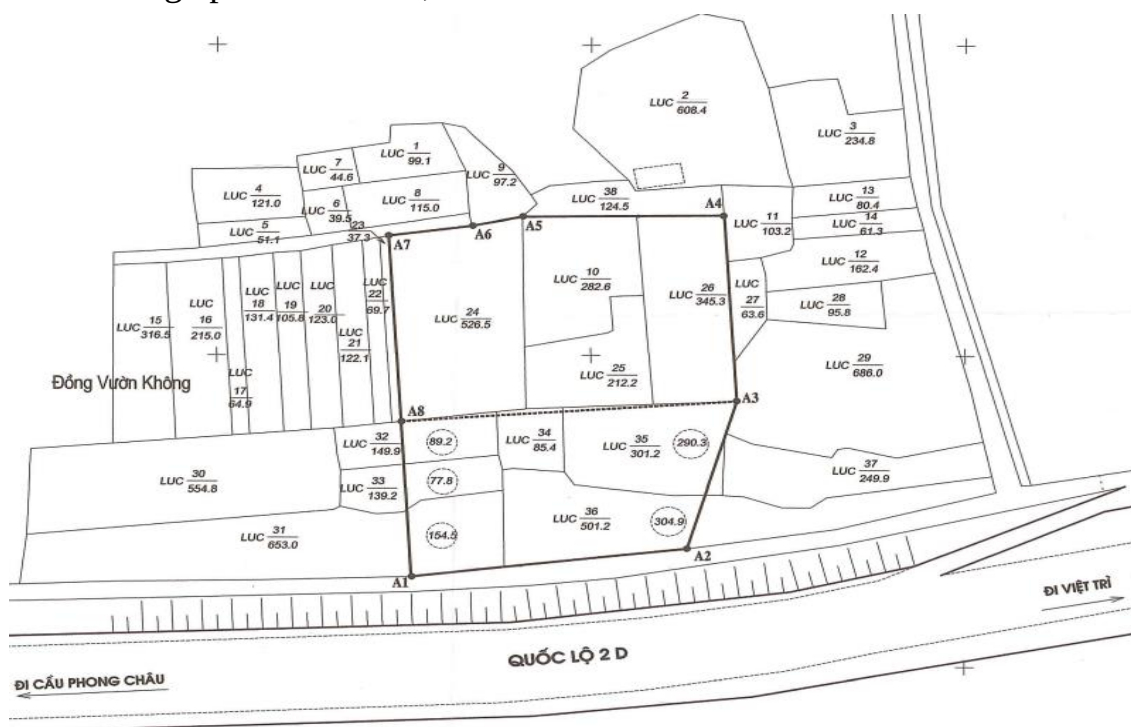
Tọa độ các điểm mốc giới của khu đất thực hiện dự án được xác định bằng hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 104⁰45’, múi chiều 3⁰ thể hiện trên bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng dự án như sau:

Bảng 1. 1. Tọa độ các điểm mốc của dự án

Tên điểm	Tọa độ		Khoảng cách (m)
	X (m)	Y (m)	
A1	2351214.440	560476.070	37.76

1.1.3.2. Ranh giới của địa điểm thực hiện dự án với các đối tượng tự nhiên xung quanh như sau:

- Phía Đông giáp khu chùa Quan Thánh;
- Phía Tây Bắc giáp đất ở dân cư;
- Phía Nam giáp đường QL.2D;
- Phía Bắc giáp đất ở dân cư;



Hình 1. 1. Vị trí thực hiện dự án cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lai



Phía Đông giáp khu chùa Quan Thánh



Phía Tây Bắc giáp khu dân cư



Phía Bắc giáp khu dân cư



Phía Nam giáp đường QL.2D

Hình 1. 2. Vị trí tiếp giáp khu vực dự án với các đối tượng tự nhiên xung quanh

1.1.3.3. Hiện trạng san nền:

Địa hình khu vực xung quanh dự án trước khi san nền chủ yếu là đất nông nghiệp và một phần nhỏ đất giao thông có địa hình thấp trũng do đó trong công tác san nền cần phải chú trọng đến cốt san nền phù hợp với mặt bằng hiện trạng của đường giao thông tiếp giáp với khu vực dự án.

1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, nước mặt của dự án

1.1.4.1. Hiện trạng sử dụng đất:

Tại thời điểm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án, toàn bộ phần diện tích 2.386,7 m² đất dự án đã được bồi thường giải phóng mặt bằng sạch và được UBND tỉnh Phú Thọ thu hồi, chuyển mục đích và giao cho Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ và UBND xã Vĩnh Lại quản lý tại Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ, cụ thể:

- Giao phần diện tích đất 1.384,5 m² (đã chuyển đổi thành đất thương mại dịch vụ) theo chỉ giới A3, A4, A5, A6, A7, A8, A3 cho Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ để thực hiện dự án xây dựng cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu Vĩnh Lại theo chủ trương đầu tư đã được UBND tỉnh chấp thuận.

- Giao cho UBND xã Vĩnh Lại quản lý phần diện tích 984,2 m² đất giao thông theo chỉ giới A1, A2, A3, A8, A1.

Vị trí quy hoạch dự án phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

của xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

1.1.4.2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật trong khu vực thực hiện dự án

*** Hệ thống cấp nước sạch:**

Hiện trạng khu vực dự án đã có hệ thống cấp nước sạch. Nguồn nước cấp sinh hoạt chủ yếu từ công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ - Chi nhánh Lâm Thao. Ngoài ra, nguồn nước sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp trong vùng được lấy từ một số nguồn nước khác: Nước mặt, nước ngầm và nước mưa.

*** Hệ thống thoát nước (mưa, thải) của khu vực:**

Hiện tại, trong khu vực thực hiện dự án chủ yếu là đất trồng lúa nước nên có địa hình trũng hơn so với các khu vực xung quanh. Khi thực hiện dự án, chủ dự án sẽ thiết kế hệ thống thoát nước mưa đi riêng biệt với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa được thu gom trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Hiện tại trên địa bàn khu vực dự án chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung do đó nước thải sinh hoạt của dân cư trên địa bàn tự xử lý qua bể tự hoại từ các hộ gia đình sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

*** Hiện trạng về hệ thống cấp điện:**

Hiện dân cư trong và xung quanh khu vực đã có đường điện 0,4kv cấp đến từng hộ gia đình, thuận lợi cho việc đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, làm việc cho khu dân cư quanh khu vực dự án.

*** Hiện trạng giao thông khu vực dự án:**

Vị trí thực hiện dự án thuộc đoạn đường cấp III; đường QL.2D. Tại vị trí Km17+470 QL.2D hiện trạng đoạn tuyến đang là đường đắp, chân taluy đường QL.2D có đường gom dân sinh B = 2,5 - 3,0m.

Vị trí khu đất thực hiện dự án cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại nằm tiếp giáp với tuyến đường gom tại chân taluy đường QL.2D.

Để đảm bảo an toàn giao thông, thuận tiện cho phương tiện ra vào cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại, chủ dự án sẽ thiết kế nút giao giữa đường ra vào cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại với QL.2D tại Km17+470 QL.2D (Phải tuyến), cải tạo lại tuyến đường dân sinh đoạn giao cắt với đường ra vào cửa hàng xăng dầu. Đặc biệt sau khi cải tạo cần tổ chức giao thông cho phù hợp đảm bảo an toàn giao thông và tầm nhìn cho phương tiện khi lưu thông tại vị trí nút giao.

*** Hiện trạng công tác môi trường:**

Hiện tại rác thải từ các hộ dân trong khu vực được các hộ dân tự thu gom và tập kết xuống dưới nhà, cuối ngày nhân viên môi trường địa phương đưa xe rác qua thu gom và vận chuyển về khu tập kết rác của địa phương để đưa đi xử lý.

Trong khu vực quy hoạch hiện tại vấn đề môi trường đang được đảm bảo,

không có rác thải, chất lượng môi trường.

** Hiện trạng thông tin liên lạc:*

Toàn bộ khu vực dự án nằm trong vùng phủ sóng và thuộc quy hoạch phát triển ngành của viễn thông tỉnh Phú Thọ.

1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án cách trường tiểu học xã Vĩnh Lại khoảng 1100m; cách UBND xã Vĩnh Lại khoảng 1900m; cách UBND huyện Lâm Thao khoảng 13km; và khoảng cách gần nhất đến các hộ dân sống xung quanh khu vực về phía Nam và phía Tây Bắc là 230m - 270m.

- Hệ thống đường giao thông: Khu đất dự án cửa hàng xả dầu Vĩnh Lại nằm tiếp giáp với tuyến đường gom tại chân taluy đường QL.2D. Do đây là tuyến đường có nhiều phương tiện giao thông qua lại nên thuận tiện cho việc kinh doanh của dự án khi đi vào hoạt động.

- Vị trí xây dựng cửa hàng bán lẻ xả dầu tại khu hành chính số 1, xã Vĩnh Lại có khoảng cách đến di tích lịch sử gần nhất là chùa Quỳnh Lâm (xã Bản Nguyên) là 61m.

⇒ Từ các mối tương quan của vị trí thực hiện dự án với các đối tượng tự nhiên, kinh tế, xã hội cho thấy vị trí dự án nằm trong vùng có điều kiện phát triển thuận lợi.



Hình 1. 3. Khoảng cách từ khu vực thực hiện dự án đến khu dân cư gần nhất

1.1.6. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án

1.1.6.1. Mục tiêu dự án:

- Đầu tư xây dựng Cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu trên tổng diện tích đất là 2.368,7 m² với mục tiêu đầu tư kinh doanh xăng dầu (mã ngành VSIC: 4661 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan) cho thị trường khu vực xã Vĩnh Lại và vùng phụ cận; góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Tạo điều kiện việc làm tăng thu nhập cho người lao động phổ thông tại địa phương nhằm nâng cao đời sống cho người lao động góp phần vào mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội.

- Tăng hiệu quả sử dụng đất trên địa bàn, khai thác quỹ đất tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

1.1.6.2. Loại hình dự án: Dự án đầu tư mới.

1.1.6.3. Quy mô các hạng mục công trình của dự án:

- Dự án “Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại” tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ có tổng diện tích khu đất là 2.368m². Trong đó: Cửa hàng xăng dầu cấp 3, bao gồm các hạng mục xây mới: Nhà bán hàng 94,3 m²; khu vực mái che cột bơm 187 m²; nhà vệ sinh khách, bể tự hoại và hố ga 41 m²; sân bãi đổ bê tông 795,0 m², khu bể chứa xăng dầu ngầm, bể lắng gạn dầu, hệ thống PCCC (bể nước ngầm, bể cát cứu hỏa) và một số công trình phụ trợ khác.

- Quy mô lao động: 05 người.

1.1.6.4. Công suất dự án:

Dự án hoạt động kinh doanh, buôn bán xăng dầu với quy mô tổng sức chứa là 75.000 lít xăng, dầu các loại bao gồm:

- 01 bể chứa 25 m³ ngăn làm đôi: 01 nửa chứa 12,5 m³ xăng (E5) và 01 nửa chứa 12,5 m³ xăng (E5)

- 01 bể chứa 25 m³ ngăn làm đôi: 01 nửa chứa 12,5 m³ dầu (DO) và 01 nửa chứa 12,5 m³ xăng (A95)

- 01 bể chứa 25 m³ ngăn làm đôi: 01 nửa chứa 12,5 m³ dầu (DO) và 01 nửa chứa 12,5 m³ xăng (E5) dầu (DO).

1.2. CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

Trên tổng diện tích mặt bằng thực hiện dự án là 2.368,7 m² tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, công ty sẽ đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình chính và một số hạng mục công trình phụ trợ cụ thể như sau:

Bảng 1. 2. Các hạng mục công trình của dự án

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Ghi chú
1	Mái che cột bơm	m ²	187	
2	Nhà bán hàng	m ²	94,3	

3	Nhà kho + Nhà vệ sinh chung của khách	m ²	41	Xây mới
	Bể tự hoại			
	Hố ga			
4	Kho chất thải nguy hại	m ²	16	
5	Cụm bể chứa xăng dầu ngầm (25 m ³ /bể)	bể	03	
6	Bể cát PCCC	bể	01	
	Bể nước PCCC			
7	Bể lắng, gạn dầu	HT	01	
	Rãnh thu nước mặt, dầu			
8	Sân đường đổ bê tông	m ²	795,0	
9	Diện tích cây xanh thảm cỏ	m ²	1.047,2	

(Nguồn: Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ)

1.2.1. Các hạng mục công trình chính

a. Mái che cột bơm:

* Giải pháp về kết cấu và kiến trúc:

- Mặt bằng công trình dạng hình chữ nhật, chiều dài công trình 18,11m chiều rộng 17m. Chiều cao mái che là 5,5m tính từ cost đảo bơm đến trần mái, diềm mái cao 1 m tính từ trần mái trở lên. Như vậy, chiều cao mái che khi đặt cột bơm xảng dầu đã đạt chuẩn theo quy định QCVN 01:2020/BTC (*chiều cao tối thiểu của mái che không nhỏ hơn 4,75m*).

- Mái che cột bơm: Kết cấu mái che cột bơm lợp tôn liên doanh màu xanh dương dày 0,45mm kết hợp xà gồ thép và vì kèo thép liên kết với nhau bởi hệ giằng mái thép, hoàn thiện sơn 3 nước chống gỉ; diềm mái ốp tấm Aluminium màu theo chỉ định ngành; trần nhà tấm trần thạch cao dày 9mm.

- Nền sân: Đánh bóng mặt xi măng, bê tông đá 2x4 mác 250 dày 250mm; lớp nilon lót, đá base trung đầm chặt dày 180 (K=0,98); lớp san nền đầm chặt (K=0,95); đất tự nhiên.

- Nền đảo bơm: Ốp gạch Terrazzo màu theo chỉ định của ngành; bê tông lót đá 4x6; lớp bê tông lót mác 100 dày 100; bê tông mác 250; cát tôn nền tưới nước đầm chặt; đất tự nhiên

- Cột bơm gồm 04 cột bơm. Trong bán kính 50m tính từ cột bơm không có công trình nào nên đảm bảo được khoảng cách an toàn từ cột bơm đến các công trình bên ngoài dự án theo QCVN 01:2020/BTC (*khoảng cách an toàn không nhỏ hơn 50m*)

b. Nhà bán hàng:

Nhà bán hàng xây dựng mới kích thước (12x7,5)m. Bao gồm các khu chức năng: Phòng nghỉ; Phòng ăn; Phòng vệ sinh; Phòng điều hành, Phòng khách, Phòng kho dụng cụ;

- + Hệ kết cấu móng đơn bê tông cốt thép kết hợp đầm chịu lực;
- + Tường xây kết cấu gạch đất sét nung bao che dày 220mm VXM M50; hoàn thiện trát vữa xi măng M75 dày 1,5cm hoàn thiện sơn 1 nước lót 2 nước phủ;
- + Nền nhà lát gạch ceramic KT 600x600mm VXM M75 ;
- + Cột trong nhà trát VXM M75 dày 1,5cm hoàn thiện sơn 1 nước lót 2 nước phủ;
- + Kết cấu mái nhà bán hàng, mái che cột bơm lọc tôn liên doanh dày 0,45mm kết hợp xà gồ thép và vì kèo thép liên kết với nhau bởi hệ giằng mái thép, hoàn thiện sơn 3 nước chống gỉ; Diềm mái ốp tấm Aluminium màu theo chỉ định
- + Trần nhà tấm trần thạch cao dày 9mm;
- + Cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm hệ kết hợp kính an toàn dày 5mm.

Tất cả kết cấu và vật liệu cho nhà bán hàng và các hạng mục xây dựng khác đều có bậc chịu lửa II theo quy định tại QCVN 06:2020/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình; đồng thời đảm bảo khả năng chịu lực ổn định trước tác động của trọng tải, ăn mòn của môi trường xung quanh trong suốt thời hạn sử dụng công trình.

c. Nhà vệ sinh chung:

- + Thiết kế mới nhà vệ sinh KT (4,0x6,0)m;
- + Kết cấu móng băng xây gạch đặc không nung 6,5x10,5x22cm VXM M50 kết hợp giằng móng bê tông cốt thép đá 1x2 M200;
- + Tường xây gạch không nung 6,5x10,5x22cm VXM M50 dày 220 kết hợp giằng tường BTCT đá 1x2 M200; hoàn thiện trát tường trong và tường ngoài dày 1,5cm VXM M75;
- + Mái lọc tôn liên doanh dày 0,40mm kết hợp hệ thống xà gồ và tường thu hồi;
- + Hệ thống cửa đi, cửa sổ trong nhà vệ sinh dùng cửa khung nhôm, kính trắng mờ dày 5mm; Cửa đi ngoài nhà vệ sinh dùng cửa pano khuôn thép hộp tráng kẽm, tôn dày 0,8mm
- + Đóng trần tôn khung thép hộp;
- + Nền lát gạch chống trơn 300x300mm, VXM M75; Tường ốp gạch 300x400mm VXM M75;
- + Xây mới bể tự hoại dưới chân công trình nhà vệ sinh;
- + Thiết bị điện đầu tư mới đồng bộ
- + Thiết bị cấp thoát nước đầu tư mới đồng bộ.

d. Khu bể chứa xăng dầu ngầm:

Bồn bể gồm 03 bồn có dung tích mỗi bồn là 25m³ chôn ngầm.

+ Kết cấu móng cọc bê tông cốt thép kết hợp đài móng bê tông cốt thép liên kết với nhau bằng giằng móng bê tông cốt thép M250;

+ Thành hồ van xây gạch chỉ mác 75, vữa xi măng mác 50. Trát trong và ngoài thành hồ van bằng vữa xi măng mác 50 dày 20mm. Mặt trong thành và đáy hồ van đánh bằng xi măng nguyên chất.

+ Nền khu bể chính là nền đường bãi bằng bê tông đá 1x2 B15 (mác 200) dày 200 mm, dưới đổ cát đen tưới nước đầm chặt.

+ Nắp gang kích thước 1100 x 1100 đáy hồ van được mua sẵn.

1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

1. Tuyến đường ra vào cửa hàng xăng dầu và cải tạo đường gom dân sinh đoạn đi qua cửa hàng xăng dầu:

*** Tuyến đường ra vào cửa hàng xăng dầu:**

- Chiều dài tuyến $L = 105,27\text{m}$. Bình đồ tuyến với 4 đường cong nằm bán kính $R = 10 - 45\text{m}$. Trắc dọc thiết kế bám sát với hiện trạng hạn chế khối lượng đào đắp $I_{\max} = 2,75\%$. Thiết kế trắc ngang $B_{\text{nền}} = 10\text{m}$, $B_{\text{mặt}} = 10\text{m}$, $I_{\text{mặt}} = 2\%$. kết cấu mặt đường từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp 1: Bê tông xi măng M300, dày 25cm.

+ Lớp 2: Móng cấp phối đá dăm loại I dày 25cm.

+ Nền đường đắp bằng đất đầm chặt K95, riêng lớp đất dày 50cm dưới đáy kết cấu áo đường đầm nén đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$.

*** Tuyến đường gom dân sinh vị trí cửa hàng xăng dầu:**

- Thiết kế cải tạo mở rộng tuyến đường dân sinh đoạn từ đường ra vào cửa hàng xăng dầu chiều dài tuyến $L = 235,40\text{m}$.

- Bình đồ tuyến thẳng. Trắc dọc tuyến thiết kế đảm bảo êm thuận chuyển tiếp từ mặt đường hiện trạng vượt nối với cao độ của tuyến đường ra vào cửa hàng xăng dầu $I_{\max} = 6,2\%$.

- Trắc ngang mặt đường mở rộng $B_{\text{mặt}} = 5,5(\text{m})$ đảm bảo 2 làn xe cơ giới tránh nhau, dốc ngang mặt đường 1 mái $I = 1\%$ ra phía cánh đồng. Kết cấu mặt đường từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp 1: Bê tông xi măng M300, dày 20cm.

+ Lớp 2: Móng cấp phối đá dăm loại I dày 20cm.

+ Nền đường đắp bằng đất đầm chặt K95, riêng lớp đất dày 50cm dưới đáy kết cấu áo đường đầm nén đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$.

- Chiều rộng lề gia cố: $B_{\text{lgc}} = 0,5\text{m}$. Dốc lề gia cố $I = 1\%$. Kết cấu lề gia cố từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp 1: Bê tông xi măng M300, dày 20cm.

+ Lớp 2: Cát lót nền dày 5cm.

- Gia cố mái taluy kết cấu từ trên xuống như sau:

+ Lớp 1: Bê tông xi măng M250, dày 10cm.

+ Lớp 2: Cát lót nền dày 2cm.

2. Hệ thống cấp điện:

- Đường dây dẫn luôn trong ống nhựa đi ngầm tường;

- Nguồn điện được lấy từ trạm hạ thế hiện hữu của khu vực. Trong trường hợp mất điện lưới, nguồn điện sẽ được cung cấp bởi 01 máy phát điện 3 pha có công suất là 10KVA đủ phục vụ cho nhu cầu bơm, rót xăng dầu và sinh hoạt của cửa hàng xăng dầu. Với 2 nguồn điện trên sẽ đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh cho cửa hàng 24/24h.

- Lắp đặt thiết bị điện: các trang thiết bị điện được lắp đặt đúng quy định về kỹ thuật an toàn điện trong cửa hàng xăng dầu. Hệ thống lưới điện động lực và chiếu sáng của cửa hàng xăng dầu được thiết kế thành 3 mạng:

+ Mạng điện động lực.

+ Mạng điện chiếu sáng, quảng cáo.

+ Mạng điện phục vụ cho khách hàng và nhân viên bán hàng.

- Nối đất tất cả các vỏ cột bơm và các thiết bị.

- Tất cả các thiết bị điện lắp đặt tại các vị trí nguy hiểm cháy nổ cấp Z0 (vùng mà môi trường khí nổ xuất hiện tích tụ một cách thường xuyên, liên tục và/hoặc trong một thời gian dài) và Z1 (vùng mà môi trường khí nổ có thể xuất hiện nhưng không thường xuyên trong các điều kiện hoạt động bình thường) đều là loại phòng nổ.

3. Hệ thống cấp nước:

- Hệ thống cấp nước cho công trình sử dụng bơm nước từ điểm cấp nước lên bể chứa nước, sau đó cấp cho công trình.

- Ống cấp nước sử dụng các ống PPR D110, D32, D25, D89, D20 và ống nhựa HDPE cấp nước cho khu vệ sinh, bể nước PCCC, các hạng mục khác của công trình.

4. Hệ thống chống sét:

- Đối với các công trình có nguy cơ cháy nổ đều được thiết kế chống sét đánh thẳng, những hạng mục còn lại được thiết kế chống sét phù hợp với tính chất sử dụng và quy phạm Việt Nam.

- Chống sét đánh thẳng cho nhà bán hàng và mái che cột bơm, sử dụng hệ thống lưới và kim thu sét. Dây thu sét làm bằng thép D10. Kim thu sét làm bằng thép D18 có chiều cao hiệu dụng $H = 0,5$ m được cố định tại các góc mái.

- Chống sét đánh thẳng cho cụm van thở dùng cột thu sét độc lập đặt cách van thở 5m, đặt dưới đất, chiều cao hiệu dụng $H = 9$ m.

- Thi công mạch tiếp địa xong đo kiểm tra lại điện trở tiếp đất đạt tại trị số yêu cầu thì tiếp tục thi công phần trên mái.

- Những chỗ uốn cong của dây dẫn sét > 90 độ cần hàn gia cố chịu lực.
- Điện trở yêu cầu sau khi thi công hệ thống chống sét và tiếp địa cho nhà bán hàng và mái che cột bơm phải có giá trị là $R < 10 \Omega$.
- Điện trở yêu cầu sau khi thi công hệ thống tiếp địa cho khu bể chứa và cột bơm xăng dầu phải có giá trị là $R < 4 \Omega$.

5. Hệ thống điện chiếu sáng:

*** Chiều cao cột đèn:**

H : Chiều cao cột đèn (m)

L : Chiều rộng mặt đường (m)

E : Khoảng cách 2 cột liên tiếp

S : Hình chiếu của đèn đến chân cột (m)

A : Khoảng cách hình chiếu của đèn đến bó vỉa

Độ cao cột đèn được xác định theo tính đồng đều của độ chói ngang sao cho $h \geq 1L$

- Ở đây công ty chúng tôi sẽ chọn $h = 1L$. Suy ra $h = 1 \times 7,0m = 7,0m$

*** Khoảng cách đèn và cột đèn:**

- Tính đồng bộ theo độ chói chiếu dọc quyết định sự lựa chọn khoảng cách giữa 2 cột đèn liên tiếp. Ngoài ra khoảng cách cần phụ thuộc vào chỉ số phát xạ của bộ đèn. để hạn chế độ chói loá đối với mặt đường rộng với tốc độ phương tiện qua lại cao công ty dự kiến chọn U_{max} nằm trong khoảng từ 0 - 650.

Giá trị cực đại của tỷ số $Q/H = 4.2$

$$Q = 4.2 \times 7 = 29.4 \text{ (m)}$$

Chọn khoảng cách cực đại giữa 2 đèn liên tiếp trung bình giữa hai cột là 30m.

*** Công suất đèn:**

Đèn chiếu sáng lắp trên cột: lắp đèn có ký hiệu : **LED ACURA- 150W**

+ Đèn có các thông số sau:

- Đèn có công suất 150W - 220V - 240V - 50HZ
- Vỏ đèn được làm bằng nhôm đúc áp lực cao, kính đèn bằng thủy tinh cường lực an toàn chịu nhiệt
- Hiệu suất phản quang của Led ≥ 100 lumen/W
- Độ kín: IP66 Cấp cách điện Class 1
- Nhiệt độ màu 3500K ánh sáng vàng ấm
- Có bảo vệ xung áp 25kV
- Chip Led hiệu: Philips Lumileds
- Bộ nguồn: (Driver) hiệu: Philips

*** Kiểu dáng cột đèn và Kết cấu móng cột đèn:**

Cột đèn có tổng chiều cao 7m được mạ kẽm nhúng nóng ký hiệu BG - CD

- 04, Trong đó cột đèn cao 5m, cần đèn cao 2m độ vươn 1,5m, Móng cột được đúc bằng bê tông sỏi mác 150 có kích thước 600x600x100mm, Khung móng thép có ký hiệu KMΦ24-300x300x675.

*** Dây dẫn điện:**

Dây dẫn điện được bố trí đi ngầm, trên nền đất luôn trong ống nhựa xoắn D65/50 và ống thép D80 ở các vị trí qua đường. Dây dẫn được chọn sao cho tổn thất điện áp điểm cuối nhỏ hoặc bằng tổn thất điện áp cho phép $[\Delta U\%] \leq 5\%$; Áp dụng công thức:

$$Stt = \frac{Pđ . Ksd . Kđt . Kpt . L}{C \times [\Delta U]} = mm^2$$

Trong đó:

- Pđ là công suất đặt của tuyến chiếu sáng (KW)
- Ksd: Hệ số sử dụng Ksd = 1.
- Kđt: Hệ số đồng thời Kđt = 1.
- Kpt: Hệ số phát triển Kpt = 1,2 (Tuỳ theo điều kiện tuyến chiếu sáng)
- L : Chiều dài trung tâm phụ tải tuyến dây (m)
- C hệ số mạng 3 pha 4 dây với dây đồng C = 77
- $\Delta U\%$ tổn thất điện áp đến cuối phụ tải chọn bằng 5%

Sau khi tính toán ta chọn dây dẫn như sau:

Chọn dây dẫn (Ftt): Cu/xlpe/dste/pvc 3x10+1x6

- Luôn dây từ bảng điện lên đèn loại cáp đồng bọc PVC 2 x 2,5mm bảo vệ bằng áp tô mát.

- Toàn bộ dây dẫn cấp điện cho đèn chiếu sáng được chôn trong đất, luôn ống nhựa xoắn D65/50, chỗ qua đường luôn ống thép D80. Bên dưới lót 01 lớp cát đen dày 150mm, sau đó đặt cáp và rải tiếp 01 lớp cát đen dày 150mm, phía trên lát 01 lớp gạch chỉ đặc đặt nằm trên lớp đất, bên trên có mốc báo hiệu cáp ngầm.

Rãnh cáp qua đường sâu 800mm, phía dưới rộng 350mm, phía trên rộng 500mm. Bên dưới lót 01 lớp cát đen dày 150mm, sau đó đặt cáp và rải tiếp 01 lớp cát đen dày 150mm, phía trên lát 01 lớp gạch chỉ đặc đặt nằm trên lớp đất, rải 150mm lớp đá dăm trên cùng đổ bê tông M250 dày 250mm bên trên có mốc báo hiệu cáp ngầm.

*** Tủ điều khiển:**

Nguồn điện cấp cho tủ chiếu sáng được cấp tại cột điện 0,4Kv đã có, vị trí tủ được lắp trên cột bê tông.

- Chọn tủ điều khiển loại TĐ 03 - 63A.

Kích thước vỏ tủ: (Dài x rộng x sâu): 1000 x 600 x 350mm.

Tủ được chế tạo theo cấp bảo vệ 2 (class II). Bảo vệ quá dòng và ngắn

mạch bằng aptomat và cầu chì. Sử dụng các bộ đóng cắt theo thời gian trong tuần, ngày để đóng cắt các contactor ra đèn. Mỗi tủ có 2 kênh ra đèn.

- Chế độ làm việc:

+ Buổi tối: Bật tất cả số đèn

+ Đêm khuya: Bật tất 1/3 hoặc 2/3 số đèn

+ Ban ngày: Tắt toàn bộ đèn

→ Lắp 01 công tơ 3 pha phía trước mỗi tủ điện để đo đếm điện năng tiêu thụ.

*** Tiếp đất và chống sét:**

- Đèn chiếu sáng: Các cột đèn chiếu sáng được đóng 01 cọc tiếp địa L63x63x6 chiều dài 2,5m cọc tiếp địa đóng sâu dưới đất 0,8m,

- Tất cả các cột đèn được nối liền mạch với nhau bằng dây đồng M10 vị trí nối tại bảng điện của cột dây đồng được luồn trong ống nhựa, ống thép cùng với cáp trục chính.

- Tủ điện: Tại tủ lắp tiếp địa gồm 04 cọc tiếp địa L63x63x6 cọc tiếp địa đóng sâu dưới đất 0,8m, ký hiệu R1.

6. Hệ thống báo hiệu, an toàn giao thông:

- Các thiết bị ATGT được thiết kế theo các quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41:2019/BGTVT của Bộ Giao thông vận tải. Kết quả thiết kế các công trình ATGT thể hiện ở bảng tổng hợp khối lượng trong phần phụ lục.

- Vạch sơn đường dùng loại vạch sơn đường nhiệt dẻo theo TCVN 8791:2018.

- Biển báo hiệu được thiết kế theo các quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41:2019/BGTVT của Bộ Giao thông vận tải, biển báo được đặt ở vị trí để người sử dụng dễ nhìn thấy và có đủ thời gian chuẩn bị đề phòng, thay đổi tốc độ hoặc thay đổi hướng nhưng không được làm cản trở sự đi lại của xe cộ và người tham gia giao thông.

- Thiết kế mới hệ thống hộ lan an toàn giao thông tại vị trí mặt đường tiếp giáp với ruộng và vị trí có chênh cao giữa mặt đường và nền tự nhiên lớn, tổng chiều dài hộ lan thiết kế mới L = 198,0m.

7. Hệ thống PCCC:

+ Bể nước ngầm PCCC: Bể nước ngầm cứu hỏa có thể tích 0,9m³ (DxRxH = 1,5m x 1,0m x 0,6m). Kết cấu BTCT toàn khối. Nguồn nước cấp cho bể nước cứu hỏa được lấy từ hệ thống cấp nước của khu vực cửa hàng đặt ở vị trí theo tổng mặt bằng quy hoạch cho phương án phòng cháy chữa cháy của dự án có đủ hệ thống bơm + ống dùng để xử lý sự cố cháy lớn mà hệ thống bình bọt không đáp ứng được.

+ Chữa cháy bình bọt: đặt ở một số vị trí cột nhà, xử lý ngay lúc có sự cố

cháy nhỏ (theo bản vẽ vị trí trong hồ sơ thiết kế phương án phòng cháy chữa cháy của dự án).

+ Ngoài ra, dự án có bố trí thêm một bể chứa cát nhằm chữa đám cháy chất lỏng, ngăn chặn chất lỏng cháy không tràn ra xung quanh.

8. *Cây xanh*: Công ty sẽ bố trí diện tích trồng cây xanh, cây sinh cảnh xung quanh khu vực cửa hàng để tạo điều kiện vi khí hậu, tránh phát tán bụi, tiếng ồn. Diện tích trồng cây xanh đảm bảo trong cơ cấu sử dụng đất của dự án.

1.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của dự án

1.2.3.1. Hệ thống thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước thiết kế riêng biệt giữa thoát nước mưa và thoát nước thải thu từ sàn + chậu rửa các khu vệ sinh.

Nước mưa trên mái nhà được thu gom vào các ống đứng thoát nước mưa đặt xung quanh trên mái tòa nhà, sau đó đổ vào các hố ga của hệ thống thoát nước sân nhà.

1.2.3.2. Đối với công trình thu gom, thoát nước thải và xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: phát sinh trong quá trình hoạt động vệ sinh của dự án được thu gom dẫn vào 01 bể tự hoại 3 ngăn tổng dung tích 4,44 m³ được xây ngầm dưới chân công trình nhà vệ sinh để xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

- Đối với nước mưa chảy tràn nhiễm xăng, dầu: được thu gom theo hướng nghiêng địa hình về rãnh thu gom nước nhiễm xăng, dầu B550 (kích thước: Dài x Rộng x Cao = 27m x 1,1m x 1m), sau đó dẫn về 01 bể lắng gạn dầu có thể tích 7,07 m³ (kích thước bể: Dài x Rộng x Cao = 3m x 1,24m x 1,9m) để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường. Định kỳ chủ dự án sẽ tiến hành nạo vét bể 6 tháng/lần.

1.2.3.3. Công trình xử lý khí thải, bụi:

Do đặc thù hoạt động kinh doanh, bán lẻ xăng dầu nên khí thải chủ yếu từ hoạt động xuất nhập xăng dầu của cửa hàng, hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào cửa hàng. Chủ dự án sẽ có những biện pháp cụ thể nhằm hạn chế, giảm thiểu lượng khí thải được trình bày cụ thể tại Chương III, Mục 3.2.2.

1.2.3.4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn:

- Chất thải nguy hại: Được thu gom vào 05 thùng phuy có dung tích mỗi thùng phuy là 250 lít, có nắp đậy kín sau đó lưu giữ tạm thời tại kho CTNH của cửa hàng có diện tích 16m², khi đủ khối lượng chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải thông thường: chủ yếu là vỏ nilon, vỏ bìa carton và các chất

thải có thể tái chế khác sẽ thu gom vào 2 thùng phuy có dung tích mỗi thùng phuy là 250 lít được bố trí trong khu vực dự án và bán cho đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn huyện Lâm Thao.

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào 03 thùng chứa có dung tích mỗi thùng chứa là 25 lít/thùng.

1.2.3.5. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Trong quá trình thực hiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, công ty sẽ làm việc với Phòng CS PCCC - Công an tỉnh Phú Thọ để thẩm duyệt cấp chứng nhận phương án PCCC đối với toàn bộ hoạt động của cửa hàng.

Công ty chúng tôi sẽ đầu tư xây dựng 01 bể nước ngầm PCCC, 01 bể cát và trang bị các biển cảnh báo nổ, biển cấm lửa, biển nội quy PCCC, hướng dẫn thao tác khi xảy ra cháy, nổ và dự phòng phương tiện chống cháy nổ như sau:

- + Bình xịt cứu hỏa: 20 bình;
- + Tiêu lệnh PCCC: 06 tiêu lệnh;
- + Trụ nước cứu hỏa + vòi cứu hỏa: 01 họng;
- + Bể nước PCCC: 01 bể;
- + Bể cát PCCC: 01 bể.

1.3. NGUYÊN, NHIÊN, VẬT LIỆU, HÓA CHẤT SỬ DỤNG CỦA DỰ ÁN; NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC VÀ CÁC SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN

1.3.1. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu sử dụng của dự án

1.3.1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên phụ liệu:

Do đặc thù của dự án là xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu do đó tại cửa hàng xăng dầu không diễn ra các hoạt động sản xuất, vì thế nguyên liệu sử dụng tại cửa hàng cũng là sản phẩm của cửa hàng và là các loại xăng dầu được cửa hàng lưu kho chứa để xuất bán cho khách hàng.

- Do đặc thù dự án nên nguyên liệu đầu vào cũng là sản phẩm cung ứng đầu ra với quy mô sức chứa xăng dầu của cửa hàng theo thiết kế là 75 m³. Nếu hệ số sử dụng bể chứa là 0,85, hệ số xuất nhập không đều là 1,15 và số vòng quay hàng trung bình 30 vòng/năm thì sản lượng kho có thể đạt được: 2.868 m³/năm.

- Nguồn cung cấp: Xăng dầu kinh doanh của công ty được mua từ các kho xăng dầu trong và ngoài địa bàn tỉnh Phú Thọ sau đó được vận chuyển theo đường bộ bằng xe bồn xitec chở xăng dầu về cửa hàng.

1.3.1.2. Nhu cầu sử dụng hóa chất:

- Hóa chất dùng trong xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Đối với hóa chất xử lý nước thải từ các bể tự hoại: Sử dụng chế phẩm sinh học (BIO-Phốt) dạng bột được bổ sung định kỳ vào các bể tự hoại giúp cho quá trình phân giải chuyển hóa các chất hữu cơ nhanh hơn. Gói 200g dùng cho 1m³ bể phốt. Sau 3 - 6 tháng đổ dự phòng 01 lần, tránh bồng tắc bể tự hoại

không phải thông hút.

+ Đối với mùi từ các khu vực phòng vệ sinh: Sử dụng các loại nước hoa xịt phòng để khử mùi, nước rửa SunLight, Vim,... với nhu cầu sử dụng khoảng 8 lít/tháng.

1.3.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, điện, nước

Do đặc thù của dự án là cửa hàng kinh doanh xăng dầu nên hoạt động kinh doanh của dự án chỉ sử dụng điện năng, không sử dụng nhiên liệu để vận hành máy móc trong hoạt động xuất, nhập xăng dầu, cụ thể:

1.3.2.1. Nhu cầu sử dụng điện năng tiêu thụ:

- Nguồn cung cấp điện chính: Điện năng phục vụ nhu cầu kinh doanh của cửa hàng được lấy từ Điện lưới quốc gia do Công ty Điện lực tỉnh Phú Thọ cung ứng.

- Nguồn cung cấp điện dự phòng: Dự án sử dụng máy phát điện 3 pha có công suất 10KVA dự phòng có định mức 11 lít dầu DO/h. Với thời gian mất điện là 01 ca làm việc = 8 giờ/ngày, số ngày mất điện được dự báo tối đa là 01 ngày/tháng, ta có nhu cầu sử dụng dầu của dự án được xác định như sau:

Lượng dầu DO sử dụng trong 01 năm:

$$Q_{DO/ngày} = 11 \text{ lít/ngày} \times 1 \text{ ngày/ tháng} \times 12 \text{ tháng /năm} = 132 \text{ lít/năm.}$$

- Đối với hoạt động ăn uống của công nhân: Do số lượng cán bộ, nhân viên làm việc tại dự án là 5 người và do đặc thù tính chất mặt hàng kinh doanh là sản phẩm dễ cháy (xăng, dầu, gas). Vì vậy tại khu vực dự án không diễn ra hoạt động nấu ăn mà tiến hành đặt đồ ăn sẵn (cơm, đồ hộp theo suất) tại các cửa hàng kinh doanh ăn uống uy tín trên địa bàn xã Vĩnh Lại.

1.3.2.2. Nhu cầu sử dụng nước:

*** Nguồn cung cấp nước:**

Nước cấp cho sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và nước cấp cho hoạt động kinh doanh của cửa hàng được mua của Nhà máy nước sạch Lâm Thao (thuộc Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ).

Khi dự án đi vào hoạt động thì nhu cầu sử dụng nước cấp cho Dự án chủ yếu là nước phục vụ sinh hoạt và vệ sinh tay chân của cán bộ nhân viên làm việc tại cửa hàng, nước cấp cho PCCC và tưới cây, rửa đường.

*** Tính toán nhu cầu sử dụng nước:**

Nhu cầu sử dụng nước sạch khi dự án đi vào hoạt động được tính toán cụ thể như sau:

- *Nhu cầu nước cấp cho sinh hoạt:* Sau khi dự án đi vào hoạt động ổn định, số lượng công nhân viên của cửa hàng là 5 người. Nước dùng cho mục đích sinh hoạt (áp dụng TCVN 13606:2023 - Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế thì tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt trong cơ sở sản xuất

công nghiệp tính cho 01 người trong 01 ca sản xuất là 45 lít/người/ca):

$$5 \text{ (người)} \times 45 \text{ (lít/người/ca)} / 1000 = 0,225 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

- Lượng nước phun ẩm sân đường nội bộ, tưới cây và các nhu cầu khác khoảng 1,0 m³/ngày.đêm.

⇒ Vậy tổng lượng nước cần sử dụng khi dự án đi vào hoạt động khoảng 1,225 m³/ngày.đêm.

- *Nhu cầu nước cấp cho quá trình vệ sinh bể chứa:*

Bể chứa thường được xúc rửa khi đưa bể mới vào chứa xăng dầu; hoặc thay đổi chủng loại xăng dầu chứa trong bể; hoặc trước khi đưa bể vào sửa chữa, bảo dưỡng; hoặc xúc rửa định kỳ theo quy định để đảm bảo chất lượng hàng hóa,... Lượng nước thải sẽ tùy thuộc vào dung tích từng bể, loại hàng tồn chứa và phương pháp xúc rửa.

Theo tính toán, lượng nước cần xúc rửa bể trước khi đưa bể vào sử dụng là 1 m³/100 m³ thể tích bể. Định kỳ 02 năm công ty sẽ tiến hành rửa bể 01 lần theo quy định. Khi đó, lưu lượng nước thải từ hoạt động rửa bể cụ thể là 0,75 m³/2 năm cho cả 03 bể chứa, tương đương 0,375 m³/năm.

- *Nhu cầu nước cấp cho PCCC, tưới cây, rửa đường:*

+ Nước sử dụng cho hoạt động này được chứa trong bể chứa nước phục vụ PCCC. Đường ống cấp nước chữa cháy sẽ được công ty thiết kế riêng biệt ngay trong quá trình đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh đảm bảo các quy định nghiêm ngặt của PCCC.

+ Tính toán bể nước dự trữ cho phòng cháy chữa cháy có dung tích là 0,9m³ (kích thước bể là Dài×Rộng×Sâu= 1,5m×1,0m×0,6m).

1.3.3. Các sản phẩm của dự án

Khi dự án đi vào hoạt động sẽ cung cấp nhiên liệu xăng dầu (xăng không chì, nhiên liệu diesel, nhiên liệu sinh học) cho phương tiện giao thông, động cơ đốt trong của người dân địa phương trên địa bàn xã Vĩnh Lại và khu vực lân cận; các phương tiện giao thông lưu thông trên Quốc lộ 2D.

Bảng 1. 3. Sản phẩm của dự án theo mã ngành

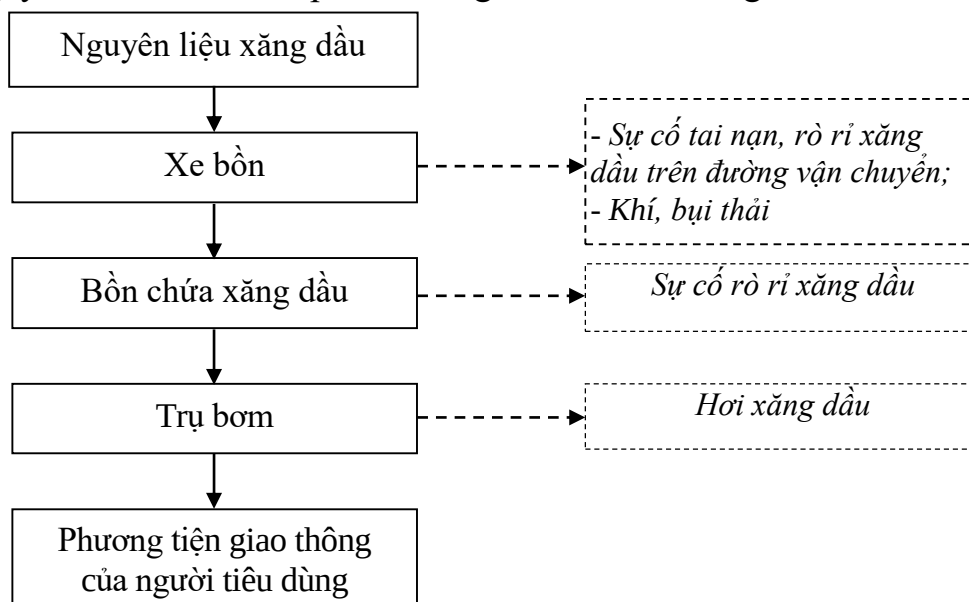
TT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan)	4661	-

Khi dự án đi vào hoạt động thì sản phẩm kinh doanh chính của dự án tại dự án là các loại xăng, dầu (mã ngành VSIC:4661 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan) với quy mô sức chứa là 75.000 lít.

1.4. CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT, VẬN HÀNH

Do loại hình hoạt động của dự án là cửa hàng kinh doanh xăng dầu nên không diễn ra hoạt động sản xuất, vì thế không có quy trình, công nghệ sản xuất mà chỉ có quy trình hoạt động kinh doanh của dự án như sau:

Quy trình vận hành tiếp nhận xăng dầu của cửa hàng:



(Nét đứt trên hình vẽ thể hiện các nguồn gây ô nhiễm môi trường)

Hình 1. 4. Quy trình hoạt động kinh doanh của dự án

* Thuyết minh quy trình:

- Nhiên liệu Xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu → Vận chuyển xăng bằng xe bồn chuyên dụng → Kiểm tra tính nguyên vẹn của niêm phong kẹp chì xi téc chở xăng, dầu → Kiểm tra vị trí bề mặt xăng dầu tại cổ bể nhập so với vị trí tấm giới hạn dung tích của bồn (lưỡi gà) ghi trên phiếu/hóa đơn giao hàng hoặc kiểm tra dung tích từng ngăn hoặc khối lượng qua cân → Nhận và lưu mẫu hoặc thống nhất việc lưu mẫu xăng, dầu → Không có dấu hiệu bất thường → Tiến hành nhập xăng dầu vào bồn chứa xăng tại cửa hàng → Bơm xăng lên các trụ bơm điện tử bằng đường ống thép theo hệ thống khép kín → Bán cho người tiêu dùng có phương tiện lưu thông nhu cầu mua.

+ Khi xe XITEC vào bãi để nhập hàng tại cửa hàng xăng dầu, dùng ống mềm nối vào vị trí họng chờ hơi thu hồi của xe XITEC và họng chờ hơi phát sinh tại bể chứa của cửa hàng xăng dầu.

+ Trong quá trình nhập hàng xăng dầu được dẫn theo ống mềm từ XITEC vào bể ngầm của cửa hàng và điền đầy thể tích trống của bể chứa đồng thời đẩy hơi xăng dầu từ bể chứa thoát ra theo đường ống van thở.

+ Hệ thống đường ống công nghệ được thiết kế và lắp đặt theo phương pháp nhập kín (QCVN 01:2020/BCT), nên khi nhập xăng dầu từ xe Xitec xuống bể chứa hơi xăng dầu sẽ theo đường ống thu hồi hơi quay trở lại xe XITEC. Hơi

xảng dầu phát sinh trong quá trình tồn chứa của bể sẽ theo đường ống thu hồi thải ra ngoài qua van thở. Miệng thoát của van thở được lắp cao hơn mái không nhỏ hơn 01 m (miệng thoát của van thở không nhỏ hơn 5m so với mặt bằng bãi đỗ xe).

- Dầu nhớt các loại được bán trực tiếp qua phuy, lon, bình và các dụng cụ đo lường khác.

1.5. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THI CÔNG

1.5.1. Biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án

1.5.1.1. Giải phóng mặt bằng:

Toàn bộ diện tích thực hiện dự án đã được công ty bồi thường, giải phóng mặt bằng sạch nên tại thời điểm lập báo cáo ĐTM dự án, công ty không phải thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng. Do diện tích đất dự án là đất trồng lúa nước nên quá trình thực hiện dự án phải vét bùn hữu cơ và san nền bằng phẳng trước khi xây dựng.

1.5.1.1. Phương án san nền:

**** Cơ sở xác định:***

Cao độ san nền được xác định theo địa hình thực tế và hiện trạng khảo sát để phù hợp với đặc trưng của dự án. Sau khi được UBND tỉnh Phú Thọ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất từ đất hiện trạng là đất lúa, cots nền cao độ của dự án thấp hơn so với đường Giao thông quy hoạch khoảng 6,36m nên Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ sẽ tiến hành san nền bằng phẳng theo cao độ thiết kế và cao độ của đường giao thông hiện hữu trước khi xây dựng các hạng mục công trình thuộc quy hoạch dự án.

**** Thi công san nền:***

- San nền bằng đất, đắp từng lớp, chiều dày lớp đắp cần được thí nghiệm trước khi đắp đại trà với loại đất đắp và thiết bị thi công.

- Trước khi san nền cần phải bóc đất hữu cơ và dọn dẹp lớp phủ thực vật. Chiều sâu vét bùn tại khu vực dự án là 0,2m.

+ Để tránh hiện tượng sụt lún, xô xát ảnh hưởng đến hoạt động canh tác chủ dự án tiến hành xây kè và tường gạch bao xung quanh dự án đảm bảo đúng kỹ thuật để không bị sập đổ tường rào.

**** Nguyên tắc thiết kế:***

- Độ dốc dọc đường thiết kế theo các quy chuẩn hiện hành để đảm bảo giao thông và thoát nước mặt thuận lợi nhất.

- An toàn sử dụng, không gây sụt, trượt, xói mòn.

- Đảm bảo độ dốc nền theo quy chuẩn, nhỏ nhất là 0,3% đảm bảo thoát nước tự chảy.

*** Giải pháp thiết kế:**

Khu vực san nền theo cos quy hoạch đường giao thông và cos hiện trạng các khu vực xung quanh.

Toàn bộ khu vực dự án nằm trong phạm vi ruộng trũng, nền thấp hơn mặt đường quy hoạch khoảng 6,36m. Vì vậy, giải pháp san lấp nền đảm bảo bám sát định hướng quy hoạch chung.

Độ chặt đầm nén của nền đắp, đắp đất với độ chặt $K = 0,9$.

Khu đất nghiên cứu được thiết kế san nền theo phương pháp đồng mức thiết kế, chênh cao giữa hai đường đồng mức là 0,1m.

Trước khi đắp nền, bóc bỏ phần đất hữu cơ, đất thải dày trung bình 20cm.

*** Tính toán khối lượng san nền:**

Khối lượng tính toán được tính toán theo phương pháp lưới ô vuông kích thước 10x10m. Kết quả tính toán như sau:

+ Khối lượng đắp nền, đắp taluy: $V1 = 5.500,92 + 720,74 = 6.221,66 \text{ m}^3$

Vật liệu đắp nền: Dùng đất đắp, đất khai thác tại mỏ đảm bảo tiêu chuẩn cơ lý của đất nền, cự ly vận chuyển đến công trình khoảng 3km.

Bảng 1. 4. Khối lượng đào, đắp và san lấp mặt bằng

Hạng mục công trình	Khối lượng nạo vét, đắp nền dự án	
	m^3	tấn ($1,65 \text{ tấn/m}^3$)
Khối lượng đất đào	0	0
Khối lượng đất đắp	6.221,66	10.265,74
Khối lượng vét bùn hữu cơ	244,51	403,44
Tổng khối lượng	6.466,17	10.669,18
<i>* Ghi chú: Tỷ trọng của đất là $1,65 \text{ tấn/m}^3$</i>		

[Nguồn: Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ]

*** Giải pháp ổn định nền đất san lấp:**

- Tại các khu vực san lấp giáp ranh với đất nông nghiệp để đảm bảo tính ổn định cho nền đất san lấp và giải quyết chênh lệch cao độ giữa 2 khu sẽ tiến hành xây dựng các tuyến taluy đất với tỷ lệ là 1:1 đến 1:1,5.

1.5.1.2. Phương án kiến trúc xây dựng:

Phương án kiến trúc xây dựng của dự án phù hợp, có hình thức kiến trúc đơn giản hiện đại, sử dụng các vật liệu nhẹ, tiên tiến như thép, tôn lạnh, kính đáp ứng được yêu cầu kinh doanh của cửa hàng kinh doanh xăng dầu.

*** Giải pháp về quy hoạch tổng mặt bằng:**

Trên cơ sở địa thế của khu đất thực hiện dự án, công ty dự kiến xây dựng nhà bán hàng, mái che cột bơm, các công trình phụ trợ đi kèm và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên diện tích khu đất 2.368,7 m^2 , các hạng công trình bố trí hợp lý với mật độ xây dựng là 45,3%, phù hợp và đảm bảo tuân thủ theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây

dựng.

**** Phương án kiến trúc và giải pháp xây dựng:***

Kết cấu công trình chính và các hạng mục công trình phụ trợ là kiến trúc nhà công nghiệp 1 tầng, móng bê tông cốt thép, cột khung bê tông cốt thép cao đến đầu mái, tường bao che và tường ngăn bằng khung giằng bê tông cốt thép và xây chèn gạch, tường bao che xây cao đến đầu mái, khung kèo mái bằng kết cấu thép tiền chế đặt lên đỉnh cột khung, mái lợp tôn có lớp cách nhiệt.

1.5.1.3. Giải pháp về công trình và biện pháp thi công:

a. Về biện pháp thi công:

Các hạng mục công trình phục vụ kinh doanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật của cửa hàng kinh doanh xăng dầu của dự án sẽ được công ty tiến hành thi công trên diện tích 2.368,7 m² đảm bảo an toàn và chất lượng, tạo cảnh quan và môi trường xanh, sạch, đẹp.

Trong giai đoạn thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án được thi công theo quy chuẩn của Việt Nam như sau:

a. Biện pháp thi công:

**** Công tác chuẩn bị mặt bằng:***

- Nhà thầu thi công nhận mặt bằng, nhận giao tim, mốc giới của chủ đầu tư và đơn vị thiết kế.
- Tiến hành công tác trắc đạc phục vụ xây lắp công trình.
- Kiểm tra lại tim cốt thực tế định vị được vị trí của các hạng mục công trình.
- Triển khai thi công các hạng mục công trình.
- Thi công cơ giới kết hợp với các biện pháp thủ công. Các phương tiện thi công sẽ do nhà thầu cung cấp đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn thi công theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Việc xây trát sẽ thực hiện bằng thủ công; đổ bê tông bằng bê tông tươi, tiến hành thi công bằng thủ công kết hợp máy bơm bê tông, đầm, dùi bê tông;

Công việc lắp máy tại các vị trí trên cao và các chi tiết có tải trọng lớn thực hiện bằng cầu.

- Công tác phòng cháy chữa cháy được ưu tiên hàng đầu khi thực hiện các thao tác: hàn, cắt, mài ...phát sinh tia lửa trần.

**** Tiêu chuẩn thiết kế:***

Các công trình được thi công theo tiêu chuẩn của Việt Nam như sau :

- Quy trình khảo sát đường ô tô 22 TCN 263-2000;
- Quy trình khoan thăm dò địa chất 22 TCN 259 - 2000;
- Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu - Tiêu chuẩn thiết kế 22TCN 262-2000;
- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô : TCVN 4054-2005;

- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế : TCXDVN 104 – 2007;
- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế: 22TCN 211-06;
- Mặt đường bê tông nhựa nóng - Yêu cầu thi công và nghiệm thu: TCVN 8819-2011;
- Mặt đường bê tông nhựa nóng – Thiết kế theo phương pháp Marshall: TCVN 8820-2011;
- Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu thi công và nghiệm thu: TCVN 8859-2011;
- Tiêu thiết kế kết cấu BT và BTCT : TCXDVN :356-2005;
- Tính toán đặc trưng dòng chảy lũ 22TCN220-95;
- Thiết kế điển hình cống tròn 533-01-01 và 533-01-02;
- Thiết kế điển hình cống hộp BTCT lắp ghép 86-04X.
- Kỹ thuật điện chiếu sáng TCVN 259:2001
- Tiêu chuẩn XDVN 333:2005
- Quy phạm nối đất và không nối đất các thiết bị điện: TCVN 4756:1989
- Quy phạm trang bị điện – Những quy định chung 11-TCN-18-2006 do bộ Công nghiệp ban hành năm 2006.
- Tiêu chuẩn thiết kế cấp nước : TCXDVN 33-2006.
- Căn cứ vào các quy trình, quy phạm hiện hành khác của các Bộ ngành có liên quan.
- + TCVN 2737 - 95 - Tải trọng và tác động;
- + TCXDVN 5574 - 2015 - Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BT và BTCT;
- + TCXDVN 5575 - 2012 - Kết cấu thép, tiêu chuẩn thiết kế;
- + TCVN 3993- 85 - Chống ăn mòn trong xây dựng - Kết cấu BT, BTCT;
- + TCVN 5573-2011 – Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép ;
- + TCXD 9362 : 2012 - Thiết kế nền nhà và công trình.
- * Cu thể quy trình xây dựng của dự án:
- Trên tổng mặt bằng khu vực dự án tiếp nhận đơn vị thi công bố trí các hạng mục như sau:
 - + Trên phần diện tích 2.368,7 m², chủ dự án tiến hành bóc bỏ phần đất hữu cơ, đất thải dày trung bình khoảng 20cm với tổng khối lượng đất vét bùn hữu cơ là 244,51 m³. Lượng đất nạo vét một phần sẽ được tận dụng để trồng cây trong khuôn viên dự án, phần còn lại sẽ phối hợp với chính quyền địa phương xã Vĩnh Lại để có phương án tận dụng hợp lý cho mục đích nông nghiệp theo đúng quy định tại Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.
 - + Vận chuyển đất đắp, san gạt mặt bằng: Nguồn cung cấp đất được chủ dự án lấy từ các mỏ đất trong địa bàn huyện Lâm Thao hoặc các khu vực lân cận.

- + Bố trí diện tích tập kết nguyên liệu phục vụ thi công tại phía Nam dự án.
- + Phối hợp với người dân xung quanh để tuyển dụng lao động địa phương phục vụ thi công công trình.

- + Vật tư bao gồm cọc móng, xi măng, gạch, cát, khung nhà. Vì kèo, mái tôn được sử dụng theo tiến độ xây dựng của dự án và được tập kết tại khu đất trống. Vật liệu tập kết được để đúng vị trí quy định của công ty đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Các vật liệu như xi măng, sắt, mái tôn được phủ bạt nhằm hạn chế các tác động gây giảm chất lượng công trình.

** Thi công xây dựng các công trình phụ trợ:*

- + Đo đạc xác định vị trí mặt bằng thi công trên tổng mặt bằng dự án.

- Thi công nền móng công trình:

Xác định vị trí đóng cọc theo đúng thiết kế để thi công đảm bảo độ chính xác đảm bảo độ chịu lực của nền móng. Thực hiện đóng cọc bằng cơ giới, sử dụng máy đo kinh vĩ để xác định tim cột, móng và độ cao của móng. Hệ kết cấu móng đơn bê tông cốt thép kết hợp đầm chịu lực.

- Thi công lắp dựng khung chính:

- + Đây là phần lắp đặt chính của nhà thép tiền chế, sử dụng xe cầu 15 tấn để lắp dựng cột. Quá trình lắp dựng cột phải bố trí xe cầu hợp lý để lắp đặt, tránh bị uốn cong thanh kèo làm tuổi thọ công trình bị giảm sau này. Quá trình lắp đặt cột, kèo phải đảm bảo thực hiện theo đúng yêu cầu kỹ thuật an toàn trong lắp đặt nhà khung thép.

- + Việc lắp đặt cột, kèo đầu tiên là quan trọng nhất, nó định hình toàn bộ cho cả khu nhà sau này. Sau khi lắp đặt cột, kèo xong sẽ giằng nứu thật chặt đảm bảo cột kèo không bị xô dịch. Công đoạn thi công này phải làm thật tốt và chuẩn để làm căn cứ tiếp tục triển khai công đoạn tiếp theo.

- Hoàn thiện: Kiểm tra lại các bu lông đã bắt, các khe hở tại các điểm nối của tôn với tôn, khe hở tại các ô cửa thông gió để đảm bảo sau này không bị dột và công trình được thi công chất lượng

- Khuôn đường: Dùng máy thi công theo đúng kích thước và độ dốc ngang, tiến hành lu chèn đạt độ chặt rồi tiến hành thi công lớp mặt đường.

- Thi công công trình hạ tầng kỹ thuật: bao gồm rãnh thoát nước mưa chảy tràn, thoát nước thải.

- Thi công công trình cấp điện: Đào móng, đào rãnh đặt tiếp địa, lắp trạm biến áp, dựng cột, lắp xà, sứ cách điện, dây néo.

- Thi công công trình cấp, thoát nước:

- + Định vị các vị trí đầu mối, bể nước, tuyến đường ống cấp thoát nước theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế.

- + Vật tư đường ống nước: Đường ống cấp nước sử dụng ống HDPE.

- Thi công hạng mục cây xanh: Việc thi công hồ trồng cây phải được thực hiện trước khi lát vỉa hè, còn đối với trồng cây có thể thực hiện luôn hoặc trồng sau tùy thuộc vào kế hoạch triển khai của đơn vị thi công.

**** Biện pháp thi công cơ giới kết hợp với thủ công:***

- + Việc xây trát sẽ thực hiện bằng thủ công.
- + Đổ bê tông bằng bê tông tươi, tiến hành thi công bằng thủ công kết hợp máy bơm bê tông, đầm, dùi bê tông.

b. Giải pháp về vật liệu xây dựng:

- Đất đắp: Đất đắp nền còn thiếu khai thác vận chuyển bình quân 5 km.
- Đất, bùn thừa đổ đi vận chuyển trung bình 2 km.
- Các loại vật liệu khác như xi măng, sắt thép..... lấy theo thông báo giá và vận chuyển đến chân công trình.

**** Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật của vật liệu:***

- Đá các loại : Đá đổ bê tông và đệm cống rãnh theo TCVN 7570-2006 (Cốt liệu bê tông và vữa).
- Thép các loại: Thép đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam về thép cốt bê tông
- Cát vàng: Cát đổ bê tông và đệm cống rãnh theo TCVN 7570-2006 (Cốt liệu bê tông và vữa).
- Nhựa đường: Thiết kế thành phần BTN nóng theo tiêu chuẩn Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8820:2011 về Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall.
- Cấp phối đá dăm: Quy cách vật liệu, cấp phối tuân theo TCVN 8859-2011 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu thi công và nghiệm thu;
- Xi măng: Sử dụng xi măng PC30, PC40 lò quay phương pháp khô của Trung ương hoặc xi măng địa phương (nếu được phép) sản xuất theo công nghệ mới.

- Nước thi công: Nước trong, qua thí nghiệm đảm bảo dùng cho bê tông, trộn vữa xây và bảo dưỡng công trình đủ tiêu chuẩn : TCXDVN 302 -2004.

c. Tổ chức thi công:

- Chế độ làm việc: 01 ca/8 giờ.
- Thời gian thi công xây dựng: Dự tính 04 tháng, trong đó:
 - + Thời gian chuẩn bị, san lấp mặt bằng: 20 ngày
 - + Thời gian tiến hành đào móng, thi công xây dựng hạng mục công trình chính và các công trình phụ trợ khác xây dựng: 03 tháng.
 - + Thời gian lắp đặt máy móc, thiết bị: 10 ngày.
- Số người lao động sử dụng: 5 người.

1.5.2. Nhu cầu về nguyên nhiên liệu phục vụ thi công xây dựng dự án

1.5.2.1. Nhu cầu về nguyên, vật liệu, phụ liệu:

* Giai đoạn san nền:

Nguyên liệu sử dụng để thực hiện san lấp mặt bằng là đất đắp nền có nguồn gốc hợp pháp từ hoạt động cải tạo mặt bằng phát sinh đất dư thừa, đất bãi thải của các mỏ khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện Lâm Thao hoặc các huyện lân cận (do khu vực lân cận chưa có mỏ khai thác đất đắp nền được cấp phép) với cự ly vận chuyển trung bình khoảng 3km và phụ liệu là dầu mỡ phục vụ cho các phương tiện vận chuyển, san lấp mặt bằng.

→ Cơ sở tính toán khối lượng san nền dựa vào dự toán bóc tách khối lượng san nền thể hiện trên phần dự toán công trình kèm theo hồ sơ xin cấp phép xây dựng dự án.

* Giai đoạn thi công xây dựng:

Dự án sử dụng nguyên liệu như gạch, xi măng, sắt thép và các phụ liệu cát vàng, đá dăm cùng nhiên liệu, phụ liệu dân dụng, khung cửa nhôm, các vật liệu chống cháy, đá ốp lát dùng đá hoa cương, đá cẩm thạch,... tùy theo kiến trúc.

Khối lượng nguyên, vật liệu phục vụ công tác san nền và thi công xây dựng các hạng mục dự án được dựa trên dự toán khối lượng thi công theo Thuyết minh thiết kế cơ sở và dự toán khối lượng công trình của Dự án như sau:

Bảng 1. 5. Bảng tổng hợp khối lượng nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình thi công xây dựng dự án

TT	Tên vật liệu	Trọng lượng (tấn/m ³)	Khối lượng		Nguồn cung cấp
			Tấn	m ³	
1	Cát vàng	1,4	759,584	542,56	Trên địa bàn huyện Lâm Thao và các vùng lân cận
2	Cát mịn	1,38	58,581	42,45	
3	Xi măng	1,5	403,38	268,92	
4	Thép các loại	7,85	22,28	2,838	
5	Đá các loại (1x2, 2x4)	1,6	414.067	258,791	
6	Gạch chỉ các loại	1,3 kg/viên (63.330 viên)	41,31	31,77	
7	Gỗ ván	1,0	2,03	2,03	
8	Que hàn	2,5	0,252	0,101	
9	Son	1,04	0,909	0,874	
11	Đinh	7,85	0,042	0,005	
13	Bê tông thương phẩm	2,6	255,67	98,33	
TỔNG			1.958	1.248	

Như vậy, tổng khối lượng nguyên vật liệu cần vận chuyển trong quá trình thi công là 1.958 tấn, tương đương 1.248 m³.

+ Đất đắp nền: Đất đắp nền có nguồn gốc hợp pháp được vận chuyển với

cự ly trung bình khoảng 3km.

+ Phụ liệu là dầu mỡ phục vụ cho các phương tiện vận chuyển, san lấp mặt bằng mua trên địa bàn huyện Lâm Thao.

+ Cát xây dựng được mua tại cát sông Hồng, cát vàng sông Lô đã được cấp giấy phép khai thác sau đó vận chuyển về khu vực dự án bằng đường bộ.

+ Đá được cung cấp tại mỏ đá đã được cấp giấy phép khai thác trên địa bàn huyện Thanh Sơn và Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

+ Các loại vật liệu khác như xi măng, sắt thép được mua từ các đại lý phân phối trên địa bàn và khu vực lân cận.

+ Gạch: Được mua tại các cơ sở sản xuất gạch trên địa bàn huyện Lâm Thao.

+ Thép kết cấu công trình dự kiến dùng thép của các hãng đã có thương hiệu trên thị trường trong nước như Thái Nguyên, Việt- Úc hoặc tương đương...

1.5.2.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước trong thi công xây dựng

**** Nhu cầu về điện năng:***

Điện năng phục vụ thi công xây dựng được đầu nối từ nguồn điện hiện có của Điện lực Phú Thọ tại khu vực xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao.

**** Nguồn cung cấp nước:***

- Nguồn nước cung cấp từ Công ty CP cấp nước Phú Thọ - Chi nhánh Lâm Thao. Công ty sử dụng nước cấp từ hệ thống cấp nước chung của khu vực để cung cấp nước cho hoạt động thi công cửa hàng kinh doanh xăng dầu.

**** Nhu cầu sử dụng nước của dự án:***

- Nước phục vụ thi công xây dựng ước tính khoảng 3 m³/ngày.

- Nước phục vụ cho hoạt động sinh hoạt, hoạt động của cửa hàng: Ước tính số công nhân khi cao điểm khoảng 5 người, tính với điều kiện công nhân không ăn ngủ tại công trường, với tiêu chuẩn dùng nước là 45 lít/người.ngày.đêm. Như vậy tổng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của công nhân khoảng 0,225m³/ngày.

→ Như vậy, tổng lượng nước sử dụng trong quá trình thi công xây dựng là 3,225 m³/ngày.

1.5.2.3. Phương thức vận chuyển và bảo quản nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng công trình:

**** Phương thức vận chuyển:***

Cát xây dựng được khai thác từ các khu vực đã được quy hoạch giao cho các đơn vị quản lý khai thác, chủ đầu tư sẽ hợp đồng mua để vận chuyển bằng đường bộ, các nguyên liệu khác như: gạch, cát, xi măng, sắt thép... cũng được vận chuyển bằng đường bộ đưa về chân công trình, sử dụng hàng ngày phục vụ công tác xây dựng.

*** Phương thức cung cấp nguyên liệu:**

Gạch, cát, đá được chuyên về tập kết chân công trình sử dụng hàng ngày; xi măng, sắt, thép... được mua từ các đại lý trên địa bàn huyện chở về khu vực thi công sử dụng hàng ngày.

1.5.3. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng dự án

Dựa vào khối lượng thi công và thời gian thi công các hạng mục công trình của dự án công ty chúng tôi dự kiến sử dụng các loại máy móc như sau:

Bảng 1. 6. Tổng hợp danh mục, máy móc thiết bị phục vụ trong quá trình thi công xây dựng dự án

TT	Loại thiết bị	Số lượng	Tổng số ca làm việc	Định mức tiêu hao NL*	Nhu cầu NL sử dụng	Năm sản xuất	Tình trạng cũ/mới
I	Máy móc thiết bị sử dụng dầu DO						
1	Cần cẩu bánh xích 10T	2	65	37	4.810	2020	90%
2	Máy đào dung tích gầu 0,40 m³	1	46	57	2.622	2019	80%
3	Máy ủi CS 110 CV	2	40	46	3.680	2018	85%
4	Ô tô tưới nước 5m³	1	97	23	2.231	2019	80%
II	Máy sử dụng điện năng						
1	Máy hàn 23 kw	2	70	23 kwh	3.220	2020	85%
2	Máy trộn vữa xi măng	1	160	72 kwh	11.520	2019	85%
3	Máy đầm bê tông, đầm dùi công suất 1,5 kW	2	145	7 kwh	2.030	2020	85%
4	Máy cắt gạch đá công suất 1,7 kW	1	230	3 kwh	690	2020	85%
5	Máy cắt uốn cốt thép 5 kW	1	120	9 kwh	1.080	2020	85%
6	Máy mài	1	60	21,6kwh	1.296	2019	85%
7	Máy khoan bê tông cầm tay công suất 0,62 kW	1	70	1,1 kwh	77	2018	80%
Tổng cộng dầu DO					13.343 lít		
Tổng điện tiêu thụ					19.913 Kwh		
Ghi chú: * Theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng.							

[Nguồn: Dự toán công trình]

Toàn bộ máy móc thiết bị phục vụ thi công của dự án với tình trạng máy móc đạt tiêu chuẩn đăng kiểm Việt Nam.

Lượng dầu diesel sử dụng được tính theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc công bố đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

1.6. TIẾN ĐỘ, TỔNG VỐN ĐẦU TƯ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án

- Quý IV năm 2021 đến Quý III năm 2024: Thực hiện các thủ tục đầu tư, xây dựng, PCCC và các thủ tục pháp lý khác của dự án ;
- Quý IV năm 2024 đến Quý I năm 2025: Thi công xây dựng dự án và lắp đặt thiết bị;
- Tháng 03/2025: Hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động.

1.6.2. Vốn đầu tư

* Tổng vốn đầu tư: **5.500.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Năm tỷ năm trăm triệu Việt Nam đồng).

Trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: **1.100.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Một tỷ một trăm triệu Việt Nam đồng)
- Vốn huy động: **4.400.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Bốn tỷ bốn trăm triệu Việt Nam đồng)

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.3.1. Tổ chức quản lý trong giai đoạn thi công xây dựng:

Chủ đầu tư sẽ thực hiện hoạt động đền bù và giải phóng mặt bằng; phát quang cây bụi,... Chủ đầu tư sẽ thuê nhóm nhân công có chuyên môn để thực hiện hoạt động GPMB; Giai đoạn thi công sẽ do nhà thầu thi công được lựa chọn thực hiện. Chủ đầu tư thuê đơn vị có chức năng giám sát thi công. Việc tổ chức quản lý và thi. công do đơn vị thi công thực hiện với cơ cấu tổ chức dự kiến như sau:

- Chế độ làm việc của Dự án là 01 ca/ngày; 8h/ca.
- Toàn bộ lao động thường xuyên trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án khoảng 5 người.

1.6.3.2. Tổ chức quản lý dự án trong giai đoạn vận hành:

a. Chế độ làm việc:

Theo chế độ lao động của Nhà nước ban hành và điều kiện cụ thể của công ty, chế độ làm việc tại cửa hàng như sau:

- Số ngày làm việc: 30 ngày/tháng.
- Số ca làm việc trong ngày: 02 ca.
- Số giờ làm việc trong ca: 8 giờ/ca.

b. Cơ cấu tổ chức, quản lý sản xuất và kinh doanh:

Khi Dự án đi vào hoạt động, công ty sẽ căn cứ vào quy mô, công suất để quyết định cơ cấu cán bộ, nhân viên, cụ thể:

Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng lao động của dự án

TT	Chức năng	Số người
A	Bộ phận quản lý	2
1	Trưởng cửa hàng	1

2	Bộ phận kế toán	1
B	<i>Trực tiếp</i>	3
1	Bộ phận bán hàng trực tiếp	2
2	Bộ phận kỹ thuật	1
	Tổng cộng	5 người

- Đối tượng lao động làm việc tại dự án chủ yếu là người trong khu vực huyện Lâm Thao và một số khu vực lân cận nên hết giờ làm việc họ sẽ trở về nhà vì vậy không có hoạt động sinh hoạt, ăn ca trong khu vực cửa hàng.

- Lao động trong cửa hàng được ký hợp đồng lao động và hưởng mọi chế độ đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động.

CHƯƠNG 2

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

2.1.1. Điều kiện về địa lý

Vị trí dự kiến xây dựng dự án “Cửa hàng xảng dầu Vĩnh Lại” thuộc khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Vị trí của dự án tiếp giáp với các đối tượng giáp ranh như sau:

- Phía Đông giáp khu chùa Quan Thánh;
- Phía Tây Bắc giáp đất ở dân cư;
- Phía Nam giáp đường QL.2D;
- Phía Bắc giáp đất ở dân cư.

Xã Vĩnh Lại có địa hình tương đối đa dạng tiêu biểu của một vùng bán sơn địa: có đồi, đồng ruộng của một số xã phía Bắc và cánh đồng rộng có địa hình khá bằng phẳng ở một số xã phía Nam. Nhìn chung Lâm Thao có địa hình thấp, độ cao trung bình 30 – 40 m so với mặt nước biển; địa hình thấp dần từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông.

2.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng

- Khí hậu của khu vực dự án mang đầy đủ những đặc tính cơ bản về khí hậu nhiệt đới gió mùa của miền Bắc Việt Nam nói chung và của tỉnh Phú Thọ nói riêng. Sự phân chia khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm theo bốn mùa gồm hai mùa chính là mùa hè và mùa đông, còn hai mùa chuyển tiếp là mùa xuân và mùa thu.

- Quá trình lan truyền và chuyển hóa các chất ô nhiễm phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện khí hậu tại khu vực thực hiện dự án. Các yếu tố đó là:

- + Nhiệt độ và độ ẩm tương đối của không khí.
- + Lượng mưa, nắng và bức xạ.
- + Chế độ gió và đặc điểm về bão lũ lụt.
- + Nhiệt độ trung bình không khí (năm 2022): 24,2°C;
- + Độ ẩm trung bình của không khí (năm 2022): 77,6%;
- + Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10;
- + Mùa khô bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

Các số liệu thống kê về khí tượng thủy văn được lấy từ trạm Việt Trì năm 2022.

2.1.2.1. Nhiệt độ không khí:

Bảng 2. 1. Bảng nhiệt độ trung bình hàng năm của khu vực dự án

Đơn vị tính: °C

Năm	2010	2015	2020	2021	2022
Trung bình tháng 1	17,9	17,4	19,2	16,1	18,0
Trung bình tháng 2	20,6	18,8	19,3	20,4	15,0
Trung bình tháng 3	21,7	21,5	22,9	22,5	22,4

Trung bình tháng 4	23,3	24,8	22,1	25,6	24,3
Trung bình tháng 5	28,2	29,8	29,1	29,6	26,1
Trung bình tháng 6	30,2	30,2	31,3	30,9	30,3
Trung bình tháng 7	30,0	30,0	30,9	30,4	29,8
Trung bình tháng 8	28,1	29,5	29,0	30,2	29,1
Trung bình tháng 9	28,3	28,4	28,8	28,3	28,0
Trung bình tháng 10	25,0	26,6	24,6	24,2	25,3
Trung bình tháng 11	21,2	24,3	23,4	21,5	25,1
Trung bình tháng 12	18,9	18,2	18,0	18,5	16,7
Trung bình cả năm	24,5	24,9	24,9	24,9	24,2

(Nguồn: Niên giám thống kê 2022 - Số liệu từ trạm KTTV Việt Trì)

+ Nhiệt độ trung bình năm là 24,7⁰C, nhiệt độ trung bình tháng cao nhất là 31,3⁰C và nhiệt độ trung bình của tháng thấp nhất là 15,0⁰C.

+ Mùa nóng: Nhiệt độ không khí trung bình các tháng mùa nóng từ 24,0⁰C đến 30,6⁰C (cao nhất là tháng 6: 31,3⁰C).

+ Mùa lạnh: Nhiệt độ không khí trung bình các tháng mùa lạnh từ 17,7⁰C đến 23,1⁰C (thấp nhất là tháng 2: 15,0⁰C). Đột biến về nhiệt độ thường xuất hiện ở dạng nhiệt độ trong ngày lên cao hoặc xuống quá thấp.

2.1.2.2. Độ ẩm:

Độ ẩm bình quân năm tại khu vực dự án được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 2. 2. Bảng độ ẩm trung bình hàng năm của khu vực dự án

Đơn vị tính: %

Năm Tháng	2010	2015	2020	2021	2022
Tháng 1	82	80	85	77	85
Tháng 2	80	78	84	83	85
Tháng 3	79	82	87	87	84
Tháng 4	86	77	86	88	75
Tháng 5	82	76	83	82	78
Tháng 6	79	80	79	75	73
Tháng 7	78	79	78	77	77
Tháng 8	86	78	85	79	79
Tháng 9	84	83	85	84	79
Tháng 10	75	73	80	83	74
Tháng 11	78	79	80	77	73
Tháng 12	81	78	77	74	70
Trung bình năm	81	78	82	81	77,6

(Nguồn: Niên giám thống kê 2022 - Số liệu từ trạm KTTV Việt Trì)

+ Độ ẩm trung bình tháng cao nhất: 88% (tháng 4 năm 2021).

+ Độ ẩm trung bình tháng thấp nhất: 70% (tháng 12, năm 2022).

Nhìn chung, độ ẩm của khu vực mang đậm nét đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, độ ẩm cao và tương đối ổn định.

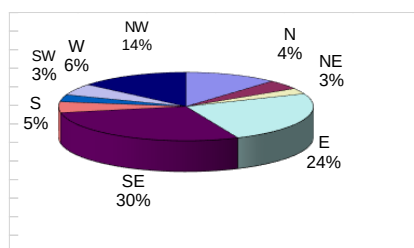
2.1.2.3. Hướng gió và tốc độ gió:

+ Hướng gió: Do ảnh hưởng của gió mùa và tác động của địa hình nên

hướng gió chủ yếu của khu vực diễn biến theo mùa cụ thể như sau:

Tháng 10 đến tháng 11 tần suất hướng gió Tây Bắc nhiều hơn hẳn các hướng khác. Tháng 12 đến tháng 01 năm sau hướng gió lệch về phía Nam chiếm ưu thế, sang tháng 3 hướng gió lại là gió Đông Nam.

+ Tốc độ gió: Tốc độ gió trung bình thay đổi qua các tháng, trung bình từ 1,5 – 3 m/s. Trong mùa lạnh tốc độ gió trung bình các tháng đầu mùa nhỏ hơn các tháng cuối mùa. Thời kỳ chuyển tiếp giữa mùa đông sang mùa hè và những tháng đầu hè tốc độ gió trung bình lớn hơn các tháng cuối hè. Hàng năm thường xảy ra từ 8 - 10 trận gió bão ảnh hưởng đến khu vực. Bão có tốc độ từ 20 - 30 m/s và thường kèm theo mưa lớn kéo dài, gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong khu vực. Tốc độ gió mạnh nhất trong năm là 28 m/s.



Hình 2. 1. Biểu đồ biểu thị tần suất gió

* Chú thích:

N: Bắc; NE: Đông Bắc; E: Đông; SE: Đông Nam; S: Nam; SW: Tây Nam; W : Tây; NW: Tây Bắc.

Bảng 2. 3. Vận tốc gió trung bình theo các tháng

Đơn vị: (m/s)												
Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Vận tốc gió	2.9	2.6	2.1	2.4	3.1	3.0	3.4	3.0	3.4	3.5	3.3	3.1

2.1.2.4. Năng và bức xạ:

Số giờ nắng trong năm 2022 là 1.368,4 giờ, tháng có số giờ nắng ít nhất là tháng 2 có số giờ nắng 22,7 giờ, tháng có số giờ nắng nhiều nhất là tháng 8 có số giờ nắng 184,8 giờ.

Bảng 2. 4. Số giờ nắng hàng tháng qua các năm tại khu vực dự án

Đơn vị tính: giờ					
Năm \ Tháng	2010	2015	2020	2021	2022
Tháng 1	37,4	102,9	41,2	78,3	42,3
Tháng 2	81,3	50,6	57,9	69,4	22,7
Tháng 3	59,5	32,2	45,2	39,2	23,5
Tháng 4	57,0	116,5	61,0	69,8	106,2
Tháng 5	123,5	193,2	170,4	206,4	89,4
Tháng 6	146,0	174,4	231,6	178,7	162,1
Tháng 7	199,3	144,2	175,4	211,4	178,1
Tháng 8	145,9	176,0	140,7	195,4	184,8
Tháng 9	155,3	121,9	132,8	181,1	130,6

Tháng 10	131,1	157,4	116,8	92,2	177,6
Tháng 11	113,1	73,8	121,5	99,5	158,4
Tháng 12	80,1	44,5	52,8	122,0	92,7
Tổng số giờ nắng	1.329,5	1.387,6	1.347,3	1543,4	1.368,4

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022 - Số liệu từ Trạm KTTV Việt Trì)

2.1.2.5. Mưa:

Lượng mưa tại khu vực dự án được phân bố như sau:

+ Vào mùa mưa: Thời tiết nóng, lượng mưa lớn, chiếm 80% lượng mưa cả năm, đặc biệt có những trận mưa rào rất lớn kéo theo gió bão từ 3 - 5 ngày gây hiện tượng ngập úng cục bộ.

+ Vào mùa khô: Lượng mưa rất ít có những thời kỳ khô hanh kéo dài từ 15 - 20 ngày. Nhiều diện tích đất canh tác, ao hồ bị khô cạn.

Bảng 2. 5. Lượng mưa bình quân qua các năm của khu vực dự án

Đơn vị: mm

Năm	2010	2015	2020	2021	2022
Tháng					
Tháng 1	42,9	56,9	110,6	11,6	60,8
Tháng 2	9,0	25,7	17,3	29,0	121,8
Tháng 3	76,4	50,5	98,9	9,1	77,1
Tháng 4	53,7	22,9	140,0	225,2	72,7
Tháng 5	153,4	291,3	215,0	116,8	337,1
Tháng 6	84,6	214,6	121,3	198,5	248,5
Tháng 7	379,8	198,1	92,6	181,1	259,2
Tháng 8	433,7	255,2	494,9	66,3	507,3
Tháng 9	145,7	241,8	258,7	154,5	169,0
Tháng 10	59,8	59,3	130,8	352,5	49,8
Tháng 11	10,8	89,2	32,0	24,3	15,0
Tháng 12	25,1	96,7	5,1	3,5	21,1
Lượng mưa cả năm	1.474,9	1.602,2	1.717,2	1.372,4	1.939,4

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022 - Số liệu từ Trạm KTTV Việt Trì)

Theo kết quả quan trắc cho thấy mưa diễn biến theo mùa rõ rệt, lượng mưa lớn nhất thường vào tháng 5 đến tháng 9 hàng năm. Lượng mưa lớn nhất trong năm 2022 là vào tháng 8 với lượng mưa 507,3 mm.

2.1.2.6. Đông sét:

Bảng 2. 6. Thống kê số ngày có đông sét trung bình trong năm

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Ngày đông	0,4	0,2	2,5	5,7	9,8	15,5	13	21,6	12,7	4,3	0,5	0,5

Từ bảng trên cho thấy đông sét xảy ra chủ yếu là vào mùa hè, tháng có đông nhiều nhất từ tháng 5 đến tháng 9, cũng là thời kỳ nhiều mưa, thời gian duy trì cơn dông từ 1 - 2h, dông xuất hiện thường đi kèm với sấm sét.

2.1.3. Điều kiện thủy văn

Cách khu vực dự án khoảng 750m về phía Bắc là sông Hồng (còn gọi là

sông Thao) vì vậy khu vực thực hiện dự án chịu ảnh hưởng của chế độ thủy văn sông Hồng. Về mùa nước lũ, nước sông lên rất cao, bề mặt của sông được mở rộng khả năng chuyên nước rất lớn. Mùa lũ của sông Hồng kéo dài từ tháng 5 đến tháng 9 (chiếm khoảng 75% dòng chảy năm), tốc độ dòng chảy 3-7 m/s. Ngoài ra, trong khu vực còn có các dòng chảy tràn vào mùa mưa, hệ thống mương máng thủy lợi và các hệ thống tiêu thoát nước, đặc biệt là hệ thống thủy lợi tưới tiêu phục vụ nông nghiệp của toàn vùng.

Bảng 2. 7. Mực nước sông Hồng bình quân các năm (Trạm Việt Trì)

Năm	2010	2015	2020	2021	2022
Trung bình cả năm	1.323	1.358	1.314	1.279	1.290
Cao nhất	1.738	1.697	1.752	1.587	1.309
Thấp nhất	1.298	1.210	1.181	1.150	1.115
Trung bình tháng 1	1.345	1.334	1.212	1.192	1.228
Trung bình tháng 2	1.325	1.285	1.208	1.216	1.258
Trung bình tháng 3	1.307	1.257	1.237	1.189	1.246
Trung bình tháng 4	1.338	1.253	1.301	1.220	1.225
Trung bình tháng 5	1.379	1.337	1.263	1.218	1.305
Trung bình tháng 6	1.448	1.317	1.258	1.284	1.393
Trung bình tháng 7	1.478	1.352	1.344	1.359	1.326
Trung bình tháng 8	1.576	1.514	1.502	1.388	1.407
Trung bình tháng 9	1.550	1.502	1.470	1.349	1.408
Trung bình tháng 10	1.529	1.445	1.438	1.386	1.327
Trung bình tháng 11	1.399	1.371	1.305	1.315	1.196
Trung bình tháng 12	1.399	1.334	1.233	1.229	1.161

Đơn vị tính: cm

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Phú Thọ năm 2022)

*** Nhận xét chung:** Nhìn chung khu vực dự án có điều kiện khí hậu đồng đều và không khác biệt nhiều so với các vùng trong tỉnh và các tỉnh lân cận nên việc xác định các tiêu chí phát triển kinh tế, đô thị có liên quan đến khí hậu như hướng gió, thoát nước mưa, chống nóng, khắc phục độ ẩm, dễ thống nhất cho sự phát triển của kinh tế khu vực cũng như tất cả các loại đô thị trong vùng.

2.1.4. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải của dự án và đặc điểm chế độ thủy văn của nguồn tiếp nhận nước thải

Rãnh thoát nước chung nằm phía Đông khu vực dự án thuộc khu 1, xã Vĩnh Lại là nguồn tiếp nhận nước thải khi dự án đi vào hoạt động (Tọa độ điểm xả thải: X (m) = 2351237.73; Y (m) = 560551.42).

Mương thoát nước là mương xây bằng gạch đầy bằng nắp đan bê tông có chức năng tiêu thoát nước cho toàn bộ khu vực dân cư và đường quy hoạch giáp ranh với dự án. Khi đưa dự án đi vào hoạt động, công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ sẽ cam kết xử lý triệt để nước thải phát sinh đảm bảo đáp ứng được tiêu

chuẩn nước thải đạt cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả thải ra môi trường, hạn chế tối đa tác động xấu của nước thải đến đời sống sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và môi trường khu vực xung quanh.

2.1.5. Điều kiện về kinh tế xã hội

2.1.5.1. Điều kiện về kinh tế:

a. Sản xuất nông nghiệp:

UBND xã đã chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất vụ chiêm xuân; vụ mùa năm 2024. Chỉ đạo tổ khuyến nông, HTX làm tốt công tác dự thính dự báo, các khâu dịch vụ sản xuất, đẩy mạnh ứng dụng KHKT, duy trì cơ giới hóa vào phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng.

Toàn xã có tổng diện tích gieo trồng là 400,6 ha đạt 99,92 % so với cùng kỳ. Trong đó, diện tích trồng lúa 361,5 ha, đạt 50% KH năm, 93,65% so với cùng kỳ; Diện tích trồng ớt 24,5 ha; Rau, màu các loại 14,6 ha. Năng suất lúa bình quân đạt 5,5 tấn/ha, đạt 98,2% KH. Sản lượng thóc đạt 1.988 tấn đạt 47,6% KH, đạt 100,9 % so với cùng kỳ. Phối hợp với phòng Nông nghiệp lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí dự án liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ớt trên địa bàn huyện Lâm Thao”; Phối hợp HTX dịch vụ sản xuất NN Hồng Phúc hoàn thiện hồ sơ thực hiện dự án được hỗ trợ theo NQ22/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

HTX nông nghiệp thực hiện kế hoạch của BCD sản xuất xã thực hiện quy vùng sản xuất lúa J02, TBR225 với quy mô tập trung 360 ha bảo đảm an toàn, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Đầu tư kinh phí lắp đặt bổ sung 02 tổ máy bơm nước; Nối dài hệ thống ống bơm nước, huy động máy móc, nhân lực nạo vét bãi sông Hồng để khơi thông dòng chảy tạo nguồn nước đến cửa khẩu các trạm bơm nhằm bơm cấp nước kịp thời cho sản xuất nông nghiệp. Xây dựng nâng cấp công trình điện hạ thế cấp điện ổn định, an toàn cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Thực hiện tốt các hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn theo đúng quy định. Đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

b. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và đầu tư xây dựng cơ bản:

UBND xã luôn quan tâm phối hợp với các ngân hàng, quỹ tín dụng, tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn phát triển các ngành nghề, thương mại, dịch vụ, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần giảm nghèo, hạn chế các tai, tệ nạn xã hội. Trên địa bàn xã hiện đang duy trì 306 hộ sản xuất kinh doanh với trên 350 lao động tham gia các loại hình ngành nghề công nghiệp, thương mại, dịch vụ và xây dựng tạo thu nhập ổn định cho đời sống nhân dân.

Công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý chất lượng các công trình được duy trì thực hiện tốt.

c. Chăn nuôi:

Chỉ đạo thực hiện kế hoạch chăn nuôi đảm bảo, hiệu quả. Tập trung các biện pháp phòng, chống dịch trên đàn vật nuôi trong đó tập trung chỉ đạo công tác tiêm vắc xin phòng chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi, công tác phòng chống bệnh dại và các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác trên đàn vật nuôi. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi thủy sản. Cụ thể:

+ Tổng đàn trâu bò 563 con, tăng 24 con so với cùng kỳ; Đàn lợn 713 con, tăng 177 con so với cùng kỳ; Gia cầm 44.602 con, tăng 1.301 con so với cùng kỳ.

+ Tiêm vắc xin phòng bệnh dại cho đàn chó: 620 con; vắc xin phòng bệnh lở mồm long móng cho đàn trâu, bò, lợn: 577 lượt con; vắc xin phòng bệnh tụ huyết trùng cho trâu, bò: 258 con; vắc xin viêm da nổi cục cho trâu, bò: 425 con.

+ Diện tích nuôi trồng thủy sản: 68,85 ha. Sản lượng 229 tấn.

2.1.5.2. Về văn hóa - xã hội:

a. Giáo dục - Đào tạo:

UBND xã tiếp tục đầu tư và xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tiểu học, THCS đúng độ tuổi. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục. Trong dạy và học đã chú trọng chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn có nhiều chuyển biến. Khuôn viên cảnh quan sư phạm nhà trường được quan tâm đầu tư sáng, xanh, sạch, đẹp.

Duy trì 3/3 trường học đạt chuẩn quốc gia. Tổ chức tốt lễ trao thưởng cho học sinh thi đỗ đại học và học sinh giỏi, giáo viên giỏi các cấp.

b. Công tác văn hóa – lao động thương binh xã hội:

Phối hợp với UBNDTTQ, các tổ chức chính trị xã hội tiếp tục tuyên truyền cho nhân dân thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2024. Đăng ký các danh hiệu văn hóa: Gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, cơ quan văn hóa. Duy trì các hoạt động thông tin tuyên truyền nhân các ngày lễ, ngày kỷ niệm của đất nước, mừng Đảng, mừng xuân Giáp Dần. Đôn đốc nhân dân treo cờ, băng zôn, khẩu hiệu trên quốc lộ 2D và khu vực công sở; chỉ đạo các khu dân cư, các đơn vị kinh tế, sự nghiệp, các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng vệ sinh đường làng ngõ xóm, trang trí băng zôn tại các nhà văn hóa khu dân cư và tại cơ quan đơn vị. sinh đường làng ngõ xóm, trang trí băng zôn tại các nhà văn hóa khu dân cư và tại cơ quan đơn vị. Phối hợp với đoàn kiểm tra

liên ngành kiểm tra an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến thực phẩm trên địa bàn xã trước tết nguyên đán. Tham gia các hoạt động Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng và Tuần Văn hóa - Du lịch Đất Tổ năm 2024. Triển khai kế hoạch vận động hiến máu tình nguyện năm 2024, kết quả đạt 32/46 chỉ tiêu. Duy trì tốt công tác quản lý nhà nước về hoạt động văn hóa trên địa bàn. Triển khai thực hiện Kế hoạch vận động kinh phí xây dựng mở rộng khuôn viên, xây dựng 2 nhà Hữu vụ, Tả vụ và các hạng mục phụ trợ Đền Trạng nguyên Vũ Duệ. Duy trì hoạt động ban biên tập và bộ phận quản trị kỹ thuật trang thông tin điện tử xã Vĩnh Lại.

Công tác tiếp nhận, hướng dẫn, chi trả chế độ cho các đối tượng người có công, các đối tượng hưởng trợ cấp theo quy định của Nhà nước. Lập danh sách chuyển tiền trợ cấp hàng tháng qua tài khoản ngân hàng cho đối tượng BTXH và NCC. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng chính sách và người có công với cách mạng, người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn trong dịp tết Nguyên Đán.

c. Công tác y tế, dân số và phát triển:

Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được nâng cao, tổ chức khám và cấp phát thuốc theo bảo hiểm y tế được thực hiện đầy đủ theo quy định. Triển khai và thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu y tế Quốc gia đảm bảo đúng tiến độ theo quy định. Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn xã được tăng cường, không có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra. Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chính sách dân số đến mọi tầng lớp nhân dân để nâng cao chất lượng cuộc sống. Tổ chức ra quân chiến dịch dân số mùa xuân năm 2024.

d. Công tác an ninh trật tự:

Duy trì nghiêm chế độ trực 24/24. Xây dựng kế hoạch đảm bảo ANTT trước, trong và sau Tết Nguyên đán; Các sự kiện, ngày lễ lớn của đất nước cũng như của địa phương. 6 tháng đầu năm trên địa bàn xã không có vụ việc gây mất ANTT nghiêm trọng xảy ra. Tham mưu UBND xã thường xuyên kiện toàn, duy trì hoạt động có hiệu quả các tổ Đề án 06 cấp xã, khu dân cư; các Ban ANTT, Tổ liên gia tự quản, Đội dân phòng trên địa bàn xã. Xây dựng kế hoạch tổ chức tập luyện, tham gia hội thi nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ “Tổ liên gia an toàn phòng cháy và chữa cháy” huyện Lâm Thao năm 2024.

Tăng cường công tác tuyên truyền về Luật Căn cước; Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ sửa đổi; các phương thức, thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng; tình trạng các hoạt động tổ chức

hội thảo, giới thiệu sản phẩm, tặng quà. Duy trì hiệu quả mô hình “Camera an ninh”

2.2. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.2.1. Dữ liệu hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

Khu vực thực hiện dự án chưa có dữ liệu điều tra về hiện trạng môi trường, tuy nhiên thực tế các tài liệu tham khảo về báo cáo kinh tế xã hội và tham khảo báo cáo thuyết minh kết quả thực hiện dự án mạng lưới quan trắc và cảnh báo ô nhiễm môi trường tỉnh Phú Thọ qua các năm cho thấy hiện trạng môi trường tại khu vực dự án chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm về môi trường không khí, đất và nước.

2.2.2. Hiện trạng các thành phần môi trường

Hiện trạng môi trường nền đóng vai trò rất quan trọng khi triển khai một dự án nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng sau khi dự án được triển khai. Để có số liệu đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường khu vực thực hiện dự án, trong quá trình thực hiện lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường dự án, chủ dự án và đơn vị tư vấn đã phối hợp với Công ty cổ phần môi trường Đại Nam tiến hành lấy mẫu, phân tích môi trường không khí; đất, nước mặt cho số liệu cụ thể như sau:

Bảng 2. 8. Thời gian lấy mẫu và phân tích mẫu

Thời điểm lấy mẫu	Ngày phân tích	Ký hiệu mẫu
11/7/2024	Từ 12/7/2024 đến 19/7/2024	- Mẫu không khí: K1 - Mẫu đất: Đ1. - Mẫu nước mặt: NM1

2.2.2.1. Môi trường không khí:

- Vị trí lấy mẫu:

+ K1: Mẫu không khí khu vực dự án, tọa độ: X = 2351218.55; Y = 560515.69

Bảng 2. 9. Kết quả chất lượng môi trường không khí trong khu vực dự án

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả K1	QCVN 05:2023/ BTNMT Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	31,1	-
2	Độ ẩm	%	65,3	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,6	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	130	300
5	NO ₂	µg/Nm ³	70	200
6	SO ₂	µg/Nm ³	190	350
7	CO	µg/Nm ³	2.771	30.000

*** Ghi chú:**

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

- (-): Chưa có quy định.

*** Nhận xét chung:** So sánh kết quả phân tích môi trường không khí khu vực dự án với QCVN 05:2023/BTNMT cho thấy các chỉ tiêu phân tích môi trường không khí tại thời điểm lập báo cáo ĐTM đều nằm trong giới hạn các quy chuẩn cho phép.

2.2.2.2. Môi trường nước mặt:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NM: Mẫu nước mặt tại điểm tiếp nhận nước thải của dự án, tọa độ: X = 2351237.73; Y = 560551.42

Bảng 2. 10. Kết quả chất lượng môi trường nước mặt tại khu vực dự án

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1 và bảng 2, mức B)
1	pH	-	7,2	6,0 - 8,5
2	Hàm lượng Oxy hòa tan (DO)	mg/L	6,1	≥5,0
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	15	≤ 100
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)(20°C)	mg/L	5	≤ 6
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	15	≤ 15
6	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	4,21	250
7	Nitrit (NO ₂ ⁻ _N)	mg/L	<0,021 (LOQ=0,021)	0,05
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	0,23	-
9	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	<0,06 (LOQ=0,06)	0,3
10	Photphat (PO ₄ ³⁻ _ P)	mg/L	KPH (MDL=0,02)	-
11	Tổng dầu mỡ	mg/L	KPH (MDL=0,3)	5
12	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,1
13	Tổng coliform	MPN/100 mL	920	≤ 5.000

* Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ Bảng 1 và Bảng 2-mức B: Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người. Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước + Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- (-): Chưa có quy định.

- KPH: Không phát hiện.

*** Nhận xét chung:** Nhìn chung môi trường nước mặt tại khu vực thực hiện

dự án so sánh với QCVN 08:2023/BTNMT cho thấy các chỉ tiêu phân tích môi trường nước mặt tại thời điểm lập báo cáo ĐTM đều nằm trong giới hạn các quy chuẩn cho phép.

2.2.2.3. Hiện trạng môi trường đất:

- Vị trí lấy mẫu:

+ Đ: Mẫu đất khu vực dự án, tọa độ: X = 2351223.36; Y = 560498.34

Bảng 2. 11. Kết quả phân tích chất lượng đất khu vực dự án

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2023/ BTNMT (loại 2)
1	pH _(KCl)	-	6,42	-
2	As	mg/Kg	KPH (MDL=0,4)	50
3	Cd	mg/Kg	0,11	10
4	Pb	mg/Kg	KPH (MDL=6,34)	400
5	Zn	mg/Kg	KPH (MDL=3,73)	600
6	Cu	mg/Kg	KPH (MDL=9,5)	500

* Ghi chú:

- (-): Chưa có quy định.

- QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

+ Loại 2: Nhóm đất rừng gồm: Đất rừng sản xuất, Đất rừng phòng hộ, Đất rừng đặc dụng; - Đất xây dựng trụ sở cơ quan; - Đất xây dựng công trình sự nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai; - Đất thương mại, dịch vụ; - Đất công trình năng lượng; đất công trình bưu chính, viễn thông; - Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; - Đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; - Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng mà không sử dụng theo các mục đích như nêu tại Loại 1 và Loại 3; - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; - Đất phi nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai.

* **Nhận xét:** Từ kết quả phân tích trên cho thấy môi trường đất trong khu vực dự án có các chỉ tiêu phân tích đánh giá chất lượng đất đều cho giá trị bình thường, môi trường đất không có dấu hiệu ô nhiễm. Chất lượng đất đủ điều kiện để phục vụ xây dựng dự án.

2.2.3. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

Qua khảo sát thực tế tại dự án cho thấy khu vực thực hiện dự án có độ đa dạng sinh học thấp, bao gồm các hệ sinh thái (HST) như sau:

- HST nông nghiệp: hầu hết là các giống bản địa thích nghi với điều kiện thời tiết, đất đai ở địa phương.

- HST thủy vực: Giáp phía Đông của dự án là ruộng nước với một số loài sinh vật đặc trưng như bèo, các loại rong, tảo, một số các loài cây cỏ sống trên bờ; một số loại cá và các loài ốc sống tầng đáy.

- HST nhà ở: Gồm các hộ dân sinh sống xung quanh dự án. Ngoài cây trồng, vật nuôi cũng có một số loài hoang dại. Các loài cây trồng cung cấp thực

phẩm, vật liệu xây dựng, làm thuốc, làm cảnh, bóng mát. Động vật nuôi có gia súc, gia cầm, cung cấp thực phẩm cho hộ dân,... Cũng có một số động vật hoang dã như chuột, một số loài chim, lưỡng cư, bò sát,...

2.3. NHẬN DẠNG CÁC ĐỐI TƯỢNG BỊ TÁC ĐỘNG, YẾU TỐ NHẠY CẢM VỀ MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các đối tượng bị tác động do hoạt động kinh doanh của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2. 12. Bảng nhận dạng các đối tượng bị tác động và yếu tố nhạy cảm

Giai đoạn của dự án	Nguồn phát sinh chất thải	Các chất thải phát sinh	Đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm
Giai đoạn thi công xây dựng	- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu; thi công xây dựng	- Khí thải, tiếng ồn từ các phương tiện vận tải; - Nước thải sinh hoạt của công nhân. - CTR và CTNH	- Không khí khu vực dự án và dọc tuyến đường vận chuyển; - Sức khỏe công nhân làm việc tại khu vực xây dựng; - Các đối tượng dọc tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công; - Hệ thống thoát nước thải chung của khu vực. - Hạ tầng giao thông trong quá trình thi công - Đất trồng lúa 02 vụ
Giai đoạn hoạt động của dự án	- Hoạt động xuất nhập xăng dầu tại bồn chứa - Hoạt động kinh doanh, bán lẻ xăng dầu tại cửa hàng	- CTR công nghiệp thông thường. - Chất thải nguy hại. - Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông ra vào cửa hàng - Nước mưa chảy tràn - Nước mưa chảy tràn nhiễm xăng, dầu	- Môi trường không khí khu vực dự án. - Hệ thống thoát nước thải chung của khu vực xã Vĩnh Lại.
	- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại cửa hàng	- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên và một lượng khách hàng đến cửa hàng. - Chất thải rắn sinh hoạt.	- Môi trường không khí xung quanh khu vực dự án. - Hệ thống thoát nước thải chung của khu vực xã Vĩnh Lại.

2.4. SỰ PHÙ HỢP CỦA ĐỊA ĐIỂM LỰA CHỌN THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tại thời điểm lập hồ sơ ĐTM dự án, tỉnh Phú Thọ chưa có quy hoạch bảo vệ

môi trường tỉnh song khu vực thực hiện Dự án “Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại” được xây dựng trên các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 03/2023/TĐĐC-TC của xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ với tổng diện tích là 2.368,7 m² hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Thao được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt tại Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ;

Vị trí thực hiện dự án đảm bảo các quy định về an toàn môi trường và phù hợp với QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch Xây dựng.

Dự án phù hợp với chủ trương phát triển kinh doanh góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn của UBND huyện Lâm Thao nói riêng và của tỉnh Phú Thọ nói chung nhằm góp phần vào quá trình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, cụ thể:

- Góp phần vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành DV-CN;
- Tạo ra việc làm ổn định cho lao động địa phương;
- Tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương.

CHƯƠNG III

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Dự án “Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại” của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ được thực hiện tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ trong quá trình triển khai sẽ bao gồm 2 giai đoạn với tính chất gây ô nhiễm môi trường khác nhau, cụ thể:

- Giai đoạn 1: Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng dự án và lắp đặt máy móc thiết bị.
- Giai đoạn 2: Giai đoạn Dự án đi vào hoạt động.

Bảng 3. 1. Bảng tổng hợp tác động của dự án trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành Dự án

TT	Hạng mục	Nguồn gây tác động	Đối tượng và phạm vi tác động	Quy mô tác động
I	Giai đoạn chuẩn bị, san gạt mặt bằng			
1	- Chuẩn bị nguồn vốn; các thủ tục pháp lý. - Lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở. - Lựa chọn nhà thầu thi công.	Không phát sinh nguồn thải	Không gây tác động đến môi trường	
2	Phát quang, nạo vét bùn hữu cơ, san lấp mặt bằng	Đổ đất san lấp mặt bằng khu vực dự án.	* <u>Đối tượng</u> : Môi trường không khí, bụi, khí thải, tiếng ồn. * <u>Phạm vi</u> : Trong khu vực dự án. - Nguồn nước mặt xung quanh khu vực dự án.	- Trong suốt thời gian chuẩn bị mặt bằng dự án (20 ngày). - Mức độ tác động trung bình và có thể giảm thiểu.
II	Giai đoạn thi công xây dựng dự án (thời gian thực hiện: 60 ngày)			
1	- Vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị ... - Xây dựng các hạng mục công trình của dự án (văn phòng, đào	- Vận chuyển tập kết nguyên nhiên vật liệu phục vụ thi công. - Đào móng thi công xây dựng các hạng mục	* <u>Đối tượng</u> : - Môi trường không khí: bụi, khí thải, tiếng ồn. - Môi trường nước: tăng độ đục, dầu mỡ. - Chất thải rắn sinh hoạt và xây dựng (vỏ bao nilon, giẻ lau...).	- Trong suốt thời gian thi công xây dựng dự án. - Mức độ tác động trung bình và có thể giảm thiểu.

	bơm xăng dầu, bể chứa xăng dầu và các công trình phụ trợ khác)	công trình dự án;	* Phạm vi: - Trong khu vực dự án và các cơ sở sản xuất kinh doanh lân cận trong bán kính 100m. - Dọc tuyến đường vận chuyển (Đường QL.2D)	
III	Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị (trong thời gian 5 ngày)			
	Vận chuyển lắp đặt máy móc thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh	- Vận chuyển máy móc, thiết bị đến cửa hàng - Bốc dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị	* Đối tượng: - Môi trường không khí: bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển. - Nước thải, chất thải rắn sinh hoạt của các cán bộ công nhân tham gia lắp đặt máy móc. - Chất thải rắn: bìa carton, nilon, đầu mẫu kim loại, gỗ thừa..... - CTR nguy hại: vỏ can đựng dầu mỡ, giẻ lau dính dầu. - Tiếng ồn do phương tiện vận chuyển. * Phạm vi: - Trong khu vực dự án. - Dọc tuyến đường vận chuyển (đường QL.2D)	- Trong thời gian vận chuyển, lắp đặt thiết bị. - Mức độ tác động thấp và có thể giảm thiểu.
IV	Giai đoạn vận hành dự án			
	Dự án đi vào hoạt động	- Sinh hoạt hàng ngày cán bộ công nhân tại cửa hàng - Hoạt động kinh doanh, bán lẻ xăng dầu - Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào cửa hàng	* Đối tượng: - Môi trường không khí: + Hơi xăng dầu từ hoạt động xuất nhập, bán lẻ xăng dầu + Bụi, tiếng ồn, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào cửa hàng. - Chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động của cửa hàng. - Nước thải:	- Trong suốt thời gian hoạt động của dự án. - Mức độ tác động trung bình và có thể giảm thiểu.

			+ Nước thải sinh hoạt. + Nước mưa chảy tràn nhiễm xăng dầu. - Nước súc rửa bồn chứa xăng dầu định kỳ 2 năm/lần * <u>Phạm vi</u> : - Trong khu vực dự án. - Dọc tuyến đường QL.2D	
--	--	--	---	--

3.1. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG

3.1.1. Đánh giá, dự báo tác động

3.1.1.1. Đánh giá tác động trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng:

a. Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải:

a1. Tác động đến môi trường không khí:

Các tác động đến môi trường không khí do quá trình thi công san lấp mặt bằng bao gồm:

- Bụi sinh ra do quá trình san ủi, vận chuyển vật liệu san nền.
- Bụi và các chất khí SO₂, NO₂, CO do khói thải của xe cơ giới vận chuyển vật liệu san lấp, vật liệu xây dựng.

* Ô nhiễm bụi do hoạt động san lấp mặt bằng:

Theo tài liệu đánh giá nhanh của WHO thì hệ số trung bình phát tán bụi đối với hoạt động trong giai đoạn san lấp mặt bằng và bốc dỡ nguyên vật liệu được ước tính ở bảng sau:

Bảng 3. 2. Hệ số phát thải ô nhiễm trong hoạt động chuẩn bị mặt bằng và xây dựng

Nguyên nhân gây ô nhiễm	Ước tính hệ số phát thải
Bụi sinh ra do quá trình đào đất, san ủi mặt bằng bị gió cuốn lên (bụi cát).	1,0 ÷ 100 g/m ³
Bụi sinh ra do quá trình bốc dỡ vật liệu xây dựng (xi măng, đất, đá, cát...), máy móc, thiết bị.	0,1 ÷ 1,0 g/m ³
Xe vận chuyển cát, đất làm rơi vãi trên mặt đường phát sinh bụi.	0,1 ÷ 1,0 g/m ³

(Nguồn: Tài liệu đánh giá nhanh của WHO, 1986)

Trong giai đoạn san lấp mặt bằng, dự tính tổng khối lượng nạo vét bùn hữu cơ và đào đắp mặt bằng như sau:

Bảng 3. 3. Khối lượng đào, đắp và san lấp mặt bằng

Hạng mục công trình	Khối lượng nạo vét, đắp nền dự án	
	m ³	tấn (1,65 tấn/m ³)
Khối lượng đất đào	0	0

Khối lượng đất đắp	6.221,66	10.265,74
Khối lượng vét bùn hữu cơ	244,51	403,44
Tổng khối lượng	6.466,17	10.669,18
<i>* Ghi chú: Tỷ trọng của đất là 1,65 tấn/m³</i>		

[Nguồn: Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ]

Dự án được thực hiện trên nền đất lúa nước vì vậy để san nền xây dựng Dự án cần phải nạo vét lớp đất bùn hữu cơ trước khi san lấp để có mặt bằng xây dựng. Trên tổng diện tích 2.368,7 m² đất trồng lúa, chủ dự án tiến hành bóc bỏ phần đất hữu cơ, đất thải dày trung bình khoảng 20cm với tổng khối lượng vét bùn 244,51 m³. Ngoài ra, chủ dự án tiến hành san nền theo phương pháp lưới ô vuông với tổng khối lượng đất đắp là 6.221,66 m³.

Sử dụng hệ số phát thải ở *Bảng 3.2*, ước tính lượng bụi phát sinh do quá trình đào đắp đất san gạt mặt bằng tại khu vực dự án (*trong thời gian thực hiện san ủi là 20 ngày*) khoảng $323,31 \div 32.331$ g/ngày. Với tổng diện tích khu vực dự án là 2.368,7 m², tính chiều cao phát tán là 10m, tổng thể tích khu vực thi công là 23.687 m³, do đó nồng độ bụi phát tán trong khu vực dự án này sẽ được tính theo công thức:

$$C = \frac{TP}{V}$$

Trong đó:

+ C: là nồng độ bụi phát tán (mg/m³)

+ TP: là tải lượng bụi phát sinh (mg)

+ V: là thể tích khu vực thi công (m³)

→ Vậy nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công là $1,71 \div 171$ mg/m³/h (*với thời gian làm việc là 8h/ngày*).

Theo QCVN 05:2023/BTNMT quy định nồng độ bụi giới hạn là 0,3 mg/m³/h). Như vậy, kết quả tính toán cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm do quá trình san ủi mặt bằng trong khu vực thi công vượt giới hạn quy chuẩn cho phép nhiều lần do vậy chủ dự án cần có biện pháp tổ chức thi công khoa học, hợp lý và áp dụng các biện pháp giảm thiểu bụi trong suốt quá trình thi công xây dựng nhằm giảm tới mức thấp nhất tác động của bụi tới người lao động, đời sống nhân dân cũng như môi trường không khí xung quanh khu vực dự án.

* Ô nhiễm không khí do bụi cuốn lên mặt đất tại khu vực thực hiện san lấp

Trong giai đoạn san lấp mặt bằng khu vực dự án, tổng diện tích khu vực dự án là 2.368,7 m², ước tính tổng khối lượng đất san lấp vận chuyển là 6.466,17 m³ ($\approx 10.669,18$ tấn). Như vậy, số ô tô cần thiết để vận chuyển khối lượng đất trên khoảng 1.066 lượt xe, (tải trọng xe sử dụng: 10 tấn/xe, nhiên liệu sử dụng: dầu diesel). Phương án thi công theo hình thức cuốn chiếu, thời gian san lấp mặt bằng kéo dài trong 20 ngày do đó dự báo số lượng xe hàng ngày phục vụ san lấp

mặt bằng khu vực dự án là 53 lượt xe/ngày, chủ dự án sẽ sử dụng khoảng 5 xe ô tô có trọng tải 10 tấn/xe trong giai đoạn san lấp mặt bằng.

Vật liệu san lấp mặt bằng là đất mua tại các mỏ đất được cấp phép khai thác hoặc các công trình xây dựng đổ thải đất thừa (như thi công hạ tầng khu, cụm công nghiệp, đường giao thông...) trên địa bàn huyện Lâm Thao hoặc các huyện khác có khoảng cách đến khu vực dự án trung bình 30km. Trong những ngày khô hanh, hoạt động của các phương tiện san lấp mặt bằng và nguyên vật liệu xây dựng qua lại trên các tuyến đường trong khu vực thường phát sinh bụi đất từ mặt đường làm tăng đáng kể hàm lượng bụi trong không khí xung quanh.

Theo tài liệu Air Chief của Cục Môi trường Mỹ đã chỉ ra mối quan hệ giữa lượng bụi thải vào môi trường do quá trình san lấp mặt bằng được thể hiện bằng phương trình sau:

$$E = k(0,0016) \times (U/2,2)^{1,3} / (M/2)^{1,4} \text{ (kg/tấn)}.$$

Trong đó:

- + E : là hệ số phát tán bụi cho 01 tấn vật liệu.
- + k : là hệ số không thức nguyên cho kích thước bụi.
- + ($k = 0,74$ cho các hạt bụi kích thước < 30 micromet)
- + U : là tốc độ trung bình của gió (lấy $U = 2$ m/s)
- + M : là độ ẩm của vật liệu (lấy $M = 20\%$)

Hệ số phát thải này đã tính cho toàn bộ vòng vận chuyển và đưa đi sử dụng, bao gồm:

- Đổ đất, cát thành đồng.
- Xe cộ đi lại trong khu vực chứa vật liệu.
- Gió cuốn trên bề mặt đồng vật liệu và vùng đất xung quanh.
- Lấy vật liệu đi để sử dụng.

Thay các giá trị này vào phương trình trên ta có:

$$E = 0,74 \times (0,0016) \frac{(2/2,2)^{1,3}}{(0,2/2)^{1,4}} = 0,014 \text{ (kg/tấn)}$$

Với tổng khối lượng san lấp tạo mặt bằng theo tính toán của dự án là $6.466,17 \text{ m}^3 \approx 10.669,18$ tấn, thời gian san lấp là 20 ngày. Vậy ta có thể tính toán thải lượng bụi phát sinh do hoạt động san lấp mặt bằng theo thời gian là:

$$M = (10.669,18 \times 0,014) / 20 \times (1000/28800) = 0,259 \text{ (g/s)}$$

Từ kết quả trên cho thấy, lượng bụi phát tán vào môi trường xung quanh sẽ khá lớn nếu như thi công vào mùa khô và có gió lớn.

* Ô nhiễm bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển trên đường:

Trong những ngày khô nóng, hoạt động của các phương tiện vận chuyển vật liệu san lấp và nguyên vật liệu xây dựng qua lại trên đường nội bộ và các tuyến đường trong khu vực thường phát sinh bụi đất từ mặt đường và các loại

khí thải làm tăng đáng kể hàm lượng bụi và các chất khí (SO_2 , NO_2 , CO, VOC) trong không khí xung quanh.

Mức độ gây ô nhiễm không khí còn do các phương tiện vận tải và thi công trên công trường phụ thuộc nhiều vào chất lượng đường giao thông, mật độ và lưu lượng xe chạy trên đường và chất lượng kỹ thuật của xe, mức tiêu hao nhiên liệu và chất lượng nhiên liệu sử dụng và phụ thuộc vào cả tốc độ phát tán bụi và khí thải.

Theo cơ quan BVMT của Mỹ (USEPA) và Tổ chức Y tế thế giới (WHO), thải lượng chất ô nhiễm do các loại ô tô chạy xăng và ô tô tải như sau:

Bảng 3. 4. Thải lượng chất ô nhiễm đối với xe ô tô chạy xăng

Chất ô nhiễm	Thải lượng (g/km)		
	Động cơ < 1400 cc	Động cơ 1400-2000cc	Động cơ >2000 cc
Bụi	0,07	0,07	
SO_2	1,9 S	2,22 S	2,74 S
NO_2	1,64	1,87	2,25
CO	45,60	45,6	45,6
VOC	3,86	3,86	3,86
* Ghi chú: S là hàm lượng của lưu huỳnh trong xăng dầu (%) (Nguồn: Theo WHO, 1993)			

Bảng 3. 5. Thải lượng chất ô nhiễm đối với xe tải

Chất ô nhiễm	Thải lượng (g/km)					
	Tải trọng xe < 3,5 tấn			Tải trọng xe 3,5 - 16 tấn		
	Trong TP	Ngoài TP	Đ. cao tốc	Trong TP	Ngoài TP	Đ. cao tốc
Bụi	0,20	0,15	0,30	0,90	0,09	0,09
SO_2	1,16 S	0,84 S	1,30 S	4,29 S	4,15 S	4,15 S
NO_2	0,70	0,55	1.00	1,18	1,44	1,44
CO	1,00	0,85	1.25	6,00	2,90	2,90
VOC	0,15	0,40	0,40	2,60	0,80	0,80
* Ghi chú: S là hàm lượng của lưu huỳnh trong xăng dầu (%) (Nguồn: Theo WHO, 1993)						

+ Với tổng khối lượng đất san lấp mặt bằng là: $6.466,17 \text{ m}^3 \approx 10.669,18$ tấn.

+ Khối lượng vận chuyển mỗi ngày là: $10.669,18 \text{ tấn}/20 \text{ ngày} = 535,46$ tấn/ngày.

+ Tải trọng trung bình của mỗi xe là 10 tấn/xe. Mỗi ngày sẽ có khoảng gần 53 lượt xe vào khu vực này. Thời gian thi công trong ngày là 8 giờ. Số lượt xe chạy 01 giờ là 7 xe/giờ. Giả thiết khoảng cách mỗi lượt xe vận chuyển là 100m. Vậy tổng quãng đường vận chuyển ước tính là: $7 \text{ xe/giờ} \times 100\text{m} = 700$ km.

Tải lượng, nồng độ bụi và các chất ô nhiễm được tính toán theo mô hình khuếch tán nguồn đường dựa trên định mức thải của Tổ chức Y tế thế giới WHO đối với các xe vận tải dùng xăng dầu như sau:

$$C = 0,8E \frac{\left\{ \exp\left[\frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2}\right] + \exp\left[\frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2}\right] \right\}}{\sigma_z u} \quad (* \text{ Công thức Sutton})$$

(Nguồn: Theo Môi trường không khí - Phạm Ngọc Đăng. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật).

Trong đó:

+ $\sigma_z = 0,53x^{0,73}$ là hệ số khuếch tán của khí quyển theo phương thẳng đứng

+ C : Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m^3);

+ E : Lưu lượng nguồn thải ($\text{mg}/\text{m.s}$);

+ z : độ cao điểm tính (m);

+ u : tốc độ gió trung bình thời vuông góc với nguồn đường (m/s); $u = 3\text{m}/\text{s}$.

+ h : độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m); $h = 0,3\text{m}$

Độ cao điểm tính được lấy là độ cao con người chịu tác động trực tiếp của bụi, khí thải chưa bị khí quyển pha loãng; x là khoảng cách (tọa độ) của điểm tính so với nguồn thải, tính theo chiều gió thổi. Để đơn giản cho việc tính toán, ta lấy biến thiên mỗi khoảng tọa độ ngang và tọa độ thẳng đứng là như nhau hay $x = z = 1,5 \text{ m}$. Tải lượng nguồn thải được tính:

$$E = \text{số xe/giờ} \times \text{quãng đường} \times \text{hệ số ô nhiễm} / 1000$$

Bảng 3. 6. Thải lượng nguồn thải trong thời gian san gạt mặt bằng

STT	Loại chất thải	Hệ số ô nhiễm theo WHO ($\text{kg}/1000 \text{ km}$)	Tải lượng E (kg)
1	TSP	0,9	0,63
2	SO ₂	4,29	3,003
3	NO ₂	1,18	0,826
4	CO	6,0	4,2
5	VOC	2,6	1,82

* **Nhận xét:** Qua các số liệu tính toán trong bảng trên cho thấy, thải lượng các loại chất thải phát sinh ra ngoài môi trường tương đối nhỏ. Tuy nhiên, chủ dự án cần có biện pháp tổ chức thi công khoa học, hợp lý và áp dụng các biện pháp giảm thiểu bụi trong suốt quá trình thi công xây dựng nhằm giảm tới mức thấp nhất tác động của bụi và các khí thải tới người lao động cũng như môi trường không khí xung quanh dự án.

a2. Tác động môi trường nước:

*** Nước thải sinh hoạt:**

Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng cần số lượng khoảng 5 công nhân do đó căn cứ vào nhu cầu nước cấp dùng cho mục đích sinh hoạt khoảng 45 lít/người/ngày và lượng nước thải phát sinh bằng 100% lượng nước cấp là: $100\% \times 45 \text{ lít}/\text{người}/\text{ngày} \times 5 \text{ người} = 0,225 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Lượng nước này không nhiều nhưng do đặc tính nước thải cùng với các chất bài tiết có chứa nhiều loại vi sinh vật gây bệnh nếu như không được xử lý, nước thải được thải trực tiếp ra hệ thống thoát nước chung sẽ gây ô nhiễm môi

trường nước, gây mùi hôi thối và ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực vì vậy chủ dự án cần yêu cầu đơn vị thi công sử dụng nhà vệ sinh di động theo đúng quy định.

*** Nước mưa chảy tràn:**

Khi bóc bỏ lớp thảm thực vật chuẩn bị cho quá trình đào, đắp, san gạt tạo mặt bằng nếu gặp mưa to thì lượng nước mưa chảy tràn sẽ gây xói lở, bồi lắng dòng chảy làm tăng hàm lượng chất lơ lửng trong môi trường nước. Ngoài ra, khi nước mưa tràn trên bề mặt sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm trên bề mặt khu vực như dầu mỡ, các chất lơ lửng, các chất hữu cơ,... gây ô nhiễm nguồn nước mặt xung quanh khu vực dự án và nồng độ ô nhiễm tập trung vào đầu cơn mưa (tính từ khi mưa bắt đầu hình thành dòng chảy trên bề mặt cho đến 15 hoặc 20 phút sau đó). Tuy nhiên, căn cứ diện tích mặt bằng và hiện trạng các công trình thì dự kiến thời gian san lấp mặt bằng khoảng 20 ngày và bố trí vào thời điểm mùa khô của năm để hạn chế lượng nước mưa chảy tràn trên mặt bằng thi công nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất tác động tới môi trường khu vực.

a3. Tác động môi trường chất thải rắn:

- Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn san lấp mặt bằng chủ yếu là bùn đất hữu cơ từ quá trình nạo vét, ước tính khối lượng đất bùn thải bỏ, đưa ra khỏi công trường chỉ khoảng $244,51 \text{ m}^3 \approx 403,44 \text{ tấn}$. Chủ dự án sẽ có phương án xử lý chất thải phát sinh để hạn chế tác động tới môi trường.

Ngoài ra, còn có một khối lượng nhỏ thực bì (rơm rạ, các trảng cây bụi) ước tính khoảng 1 tấn được người dân thu gom trước khi tiến hành nạo vét bùn hữu cơ khu vực dự án.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh do sinh hoạt của công nhân trong quá trình chuẩn bị mặt bằng song các công nhân chủ yếu là lái xe và công nhân điều khiển máy móc thiết bị được thuê tại địa phương nên không ở lại và sinh hoạt tại công trường do đó không có chất thải rắn sinh hoạt phát sinh cần phải xử lý.

- Tác động đến môi trường: Đặc trưng các thành phần của các loại sinh khối thực vật từ phát quang chủ yếu là các chất hữu cơ từ xác thực vật, dễ phân hủy tạo thành các chất hữu cơ dễ bay hơi gây mùi hôi, khó chịu; các chất hòa tan trong nước có khả năng tạo mùn cao,... Khi không được thu gom xử lý có khả năng phát tán ô nhiễm, gây tác động tiêu cực đối với môi trường tự nhiên, sinh thái và sức khỏe cộng đồng khu vực dự án.

b. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải:

b1. Tác động đến môi trường sinh thái khu vực dự án:

Trong quá trình san lấp tạo mặt bằng của dự án sẽ làm thay đổi địa hình, địa mạo, cấu trúc địa chất (lớp đất nền), cảnh quan khu vực gây tác động tới hệ sinh thái trên cạn và hệ sinh thái dưới nước.

b2. Dự báo những rủi ro, sự cố môi trường:

- Tai nạn lao động: Rủi ro về an toàn lao động liên quan trong giai đoạn này được xác định chủ yếu do tính bất cẩn trong lao động, thiếu trang bị bảo hộ lao động, hoặc do thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động của công nhân thi công.

3.1.1.2. Đánh giá các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

a. Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải:

Bảng 3. 7. Nguồn phát sinh chất thải trong quá trình xây dựng dự án

TT	Các hoạt động	Nguồn gây tác động
1	Vận chuyển, tập kết nhiên, nguyên vật liệu phục vụ thi công công trình	- Bụi và khí thải: khí CO, SO ₂ , NO ₂ , bụi khói phát sinh từ hoạt động của các xe tải vận chuyển vật liệu xây dựng (xi măng, sắt thép, cát, đá,...)
2	Quá trình đào móng thi công xây dựng công trình	- Bụi và khí thải do máy xúc; vận chuyển đất đào móng gây ra.
3	Xây dựng các hạng mục công trình	- Bụi, khí thải từ xây dựng; - Khí thải từ công đoạn hàn, cắt sắt thép khi thi công xây dựng; - Các loại chất thải rắn (đất, đá, gỗ, cặn sơn, bột bả,...) trong quá trình thi công, hoàn thiện công trình của dự án. - Nước thải từ quá trình rửa các dụng cụ thi công; - Nước mưa chảy tràn qua toàn bộ khu vực dự án cuốn theo các chất thải.
4	Sinh hoạt của công nhân tại khu vực xây dựng dự án	- Sinh hoạt của 5 công nhân trên công trường xây dựng gây phát sinh CTR sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.

Trên cơ sở phân tích các hoạt động của dự án có thể tính toán và định lượng cho các nguồn gây ô nhiễm như sau:

a1. Tác động do bụi và khí thải.

Các tác động đến môi trường không khí trong quá trình thi công xây dựng bao gồm:

- Khói thải từ các phương tiện vận tải, máy móc và thiết bị thi công trên khu vực thi công như xe tải, máy xúc đào, máy lu đầm, máy khoan cắt bê tông, máy đóng cọc... Hầu hết các loại xe tải và máy móc thiết bị nêu trên đều chạy bằng xăng dầu, do đó trong khói thải có chứa nhiều loại khí độc hại như SO₂, NO_x, CO, tổng hydrocacbon và bụi.

- Bụi đất đá và cát bị gió cuốn lên trong quá trình đào móng, xây dựng các hạng mục công trình;

- Bụi phát sinh do hoạt động của các phương tiện vận tải.

*** Ô nhiễm bụi từ quá trình đào móng công trình và tập kết vật liệu xây dựng tại khu vực thi công:**

Theo tài liệu đánh giá nhanh của WHO thì hệ số trung bình phát tán bụi đối với từng hoạt động trong giai đoạn san lấp mặt bằng và bốc dỡ nguyên vật liệu được ước tính ở bảng sau:

Bảng 3. 8. Hệ số phát thải ô nhiễm trong hoạt động xây dựng

TT	Nguyên nhân gây ô nhiễm	Ước tính hệ số phát thải
1	Bụi sinh ra do quá trình đào móng công trình bị gió cuốn lên (bụi, cát)	1,0-100 g/m ³
2	Bụi sinh ra do quá trình bốc dỡ vật liệu xây dựng (xi măng, đất, đá, cát...), máy móc, thiết bị	0,1-1,0 g/m ³
3	Xe vận chuyển cát, đất làm rơi vãi trên mặt đường phát sinh bụi	0,1-1,0 g/m ³

(Nguồn: Tài liệu đánh giá nhanh của WHO, 1986)

- Ô nhiễm bụi từ quá trình đào đất làm móng các công trình:

Tải lượng bụi khuếch tán vào môi trường không khí trong quá trình san lấp mặt bằng được tính toán dựa trên hệ số ô nhiễm và khối lượng đào đắp. Theo tài liệu hướng dẫn đánh giá tác động môi trường của Ngân hàng thế giới (Theo tài liệu hướng dẫn của Ngân hàng thế giới - *Environmental Assessment Sourcebook Volume II - Sectoral Guidelines Environmental Department, World Bank, Washington DC, 8/1991*) hệ số ô nhiễm được tính bằng công thức sau:

$$E = k \times 0,0016 \times (U/2,2)^{1,4} / (M/2)^{1,3}$$

Trong đó:

+ E: Hệ số ô nhiễm (kg/tấn)

+ k: Cấu trúc hạt, có giá trị trung bình 0,35

+ U: Tốc độ gió trung bình, U = 2 m/s

+ M: Độ ẩm trung bình của vật liệu, M = 20%

Thay vào công thức trên, tính được hệ số ô nhiễm bụi là:

$$E = 0,35 \times (0,0016) \frac{(2 \div 2,2)^{1,4}}{(0,2 \div 2)^{1,3}} = 0,009(\text{kg/tấn})$$

Dựa vào hồ sơ thiết kế cơ sở các hạng mục công trình xây dựng của cửa hàng, dự toán công trình, chúng tôi tính toán sẽ có khoảng 271,88 m³ ≈ 448,602 tấn đất được đào trong quá trình làm móng xây dựng công trình (Dự kiến thời gian đào móng là 20 ngày).

Tải lượng bụi phát sinh trong quá trình đào móng theo công thức sau:

$$M_{\text{bụi}} = \text{khối lượng đào móng/ngày} \times \text{hệ số ô nhiễm (E)}$$

Thay số, tính toán được tải lượng ô nhiễm như sau (ngày thi công 8 tiếng)

$$M_{\text{bụi}} = (448,602 / 20) \text{tấn/ngày} \times 0,009 \text{ kg/tấn} = 0,202 \text{ kg/ngày} = 0,007 \text{ g/s}$$

Việc phát sinh nồng độ bụi cao là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên do

diện tích khu vực dự án rộng, việc thực hiện đào móng diễn ra trong thời gian ngắn, vì vậy tác động do bụi từ hoạt động đào móng chủ yếu gây nên ảnh hưởng cục bộ trong khu vực dự án, tác động đến sức khỏe của công nhân trên công trường.

- *Ô nhiễm bụi từ quá trình bốc dỡ và tập kết vật liệu xây dựng:*

Quá trình bốc dỡ và tập kết nguyên vật liệu như cát, đá, xi măng tại khu vực thi công xây dựng sẽ gây phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

Theo bảng dự toán công trình, tổng khối lượng nguyên vật liệu cần sử dụng cho công trình khoảng 1.248 m³. Như vậy, nếu quy ước hệ số phát thải của bụi là 0,1 ÷ 1,0 g/m³ thì tổng lượng bụi phát sinh trong quá trình này là 124,8g ÷ 1.248g bụi (trong 02 tháng xây dựng = 60 ngày). Như vậy, lượng bụi trung bình phát sinh từ bốc dỡ và tập kết vật liệu xây dựng trong giai đoạn xây dựng là 2,08 g/ngày ÷ 20,8 g/ngày. Tổng diện tích xây dựng trong khu vực là 2.368,7 m², tính chiều cao phát tán là 10m, thì nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công là 0,88 ÷ 8,8mg/m³ (theo QCVN 05:2023/BTNMT là 0,3 mg/m³).

Từ kết quả trên cho thấy lượng bụi trong quá trình bốc dỡ tập kết vật liệu xây dựng sẽ phát tán vào môi trường xung quanh nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép tuy nhiên chủ dự án sẽ có các biện pháp che chắn khi thi công công trình để tránh gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

* *Ô nhiễm bụi và khí thải do hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng:*

Trong những ngày khô nóng, hoạt động của các phương tiện vận chuyển vật liệu qua lại trên đường quốc lộ 2D và một số tuyến đường nhánh của quốc lộ 2D thường phát sinh bụi đất từ mặt đường và các loại khí thải làm tăng đáng kể hàm lượng bụi và các chất khí (SO₂, NO₂, CO, TSP) trong không khí xung quanh.

Mức độ gây ô nhiễm không khí còn do các phương tiện vận tải và thi công trên khu vực xây dựng phụ thuộc nhiều vào chất lượng đường giao thông, mật độ và lưu lượng xe chạy trên đường và chất lượng kỹ thuật của xe, mức tiêu hao nhiên liệu và chất lượng nhiên liệu sử dụng và phụ thuộc vào cả tốc độ phát tán bụi và khí thải.

Theo cơ quan BVMT của Mỹ (USEPA) và Tổ chức Y tế thế giới (WHO), thải lượng chất ô nhiễm do các loại ô tô chạy xăng và ô tô tải như sau:

Bảng 3. 9. Thải lượng chất ô nhiễm đối với xe tải

Chất ô nhiễm	Thải lượng (g/km)					
	Tải trọng xe < 3,5 tấn			Tải trọng xe 3,5 - 16 tấn		
	Trong TP	Ngoài TP	Đ. cao tốc	Trong TP	Ngoài TP	Đ. cao tốc
Bụi	0,20	0,15	0,30	0,90	0,09	0,09
SO ₂	1,16 S	0,84 S	1,30 S	4,29 S	4,15 S	4,15 S
NO ₂	0,70	0,55	1.00	1,18	1,44	1,44

CO	1,00	0,85	1.25	6,00	2,90	2,90
VOC	0,15	0,40	0,40	2,60	0,80	0,80
Ghi chú: S là hàm lượng của lưu huỳnh trong xăng dầu (%) (Nguồn: Theo WHO, 1993)						

- + Với tổng khối lượng nguyên vật liệu là: $1.248 \text{ m}^3 \approx 1.958 \text{ tấn}$.
- + Khối lượng vận chuyển mỗi ngày là: $1.958 \text{ tấn}/60 \text{ ngày} = 32,63 \text{ tấn/ngày}$ (thời gian thi công xây dựng 02 tháng).
- + Giả thiết khoảng cách vận chuyển trung bình là 50 km. Tải trọng trung bình của mỗi xe là 10 tấn với số lượt xe cần sử dụng để vận chuyển khoảng 12 lượt xe/ngày (06 lượt xe có tải và 06 lượt xe không tải). Vậy tổng quãng đường vận chuyển ước tính là: 600 km.
- + Thời gian thi công trong ngày là 8 giờ.
- + Số lượt xe chạy 01 giờ là 6 xe/giờ.

Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thiết lập đối với các loại xe vận tải sử dụng dầu DO có tải trọng 3,5 - 16 tấn, có thể ước tính được tổng lượng bụi và các chất ô nhiễm trong khí thải phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng trong giai đoạn này như sau:

Bảng 3. 10. Thải lượng bụi và các khí ô nhiễm của các phương tiện vận chuyển phát sinh tại khu vực dự án trong giai đoạn xây dựng

Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải (g/1.000km)	Tổng chiều dài quãng đường tính toán (km/ngày)	Tải lượng (mg/ngày)
Bụi	0,09	600	0,054
SO ₂	4,15 S		2,490
NO ₂	1,44		8,64
CO	2,90		1,740
VOC	0,80		0,48

→ Nhận xét:

Từ những kết quả tính toán ở trên cho thấy các chất gây ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên trong tính toán này bỏ qua ảnh hưởng cộng hưởng từ các phương tiện giao thông có sẵn trên đường và không tính toán các nguồn đất rơi vãi trực tiếp từ trên thùng xe xuống.

Tuy nhiên, để đảm bảo quá trình vận chuyển không làm ảnh hưởng đến môi trường và dân cư, Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp kỹ thuật và quản lý chặt chẽ các xe vận chuyển nhằm giảm thiểu tối đa nguồn ô nhiễm này.

*** Hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công trên khu vực xây dựng:**

Lượng khí thải phát sinh do máy móc, thiết bị thi công trên khu vực xây dựng phụ thuộc vào số lượng, chất lượng của các máy móc, thiết bị thi công và phương thức thi công. Số lượng máy móc, thiết bị ước tính trong giai đoạn thi công được thể hiện tại *Bảng 1.6*. Theo đó, tổng lượng dầu DO sử dụng trong giai đoạn thi công là 13.343 lít.

Theo Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, lượng khí thải tạo thành khi đốt cháy hoàn toàn 1kg dầu DO ở 0°C khoảng 22-25 m³, tỷ trọng dầu DO là 870 kg/m³.

Lượng nhiên liệu tiêu hao tối đa khi vận hành toàn bộ máy móc trên công trường là: $13.343 \text{ lít} \div 60 \text{ ngày} \div 8\text{h/ngày} \approx 27,8 \text{ lít/h}$, tương đương $7,7 \times 10^{-6} \text{ (m}^3/\text{s)}$.

Vậy lưu lượng khí thải do đốt dầu DO khi vận hành toàn bộ máy móc trong cùng 1h là:

$$870 \text{ (kg/m}^3) \times 7,7 \times 10^{-6} \text{ (m}^3/\text{s}) \times 25 \text{ (m}^3 \text{ khí thải/kg}) = 0,17 \text{ (m}^3 \text{ khí thải/s)}.$$

Tải lượng và nồng độ ô nhiễm được tính như sau:

$$\text{Tải lượng (g/s)} = 7,7 \times 10^{-6} \text{ (m}^3/\text{s}) \times 870 \text{ (kg/m}^3) \times \text{HSO}_n \text{ (kg/tấn)}$$

$$\text{Nồng độ (g/m}^3) = \text{tải lượng (g/s)} / \text{lưu lượng khí thải (m}^3/\text{s)}$$

Dựa vào định mức tiêu thụ và hệ số ô nhiễm, tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải khi đốt dầu DO được trình bày như sau:

Bảng 3. 11. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh từ quá trình đốt dầu DO do hoạt động của máy móc thi công

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm kg/tấn DO	Tải lượng ô nhiễm (g/s)	Nồng độ (g/m ³)	QCVN 05:2023/BTNMT
Bụi	0,28	0,0239	0,1593	0,3
SO ₂	20S	0,134.S	0,8933.S	0,35
NO _x	2,84	0,0190	0,127	0,2
CO	0,71	0,0048	0,032	30

(Ghi chú: S - là phần trăm hàm lượng sunfua trong nhiên liệu dầu S = 0,2% - 0,5%)

Từ bảng trên nhận thấy hầu hết các máy móc thiết bị đều phát thải đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT. Tuy nhiên khi thi công xây dựng dự án, công ty chúng tôi sẽ lưu ý đến mật độ máy móc thi công, tránh tập trung số lượng lớn lại cùng một khu vực nhằm giảm thiểu nồng độ khí và bụi thải phát sinh khi vận hành các máy móc, thiết bị thi công.

* Ô nhiễm do khí thải của công đoạn hàn, cắt sắt thép khi thi công xây dựng:
Quá trình hàn làm phát sinh bụi, hơi oxit kim loại như Mangan oxit, sắt oxit v.v...

Bảng 3. 12. Thành phần bụi khói một số loại que hàn

Loại que hàn	MnO ₂ (%)	SiO ₂ (%)	Fe ₂ O ₃ (%)	Cr ₂ O ₃ (%)
Que hàn baza UONI 13/4S	1,1 - 8,8/4,2	7,03 - 7,1/7,06	3,3 - 62,2/47,2	0,002 - 0,02/0,001
Que hàn Austent bazo	-	0,29 - 0,37/0,33	89,9-96,5/93,1	-

(Nguồn: Ngô Lê Thông, công nghệ hàn điện nóng chảy (tập 1))

Ngoài ra, các loại hóa chất trong que hàn bị cháy và phát sinh khói có chứa các chất độc hại có khả năng gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân lao động. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ quá trình hàn điện nối các kết cấu phụ thuộc vào loại que hàn như sau:

Bảng 3. 13. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình hàn

Chất ô nhiễm	Đường kính que hàn (mm)				
	2,5	3,25	4	5	6

Khối hàn (có chứa các chất ô nhiễm khác) mg/1 que hàn.	285	508	706	1.100	1.578
CO (mg/1 que hàn)	10	15	25	35	50
NO _x (mg/1 que hàn)	12	20	30	45	70

(Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, môi trường không khí, NXB khoa học kỹ thuật 2000)

Với khối lượng que hàn cần dùng ước khoảng 252 kg và giả thiết sử dụng que hàn đường kính trung bình 4mm và 25 que/kg. Lượng que hàn cần sử dụng là $252 \times 25 = 6.300$ (que hàn).

Như vậy, tải lượng các chất ô nhiễm do công đoạn hàn phát sinh trong quá trình xây dựng như sau:

Bảng 3. 14. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình hàn

Chất ô nhiễm	Khối hàn (kg)	CO (kg)	NO _x (kg)
Tải lượng	4,45	0,16	0,19

Trong quá trình hàn tạo các liên kết, các loại hóa chất trong que hàn bị cháy và phát sinh khói có chứa các chất ô nhiễm như CO, NO_x... có khả năng gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân lao động. Tuy nhiên, hoạt động hàn diễn ra trong suốt khoảng thời gian xây dựng, khu vực xây dựng thông thoáng xung quanh là ruộng lúa và đường giao thông nên khí thải dễ dàng phát tán ra môi trường và nhanh chóng được pha loãng nồng độ, giảm thiểu tác động tới sức khỏe công nhân.

** Tác động ô nhiễm của bụi và khí thải trong quá trình xây dựng:*

Tác động ô nhiễm của bụi và khí thải trong quá trình xây dựng được tổng kết và trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 3. 15. Tác động của chất gây ô nhiễm môi trường không khí

TT	Thông số	Tác động
1	Bụi	- Kích thích hô hấp. - Gây tổn thương da, giác mạc.
2	Khí axit (SO ₂ , NO _x)	- Gây ảnh hưởng hệ hô hấp, phân tán vào máu. - SO ₂ có thể gây độc qua da, giảm dự trữ kiềm trong máu. - Gây mưa axit, tác động tới hệ sinh thái và tầng ozon.
3	Oxyt cacbon (CO)	- Giảm khả năng vận chuyển oxy của máu đến mô, cơ quan trong cơ thể do CO kết hợp Hemoglobin thành cacbonxyl hemoglobin
4	Khí cacbonic(CO ₂)	- Gây hiệu ứng nhà kính.
5	Hydrocacbon	- Gây nhiễm độc cấp tính: suy nhược, chóng mặt, nhức đầu.

(Nguồn: Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường)

Nhìn chung, tác động từ tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí do các hoạt động thi công xây dựng không lớn chỉ diễn ra trong thời gian ngắn và không liên tục.

*** Đối tượng và quy mô bị tác động bởi môi trường không khí trong quá trình xây dựng:**

- Ô nhiễm bụi và khí thải từ khu vực xây dựng ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân làm việc trên công trường và dân cư quanh khu vực dự án.

- Ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông vận chuyển nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị vào khu vực thi công sẽ ảnh hưởng tới dân cư ven tuyến đường giao thông quy hoạch nối với đường Quốc lộ 2D.

a2. Tác động đến môi trường nước do nước thải trong quá trình thi công xây dựng:

*** Nước thải sinh hoạt:**

Theo ước tính của Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương, lượng nước tiêu thụ trung bình cho một người là 100 lít/ngày, tuy nhiên, do công nhân không sinh hoạt tại khu vực thi công vì vậy lượng nước sử dụng chỉ khoảng 45 lít/người/ngày. Ước tính sẽ có khoảng 5 công nhân tham gia thi công trên khu vực thi công, mỗi ngày một người sử dụng 45 lít nước và 100% lượng nước sử dụng được thải ra môi trường. Tổng lượng nước thải sinh hoạt sẽ là:

$$Q = 5 \text{ người/ngày} \times 45 \text{ lít/người/ngày} = 225 \text{ lít/ngày} = 0,225 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Theo tính toán thống kê của Tổ chức Y tế thế giới, khối lượng các chất ô nhiễm do mỗi người hằng ngày đưa vào môi trường nếu chưa qua xử lý được đặc trưng bởi các thông số sau đây:

Bảng 3. 16. Các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Khối lượng (g/người/ngày)	Tổng tải lượng (kg/ngày)
1	BOD ₅	45 ÷ 54	0,9 ÷ 1,08
2	COD	72 ÷ 102	1,44 ÷ 2,04
3	TSS	70 ÷ 145	1,4 ÷ 2,9
4	Tổng Nito	6 ÷ 12	0,12 ÷ 0,24
5	Tổng Phốt pho	0,8 ÷ 4,0	0,016 ÷ 0,08
6	Amoni	2,4 ÷ 4,8	0,048 ÷ 0,096
7	Dầu mỡ động thực vật	10 ÷ 30	0,2 ÷ 0,6
8	Tổng Coliform*	10 ⁶ ÷ 10 ⁹	2×10 ⁴ ÷ 2×10 ⁷
9	Feacal Coliform*	10 ⁵ ÷ 10 ⁶	2×10 ³ ÷ 2×10 ⁴
10	Trứng giun sán*	10 ³	20

(Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới WHO, năm 1993; (*): Nguyễn Xuân Nguyên, nước thải và công nghệ xử lý nước thải, năm 2003)

Số lượng công nhân trên công trường khoảng 5 người. Căn cứ vào tải lượng các chất ô nhiễm và lưu lượng nước thải có thể tính toán được nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt theo công thức:

$$C = \frac{TP}{Q}$$

Trong đó: + C: Nồng độ chất gây ô nhiễm (mg/l)

+ TP: Tải lượng ô nhiễm (mg);

+ Q: Lượng nước thải trong một ngày (l).

Kết quả tính toán được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 17. Nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ (Không xử lý)	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
1	BOD ₅	mg/l	2.000 ÷ 2400	50
2	COD	mg/l	3.200 ÷ 4.533,33	-
3	SS	mg/l	3.111,11 ÷ 6444,44	100
4	N tổng	mg/l	266,67 ÷ 533,33	-
5	P tổng	mg/l	35,56 ÷ 177,78	-
6	Amoni	mg/l	106,67 ÷ 213,33	10
7	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	444,44 ÷ 1333,33	20
8	Tổng coliform	MPN/100ml	$4,4 \times 10^{10} \div 4,4 \times 10^{13}$	5.000
9	Feacal Coliform*	MPN/100ml	$4,4 \times 10^9 \div 4,4 \times 10^{10}$	-
10	Trứng giun sán*	MPN/100ml	$4,4 \times 10^7$	-

* Ghi chú: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B - nước thải vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

⇒ Nhận xét:

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm chính trong nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý với QCVN 14:2008/BTNMT cột B cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm đều vượt mức quy chuẩn cho phép. Vì vậy, trong quá trình thi công chủ đầu tư yêu cầu đơn vị thi công áp dụng biện pháp quản lý nước thải sinh hoạt, chủ đầu tư khuyến khích đơn vị thi công sử dụng nguồn lao động địa phương và thực hiện các biện pháp khác để giảm thiểu thấp nhất các tác động đến môi trường xung quanh.

*** Nước thải từ quá trình thi công xây dựng:**

Nước thải xây dựng chủ yếu phát sinh từ các hoạt động: rửa xe, thay dầu mỡ, bảo dưỡng trang thiết bị máy móc và phương tiện vận tải, xử lý làm sạch nguyên vật liệu...Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải là các chất rắn lơ lửng, các chất vô cơ, đất cát xây dựng thuộc loại ít độc.

Tuy nhiên, do các nhà thầu thi công sẽ lên kế hoạch trong việc sử dụng các loại nguyên vật liệu thi công, hạn chế tối đa sự thất thoát, gây lãng phí các loại nguyên vật liệu xây dựng. Hơn nữa, các loại phương tiện vận chuyển hoặc thiết bị thi công khi có sự cố hư hỏng sẽ được đưa tới gara hoặc các cơ sở sửa chữa chuyên nghiệp, không tổ chức sửa chữa trên công trường (ngoại trừ trường hợp cần sửa chữa khẩn cấp) do đó lượng nước thải thi công được hạn chế tối đa phát sinh trên công trường. Loại nước thải này dễ lắng đọng, tích tụ ngay trên các tuyến thoát nước thi công tạm thời. Vì thế khả năng xâm nhập gây ô nhiễm cho đất và các nguồn nước mặt xung quanh của khu vực chỉ ở mức độ thấp.

Lượng nước sử dụng cho mục đích này khó ước tính được con số cụ thể. Nhà thầu thi công sẽ nâng cao ý thức tiết kiệm nguyên vật liệu thi công trong quá trình sử dụng, kiểm soát chặt chẽ lượng nước sử dụng và thu gom, xử lý tối đa lượng nước thải phát sinh trên công trường.

Việc tính toán dự báo khối lượng phát sinh nước thải thi công được xác định chủ yếu từ hoạt động bảo dưỡng bê tông sử dụng cho mục đích xây dựng các hạng mục công trình của dự án theo công thức:

$$Q = k \times \frac{M \times \alpha}{1000 \times T}$$

Trong đó:

+ Q ($m^3/ng.đ$): Lưu lượng nước thải phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng bê tông trong thi công xây dựng cơ bản.

+ M (tấn): Nhu cầu sử dụng bê tông phục vụ thi công xây dựng.

+ α (l/lượt): Định mức sử dụng nước bảo dưỡng bê tông.

+ T (ngày): Thời gian tính theo tiến độ thi công xây dựng.

+ k : Hệ số quy đổi đơn vị, với số ngày làm việc trung bình 30 ngày/tháng, $k = 1$ ($m^3/tháng$) = $0,03$ ($m^3/ngày.đêm$).

Các căn cứ tính toán dự báo khối lượng nước thải thi công phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng bê tông, bao gồm:

Hệ số phát sinh nước thải từ quá trình bảo dưỡng bê tông của dự án được tính toán tối đa theo mức sử dụng nước tưới ẩm bê tông trong thời gian 7 ngày theo TCVN 8828:2011 - Bê tông - Yêu cầu dưỡng ẩm tự nhiên, lượng nước bảo dưỡng cho $1m^3$ bê tông là 15 - 20 lít, tương ứng hệ số trung bình $\alpha = 17,5$ lít/tấn

Kết quả tính toán lưu lượng nước thải từ dưỡng hộ bê tông trung bình ngày thi công đối với khu vực thi công được tính toán trong bảng sau:

Bảng 3. 18. Lưu lượng nước thải từ dưỡng hộ bê tông trên công trường

TT	Hạng mục	Ký hiệu	Đơn vị	Số lượng
1	Khối lượng bê tông xây dựng	M	m^3	98,33
2	Hệ số nước thải thi công	α	lít/ m^3	20
3	Thời gian thi công	T	ngày	60
2	Tổng lưu lượng phát thải	Q	m^3	6,711
	Lưu lượng nước thải phát sinh trung bình theo ngày	$Q_{ngày}$	$m^3/ngày$	0,112

* Ghi chú: Hệ số nước thải được tính tối đa theo định mức sử dụng nước bảo dưỡng bê tông theo TCVN 8828:2011 - Bê tông - Yêu cầu dưỡng ẩm tự nhiên.

- Khối lượng bê tông xây dựng được lấy ở Chương 1 của Báo cáo

Nước thải từ hoạt động bảo dưỡng bê tông của dự án có nồng độ các chất ô nhiễm được trình bày ở bảng sau:

Bảng 3. 19. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải xây dựng

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nước thải thi công xây dựng	QCVN 40:2011 /BTNMT (Cột B)
1	pH	-	7,5 - 7,8	5,5 - 9

2	TSS	mg/l	160 - 170	100
3	COD	mg/l	67 - 75	150
4	BOD ₅	mg/l	40 - 45	50
5	NH ₄ ⁺	mg/l	6,5 - 8	10
6	Tổng N	mg/l	20 - 25	40
7	Tổng P	mg/l	4,5 - 5	6
8	Zn	mg/l	1,5 - 2,5	3
9	Pb	mg/l	2,3 - 2,7	0,5
10	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	< 0,01	10
11	Coliform	MPN/100ml	1,7 - 2,5	5.000

[Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật Môi trường Đô thị và Khu công nghiệp, 2007]

Trên cơ sở các số liệu nghiên cứu về thành phần ô nhiễm đặc trưng trong nước thải thi công với hàm lượng chất thải lơ lửng cao sẽ góp phần gia tăng độ đục nguồn nước, dễ lắng cặn gây ra nguy cơ bồi lắng trong hệ thống thoát nước. Các tác động do nước thải thi công đến các đối tượng thường có xác suất xảy ra cao nhưng khối lượng phát sinh nhỏ nên được đánh giá ở cường độ thấp và có thể hạn chế được khi thực hiện đầy đủ các biện pháp lắng lọc loại bỏ chất thải rắn lơ lửng này trước khi thải ra ngoài môi trường.

*** Nước mưa chảy tràn:**

Lưu lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án được tính toán theo phương pháp cường độ giới hạn như sau:

$$Q = q.F.@ \text{ (m}^3\text{/s)}$$

Trong đó:

+ Q : lưu lượng nước mưa chảy tràn ($\text{m}^3\text{/s}$).

+ q : cường độ mưa - giả thiết là $0,1 \text{ m/m}^2\text{/h}$ (100 mm)

+ F : diện tích dự án (m^2)

+ $@$: hệ số dòng chảy trung bình- lấy bằng $0,6$.

Khi đó với diện tích khu vực dự án là $2.368,7 \text{ m}^2$, Q sẽ là:

$$Q = (0,1 \times 2.368,7 \times 0,6) / 3600 = 0,039 \text{ m}^3\text{/s}$$

Các tác nhân ô nhiễm chính trong nước mưa chảy tràn là đất đá tại khu vực thi công và tập trung vào đầu cơn mưa (tính từ khi mưa bắt đầu hình thành dòng chảy trên bề mặt cho đến 15 hoặc 20 phút sau). Lượng chất cặn trong nước mưa đầu cơn được xác định theo công thức:

$$G = M_{\max} [1 - \exp(-K_z T)]. F \text{ (kg)}$$

Trong đó:

+ $M_{\max}$: Lượng chất bẩn tích tụ lớn nhất sau thời gian không mưa T ngày; thường chọn $M_{\max} = 220 - 250 \text{ kg/ha}$.

+ K_z - hệ số động học tích lũy chất bẩn, phụ thuộc vào quy mô xây dựng dự án có thể chọn từ $0,2$ đến $0,5 \text{ ngày}^{-1}$. Đối với khu vực này chọn $K_z = 0,2. \text{ ngày}^{-1}$.

+ T : Thời gian tích tụ (bằng thời gian giữa hai lần mưa liên tiếp): (ngày).

F : Diện tích khu vực thi công (ha) ($0,23687 \text{ ha}$)

Trong mùa mưa (tháng 5 đến tháng 10), giá trị trung bình $T = 10$ ngày thì lượng bụi cuốn theo nước mưa là:

$$G = 220 \times [1 - \exp(-0,2 \times 10)] \times 0,23687 = 45,06 \text{ kg}$$

Lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực sẽ cuốn theo các tạp chất, chất thải rắn, dầu mỡ... vào môi trường. Nồng độ các chất gây ô nhiễm có trong nước mưa chảy tràn theo ước tính của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) khoảng 0,02 - 0,05 mg/l Nitơ và Phospho; 10 - 20 mg/l COD; 20 - 30mg/l chất rắn lơ lửng. Với lưu lượng và nồng độ nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực dự án như trên, nếu không được tiêu thoát hợp lý sẽ gây ứ đọng, cản trở quá trình thi công. Ngoài ra, nước mưa còn cuốn theo đất, đá, cát và các chất ô nhiễm khác từ mặt đất gây ảnh hưởng xấu đến xung quanh và làm ô nhiễm nguồn nước ở khu vực.

**** Đối tượng và quy mô bị tác động:***

Các loại nước thải phát sinh tại khu vực thi công nếu không được xử lý mà thải trực tiếp ra môi trường thì sẽ gây ra những tác hại không những đối với thủy vực tiếp nhận mà còn gián tiếp tác động lên những thành phần môi trường khác. Các tác động của chúng như sau:

+ Chất rắn lơ lửng (TSS): Nước thải có hàm lượng chất rắn lơ lửng cao, làm nước biến màu và mất ôxy, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận, ảnh hưởng đến hệ sinh thái thủy vực của nguồn nước tiếp nhận, gây bồi lắng nguồn tiếp nhận, tác động gián tiếp tới nhu cầu sử dụng nước tại thủy vực tiếp nhận cho các mục đích khác.

+ Các chất dinh dưỡng như N, P gây phú dưỡng nguồn nước, ảnh hưởng tới chất lượng nước và đời sống thủy sinh.

Quá trình ô nhiễm nguồn nước mặt gián tiếp gây ô nhiễm nguồn nước ngầm, nhất là những khu vực gần nguồn tiếp nhận nước thải.

a3. Tác động do chất thải rắn trong giai đoạn thi công xây dựng:

**** Chất thải rắn xây dựng thông thường:***

Chất thải rắn phát sinh trong khi thi công xây lắp các hạng mục công trình gồm: bùn đất, đất đá, gạch vỡ, vữa xi măng thừa, các mẫu vụn sắt thép và gỗ, giấy carton... Với khối lượng nguyên vật liệu cần thiết trong giai đoạn thi công khoảng 1.958 tấn. Khối lượng chất thải xây dựng phát sinh được tính như sau:

Bảng 3. 20. Dự báo khối lượng chất thải thi công xây dựng

Các loại chất thải	Tỷ lệ phát sinh chất thải	Tổng khối lượng CTR GĐXD công trình (tấn)
Cát, đất, gạch vỡ, vữa xi măng thừa...	0,5%	9,79
Bao bì xi măng, đầu mẫu sắt thép thừa, các thùng gỗ	0,1%	1,9
Tổng cộng		11,69 tấn

*** Chất thải rắn sinh hoạt:**

Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là vỏ bao bì, túi nilon, chai lọ, lon vỏ hộp, rau, củ, quả, thức ăn thừa... Đây là nguồn gây ô nhiễm chính do sự phân hủy chất hữu cơ tạo mùi hôi, nước rỉ rác và vi sinh vật gây bệnh. Nguồn ô nhiễm này nếu không được thu gom hợp lý sẽ gây ô nhiễm môi trường.

Theo ước tính, mỗi công nhân xây dựng làm việc tại khu vực dự án thải ra khoảng 0,3 kg rác thải sinh hoạt mỗi ngày (QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng). Như vậy, với 5 công nhân lao động tại công trường mỗi ngày thì tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án là khoảng 1,5 kg/ngày.

Với khối lượng CTR phát sinh như trên, nếu không có biện pháp thu gom xử lý thì khả năng tích tụ trong thời gian xây dựng ngày càng nhiều và gây tác động đến chất lượng không khí do phân hủy chất thải hữu cơ cũng như tác động đến nguồn nước mặt do tăng độ đục nguồn nước, cản trở dòng chảy, gây bồi lắng. Ngoài ra còn tạo điều kiện cho các vi sinh vật gây bệnh phát triển, gây nguy cơ phát sinh và lây nhiễm mầm bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân thi công.

Tuy nhiên, nhà thầu thi công sẽ ưu tiên sử dụng lao động địa phương có khả năng tự đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, ăn nghỉ, công trường chỉ lưu lại khoảng 1-2 người đảm bảo tình hình an ninh trật tự, nguyên liệu thi công trên công trường nên lượng chất thải rắn phát sinh thực tế tại công trường ít hơn so với số liệu tính toán trên lý thuyết được tính toán ở trên.

*** Chất thải nguy hại:**

Trong quá trình thi công xây dựng công trình, các hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa các loại phương tiện máy móc thiết bị thi công thường làm phát sinh các loại chất thải như dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, các vỏ hộp dầu mỡ,... Các loại chất thải này được liệt vào danh sách các loại chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Các loại chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công dự án bao gồm: các loại giẻ lau, giấy có chứa dầu mỡ phát sinh trong quá trình lau chùi, sửa chữa thiết bị, máy móc và các loại hộp nhựa, sắt đựng xăng, dầu, dầu nhớt, mỡ. Khối lượng chất thải rắn nguy hại ước tính trong toàn bộ thời gian thi công khoảng 10kg. Chất thải này được thu gom và chuyển bởi đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định nên tác động được đánh giá là thấp.

Trong quá trình thi công, Chủ đầu tư và đơn vị nhà thầu thi công sẽ phối hợp ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý, thực hiện thu gom các loại chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng (bao gồm chất thải

rắn nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt) và đưa đi xử lý theo quy định.

Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong toàn bộ thời gian thi công xây dựng với khối lượng khoảng 10 kg sẽ được thu gom lưu giữ trong 03 thùng phuy tại khu vực thi công và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

*** Đối tượng và quy mô bị tác động:**

- Chất thải rắn cụ thể là đất đá trong quá trình đào móng, gạch vỡ, vữa xi măng thừa, vật liệu xây dựng sẽ tác động trực tiếp đến việc thay đổi cảnh quan của khu vực vì vậy chủ dự án sẽ có biện pháp đổ thải phù hợp theo đúng quy định của địa phương, tránh ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của các đơn vị kinh doanh và người dân xung quanh.

- Giẻ lau dính dầu, can đựng dầu do hoạt động bôi trơn các chi tiết máy, vỏ hộp sơn, thùng sơn, dung môi pha chế sơn, cặn sơn có thể ảnh hưởng đến ô nhiễm đất, chất lượng nguồn nước ngầm khu vực.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được xử lý theo quy định sẽ không gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, nếu những nguồn này không được quan tâm, không được thu gom và xử lý hợp vệ sinh sẽ là những nguồn dễ gây ô nhiễm môi trường nước, đất, sự lây lan bệnh dịch, ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và cảnh quan khu vực.

a4. Tác động đến môi trường đất:

Những tác động ảnh hưởng tới môi trường đất có thể xảy ra do việc thực hiện xây dựng các hạng mục công trình dự án, trong quá trình thi công xây dựng dự án nếu không có các biện pháp quản lý, sử dụng hợp lý thì các chất thải phát sinh, phế thải xây dựng hay các tác động của con người sẽ làm ô nhiễm và suy thoái môi trường đất trong khu vực.

b. Nguồn tác động không liên quan đến chất thải:

Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng dự án được trình bày tóm tắt ở bảng sau:

Bảng 3. 21. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng

TT	Nguồn gây tác động
1	Hoạt động của máy móc, thiết bị, phương tiện thi công xây dựng gây tiếng ồn, độ rung
2	Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu của các phương tiện vận tải trên các tuyến đường có thể gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông
3	Do tập trung các phương tiện thi công nhiều trong một thời gian thi công sẽ gây xuống cấp đường trên các tuyến vận chuyển nguyên, vật liệu thi công
4	Hoạt động thi công xây dựng có thể gây ra các sự cố tai nạn lao động cho công nhân và người dân trên các tuyến vận chuyển
5	Tập trung công nhân trên khu vực thi công làm nảy sinh các mâu thuẫn xã hội

giữa công nhân thi công và người dân sống xung quanh khu vực dự án

b1. Nguồn ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

Ngoài việc phát sinh bụi và khí thải, các phương tiện vận tải và thi công còn phát sinh tiếng ồn gây ảnh hưởng xấu đến môi trường tại khu vực.

**** Tiếng ồn từ các phương tiện thi công:***

Ngoài việc phát sinh bụi và khí thải, các phương tiện vận tải và thi công còn phát sinh tiếng ồn gây ảnh hưởng xấu đến môi trường tại khu vực.

Tiếng ồn phát sinh trong quá trình thi công xây dựng của hàng chủ yếu là tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển, máy trộn bê tông, máy khoan, cắt sắt thép...tham gia trong quá trình xây dựng.

Mức ồn của các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới sẽ giảm dần theo khoảng cách ảnh hưởng và có thể dự báo như sau:

$$L_p(x_2) = L_p(x_1) + 20.lg(x_1/x_2) \text{ (dBA)}$$

Trong đó:

- + $L_p(x_2)$: Mức ồn tại điểm tính toán (m)
- + $L_p(x_1)$: Mức ồn đo được tại điểm cách nguồn x_1 (m)
- + x_1 : Khoảng cách từ nguồn gây ồn tới vị trí đã biết (m)
- + x_2 : Khoảng cách tính toán độ giảm mức ồn theo khoảng cách (m)

Từ công thức trên mức ồn gây ra cách các thiết bị thi công trên công trường khoảng 100m được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 22. Mức ồn gây ra do các phương tiện thi công

T T	Thiết bị	L _p (X ₀)	L _p (X) (dBA)				
			5m	200m	500m	700m	1000m
	QCVN 26:2010/BTNMT		70 dBA (từ 06h ÷ 21h); 55 dBA (từ 21h ÷ 6h)				
	Tiêu chuẩn Bộ Y tế: khu vực sản xuất: 85dBA (thời gian tiếp xúc 8h)						
		X ₀ = 5m (0)					
1	Máy xúc, đào	93	103	71	63	63	60
2	Máy lu, đầm	111	111	79	71	68	65
3	Xe tải ben 15T	87	87	55	47	44	41
5	Máy bơm bê tông	102,6	103	71	63	60	57
6	Máy cắt sắt	82	92	60	52	49	46
7	Máy khoan	87	97	65	57	54	51

(Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, NXB KHK, Hà Nội-1997)

**** Ghi chú:***

- QCVN 24/2016/BYT: áp dụng đối với khu vực sản xuất, làm việc
- QCVN26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư mức ồn tối đa cho phép: (đơn vị dBA).

*** Nhận xét:** Như vậy, với mức ồn cực đại của các thiết bị thi công gây ra tại khu vực thi công hầu hết là đều vượt quá tiêu chuẩn cho phép đối với khu vực sản xuất.

**** Tiếng ồn do các phương tiện giao thông vận tải:***

Tiếng ồn phát ra từ động cơ và do sự rung động của các bộ phận của xe

như tiếng ồn từ ống xả, tiếng ồn do đóng cửa xe, còi xe, tiếng rít phanh. Các loại xe khác nhau sẽ phát sinh mức độ ồn khác nhau. Mức ồn của các loại xe cơ giới được cho trong bảng sau:

Bảng 3. 23. Mức áp âm do phương tiện giao thông và máy xây dựng

Phương tiện	Mức ồn phổ biến (dBA)	Mức ồn lớn nhất (dBA)
Ôtô tải có trọng tải <3,5 tấn	80-85	100-105
Ôtô tải có trọng tải > 3,5 tấn	90-100	105-130
Máy xúc	80-95	100-120
Máy đầm rung	70-80	85-90

Như vậy, với mức ồn cực đại của các thiết bị thi công gây ra tại khu vực thi công hầu hết là đều vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

Theo tiêu chuẩn đã ban hành về mức cho phép tiếng ồn tại khu vực sản xuất (QCVN 24:2016/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc) thì mức ồn lớn nhất cho phép là 85dBA trong khu vực sản xuất.

Tiếng ồn cao hơn tiêu chuẩn sẽ gây ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động, làm giảm năng suất lao động của công nhân tại khu vực thi công. Đây là tác động không thể tránh khỏi nhưng các thiết bị trên hoạt động không đồng thời, không liên tục và mang tính chất tạm thời nên tác động này chỉ ở mức độ thấp. Tuy nhiên, trong quá trình thi công, chủ dự án sẽ có các giải pháp hiệu quả để khắc phục tác động này đối với công nhân trực tiếp thi công trên khu vực thi công.

b2. Tác động đến hệ sinh thái:

- Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng công trình nếu gặp thời tiết khô hanh sẽ tạo ra một lượng bụi lớn bám vào lá cây dọc đường vận chuyển làm ảnh hưởng đến quá trình quang hợp của cây xanh và sinh trưởng phát triển bình thường của cây, nhất là đoạn đường từ đường QL32 đến gần khu vực dự án.

- Phần lớn diện tích đất trồng lúa, sẽ bị mất do việc giải phóng mặt bằng xây dựng công trình.

- Một số loài bò sát trong khu vực dự án và vùng lân cận bị suy giảm bởi hoạt động giải phóng mặt bằng phục vụ cho việc xây dựng công trình làm mất nơi ở và nguồn thức ăn của chúng.

- Trong quá trình thi công, các nguồn ô nhiễm từ dự án như rác thải, nước thải, dầu mỡ rơi vãi, tiếng ồn, rung động,... sẽ gây tác động nhiều mặt đến đời sống của các loài sinh vật sinh sống trong khu vực dự án.

b3. An toàn lao động:

Trong giai đoạn thi công, vận chuyển, bốc dỡ và lắp đặt máy móc và thiết bị, sử dụng điện trong thi công... đều có khả năng xảy ra mất an toàn và gây

thiệt hại về người và tài sản nếu không có biện pháp an toàn và phòng ngừa sự cố.

b4. Tác động đến điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội:

Trong quá trình thi công, đơn vị thi công sử dụng khoảng 5 công nhân. Việc này kéo theo một số các biến đổi khác trong đời sống, sinh hoạt, sản xuất của khu vực. Tuy nhiên, sự biến đổi này chỉ mang tính chất tạm thời trong giai đoạn thi công dự án, không ảnh hưởng tới cơ cấu dân số, lao động ở địa phương.

Việc tập trung công nhân sẽ gây ra các vấn đề xã hội, gây mất trật tự an ninh khu vực như làm tăng các tệ nạn xã hội (trộm cắp, đánh nhau...) gây khó khăn cho công tác quản lý của các ban ngành chức năng tại địa bàn khu vực nếu không được ngăn chặn kịp thời.

Tuy nhiên, nhìn chung dự án gây ra ảnh hưởng không lớn đến các vấn đề kinh tế - xã hội, văn hóa tinh thần chung của khu vực. Bên cạnh đó, Chủ dự án cùng với nhà thầu xây dựng sẽ kết hợp chặt chẽ với UBND xã trong công tác quản lý công nhân nhằm tránh phát sinh các tác động tiêu cực tới an ninh trật tự xã hội của địa phương.

b5. Tác động do hiện tượng sạt lở, bồi lắng đối với khu vực thi công dự án:

- Trong quá trình thi công các hạng mục công trình của dự án với việc đào đắp đất đá, triển khai các hoạt động thi công thường kéo theo các hiện tượng xói mòn, trượt lở và bồi lắng,... Khả năng xảy ra các hiện tượng sạt lở, sụt lún, bồi lấp được nhận dạng từ các hoạt động thi công xây dựng dự án, bao gồm:

+ Hoạt động đào đắp đất trong thi công san nền gây xáo trộn lớp địa chất bề mặt với sự tham gia hoạt động của các phương tiện, máy móc tham gia thi công,... dẫn đến nguy cơ làm giảm khả năng giữ nước, xáo trộn lớp đất bề mặt dẫn đến khả năng thấm nước vào các kẽ đất, gây cản trở dòng chảy ngầm trong đất dẫn đến các hiện tượng sạt lở, sụt lún bề mặt.

+ Hoạt động thi công, sử dụng các trang thiết bị máy móc có mức rung lớn kèm theo những thay đổi về cấu trúc lớp đất bề mặt và dòng chảy nước mưa có khả năng dẫn đến các hiện tượng xói mòn, sạt lở,... Nguy cơ xảy ra các hiện tượng này chủ yếu ở giai đoạn đào đắp san nền của dự án.

Ngoài ra, khi có mưa, các chất bẩn tích lũy, các lớp đất đá chưa ổn định có khả năng bị cuốn trôi theo dòng chảy và bồi lấp hệ thống thoát nước trong khu vực, làm giảm khả năng thoát nước của khu vực dự án và có khả năng gây ra các hiện tượng thấm vào các kẽ đất gây sạt lở, sụt lún và bồi lấp là rất cao.

Nhìn chung khả năng xảy ra các hiện tượng sạt lở, sụt lún và bồi lấp dòng chảy trong thi công xây dựng thường phụ thuộc vào thời gian thực hiện các công việc đào đắp, biện pháp tổ chức thi công, đặc điểm địa chất, thổ nhưỡng, lượng mưa diễn ra trong giai đoạn thi công,... nhưng được đánh giá có xác suất xảy ra

cao trong mọi thời điểm và nguy cơ xảy ra cao nhất vào những ngày có mưa.

c. Đối tượng, quy mô bị tác động:

Trong giai đoạn xây dựng dự án, các đối tượng có thể chịu tác động của dự án bao gồm:

- Ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông vận tải nguyên vật liệu vào khu vực xây dựng sẽ ảnh hưởng tới dân cư ven tuyến đường giao thông giáp dự án và đường quốc lộ 2D.

- Ô nhiễm bụi và khí thải từ khu vực thi công ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân xây dựng và khu dân cư tại khu vực gần vị trí xây dựng dự án.

- Chất thải rắn cụ thể là đất đá, gạch vỡ, vữa xi măng thừa, các mẫu vụn sắt thép và gỗ, giấy carton... trong quá trình thi công xây dựng dự án khá lớn và sẽ tác động trực tiếp đến việc thay đổi cảnh quan của khu vực và nếu không tập trung thu gom, có biện pháp xử lý kịp thời sẽ gây ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm và môi trường đất xung quanh dự án.

- Dầu mỡ thải, cặn dầu từ các phương tiện vận chuyển có thể ảnh hưởng ô nhiễm đến đất, chất lượng nước ngầm, nước mặt khu vực.

- Thời gian bị tác động trong khoảng 03 tháng khi thi công xây dựng dự án.

Đối tượng, quy mô bị tác động trong giai đoạn xây dựng dự án được trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 3. 24. Đối tượng, phạm vi bị tác động trong giai đoạn xây dựng dự án

TT	Đối tượng bị tác động	Phạm vi bị tác động
1	- Công nhân thi công tại khu vực xây dựng. - Người dân trên tuyến vận chuyển nguyên vật liệu thi công	- Trong bán kính khoảng 100 - 300m tính từ khu vực dự án; - Người dân tham gia giao thông trên đoạn đường Quốc lộ 2D, đường giao thông quy hoạch tiếp giáp dự án và các tuyến đường liên xã, liên thôn. - Thời gian: Trong suốt giai đoạn thi công.
2	Đường giao thông	- Khoảng 50km trong tuyến vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ xây dựng dự án - Thời gian: Trong suốt giai đoạn thi công.
3	Bầu khí quyển khu vực dự án	- Bán kính ảnh hưởng khoảng 300m từ tâm khu đất xây dựng dự án; - Thời gian: trong suốt giai đoạn thi công.
4	Môi trường nước mặt	- Ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước mặt nơi tiếp nhận nước mưa, nước thải khu vực. - Thời gian: trong suốt giai đoạn thi công..
5	Cảnh tác nông nghiệp của người dân	- Diện tích đất nông nghiệp khu vực giáp ranh dự án bị ảnh hưởng do xô sạt
6	Cảnh quan xung quanh khu vực dự án;	- Xung quanh khu vực xây dựng dự án bán kính khoảng 300m; - Thời gian: trong suốt giai đoạn thi công.

Căn cứ vào bảng tổng hợp các tác động ở trên cho thấy trong giai đoạn thi công gây ra các tác động tiêu cực đến môi trường không khí là chủ yếu, điều này không thể tránh khỏi đối với tất cả các công trình xây dựng. Tuy nhiên, chủ đầu tư tập trung các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường để giảm tối đa các tác động tiêu cực trong giai đoạn này.

d. Nhận dạng, đánh giá sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

d1. Tai nạn lao động:

Sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra trong quá trình lắp ráp, thi công và vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng do tính bất cẩn trong lao động; thiếu trang bị bảo hộ lao động; thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động; hoặc do sức khỏe yếu của người lao động tại công trường. Những tác động này sẽ gây những ảnh hưởng rất lớn về người và của đối với người lao động.

* *Tai nạn lao động*: Tai nạn lao động có thể xảy ra ở bất kỳ hạng mục nào trong quá trình thi công,

* *Cháy, nổ và rò rỉ nhiên liệu*: Cháy và nổ có thể xảy ra trong trường hợp vận chuyển và lưu giữ nhiên liệu, hoặc hệ thống cấp điện tạm thời thiếu an toàn, gây chết người và hư hỏng tài sản trong quá trình xây dựng.

* *Chập mạch và điện giật*: Hệ thống cấp điện tạm thời cho máy móc, thiết bị trong quá trình xây dựng có thể gây ra các vấn đề về điện áp, điện giật, v.v.... gây thiệt hại về kinh tế và tai nạn lao động cho người lao động.

Do đặc trưng của công trình về khối lượng hạng mục thi công không lớn, quy trình quản lý, giám sát thực hiện chính sách an toàn môi trường nghiêm ngặt nên tác động từ rủi ro và sự cố được đánh giá ở mức trung bình.

d2. Tai nạn giao thông:

Tai nạn giao thông có nguy cơ xảy ra trong quá trình thi công, gây thiệt hại về tài sản và tính mạng. Tai nạn giao thông có thể xảy ra do một số nguyên nhân sau:

- Trong quá trình thi công, mật độ giao thông trong khu vực sẽ tăng lên đáng kể sẽ làm tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông ở khu vực (đặc biệt trên các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu).

- Tai nạn giao thông trong quá trình vận chuyển có thể do phương tiện vận chuyển không đảm bảo kỹ thuật hoặc do công nhân điều khiển không tuân thủ các nguyên tắc an toàn giao thông.

- Tai nạn giao thông có thể xảy ra do khu vực dự án tiếp giáp với đường giao thông quy hoạch nối các CCN trên địa bàn và gần quốc lộ 2D.

d3. Sự cố cháy nổ:

Sự cố cháy nổ có thể xảy ra trong trường hợp vận chuyển, tồn chứa nhiên liệu phục vụ cho hoạt động thi công các hạng mục công trình hoặc do sự thiếu an toàn về hệ thống cấp điện. Khi nhiệt độ không khí cao kết hợp với nồng độ hydrocacbon cao trong không khí là tác nhân tiềm tàng gây ra hiện tượng cháy nổ khu vực chứa nhiên liệu gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới công nhân trực tiếp tham gia lao động và môi trường của khu vực thi công dự án.

Khi cháy nổ có liên quan đến các vấn đề về xăng dầu dẫn đến nguy cơ cao về thiệt hại con người tài sản - kinh tế, nguy hiểm đến tính mạng con người, phát sinh các chất khí độc hại như: CO, CO₂,... ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí.

d4. Sự cố thiên tai, bão lũ:

Do dự án xây dựng tại khu vực có địa hình trũng, nếu đang thi công gặp sự cố mưa bão sẽ gây tổn thất về công trình như hư hỏng, chậm tiến độ thực hiện và có thể gây tổn thất về tính mạng con người. Nhất là trong tình hình biến đổi khí hậu như hiện nay thì cần phải chú ý đến thời tiết và đề phòng các sự cố này.

3.1.2. Các công trình, biện pháp, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

3.1.2.1. Các công trình, biện pháp, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường trong giai đoạn san lấp mặt bằng:

a. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí và tiếng ồn:

**** Các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm bụi:***

- Khu vực san lấp sẽ áp dụng các biện pháp che chắn như quây tôn hoặc bạt có chiều cao từ 2,5m - 3m xung quanh tại vị trí tiếp giáp của dự án với đường giao thông và hướng có khoảng cách gần nhất đến khu dân cư để hạn chế bụi phát tán.

- Các chất thải là bùn nạo vét phát sinh trong quá trình san lấp mặt bằng sẽ được vận chuyển ngay đến nơi quy định do UBND xã lựa chọn địa điểm.

- Ngăn ngừa và giảm bụi trong các công đoạn nêu trên bằng cách vệ sinh các thiết bị san lấp trước khi tiến hành công việc.

- Vệ sinh các tuyến đường vận chuyển đất đắp nền và áp dụng chế độ phun nước định kỳ (4 lần/ngày) vào những ngày trời nắng, hanh khô để ngăn chặn phát tán bụi từ mặt đất.

**** Các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm không khí do thi công:***

- Không sử dụng xe, máy quá cũ do lượng khí thải sẽ vượt quá tiêu chuẩn cho phép, áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hóa, vận hành và tối ưu hóa các quá trình tổ chức san lấp mặt bằng.

- Có kế hoạch và biện pháp tổ chức xe vào ra hợp lý để tránh ùn tắc gây ô nhiễm không khí do khí thải giao thông.

* *Biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn trong thi công:*

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực đang thi công và đi qua khu dân cư.

- Không sử dụng máy móc có mức độ ồn lớn hơn 85 dBA.

- Không tiến hành các hoạt động thi công phát sinh mức độ ồn lớn hơn 65 dBA trong thời gian nghỉ, cụ thể: thời gian nghỉ trưa từ 11h30’ đến 13h00’, thời gian nghỉ đêm từ 18h30’ đến 7h00’ hôm sau.

b. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nước và thoát nước:

* *Biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực của quá trình thi công đến nguồn nước sẽ áp dụng các biện pháp sau:*

- Các nguyên và nhiên liệu thải bỏ từ các thiết bị sẽ được tập kết vào nơi quy định và có biện pháp xử lý.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân sẽ được xử lý đạt yêu cầu trước khi xả ra ngoài. Chủ dự án chúng tôi sẽ dự kiến trang bị 01 nhà vệ sinh di động tại khu vực thi công xây dựng để xử lý nước thải sinh hoạt trong cả giai đoạn san lấp mặt bằng và thi công xây dựng (*Chi tiết các thông số kỹ thuật của thiết bị sẽ được trình bày tại Mục 3.1.2.2*).

- Duy trì hoạt động thường xuyên các nhà vệ sinh di động để đáp ứng nhu cầu vệ sinh của lực lượng cán bộ công nhân tham gia thi công.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn phát sinh trong quá trình san gạt mặt bằng đến nơi xử lý theo đúng quy định của xã Vĩnh Lại.

- Trong quá trình thực hiện công việc, giẻ lau dính dầu mỡ, can dầu mỡ bôi trơn các thiết bị các phương tiện vận tải và máy móc, vỏ thùng sơn, cặn sơn sẽ được thu gom và xử lý đúng quy định để tránh làm ô nhiễm nguồn nước.

c. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn:

* *Đối với chất thải rắn từ quá trình dọn dẹp mặt bằng và nạo vét hữu cơ:*

- Đối với thực bì (chủ yếu là gốc rạ, gốc rễ cây, cỏ) một phần được người dân thu gom, phần còn lại được chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với chất thải trong quá trình bóc đất, nạo vét bùn đất hữu cơ: Đối với tầng đất mặt trong quá trình nạo vét bùn hữu cơ sẽ được tiến hành bóc riêng tầng đất mặt, sau đó chủ dự án sẽ phối hợp với địa phương để có phương án đổ thải theo đúng quy định. Riêng đối với tầng đất mặt phục vụ mục đích nông nghiệp sẽ thực hiện theo đúng mục đích sử dụng của Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác quy định. Trong đó:

+ Lượng đất mặt phải bóc tách: 244,51 m³

+ Phương án sử dụng đất mặt:

- Sử dụng trong khuôn viên dự án (tận dụng để trồng cây): 10,0 m³
- Sử dụng ngoài khuôn viên dự án (tận dụng cho mục đích nông nghiệp): 244,51 m³, địa điểm tập kết do UBND xã Vĩnh Lại quy định.

Chủ dự án cam kết thực hiện đúng phương án sử dụng tầng đất mặt trên đất chuyển đổi từ đất trồng lúa nước.

* *Đối với chất thải rắn sinh hoạt*: Trong quá trình chuẩn bị mặt bằng, các công nhân chủ yếu là lái xe và công nhân điều khiển máy móc thiết bị được thuê tại địa phương nên không ở lại và sinh hoạt tại công trường do đó không có chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

d. Kiểm soát và biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong san lấp mặt bằng:

* *Biện pháp an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe cho công nhân*:

- Lập kế hoạch và sắp xếp nhân lực không chồng chéo giữa các công việc trong từng hạng mục và giữa các hạng mục với nhau.

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động trong tổ chức thi công (bố trí các thiết bị, máy móc thi công, hệ thống điện...) để phòng ngừa tai nạn.

* *Kỹ thuật an toàn trong thi công xây dựng*

- Các tài liệu chỉ dẫn của các thiết bị và các máy móc xây dựng phải luôn kèm theo thiết bị, máy móc, các thông số kỹ thuật phải được kiểm tra định kỳ.

- Có biển báo, biển chỉ dẫn trên các khu vực thi công.

- Có trình tự thi công các công trình ngầm và sắp xếp các tuyến thi công hợp lý, sắp đặt kế hoạch thi công thích hợp.

- Thiết kế hệ thống đèn chiếu sáng cho các khu vực làm việc vào ban đêm.

- Có đầy đủ trang thiết bị an toàn và phòng chống trong trường hợp sự cố khẩn cấp như bình oxy, cabin nước, bình cứu hỏa v.v...

- Có trang thiết bị bảo vệ cá nhân như quần áo bảo hộ lao động, ủng cao su, đèn cầm v.v...

- Trang bị dây treo an toàn khi làm việc trên cao.

Bảng 3. 25. Tóm tắt các tác động và biện pháp giảm thiểu tác động của dự án

TT	Tác động tiêu cực	Biện pháp giảm thiểu
1	Tác động khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển	- Thường xuyên phun nước trên đường vận chuyển, khu vực thi công; - Dùng bạt che kín thùng xe khi vận chuyển.
2	Tác động của bùn, đất rơi vãi; bụi nguyên vật liệu cuốn theo gió	- Tổ chức thu gom bùn, đất rơi vãi - Che phủ kín thùng xe trong khi vận

		chuyển
3	Gia tăng khối lượng chất rắn bị rửa trôi theo dòng nước mưa chảy tràn	- Tránh san lấp mặt bằng vào thời điểm có lượng mưa lớn. - Tổ chức san lấp trong thời gian ngắn
4	Tăng hàm lượng chất lơ lửng trong nước mặt, ô nhiễm do nước thải sinh hoạt của công nhân.	- Trang bị nhà vệ sinh di động có hệ thống bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt.
5	Biến đổi địa hình, địa mạo và cảnh quan khu vực	- Thiết kế phù hợp với địa hình, địa mạo, cảnh quan xung quanh. - Lên kế hoạch, phân bố không gian, thời gian thi công hợp lý.
6	Sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động.	- Tuân thủ an toàn lao động, an toàn giao thông; - Đặt các biển cảnh báo an toàn; - Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân.
7	Từ việc thu hồi đất canh tác của các hộ dân trong diện tích thực hiện dự án	- Thực hiện đền bù trước khi giải phóng mặt bằng

3.1.2.2. Các công trình, biện pháp, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường trong giai đoạn xây dựng:

a. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm không khí trong giai đoạn xây dựng:

a1. Kiểm soát phát tán bụi tại khu vực thi công:

- Ngăn ngừa phát tán bụi khi đổ vật liệu: Khi dùng xe tải để đổ vật liệu tại các bãi chứa tạm, nếu thấy bụi bốc lên chủ dự án thực hiện ngay việc phun nước làm ẩm.

- Tổ chức thi công hợp lý: Thi công dứt điểm từng công đoạn, từng hạng mục công trình. Thực hiện tốt công tác quản lý và giám sát thi công trên khu vực thi công.

- Áp dụng công nghệ tiên tiến: Áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hoá trong vận hành và tối ưu hoá quá trình thi công, cụ thể:

+ Tại khu vực thi công cần che chắn bằng tấm tôn hoặc bạt có chiều cao từ 2,5m - 3m xung quanh tại vị trí tiếp giáp của dự án với đường giao thông và hướng có khoảng cách gần nhất đến khu dân cư để hạn chế bụi phát tán.

+ Phun nước dạng sương mù để làm ẩm trong khu vực thi công nhằm hạn chế phát tán bụi khi các máy, thiết bị thực hiện san gạt, đào móng công trình.

+ Bố trí một máy bơm để rửa lốp xe vào những ngày trời mưa trước khi ra khỏi khu vực thi công để tránh gây bẩn và phát tán bụi tuyến đường trong khu vực.

+ Đối với các vật liệu, nhiên liệu như xi măng, sắt thép, sơn, bột bả,... được bảo quản cẩn thận trong kho chứa để tránh tác động của mưa, nắng gây hư

hồng, ảnh hưởng đến chất lượng công trình và giảm thiểu khả năng phát tán các chất ô nhiễm ra môi trường xung quanh.

+ Dự kiến mua nhựa đường sẵn để rải nhằm hạn chế các rủi ro trong quá trình nấu nhựa đồng thời hạn chế bụi, khí thải phát sinh; trang bị ủng, găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ cho công nhân để tránh ảnh hưởng bởi nhiệt, khí và tai nạn có thể xảy ra như cháy, bỏng.

a2. Kiểm soát phát thải của các máy móc, thiết bị, phương tiện tham gia thi công:

Khí thải của các phương tiện giao thông, thiết bị thi công cơ giới trên khu vực thi công cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến môi trường, để kiểm soát và giảm thiểu phát sinh khí thải từ các phương tiện và máy móc tham gia thi công chủ đầu tư sẽ giám sát các nhà thầu về việc:

- Sử dụng phương tiện, máy móc thi công đảm bảo tiêu chuẩn khí thải: Các phương tiện tham gia thi công sẽ được kiểm tra sự phát thải khí theo TCVN 6438:2005. Tất cả thiết bị sử dụng cho xây dựng phục vụ cho dự án này sẽ được Đăng kiểm theo quy định của Việt Nam.

- Bảo dưỡng định kỳ: Bảo dưỡng phương tiện và máy móc thi công định kỳ để giảm ô nhiễm không khí phát sinh.

- Quy định khu vực di chuyển: Các phương tiện chỉ được phép di chuyển trong phạm vi thi công theo quy định.

a3. Giảm thiểu ô nhiễm bụi phát sinh từ phương tiện vận chuyển:

- Sử dụng phương tiện đảm bảo tiêu chuẩn khí thải và quy định vận chuyển:

+ Các phương tiện vận chuyển đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Không chuyên chở vật liệu vượt trọng tải quy định; vật liệu chuyên chở trên xe sẽ được che chắn để tránh phát tán bụi;

+ Sử dụng các xe có trọng tải dưới 10 tấn để vận chuyển nguyên vật liệu.

+ Làm ẩm vật liệu để tăng cường hiệu quả giảm bụi. Sử dụng các xe có nắp hoặc che bạt để vận chuyển vật liệu, tránh các loại vật liệu như cát rơi vãi, phát tán ra môi trường trong quá trình vận chuyển.

+ Tại các khu vực qua khu dân cư, trường học, bệnh viện yêu cầu lái xe giảm tốc độ <30km/h để đảm bảo an toàn cho người dân.

- Kiểm soát và quản lý môi trường nơi phương tiện ra vào khu vực thi công: Tại khu vực xây dựng sẽ quy định giờ vận chuyển vật liệu vào dự án tránh giờ cao điểm của cán bộ công nhân viên đi làm hoặc tan tầm, quy định vị trí tập kết vật liệu để bốc dỡ phục vụ cho thi công.

a4. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Không sử dụng máy móc có mức độ ồn lớn hơn 85 dBA. Điều tiết hợp lý công tác sử dụng các máy móc trên khu vực thi công để tránh hiện tượng cộng hưởng âm. Nếu trong trường hợp bắt buộc do tiến độ thi công thì các công nhân xây dựng tại các vị trí có độ ồn lớn sẽ được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động và các nút bịt tai.

- Các phương tiện thi công phải còn niên hạn sử dụng, đảm bảo tiêu chuẩn tiếng ồn quy định trong phương tiện giao thông đường bộ theo TCVN 7880:2016.

- Các phương tiện tham gia thi công phải có các thiết bị tiêu âm đúng tiêu chuẩn của nhà thiết kế, đồng thời không được sử dụng còi hơi, hoặc còi điện có công suất lớn trong xe.

- Không tiến hành các hoạt động thi công phát sinh mức độ ồn lớn hơn 65 dBA trong thời gian nghỉ, cụ thể: thời gian nghỉ trưa từ 11h30’ đến 13h00’, thời gian nghỉ đêm từ 18h30’ đến 7h00’ hôm sau.

b. Về nước thải:

b1. Giảm thiểu ô nhiễm từ nước thải thi công và nước mưa chảy tràn:

Do thời gian thi công ngắn, nước mưa chảy tràn có tần xuất xảy ra ít. Nước thải thi công phát sinh ít. Tuy nhiên, Chủ đầu tư chúng tôi vẫn áp dụng một số biện pháp giảm thiểu tác động xấu của nguồn thải này, cụ thể:

- Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát nước thải.

- Không đổ chất thải rắn (chất thải xây dựng, cát, đá...) và chất thải lỏng (cặn dầu máy của các thiết bị) xuống dòng chảy. Các loại chất thải phải phát sinh phải được phân loại, thu gom và chuyển đến vị trí tập kết theo quy định.

- Nước thải thi công xây dựng và nước mưa chảy tràn được thu gom theo rãnh thoát nước sâu 0,5m, bố trí 01 hố ga lắng tạm thời có kích thước $D \times R \times H = 2,0 \times 2,0 \times 1,75$ m để lắng cặn trước khi thoát ra khuôn viên dự án. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét bùn, đất lắng cặn tránh ách tắc dòng chảy.

Ngoài ra, để hạn chế các tác nhân ô nhiễm đến nước mưa chảy tràn cần áp dụng các biện pháp sau:

- Quá trình thi công xây dựng đến đâu gọn đến đấy, không dàn trải trên toàn bộ diện tích nhằm hạn chế lượng mưa kéo theo chất bẩn, nhất là vào mùa mưa lũ.

- Các phương tiện hoạt động thi công khi đến hạn bảo dưỡng hoặc thay dầu được đưa tới các gara chuyên nghiệp để xử lý các vấn đề liên quan đến kỹ thuật. Không thực hiện thay dầu, sửa chữa tại khu vực để hạn chế tới mức thấp nhất sự rơi vãi các loại dầu máy có chứa thành phần độc hại ra môi trường.

- Tại các khu vực sau khi san gạt, sử dụng máy lu lèn chặt nền đất vừa

đảm bảo độ nén chặt của các lớp đất theo yêu cầu xây dựng công trình, đồng thời giảm thiểu tới mức thấp nhất lượng đất đá cuốn theo nước mưa chảy tràn. Hạn chế ô nhiễm nguồn nước mặt tiếp nhận.

- Vệ sinh mặt bằng thi công cuối ngày làm việc, thu gom rác thải, không để rò rỉ xăng dầu nhằm giảm thiểu sự xâm nhập các tác nhân ô nhiễm đến nước mưa chảy tràn.

b2. Giảm thiểu ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt:

- Hạn chế lượng nước thải bằng cách ưu tiên tuyển dụng công nhân là người địa phương có điều kiện tự túc ăn ở. Biện pháp sẽ đảm bảo giảm thiểu tối đa lượng nước thải sinh hoạt tại công trường, tạo ra việc làm đồng thời cũng giảm thiểu tác động đến môi trường xã hội địa phương khi thuê lao động từ nơi khác.

Theo tính toán ở trên, tổng lượng nước thải của 5 công nhân ở giai đoạn thi công là 0,225 m³/ngày.đêm. Tuy nhiên trên thực tế thì lượng nước thải sinh hoạt thấp hơn nhiều và phát sinh không đồng đều. Để giảm thiểu tác động đối với nước thải sinh hoạt, Chủ đầu tư yêu cầu đơn vị thi công trang bị nhà vệ sinh tạm cho công nhân ở khu vực lán trại tạm để thu gom nước thải sinh hoạt.

⇒ Thông số kỹ thuật của nhà vệ sinh di động:

- Kích thước: (rộng x sâu x cao) = 1.400 x 1.050 x 2.600 (mm)
- Dung tích chứa: V=1.000 lít
- Vật liệu: composite nguyên khối

Trong quá trình sử dụng, để hạn chế phát sinh mùi hôi thối, có thể bổ sung các chế phẩm E.M để tăng cường quá trình phân hủy.



Hình 3. 1. Hình ảnh minh họa nhà vệ sinh di động tại công trường thi công

c. Về rác thải sinh hoạt, chất thải rắn trong xây dựng và chất thải nguy hại:

c1. Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Trong quá trình thi công xây dựng, yêu cầu nhà thầu thi công không tổ chức nấu ăn cho công nhân, tuy nhiên vẫn có thể phát sinh một lượng nhỏ chất thải sinh hoạt do công nhân mang theo ăn giữa giờ nghỉ giải lao do vậy nhà thầu

sẽ phải tổ chức thu gom lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại khu lán trại tạm của công nhân và trên khu vực thi công

- Bố trí khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt tại vị trí nhất định trong khu vực thi công, thuận tiện cho việc vận chuyển. Tại vị trí này sẽ đặt các thùng rác 200 lít có nắp đậy kín, không rò rỉ đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan khu vực.

- Xây dựng nội quy về trật tự, vệ sinh môi trường và yêu cầu các nhà thầu tuân thủ thực hiện đúng. Không xả thải rác bừa bãi, phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào đúng thùng được quy định.

- Yêu cầu các nhà thầu thi công bố trí nhân lực để thu gom, dọn dẹp rác thải sinh hoạt và vệ sinh môi trường trong ca làm việc. Chủ dự án sẽ yêu cầu bắt buộc nhà thầu ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt nếu phát sinh theo đúng quy định với tần suất 3 ÷ 5 ngày/lần.

c2. Thu gom và xử lý chất thải rắn xây dựng (CTRXD).

- Lựa chọn giải pháp thiết kế và công nghệ sử dụng vật liệu hợp lý ngay từ khi thiết kế công trình nhằm hạn chế lượng chất thải phát sinh.

- Phân loại ngay tại nơi phát sinh thành các loại:

- + Chất thải rắn có khả năng tái chế được;

- + Chất thải rắn có thể được tái sử dụng ngay trên công trường hoặc tái sử dụng cho các công trường xây dựng khác;

- + Chất thải rắn không thể tái chế, tái sử dụng được phải đem đi chôn lấp;

- + Chất thải nguy hại được phân loại, quản lý theo chất thải nguy hại.

- Lưu giữ chất thải rắn xây dựng

- + Bố trí khu vực, thiết bị lưu giữ CTRXD trong khuôn viên công trường; tại vị trí tránh bị ngập nước, hoặc nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh khu vực lưu giữ.

- + Thiết bị, khu vực lưu giữ CTRXD đảm bảo không gây cản trở giao thông và đảm bảo mỹ quan.

- + Các loại CTRXD có thể tái chế, tái sử dụng được phân loại lưu chứa trong khu vực lưu giữ riêng.

- Thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng:

- + CTRXD được thu gom, vận chuyển đến điểm tập kết được UBND xã Vĩnh Lại lựa chọn theo đúng quy định.

- + Việc vận chuyển phải theo thời gian và lộ trình về tuyến đường, an toàn giao thông và tuân thủ các quy định về phân luồng giao thông tại địa phương.

- + Các phương tiện vận chuyển CTRXD đảm bảo về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn.

- + Trong quá trình vận chuyển, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo không

làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi.

- Tái sử dụng, tái chế chất thải rắn xây dựng

Khuyến khích tái chế, tái sử dụng CTRXD ngay tại công trường. Các loại CTRXD được tái chế, tái sử dụng theo các mục đích sau:

+ CTRXD dạng bê tông và gạch vụn chủ yếu được tái chế thành cốt liệu thô, có thể sử dụng làm vật liệu sản xuất gạch, tấm tường, gạch lát nền, các sản phẩm vật liệu xây dựng khác hoặc san nền;

+ Đối với CTRXD như gỗ, giấy chủ yếu được tái chế làm nguyên liệu cho sản xuất giấy, gỗ và nhiên liệu đốt;

+ Đối với CTRXD là vật liệu hỗn hợp nhựa đường, có thể tái chế thành vật liệu bê tông nhựa (dạng cốt liệu);

+ Đối với phế liệu là thép và các vật liệu kim loại khác, có thể trực tiếp tái sử dụng hoặc làm nguyên liệu cho ngành luyện kim;

+ Các loại CTRXD khác, tùy theo tính chất và đặc điểm (thành phần), được tái sử dụng, tái chế theo mục đích sử dụng phù hợp.

b3. Thu gom và xử lý chất thải nguy hại:

- Các loại chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng sẽ được phân loại, thu gom và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Trên khu vực thi công sẽ trang bị 03 thùng (dung tích chứa 200 lít/thùng) có nắp đậy kín để chứa giẻ lau dính dầu mỡ, vỏ can dầu mỡ bôi trơn máy móc.

- Hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý chất thải nguy hại. Đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý chất thải nguy hại sẽ có đầy đủ năng lực và sẽ được cơ quan quản lý nhà nước cấp phép vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Không thực hiện các hoạt động sửa chữa các máy móc, thiết bị, phương tiện tại khu vực thi công (trừ trường hợp xảy ra sự cố ngay tại công trường). Tất cả các trường hợp bảo dưỡng đối với máy móc và phương tiện thi công phải được thực hiện tại các gara sửa chữa để hạn chế tối đa phát sinh các chất thải rắn nguy hại phát sinh.

⇒ Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu và tác động tàn dư:

Các biện pháp giảm thiểu được xây dựng trên cơ sở nhận dạng nguồn thải, khối lượng và chủng loại chất thải phù hợp yêu cầu của quá trình xử lý. Các CTR sinh hoạt và CTR xây dựng phát sinh không lớn, chủ yếu tập trung trong khu vực thi công nên biện pháp thu gom và xử lý nêu trên là phù hợp và sẽ giảm thiểu triệt để nguồn thải phát sinh. Tác động tàn dư không xảy ra.

Đối với CTNH đơn vị thi công sẽ phải thu gom, lưu chứa tạm và xử lý theo quy định nghiêm ngặt về quản lý CTNH. Chủ đầu tư và nhà thầu bắt buộc

ng nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật.

d. Biện pháp bảo vệ môi trường khác:

d1. Giảm thiểu các tác động đến kinh tế - xã hội khu vực:

- Quản lý công nhân: Chủ đầu tư yêu cầu các nhà thầu đảm bảo cung cấp các điều kiện sinh hoạt cho công nhân trên khu vực thi công. Đảm bảo công nhân được chăm sóc về sức khỏe trong thời gian thi công, đăng kí tạm trú, tạm vắng đầy đủ cho công nhân.

- Giáo dục, tuyên truyền: Giáo dục công nhân tôn trọng văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng địa phương. Nghiêm cấm tệ nạn uống rượu, đánh bạc tại khu vực xây dựng.

- Sử dụng lao động địa phương: Đề xuất các nhà thầu ưu tiên sử dụng những lao động phổ thông tại địa phương để làm những công việc giản đơn.

d2. Thực hiện các biện pháp quản lý và tổ chức thi công:

- Lắp đặt biển báo: Lắp đặt biển báo an toàn lao động trong phạm vi thi công tại các vị trí ra vào dự án để người lao động biết nhằm ngăn ngừa các rủi ro, tai nạn.

- Thực hiện đúng quy trình thi công: Chủ đầu tư yêu cầu các nhà thầu thực hiện đúng và đầy đủ các quy trình thi công được phê duyệt để hạn chế đến mức thấp nhất các tác động phát sinh đến môi trường từ hoạt động dự án.

d3. Giảm thiểu tác động do hoạt động giao thông vận tải:

- Tuân thủ các quy định về an toàn thi công, không được uống rượu, bia trong thời gian làm việc.

- Hướng dẫn giao thông: Bố trí người hướng dẫn giao thông để đảm bảo các phương tiện ra vào khu vực thi công hợp lý, không ảnh hưởng đến hoạt động thi công và hoạt động giao thông trong khu vực dự án.

⇒ Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu và tác động tàn dư:

Các biện pháp giảm thiểu tác động do tập trung công nhân cũng chính là các quy định về công tác an toàn và vệ sinh môi trường đối với các nhà thầu trong quá trình thi công. Chủ dự án sẽ bắt buộc các nhà thầu thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế giữa hai bên. Biện pháp có tính khả thi cao và tác động tàn dư là không đáng kể.

e. Biện pháp giảm thiểu tác động môi trường do các hiện tượng xói lở, bồi lắng trong thi công xây dựng dự án:

- Biện pháp kiểm soát nguy cơ xói lở, bồi lắng: Tổ chức triển khai hợp lý các hoạt động thi công, đặc biệt là công tác quản lý vật liệu thi công, đất đá thải và chất thải rắn xây dựng trong suốt quá trình thi công, trong đó:

+ Các loại vật liệu xây dựng được tập kết về dự án với khối lượng hợp lý, đủ đảm bảo triển khai thi công và tránh tích lũy với khối lượng lớn trên khu vực thi

công.

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý và kỹ thuật giảm thiểu tác động do đất đá thải, chất thải rắn xây dựng trong quá trình thi công xây dựng.

+ Trong trường hợp các loại đất đào đắp, vật liệu thi công các công trình được tập kết về dự án khi chưa tiến hành thi công, gặp trời mưa được che phủ bằng bạt nhằm hạn chế quá trình rửa trôi do nước mưa chảy tràn.

+ Không tiến hành thi công khi có mưa lớn. Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát hiện tượng trượt lở, sụt lún đối với những vị trí nền đào. Xây dựng, gia cố rãnh thoát nước cho tất cả các khu vực của dự án nhằm bảo vệ, chống xói với kết cấu gia cố rãnh được thiết kế phù hợp cho từng vị trí dự án. Kè gia cố xung quanh khu vực dự án tránh xô sạt đất đá xuống các khu vực canh tác nông nghiệp tiếp giáp với vị trí dự án.

- Biện pháp kiểm soát nguy cơ bồi lắng và xử lý khi tràn đổ đối với khu vực thi công xây dựng:

+ Khi tiến hành thi công các hạng mục công trình được tiến hành thi công trước hệ thống thoát nước nhằm đảm bảo năng lực tiêu thoát của hệ thống, ngăn chặn hiện tượng bồi lắng dòng chảy và hạn chế khả năng xảy ra ngập úng cục bộ đối với từng khu vực thi công.

+ Tiến hành loại bỏ, nạo vét nhằm hạn chế tối đa khả năng xảy ra bồi lắng, cản trở dòng chảy đối với trường hợp xảy ra các sự cố về tràn đổ nguyên vật liệu san lấp trong thi công san nền vào mương thoát nước và diện tích đất canh tác nông nghiệp xung quanh khu vực dự án.

+ Các biện pháp ngăn ngừa và xử lý bồi lắng dòng chảy được áp dụng nghiêm ngặt là yêu cầu bắt buộc mà chủ dự án đưa ra đối với các nhà thầu thi công. Đồng thời thực hiện các biện pháp xử lý đối với hiện tượng lầy hóa sau mưa đối với toàn bộ khu vực thi công và các tuyến vận chuyển bằng đường bộ.

- Thời gian: Duy trì thực hiện đầy đủ các nội dung đề xuất trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng dự án.

f. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

**** Sự cố tai nạn lao động:***

Đối với sự cố tai nạn lao động xảy ra do ô nhiễm môi trường, chủ đầu tư sẽ quan tâm áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn lao động phù hợp.

Ngoài ra, chủ đầu tư sẽ đảm bảo kỹ thuật và kế hoạch thi công, điều động máy móc, xe cộ, thiết bị kỹ thuật một cách khoa học, hợp lý và đảm bảo nội quy an toàn lao động.

**** Sự cố cháy nổ:***

Sự cố này có thể xảy ra bất cứ lúc nào, nên chủ đầu tư sẽ đảm bảo áp

dụng các biện pháp phòng chống, khống chế hiệu quả nhằm hạn chế tối đa các tác động tiêu cực này. Các thiết bị phòng chữa cháy đặt ở khu vực thuận tiện sử dụng với khoảng cách không quá xa để công nhân có thể kịp thời chữa cháy khi cần thiết.

*** Sự cố tai nạn giao thông:**

Sự cố tai nạn giao thông hoàn toàn có thể phòng tránh được bằng cách kiểm tra tình trạng kỹ thuật các phương tiện vận tải, tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành luật lệ an toàn giao thông của người điều khiển phương tiện giao thông và cho công nhân lao động tại khu vực xây dựng.

*** Giảm thiểu sự xuống cấp và phá hỏng hệ thống đường giao thông khu vực.**

Để giảm thiểu tối đa sự xuống cấp và phá hỏng hệ thống giao thông khu vực do các hoạt động thi công xây dựng dự án, các biện pháp được thực hiện như sau:

- Căn cứ quy định độ chịu tải của hệ thống giao thông khu vực để xác định xe vận chuyển có trọng tải phù hợp của các nhà thầu được tham gia thi công, cụ thể xe vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng tải trọng không quá 15 tấn;
- Chủ đầu tư sẽ giám sát việc tuân thủ của các nhà thầu trong quá trình bố trí các phương tiện tham gia thi công theo các cam kết và kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm;
- Chủ đầu tư sẽ yêu cầu các nhà thầu phụ có các giải pháp khắc phục và sửa chữa ngay các tuyến hư hỏng do thi công dự án gây ra để đảm bảo không ảnh hưởng đến việc đi lại của người lao động và dân cư trong khu vực.

3.1.3. Đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn vận chuyển, lắp đặt máy móc thiết bị

Bảng 3. 26. Các hoạt động, nguồn gây tác động và các biện pháp giảm thiểu môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị

TT	Các hoạt động	Nguồn gây tác động	Đối tượng bị tác động	Biện pháp giảm thiểu
1	Vận chuyển máy móc thiết bị	- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển máy móc về công ty	- Dân cư ven tuyến đường vận chuyển máy móc, thiết bị	- Yêu cầu các xe ô tô vận chuyển máy móc thiết bị ra vào công ty theo đúng lịch trình và vận tốc đã quy định.
2	Lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ việc	- Chất thải rắn từ quá trình lắp đặt các thiết bị máy móc: túi, hộp,	- Ô nhiễm môi trường nước, đất, ảnh hưởng đến	- Chất thải rắn nguy hại được thu gom chứa

	kinh doanh bán xăng dầu	vỏ bao, giẻ lau, các đầu mẩu dây điện, - Chất thải nguy hại là giẻ lau dính dầu mỡ với khối lượng phát sinh khoảng 2kg.	môi trường tự nhiên và cảnh quan khu vực xung quanh dự án	vào kho rộng 16m ² .
3	Sinh hoạt của 05 cán bộ kỹ thuật	- Nước thải sinh hoạt (0,225 m ³ /ngày.đêm) - Chất thải rắn sinh hoạt: vỏ cơm hộp, túi niong, vỏ chai nước với khối lượng khoảng 1,5kg/ngày.	- Ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận nước thải là rãnh thoát nước chung khu vực dự án.	- Nước thải được xử lý qua 1 bể tự hoại 3 ngăn với tổng dung tích 4,44 m ³ - CTRSH được thu gom, tập kết và đổ thải đúng nơi quy định của địa phương.

3.2. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH

3.2.1. Đánh giá, dự báo tác động

3.2.1.1. Đánh giá, dự báo tác động liên quan đến chất thải:

Bảng 3. 27. Tổng hợp các nguồn gây tác động có liên quan chất thải trong quá trình hoạt động của dự án

TT	Các hoạt động	Nguồn gây tác động	Đối tượng tác động
1	Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào nhập hàng, mua hàng	- Tiếng ồn, bụi và khí thải của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và thành phẩm có chứa thành phần ô nhiễm như CO, CO ₂ , NO _x , THC, bụi,...	Môi trường không khí trong khu vực
2	Hoạt động kinh doanh của cửa hàng	- Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh, có chứa thành phần ô nhiễm chủ yếu như vi sinh, tổng dầu mỡ khoáng, Photpho, Nitơ, NH ₄ , chất hữu cơ BOD ₅ , coliform,...; nước xúc rửa bồn nhiễm dầu.	Môi trường nước
		- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên.	Môi trường đất, nước
		- Mùi hôi thối sinh ra từ quá trình phân hủy nước thải tại hố ga, bể tự hoại.	Môi trường không khí khu vực
		- Hơi xăng dầu từ quá trình vận hành	Môi trường không

		cửa hàng xăng dầu. - Khí thải từ máy phát điện dự phòng - Nước mưa chảy tràn chứa cặn lơ lửng, dầu mỡ cuốn theo nước mưa.	khí và môi trường nước trong khu vực
3	Hoạt động của máy phát điện dự phòng	- Tiếng ồn, độ rung	Ô nhiễm môi trường không khí
4	Sự cố môi trường: - Sự cố cháy nổ, hỏa hoạn. - Sự cố rò rỉ, tràn xăng dầu	- Phát sinh khí thải, chất thải rắn khi xảy ra sự cố. - Phát tán bụi ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân lao động và môi trường không khí xung quanh. - Nước thải ảnh hưởng đến môi trường nước	Môi trường không khí, môi trường nước khu vực và sức khỏe nhân viên

a. Tác động của bụi, khí thải

a1. Khí thải từ quá trình hoạt động của các phương tiện giao thông:

Khi dự án đi vào hoạt động, mật độ giao thông tại khu vực sẽ tăng lên, ngoài khí thải của các xe vận chuyển xăng dầu phục vụ kinh doanh còn bao gồm cả hoạt động tham gia giao thông của khách hàng khi đến mua xăng dầu cũng phát sinh khí thải.

Thành phần chính của các loại khí thải giao thông bao gồm CO₂, CO, NO_x, hydrocacbon, hơi xăng dầu. Các khí thải này là sản phẩm của quá trình đốt cháy không hoàn toàn nhiên liệu hóa thạch của các phương tiện giao thông.

Bảng 3. 28. Tải lượng khí thải của các xe tải chạy dầu Diesel 3,5 - 16T

Loại đường	Đơn vị (U)	SO ₂ (kg/U)	NO _x (kg/U)	CO (kg/U)	VOC (kg/U)
Trong đô thị	1000 km	4,29S	11,8	6,0	2,6
	Tấn dầu	20S	55	28	12
Ngoại ô	1000 km	4,29S	14,4	29	0,8
	Tấn dầu	20S	70	14	4
Quốc lộ	1000 km	4,29S	14,4	2,9	0,8
	Tấn dầu	20S	70	14	4

(Nguồn: WHO, 1993 - Ghi chú: S là hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu)

a2. Ô nhiễm do hơi xăng dầu bay hơi trong quá trình tiếp nhận, lưu trữ và súc rửa bể:

* Nguồn phát sinh: Cũng như đối với các cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu khác, khí thải phát sinh trong quá trình kinh doanh của cửa hàng chủ yếu do hydro và các hợp chất khác có trong thành phần hơi xăng dầu bay hơi phát tán vào không khí trong quá trình xuất, nhập, tồn chứa, vận chuyển xăng dầu... Đây cũng là nguyên nhân chủ yếu gây nên tình trạng hao hụt xăng, dầu và

ô nhiễm môi trường không khí. Khu vực có nhiều hơi xăng, dầu phát tán là vị trí nhập, khu bồn chứa và các cột bơm xăng dầu cho khách hàng... Các nguyên nhân cụ thể bao gồm:

- Do hiện tượng “thở” của bồn chứa;
- + Khi bơm nhập xăng, dầu vào bồn chứa, hơi xăng, dầu bốc lên, thể tích trống trong bồn bị nén lại, áp suất trong bồn tăng lên, hơi xăng, dầu được xả ra ngoài theo xupap (là van phân phối khí hoặc hơi cho động cơ xe) bảo đảm an toàn cho bồn chứa, gây nên hao hụt “thở lớn”.
- + Khi bồn chứa yên tĩnh, xăng, dầu vẫn liên tục bốc hơi, gọi là hao hụt “thở nhỏ”.
- + Khi xuất ra khỏi bồn, không khí được hút vào bồn để bù vào chỗ trống, xăng, dầu lại bốc hơi để bão hòa lớp không khí mới, gây hao hụt “thở ngược”.
- Do bản chất bay hơi tự nhiên của xăng, dầu;
- Do rò rỉ từ hệ thống van, ống nối;
- Do bám dính trên vật chứa, đường ống;
- Do không tháo xả hết khỏi đáy bồn khi súc rửa bồn chứa;
- Do thoát qua hệ thống supap;
- Do các sự cố kỹ thuật.

** Lượng xăng dầu bay hơi:*

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BCT ngày 08/12/2015 của Bộ Công thương quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu thì định mức hao hụt chung cho công tác nhập, xuất, lưu trữ và súc rửa bể chứa xăng dầu như sau:

Bảng 3. 29. Tỷ lệ hao hụt xăng dầu

TT	Nhiên liệu	Tỷ lệ hao hụt xăng dầu (%)				
		Nhập	Xuất	Tồn trữ	Súc rửa	Tổng
1	Xăng	0,25	0,14	0,120	0,010	0,52
2	Dầu	0,15	0,12	0,014	0,008	0,292

Với lượng cấp phát nhiên liệu hằng năm của Cửa hàng là 37,5 m³ nhiên liệu xăng và 37,5 m³ nhiên liệu dầu thì lượng xăng dầu hao hụt như sau:

Bảng 3. 30. Lượng hao hụt xăng dầu của dự án

TT	Nhiên liệu	Lượng hao hụt xăng dầu (m ³)				
		Nhập	Xuất	Tồn trữ	Súc rửa	Tổng
1	Xăng	0,0094	0,053	0,045	0,0004	0,0195
2	Dầu	0,0056	0,045	0,0005	0,0003	0,01095

Hiện tại, chưa có nghiên cứu nào đưa ra hệ số phát thải của quá trình xuất xăng dầu tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu, do đó theo phương pháp đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế Thế Giới (WHO) lượng VOC bay hơi trong quá trình tồn trữ và xuất xăng dầu đối với cụm bể chứa và khu vực bán xăng dầu như sau:

Bảng 3. 31. Lượng VOC phát sinh từ quá trình tồn chứa và xuất xăng dầu của dự án

TT	Nhiên liệu	Lượng hao hụt (m ³)	Tỷ lệ phát sinh VOC (*) (kg VOC/m ³)	Lượng VOC phát sinh (kg)	Nồng độ (mg/m ³)
1	Xăng	0,0195	0,59	0,012	0,5066
2	Dầu	0,01095	0,015	0,001	0,0422
Tổng		0,03045	-	0,013	0,5488

(Nguồn (*): Phương pháp đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế Thế Giới (WHO), năm 1993)

So sánh với nồng độ giới hạn tối đa cho phép của khí Hydrocacbon (C_xH_y) trung bình ngày là 15mg/m³ (QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí) thì nồng độ trung bình ngày nằm trong giới hạn cho phép. Tuy nhiên để đảm bảo sức khỏe cho công nhân tại khu vực xuất nhập xăng dầu chủ đầu tư cần nghiêm túc áp dụng biện pháp bảo vệ môi trường.

** Tác động của hơi xăng dầu:*

Hơi xăng dầu có chứa nhiều chất gây ảnh hưởng xấu cho môi trường như lưu huỳnh, benzen, hydrocacbon thơm và một số chất phụ gia... Các chất này phát thải ra môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người với giới hạn nhiễm độc của các chất như sau:

- Metan: 60 - 95%
- Propan: 10%
- Butan: 30%
- Sunfua: 10ppm

Nồng độ hơi xăng dầu từ 45% trở lên gây ngạt do thiếu oxy. Khi hít thở hơi xăng dầu có thể gây ra các triệu chứng như sau: say, co giật, ngạt, viêm phổi, áp xe phổi. Khi hít thở có xăng dầu ở nồng độ trên 40.000 mg/m³ có thể bị tai biến cấp tính với các triệu chứng như tức ngực, chóng mặt, rối loạn giác quan, tâm thần, nhức đầu, buồn nôn. Khi hít thở nồng độ trên 60.000 mg/m³ sẽ xuất hiện các cơn co giật, rối loạn tim và hô hấp, thậm chí gây tử vong. Ngoài ra, một số người nhạy cảm xăng dầu còn gây tác động trực tiếp lên da. Xăng dầu làm cho người bị nhiễm độc qua đường hô hấp, đường tiêu hóa ít bị nhiễm độc. Khi hít phải không khí có hàm lượng xăng dầu 10mg/l sau 1 giờ người có thể bị nguy hiểm, với hàm lượng 10 - 20mg/l sẽ gây nguy hiểm sau 30 phút, với hàm lượng 25 - 30 mg/l trong không khí sau 1 giờ hít thở sẽ dẫn đến tử vong.

a3. Khí thải từ máy phát điện dự phòng:

Trong quá trình vận hành dự án, Công ty sẽ đầu tư máy phát điện dự phòng công suất 10KVA để đảm bảo cấp điện khi sự cố mất điện lưới nên việc việc sử dụng máy phát điện dự phòng sẽ không diễn ra thường xuyên, thời gian hoạt động không dài, do đó lượng khí thải phát sinh không lớn và mức độ gây ra tác động đến môi trường sẽ là không đáng kể.

Chi tiết các tính toán dự báo và đánh giá khả năng gây ra tác động do khí thải từ nguồn này, bao gồm:

- Công suất phát điện: $P = 10\text{KVA}$
- Lượng dầu DO tiêu thụ: 11 lít/h (theo Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 8/10/2015 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng).
- Lưu lượng khí thải khi đốt 01 lít dầu DO (hệ số khí dư $k = 1,2$): $18,5 \text{ Nm}^3/\text{lít}$.
- Hệ số phát thải các chất ô nhiễm trong khói thải tương ứng khi đốt 01 lít dầu DO được lấy theo tài liệu US-EPA, Locomotive Emissions Standard, Regulatory Support Document, April 1998, cụ thể: $\alpha_{\text{TSP}} = 1,8\text{g/l}$; $\alpha_{\text{SO}_2} = 2,8\text{g/l}$, $\alpha_{\text{CO}} = 7,25\text{g/l}$; $\alpha_{\text{NO}_x} = 3,4 \text{ g/l}$.

Kết quả dự báo nồng độ ô nhiễm trong khói thải của máy phát điện được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 32. Kết quả dự báo tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện dự phòng

TT	Hạng mục chính	Kí hiệu	Đơn vị	Giá trị tính			
				Bụi	SO ₂	NO _x	CO
1	Công suất máy phát	P	KVA	10			
2	Lượng dầu tiêu thụ (100% tải)	V _{DO}	Lít/h	11			
3	Hệ số khí thải (k=1,2)	q	Nm ³ /lít	18,5			
4	Lưu lượng khí thải	Q	Nm ³ /h	203,5			
5	Hệ số tải lượng ô nhiễm	α	g/lít	1,8	2,8	3,4	7,2
6	Tải lượng ô nhiễm	E	g/h	19,8	30,8	37,4	79,2
7	Nồng độ ô nhiễm	C	mg/Nm ³	97,30	151,35	183,78	391,89
8	QCCP	C_{max}	mg/Nm³	200	500	850	1000
* Ghi chú: QCCP - Quy chuẩn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - cột B.							

Theo kết quả tính toán và so sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện với QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ Cột B, cho thấy các kết quả tính toán đều thấp hơn so với giới hạn cho phép. Bên cạnh đó, máy điện dự phòng chỉ được vận hành khi xảy ra sự cố mất điện nên thời gian sử dụng máy là rất ít nên tác động môi trường tự nhiên khu vực dự án do khí thải từ máy phát điện được đánh giá là không đáng kể.

b. Tác động đến môi trường nước:

Trong quá trình hoạt động của Dự án sẽ phát sinh nước thải, các nguồn phát sinh nước thải bao gồm:

- Nước thải nhiễm xăng dầu gồm: nước thải phát sinh từ việc rửa nền bãi, nước súc rửa bồn chứa xăng dầu định kỳ, nước mưa chảy tràn khu vực có khả năng nhiễm xăng dầu.

- Nước thải sinh hoạt không nhiễm xăng dầu

- Nước mưa chảy tràn.

b1. Nước súc rửa bồn xăng, dầu định kỳ:

- Nước súc rửa bồn xăng dầu: Theo quy định của ngành xăng dầu, các bể chứa tại cửa hàng đều được súc rửa định kỳ 2 năm/lần nhằm đảm bảo chất lượng xăng dầu và khi có sự thay đổi thay đổi chủng loại mặt hàng trong bể chứa hoặc trước khi đưa bể vào sửa chữa, bảo dưỡng. Do cấu tạo bên trong của bể được sơn 2 lớp sơn đặc chủng nên khả năng bám dính cặn xăng dầu là rất nhỏ vì vậy khi súc rửa chỉ thực hiện kỹ khoảng 5cm đáy bể, sau khi dùng giấy thấm dầu và giẻ lau để thấm thì lượng nước khi dùng bơm áp lực để rửa bể khoảng 200 lít/lần rửa. Loại nước thải này chứa nhiều sản phẩm hữu cơ, các chất vô cơ dạng hạt và lẫn nhiều sản phẩm của xăng dầu, là nguồn thải có mức độ ô nhiễm dầu cao nhất, nồng độ ô nhiễm có thể lên đến hàng chục ngàn ppm.

Khi lượng nước thải nhiễm dầu này thất thoát ra môi trường làm thay đổi tính chất tính hóa lý môi trường nước nơi tiếp nhận. Tăng độ nhớt, giảm nồng độ oxy hấp thụ vào nước,... gây ảnh hưởng nghiêm trọng đối với hệ động thực vật tại nguồn tiếp nhận. Ngoài ra do dầu nổi trên mặt nước làm cản trở ánh sáng chiếu xuyên vào nước, hạn chế sự quang hợp của thực vật thủy sinh và phù du. Điều này làm giảm lượng cá thể của hệ động thực vật gây ảnh hưởng đến chuỗi thức ăn trong hệ sinh thái.

- Vệ sinh công nghiệp: Công ty sử dụng nước sạch để vệ sinh định kỳ tại khu vực nền các cột xuất bán xăng dầu. Tuy nhiên, lượng nước này phát sinh không nhiều và có thể kiểm soát và thu gom được trong quá trình vệ sinh.

- Nước mưa rơi trên khu vực nền bãi có khả năng nhiễm dầu tại khu vực cửa hàng. Nước mưa lẫn xăng dầu chỉ phát sinh tại những vị trí rò rỉ, rơi vãi xăng dầu và không được che chắn.

⇒ Khối lượng nước thải nhiễm dầu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu không thường xuyên và đồng thời, phụ thuộc vào các quy định liên quan tới súc rửa bể chứa, vệ sinh công nghiệp, điều kiện thời tiết... Các thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải tại cửa hàng xăng dầu gồm: COD, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng nếu không được thu gom, xử lý sẽ gây ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm và môi trường đất khu vực.

b2. Tác động do nước thải sinh hoạt:

- Khi dự án đi vào hoạt động thương mại, tổng số cán bộ công nhân trong cửa hàng khoảng 5 người và khách hàng mua xăng, dầu ước tính 15 người, với lượng

nước sử dụng tính theo TCVN 13606:2023 thì tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt trong cơ sở sản xuất công nghiệp tính cho 01 người trong 01 ca là 45 lít/người/ca.

Do đó nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt cho cửa hàng như sau:

$$Q = 20 \text{ người/ngày} \times 45 \text{ lít/người/ngày} = 0,9 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Theo Mục a, Khoản 1, Điều 39 của Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD ngày 27/4/2020 - Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải thì lượng nước thải phát sinh bằng 100% lượng nước cấp là 0,9 m³/ngày.

Thành phần và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của cửa hàng có chứa nhiều các tạp chất hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 33. Thành phần đặc trưng của nước thải sinh hoạt

Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ		
		Yếu	Trung bình	Mạnh
1. Chất rắn tổng cộng	mg/l	350	720	1200
- Hòa tan (TDS)		250	500	850
- Lơ lửng (TSS)		100	220	350
2. Chất rắn lắng được	mg/l	5	10	20
3. BOD ₅	mg/l	110	220	400
4. Tổng cộng cacbon hữu cơ	mg/l	80	160	290
5. COD	mg/l	250	500	1000
6. Nito tổng (tính theo N)	mg/l	20	40	85
- Hữu cơ		8	15	35
- Amoni tự do		12	25	50
- Nitrit		-	-	-
- Nitrat		-	-	-
7. Photpho tổng (tính theo P)	mg/l	4	8	15
- Hữu cơ		1	3	5
- Vô cơ		3	5	10
8. Tổng Coliform	MPN/100 ml	10 ⁶ - 10 ⁷	10 ⁷ - 10 ⁸	10 ⁷ - 10 ⁹

(Nguồn: Wastwater Enginerring Treatment, Diposal, Reuse, Mc GRAW HILL International Edition Third Edition, 1991)

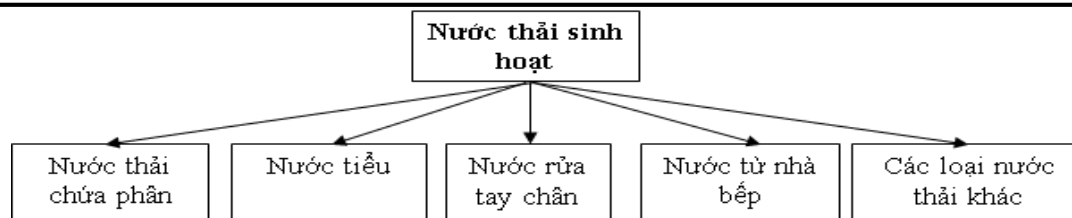
Nước thải sinh hoạt với đặc tính là hàm lượng các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng cao nếu không được xử lý sẽ gây ô nhiễm nguồn nước như:

+ Gia tăng hàm lượng chất rắn lơ lửng, độ đục, độ màu.

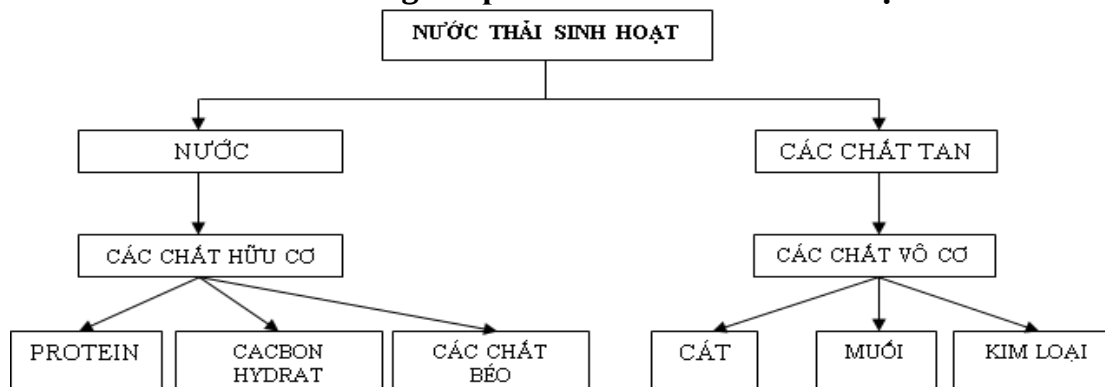
+ Gia tăng hàm lượng chất hữu cơ, chất dinh dưỡng, gây ra hiện tượng phú dưỡng cho nguồn nước tiếp nhận, làm giảm lượng oxy hòa tan trong nước ảnh hưởng đến sự sống của các loài thủy sinh.

- Nguồn gốc phát sinh nước thải sinh hoạt gồm có:

- Nguồn gốc phát sinh nước thải sinh hoạt gồm có:



Hình 3.2. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt



Hình 3.3. Thành phần nước thải sinh hoạt

(Nguồn: Trần Đức Hạ, Kỹ thuật môi trường, Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật)

Theo Hình 3.2 nước thải sinh hoạt có nguồn gốc khác nhau sẽ có thành phần khác nhau và tính chất khác nhau. Tuy nhiên có thể chia làm 2 loại chính sau:

- Nước thải không có chứa phân, nước tiểu và các loại thực phẩm từ các thiết bị vệ sinh như bồn tắm, chậu giặt, chậu rửa, lau sàn, nước rửa tay...: loại nước thải này chứa chủ yếu chất rắn lơ lửng, chất tẩy rửa và nồng độ các chất hữu cơ trong loại nước thải này thấp và thường khó phân hủy sinh học, trong nước thải chứa nhiều tạp chất vô cơ.

- Nước thải chứa phân, nước tiểu từ các khu vệ sinh (toilet) thường tồn tại các vi khuẩn gây bệnh và dễ gây mùi hôi thối. Hàm lượng chất hữu cơ (BOD) và các chất dinh dưỡng như: Nitơ (N), Phốt pho (P) cao. Loại nước thải này thường gây nguy hại đến sức khỏe và dễ làm nhiễm bẩn đến nguồn nước tiếp nhận. Tuy nhiên, loại nước thải này dễ phân hủy sinh học.

Theo thiết kế của dự án, nước thải sinh hoạt có mức độ bẩn cao (xí, tiểu) sẽ được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Sau đó định kỳ 6 tháng/lần sẽ thuê đơn vị chức năng đến xử lý bể tự hoại.

- Nồng độ các chất ô nhiễm:

Việc tính toán tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải sinh hoạt được xác định theo tài liệu của Metcalf and Eddy (Wastewater Engineering - Third Edition, 1991) với công thức:

$$C = k \cdot \frac{\varphi}{\alpha}$$

Trong đó:

C (mg/l): Nồng độ ô nhiễm có trong nước thải

α (lít/người/ng.đ): Định mức nước thải sinh hoạt

φ : Hệ số tải lượng ô nhiễm trung bình trong nước thải sinh hoạt tính theo ca đối với các chất hóa học φ (g/người/ca) hoặc đối với các loại vi sinh vật φ (MPN/người/ca)

k : Hệ số quy đổi đơn vị $k = 1$ (g/l) = 10^3 (mg/l) hoặc $k = 100$ (MPN/100 ml)

Các căn cứ tính toán dự báo nồng độ ô nhiễm các chất bản có trong nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên cửa hàng đưa vào môi trường nếu không xử lý như sau:

Bảng 3. 34. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Chất ô nhiễm	Hệ số (g/người.ngày)	Số người (người)	Tải lượng (kg/ngày)	Nồng độ (mg/l)
Chất rắn lơ lửng	70 ÷ 145	20	1,4 ÷ 2,90	3.111,1 ÷ 6.444,4
Amoni (N - NH ₄)	3,6 ÷ 7,2	20	0,72 ÷ 0,144	160,00 ÷ 320,00
Tổng Nitơ (nitơ)	6 ÷ 12	20	0,12 ÷ 0,24	266,67 ÷ 533,33
Tổng Phốtpho (P)	0,6 ÷ 4,5	20	0,12 ÷ 0,9	266,67 ÷ 200,00
BOD ₅	45 ÷ 54	20	9,0 ÷ 1,08	2000 ÷ 2400
COD	85 ÷ 102	20	1,70 ÷ 2,04	3.777,8 ÷ 4.533,3
Dầu mỡ	10 ÷ 30	20	0,2 ÷ 0,6	444,4 ÷ 133,3

⇒ *Đối tượng và quy mô bị tác động do nước thải*: Số liệu ở bảng trên cho thấy nồng độ chất hữu cơ có mặt trong nước thải sinh hoạt khá cao. Quá trình xả thải nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên nếu không được xử lý hợp lý đạt tiêu chuẩn thải trước khi thải vào nguồn nước tiếp nhận nó sẽ là nguyên nhân làm gia tăng đột biến hàm lượng chất hữu cơ, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nước mặt của lưu vực tiếp nhận.

b3. Tác động do nước mưa chảy tràn:

Khi mưa, nước mưa chảy tràn trên toàn bộ mặt bằng của dự án, nước mưa chảy tràn trên mặt đất sẽ cuốn theo các chất bản như đất, cát, bụi,... xuống hệ thống thoát nước và thường tập trung với khối lượng lớn trong thời gian ngắn. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn thường có hàm lượng như sau:

- Tổng N: 0,5 ÷ 1,5 mg/l
- Tổng P: 0,03 ÷ 0,04 mg/l
- COD: 10 ÷ 12 mg/l
- TSS: 10 ÷ 20 mg/l.

Để đánh giá tác động của nước mưa chảy tràn trên khu vực mặt bằng của dự án đối với môi trường xung quanh chúng tôi sử dụng phương pháp tính toán thủy lực về hệ thống thoát nước mưa theo phương pháp cường độ giới hạn có công thức như sau:

$$Q = q \times F \times \varphi \text{ (m}^3\text{/s)}$$

Trong đó:

Q : Lưu lượng tính toán ($\text{m}^3\text{/s}$)

F : Diện tích lưu vực thoát nước mưa (ha)

φ : Hệ số dòng chảy phụ thuộc vào đặc điểm của lưu vực thoát nước, lấy $\varphi=0,95$

$$q: \text{Cường độ mưa tính toán (l/s.ha)}, q = \frac{(20 + b)^n \times q_{20} (1 + C \log P)}{(t + b)^n}$$

Trong đó:

p : Chu kỳ ngập lụt (năm) lấy $p = 1$ năm (theo Điều 2.2.6 20TCN - 51 - 84)

q_{20}, b, c, n : Đại lượng phụ thuộc đặc điểm khí hậu tại địa phương.

t : Thời gian tập trung mưa (phút)

Đối với trận mưa tính toán, khi chu kỳ tràn ông $P = 1$ thì cường độ mưa là 100 mm/giờ là tương đối lớn.

Tính toán tải lượng các chất ô nhiễm trong nước mưa.

Trong nước mưa đợt đầu thường chứa lượng lớn các chất bẩn tích lũy trên bề mặt như: dầu, mỡ, đất, cát,... của quá trình hoạt động ngày không mưa. Lượng chất bẩn tích tụ trong nước mưa theo thời gian được xác định theo công thức sau:

$$G = M_{\max} [1 - \exp(-k_z \times T) \times F] \text{ (kg)}.$$

Trong đó:

$M_{\max}$: Lượng chất rắn tích lũy lớn nhất trong khu vực ($M_{\max} = 220 \text{ kg/ha}$)

k_z : Hệ số động lực tích lũy chất bẩn ở trong khu vực ($k_z = 0,3 \text{ mg}$)

T : Thời gian tích lũy chất bẩn ($T = 15$ ngày)

F : Diện tích khu vực dự án (ha): $2.368,7 \text{ m}^2 \approx 0,23687 \text{ ha}$.

Áp dụng công thức trên để tính toán cho khu vực cửa hàng như sau:

$$G = M_{\max} [1 - \exp(-k_z \times T)] \times F = 220 \times [1 - [\exp(-0,3 \times 15)]] \times 0,23687$$

$$G = 51,53 \text{ kg}.$$

Trong giai đoạn hoạt động nước mưa chảy tràn qua khu vực đường giao thông, mái nhà, sân bãi... sẽ cuốn theo chất bẩn, rác thải, lá cây, dầu mỡ rơi vãi... trên bề mặt khu đất gây tắc nghẽn hệ thống thoát nước hoặc gia tăng hàm lượng cặn lơ lửng vào môi trường nước mặt khu vực. Tuy nhiên, các tác động này sẽ được giảm thiểu và không ảnh hưởng đáng kể khi dự án có biện pháp xây dựng hệ thống thoát nước và hệ thống tách dầu mỡ phù hợp.

* *Nước mưa nhiễm xăng dầu:*

Trong quá trình hoạt động của dự án, hoạt động nhập xăng vào bể chứa sẽ phát sinh lượng xăng dầu rơi vãi xuống mặt nền khu vực dự án. Vào những ngày có mưa, nước mưa chảy tràn sẽ cuốn trôi lượng xăng dầu này theo gây ảnh hưởng đến khu vực tiếp nhận nếu không có biện pháp giảm thiểu phù hợp. Theo

số liệu của trạm thủy văn thì lượng mưa lớn nhất ngày tại khu vực là 554,5 mm (Trạm khí tượng thủy văn Việt Trì năm 2022). Như vậy, lượng mưa chảy tràn bề mặt trong ngày mưa lớn nhất ở khu vực bể chứa xảng dầu là:

$$Q = \Psi * F * q = 0,75 * 25m^2 * 0,554 \text{ m/tháng} = 10.388 \text{ m}^3$$

Trong đó:

+ Ψ : Hệ số dòng chảy bề mặt đối với khu vực này là 0,75 (Theo TCXDVN 51:2008, với chu kỳ lượng mưa lặp lại 2 năm thì khu vực mái nhà, mặt phủ bê tông có $\Psi = 0,75$).

+ $F = 25 \text{ m}^2$: Diện tích quanh khu vực bể chứa và cột bơm xảng dầu.

$Q = 507,3 \text{ mm}$: Lượng mưa lớn nhất tháng.

Đối với nước mưa rơi trên khu vực nền bãi có khả năng nhiễm dầu tại khu vực xung quanh cột bơm và khu vực bồn chứa xảng dầu sẽ được thu gom bằng rãnh thu gom nước nhiễm dầu chảy tràn ($L = 1,2\text{m}$) về bể lắng gạn dầu 3 ngăn có thể tích là $7,07 \text{ m}^3$.

c. Tác động của chất thải rắn:

c1. Chất thải rắn sinh hoạt:

Nguồn phát sinh chất thải rắn trong quá trình hoạt động của cửa hàng chủ yếu là rác thải sinh hoạt của 5 cán bộ công nhân viên làm việc tại cửa hàng.

Với định mức phát sinh chất thải rắn bình quân là $0,3 \text{ kg/người/ngày}$ (QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Quy hoạch xây dựng) thì tổng khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh là $1,5 \text{ kg}$. CTR sinh hoạt có thành phần chủ yếu là chất hữu cơ từ thức ăn thừa, vỏ hoa quả; giấy thải các loại, nilon thải các loại,...

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh có khả năng gây ảnh hưởng đến môi trường không khí, đất,... có tác động rất lớn đến môi trường và con người nếu không được thu gom và xử lý triệt để. Các tác động cụ thể như sau:

- Trong điều kiện nóng ẩm, CTR sinh hoạt chứa nhiều thành phần dễ phân hủy sinh học sẽ phân hủy nhanh, quá trình phân hủy này làm phát sinh nhiều khí độc và mùi khó chịu như H_2S , NH_3 ,... làm ô nhiễm môi trường không khí khu vực cửa hàng và mất mỹ quan khu vực.

- CTR sinh hoạt tồn trữ lâu sẽ thu hút nhiều côn trùng gây bệnh, các côn trùng này là nguyên nhân gây nên các bệnh truyền nhiễm như: tả lỵ, thương hàn và các bệnh đường ruột,...

- CTR sinh hoạt nếu vứt bỏ bừa bãi sẽ bị nước mưa cuốn vào cống, rãnh, lâu ngày sẽ làm tắc nghẽn hệ thống thoát nước khu vực.

Những tác hại từ CTR sinh hoạt như trên ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng môi trường cũng như sức khỏe của người dân trong khu vực dự án. Vì vậy, trong giai đoạn hoạt động, chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến

thu gom vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt theo đúng quy định.

c2. Bùn phát sinh từ bể tự hoại:

Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân tại cửa hàng sẽ được xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại với tổng thể tích 4,44 m³

Lượng bùn của bể tự hoại phát sinh ước tính 40 lít/người/năm (Nguồn: TCVN 10334:2014), như vậy khi dự án đi vào hoạt động sản xuất ổn định thì lượng bùn của bể tự hoại phát sinh là:

$$20 \text{ người} \times 40 \text{ lít/người/năm} = 800 \text{ lít/năm} = 0,8 \text{ m}^3/\text{năm}.$$

Bùn bể tự hoại là phân bùn tạo ra từ các bể tự hoại (cặn lắng, váng nổi hoặc dạng lỏng). Quá trình hình thành phân bùn được diễn ra chủ yếu trong các bể tự hoại. Bể tự hoại tiếp nhận các sản phẩm bài tiết của người từ các công trình vệ sinh, xử lý phân chất lỏng bằng cách lắng chất rắn. Phân chất rắn trong bùn cặn là 660 g/kg, tỷ trọng điển hình của cặn lắng đáy dạng bùn là 1,4 - 1,5 tấn/m³ (gần giống cặn lắng nước thải) và hàm lượng nước (độ ẩm) là 50%.

Khác với nước thải, tính chất của phân bùn tùy thuộc vào thời gian lưu trong bể tự hoại. Thời gian lưu trong bể càng lâu thì lượng chất hữu cơ càng giảm xuống.

Đây cũng được xem là chất thải không nguy hại, công ty sẽ định kỳ thuê đơn vị chức năng đến hút bùn cặn và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

c3. Chất thải nguy hại:

Các loại chất thải rắn nguy hại có thể phát sinh trong quá trình hoạt động của cửa hàng là pin hết công năng sử dụng, găng tay, giẻ lau bám dính dầu mỡ, các thùng, phuy đựng dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng thải. Ước tính lượng chất thải này khoảng 20,3 kg/năm.

- Đối với cặn phát sinh từ quá trình súc rửa bồn chứa:

Sau khoảng 2 năm/lần sử dụng trong bể chứa xuất hiện một lượng cặn dầu với thành phần chủ yếu là bùn hữu cơ, keo hữu cơ tạo thành bởi sự oxi hóa các thành phần xăng dầu và nước lẫn trong dầu. Lượng cặn này có tỷ trọng lớn hơn xăng dầu nên chìm xuống dưới. Lượng bùn cặn trung bình tính cho một bể 25m³ (D=1,5m); Lượng cặn = $\pi D^2/4 \times 0,02 = 0,035 \text{ m}^3$

Thời gian súc rửa bể là 2 năm/lần với số bể súc rửa là 03 bể tương ứng khoảng 0,75m³/2 năm (khoảng 0,375 m³/ năm). Tuy nhiên Công ty không ngừng nâng cao, đầu tư, hiện đại hóa các trang thiết bị bảo quản, tồn chứa xăng dầu nên lượng cặn bùn hàng năm cũng giảm đáng kể.

Bảng 3. 35. Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Găng tay, giẻ lau bám dính dầu mỡ	Rắn	18 02 01	5

2	Vỏ thùng phuy đựng dầu	Rắn	18 01 02	20
3	Bóng đèn huỳnh quang hỏng thải	Rắn	16 01 06	0,1
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	0,2
5	Dầu thải từ quá trình súc rửa bể (tính trung bình cho 1 năm)	Lỏng	19 07 01	365
6	Nước lẫn dầu thải từ bể lắng gạn dầu	Lỏng	17 05 05	5
Tổng cộng				395,3
* <u>Ghi chú:</u> Mã chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường				

Toàn bộ các loại chất thải này thuộc danh mục chất thải nguy hại theo Thông tư 02/2022/BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cửa hàng có mức độ nguy hại cao. Nếu không có biện pháp thu gom, xử lý thích hợp sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước mặt, nước ngầm khu vực.

Các chất thải này nếu thải vào môi trường sẽ khó phân hủy sinh học, gây tích tụ trong đất, nguồn nước, làm mất mỹ quan. Về lâu dài, các chất này sẽ bị phân hủy tạo ra các hợp chất vô cơ, hữu cơ độc hại làm ô nhiễm môi trường đất, nguồn nước, ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của sinh vật trên cạn và dưới nước. Nếu không có biện pháp xử lý hiệu quả thì mức độ tác động khá cao. Tuy nhiên, các chất thải nguy hại này dễ thu gom, lượng phát sinh thấp và có biện pháp thu gom, xử lý nên khả năng tác động thấp.

Nhận biết được tính độc hại và nguy hiểm của CTNH vì vậy công ty sẽ tiến hành thu gom, lưu giữ tạm thời tại cửa hàng, khi đủ khối lượng vận chuyển sẽ thuê đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

* Đối tượng và quy mô bị tác động: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom và xử lý theo quy định do vậy không gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, nếu những nguồn này không được quan tâm, không được thu gom và xử lý hợp vệ sinh cũng sẽ là những nguồn dễ gây ô nhiễm môi trường nước, đất, ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và cảnh quan khu vực xung quanh.

3.2.1.2. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải:

Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn đi vào hoạt động được trình bày tóm tắt ở bảng sau:

(Trang bên)

Bảng 3. 36. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải trong quá trình hoạt động

TT	Nguồn gây tác động
1	Hoạt động của các phương tiện giao thông gây tiếng ồn, độ rung
2	Khi xảy ra sự cố cháy nổ, chập điện, đứt đường dây điện trong cửa hàng sẽ ảnh hưởng đến người lao động làm việc tại cửa hàng

a. Tác động do tiếng ồn, độ rung:

*** Nguồn phát sinh:**

Khi cửa hàng đi vào hoạt động, tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động:

- Tiếng ồn phát sinh từ quá trình khởi động các phương tiện xe máy, ô tô của khách ra vào mua xăng dầu.

- Tiếng ồn do máy phát điện hoạt động khi mất điện.

Tiếng ồn trước hết có ảnh hưởng tới thính giác của công nhân. Khi người công nhân tiếp xúc với tiếng ồn có cường độ cao, trong một thời gian dài sẽ làm thính lực giảm sút, dẫn tới bệnh điếc nghề nghiệp. Ngoài ra, tiếng ồn còn ảnh hưởng tới các cơ quan khác của cơ thể như làm rối loạn chức năng thần kinh, gây bệnh đau đầu, chóng mặt, có cảm giác sợ hãi. Tiếng ồn cũng gây nên những tổn thương cho hệ tim mạch và tăng các bệnh về đường tiêu hóa.

*** Tác động tiếng ồn do hoạt động của phương tiện giao thông:**

Theo TCVN 7882:2008: Phương tiện giao thông đường bộ - yêu cầu về tiếng ồn phát ra từ xe máy - Phương pháp thử trong phê duyệt kiểu, áp dụng với xe máy vận tốc > 25 km/h thì tiếng ồn của xe máy tối đa là 71 dBA; như vậy với từng xe máy đơn lẻ thì tiếng ồn vẫn nằm trong phạm vi cho phép của các tiêu chuẩn, quy chuẩn tương ứng. Tuy chưa có kết quả đo trực tiếp về tiếng ồn nhưng Công ty sẽ đề ra các biện pháp nhằm giảm tác động tiêu cực về tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện giao thông gây ra.

Bảng 3. 37. Mức ồn tối đa cho phép của một số phương tiện giao thông

STT	Phương tiện giao thông đường bộ	Mức ồn tối đa cho phép (dB)
1	Xe máy đến 125 cm ³	95
2	Xe máy trên 125 cm ³	99
3	Ô tô con	103

[Nguồn: Tiêu chuẩn Việt Nam 6436 - 1998]

*** Tác động của tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng:**

Tiếng ồn do máy phát điện sinh ra với cường độ khá lớn có thể lên tới 80 - 90 dBA. Tuy nhiên, máy phát điện chỉ hoạt động khi mất điện và ước tính thời gian hoạt động khoảng 100 giờ/năm nên mức độ ảnh hưởng không đáng kể.

- Phạm vi ảnh hưởng: Giới hạn cường độ tiếng ồn cho phép tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp theo QCVN 24:2016/BYT là 85 dBA, không khí xung quanh và khu dân cư từ 40 - 65 dBA tùy theo giờ và tính chất khu dân cư.

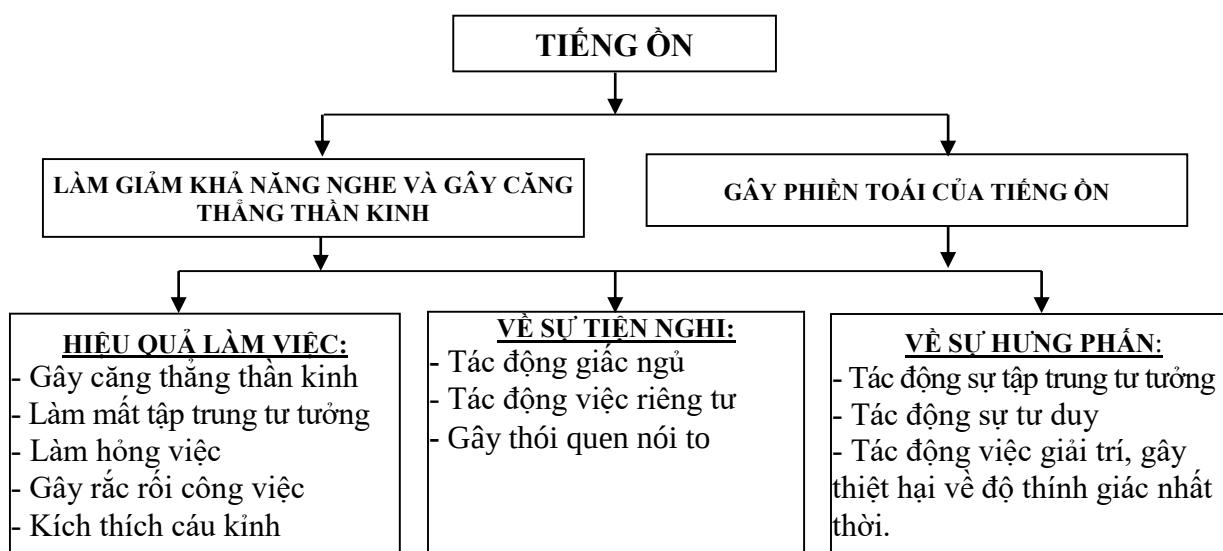
- Mức độ tác động:

+ Tiếng ồn thường xuyên gây ảnh hưởng trực tiếp đến thính giác cũng như phản xạ tự nhiên của người lao động.

+ Tiếng ồn, độ rung cao hơn tiêu chuẩn cho phép sẽ gây ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động cũng như gây mất ngủ, mệt mỏi, gây tâm lý khó chịu.

+ Làm giảm năng suất lao động, sức khỏe của cán bộ, công nhân trong khu vực cửa hàng xảng dầu. Tiếp xúc với cường độ tiếng ồn lớn trong thời gian dài sẽ làm cho thính lực giảm sút, dẫn tới bệnh điếc nghề nghiệp. Độ rung lớn gây ảnh hưởng đến hoạt động và tuổi thọ của máy móc.

Theo thống kê của Bộ Y tế và Viện nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật Bảo hộ lao động của tổng liên đoàn Lao động Việt Nam thì tiếng ồn gây ảnh hưởng xấu tới hầu hết các bộ phận trong cơ thể con người. Tác hại tiếng ồn đối với sức khỏe con người được thể hiện ở Hình 3.4 dưới đây:



[Nguồn:Trịnh Thị Thanh (2005), Sức khỏe môi trường, NXB Đại học Quốc gia HN]

Hình 3. 4. Tác hại của tiếng ồn đối với sức khỏe con người

Tác động của tiếng ồn đối với cơ thể con người được thể hiện cụ thể ở các dải tần số khác nhau:

Bảng 3. 38. Tác hại của tiếng ồn có mức ồn cao đối với sức khỏe con người

Mức ồn (dB)	Tác động đến người nghe
0	Ngưỡng nghe thấy
100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp đập của tim
110	Kích thích mạnh màng nhĩ
120	Ngưỡng chói tai
130 ÷ 135	Gây bệnh thần kinh, nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp
140	Đau chói tai, gây bệnh mất trí, điên
145	Giới hạn cực đại mà con người có thể chịu được tiếng ồn
150	Nếu nghe lâu sẽ bị thủng màng nhĩ
160	Nếu nghe lâu sẽ nguy hiểm
190	Chỉ cần nghe trong thời gian ngắn đã bị nguy hiểm

b. Tác động tới kinh tế - xã hội của địa phương:

Các tác động tích cực của Dự án đem lại một số lợi ích xã hội sau đây:

- Góp phần tăng thu nhập, thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của địa phương;
- Mang lại công việc cho lao động ở địa phương;

Ngoài những tác động tích cực thì vẫn có những hạn chế phát sinh như: Ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội của địa phương, gia tăng mật độ giao thông trong khu vực và tiềm ẩn nguy cơ tai nạn giao thông.

3.2.1.3. Đánh giá tác động của các chất ô nhiễm trong giai đoạn hoạt động của dự án:

a. Tác động tới môi trường không khí:

Bảng 3. 39. Tác động của các chất gây ô nhiễm không khí

TT	Thông số	Tác động
1	Bụi	- Kích thích hô hấp, xơ hóa phổi, ung thư phổi - Gây tổn thương da, giác mạc mắt, bệnh ở đường tiêu hóa
2	CO	- Giảm khả năng vận chuyển oxy của máu đến các tổ chức, tế bào do CO kết hợp với Hemoglobin thành cacboxy-hemoglobin
3	Khí CO ₂	- Gây rối loạn hô hấp phổi - Gây hiệu ứng nhà kính

b. Tác động đến môi trường nước:

Trong giai đoạn hoạt động của dự án, môi trường nước bị tác động chủ yếu do nguồn thải sinh hoạt, nước rửa tay chân có chứa dầu mỡ và nước mưa chảy tràn. Tác động của các chất ô nhiễm trong nước thải được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3. 40. Tác động của các chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Thông số	Tác động
1	Các chất hữu cơ	- Giảm nồng độ oxy hòa tan trong nước làm thay đổi thành phần nước (pH giảm, nước có màu đen, mùi hôi,...), tăng khả năng hòa tan và tạo phức bền vững của các ion kim loại nặng với các thành phần hữu cơ, phát triển vi sinh vật yếm khí cùng với những tác nhân gây dịch bệnh. - Ảnh hưởng đến tài nguyên thủy sinh.
2	Chất rắn lơ lửng	- Tạo nên độ đục, độ màu, gây cản trở quá trình quang hợp thực vật thủy sinh dẫn đến giảm lượng oxy trong nước. Các chất lắng đọng tích tụ gây bồi lắng dòng chảy
3	Dầu mỡ	- Làm giảm tính chất hóa lý của nước, tạo thành lớp váng mỏng ngăn cản quá trình hòa tan oxy vào nước, dầu lắng đọng gây ô nhiễm tầng đáy với thời gian tồn lưu khá dài và trong điều kiện xáo trộn nhất định xuất hiện trở lại trên mặt nước gây ô nhiễm thứ cấp. - Gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng nước, đời sống thủy sinh và suy giảm mạnh mẽ chất lượng thủy sản môi trường tiếp nhận
4	Các chất dinh dưỡng (N,P)	- Gây hiện tượng phú dưỡng ảnh hưởng đến cân bằng sinh học của nước làm tăng nồng độ các chất có tính khử, tăng tính độc của nguồn nước, ảnh hưởng tới chất lượng nước, sự sống của động thực vật thủy sinh.

5	Các vi khuẩn gây bệnh	- Nước có lẫn vi khuẩn gây bệnh là môi trường thuận lợi cho sự xâm nhập, phát triển và lan truyền dịch bệnh, là nguyên nhân xảy ra các dịch bệnh thương hàn, phó thương hàn, tả, nhiễm giun sán, tiêu chảy, viêm ruột, nhiễm trùng da, nhiễm trùng răng miệng. - Coliform là nhóm vi khuẩn gây bệnh đường ruột. - E.coli là vi khuẩn thuộc nhóm Coliform, có nhiều trong phân người.
---	-----------------------	--

Đặc điểm, tính chất nêu trên của nước thải phát sinh nếu không được xử lý trước khi thải ra môi trường sẽ làm tăng nồng độ ô nhiễm trong nguồn nước gây ra nhiễm dầu mỡ, độ đục cao.

c. Tác động môi trường đất:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa cuối ngày và được đem đổ vào khu vực tập kết chất thải sinh hoạt của khu vực xã nên không gây tác động đến môi trường.

- Chất thải nguy hại như bóng đèn huỳnh quang, neon; dầu mỡ thải, ắc quy, phụ tùng xe dính dầu mỡ, giẻ lau nhiễm dầu chứa các chất thải độc hại,... khi thải ra môi trường sẽ gây ô nhiễm nguồn nước, đất và gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người cũng như làm suy thoái hệ sinh thái;

Các tác động từ quá trình hoạt động dự án đến môi trường tự nhiên và kinh tế- xã hội của khu vực được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 3. 41. Tóm tắt mức độ tác động đến môi trường khi dự án đi vào hoạt động

TT	Hoạt động	Tác động				
		Không khí	Nước	Đất	TN sinh học	Sức khỏe
1	Hoạt động xuất nhập xăng dầu	++	+	+	+	++
2	Hoạt động của phương tiện vận tải	+++	+	+	+	++
3	Sinh hoạt của cán bộ công nhân viên	+	++	+	+	++
4	Các sự cố môi trường	+++	++	++	+++	+++

*** Ghi chú :**

+ : Ít tác động ++ : Tác động trung bình +++ : Tác động mạnh

Từ bảng trên cho thấy, khi dự án đi vào hoạt động thì môi trường không khí, nước mặt, tài nguyên sinh học và kinh tế- xã hội đều bị tác động tiêu cực ở các mức độ nhẹ. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động chủ dự án chúng tôi sẽ áp dụng các biện pháp phòng chống, kiểm soát và xử lý phù hợp nhằm khống chế và giảm thiểu một cách hiệu quả các tác động tiêu cực tới môi trường khu vực khi dự án đi vào hoạt động.

3.2.1.4. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án:

a. Sự cố cháy nổ, hỏa hoạn:

- Xăng, dầu, gas... là những chất rất dễ cháy. Khi hỗn hợp xăng dầu với

không khí trong khoảng tỷ lệ 1 - 7% và có tia lửa thì có thể cháy nổ. Sự cố cháy nổ có thể xảy ra do các hoạt động tại kho chứa xăng dầu hoặc do điều kiện tự nhiên như thời tiết, sấm sét, nắng nóng, va chạm làm phát sinh tia lửa và các yếu tố khác...

- Các khu vực bồn chứa xăng, dầu, gas... bên xuất nhập, trạm bơm là những điểm dễ xảy ra sự cố cháy nổ nhất.

- Ngoài ra, sự cố cháy nổ có thể xảy ra do một số nguyên nhân sau:

+ Do thiên nhiên gây nên như hiện tượng sấm sét dẫn đến chập điện, cháy nổ.

+ Do quá tải hệ thống điện trong cửa hàng.

+ Do hệ thống điện bị chập mạch.

+ Do việc vứt tàn thuốc lá hay thiếu sự cẩn thận dẫn đến cháy nổ.

Khi cháy nổ xảy ra ảnh hưởng đến tài sản, con người và môi trường không khí, đất, nước xung quanh. Do đó, khi thiết kế xây dựng và hoạt động chủ dự án có phương án phòng ngừa sự cố này.

b. Tai nạn giao thông

Vào những giờ cao điểm. Số lượng xe máy, ô tô ra vào khu vực cửa hàng để mua xăng, dầu tương đối nhiều. Vì dự án gần với QL2D, mật độ xe lưu thông nhiều. Do vậy tai nạn giao thông có thể xảy ra nếu người điều khiển các phương tiện không chú ý cũng như không tuân thủ luật giao thông.

c. Sự cố sụt lún nhà cửa, công trình:

Do công tác giám sát thi công chưa tốt, chất lượng công trình không đảm bảo theo các yêu cầu thiết kế và do đó khi đi vào hoạt động thường dễ gây ra các sự cố này. Khi xảy ra các sự cố này sẽ gây thiệt hại về tài sản vật chất và ô nhiễm môi trường do các hoạt động khắc phục sự cố.

d. Sự cố rò rỉ, tràn xăng dầu:

- Xăng, dầu có thể rò rỉ do hở van, bồn chứa bị rò rỉ, do các đường ống bị ăn mòn bên trong hay rò rỉ trong quá trình xuất, nhập, nạp liệu...

- Ngoài ra, trong quá trình xuất bán hoặc lưu kho thì cũng có khả năng xảy ra trường hợp rò rỉ xăng, dầu.

- Nếu sự cố trên xảy ra sẽ kéo theo các tác động như:

+ Tổn thất hàng hoá và thiệt hại tài sản;

+ Gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn không khí trong khu vực cửa hàng và lân cận do quá trình bay hơi của hóa chất do xảy ra sự cố;

+ Gây ô nhiễm nguồn nước mặt do xăng, dầu nhớt chảy tràn vào hệ thống thoát nước;

+ Gây ô nhiễm đến môi trường đất và ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

e. Sự cố thiên tai, mưa, bão, động đất:

- Sét đánh là một trong những yếu tố chủ yếu gây sự cố trên đường dây và làm ngừng cung cấp điện, gây thiệt hại kinh tế, tài sản và người.

- Bão và áp thấp nhiệt đới là hiện tượng thời tiết nguy hiểm, thường gây nên mưa lớn kèm theo gió mạnh nên có thể sẽ gây ảnh hưởng đến cơ sở hạ tầng, kiến trúc công trình của dự án nếu kết cấu công trình được thiết kế không đảm bảo.

- Ngoài ra, bão và áp thấp còn gây ra những tác động lớn đến môi trường xung quanh như: gió lốc sẽ cuốn theo các vật chất rắn ở những nơi mà nó đi qua làm ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh.

⇒ Các tác động tổng hợp khi xảy ra sự cố, rủi ro:

* *Thiệt hại tới sinh mạng con người:* Khi xảy ra các sự cố nếu không có sự chuẩn bị và đề phòng cẩn thận thì hậu quả sẽ vô cùng nghiêm trọng. Con người là tài sản quý giá nhất, vì thế thiệt hại sinh mạng con người sẽ dẫn đến rất nhiều tác động về mọi mặt kinh tế - xã hội. Việc ngăn ngừa thiệt hại về người có ý nghĩa xã hội hết sức sâu sắc và cần được quan tâm xác đáng.

* *Thiệt hại về tài sản:* Bất cứ sự cố nào cũng gây thiệt hại về tài sản. Khi dự án gặp các sự cố như cháy nổ, sự cố về điện,... sẽ phải phải sửa chữa, xây dựng lại, đồng thời sẽ gây hỏng hóc tổn thất các thiết bị, máy móc sản xuất, đường điện thoại, điện lưới, các hệ thống cấp nước, thoát nước,... Những thiệt hại về tài sản thông thường từ hàng trăm triệu đồng trở lên.

* *Ảnh hưởng tới môi trường:* Ảnh hưởng trực tiếp của các đám cháy khi xảy ra sự cố cháy nổ là khói bụi bốc lên làm ô nhiễm môi trường không khí khu vực dự án và xung quanh. Ảnh hưởng gián tiếp là các chất thải do công tác chữa cháy.

Bên cạnh đó, sự cố còn gây ô nhiễm nguồn nước do dùng nước để dập tắt sự cố cháy nổ, nước thải từ sự cố của bể tự hoại, rò rỉ hóa chất,...

3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

3.2.2.1. Đối với công trình xử lý bụi, khí thải:

a. Không chế ô nhiễm do hơi xăng, dầu:

Xăng, dầu là chất dễ bay hơi nên việc giảm thiểu hydrocacbon do hao hụt, rò rỉ hoặc do sự cố cũng sẽ giảm lượng hydrocacbon phát tán vào không khí. Biện pháp kiểm soát các hoạt động xuất, nhập, vận chuyển và hệ thống các đường ống, bồn chứa... sẽ được thực hiện ở kho chứa xăng dầu cụ thể như sau:

Biện pháp về kỹ thuật Cửa hàng xăng dầu phải thiết kế theo đúng QCVN 01:2020/BCT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu, như sau:

*** Bể chứa xăng dầu:**

- Vật liệu làm bể chứa xăng dầu là vật liệu chịu xăng dầu và không cháy.
- Lắp đặt bể chứa xăng dầu tại cửa hàng phải tuân thủ các quy định sau đây:
 - + Không được lắp đặt bể chứa xăng dầu nổi trên mặt đất.
 - + Không được lắp đặt bể chứa xăng dầu và hồ thao tác trong hoặc dưới các gian bán hàng.
 - + Khi lắp đặt bể chứa xăng dầu phải tính đến khả năng bị đẩy nổi và phải có biện pháp chống nổi bể.
 - + Xung quanh bể chứa phải phủ cát hoặc đất mịn với chiều dày không nhỏ hơn 0,3 m.
 - + Bể chứa lắp đặt dưới mặt đường xe chạy phải áp dụng các biện pháp bảo vệ kết cấu bể.
 - + Đối với bể chứa bằng vật liệu không dẫn điện phải có biện pháp triệt tiêu tĩnh điện khi xuất, nhập xăng dầu.
 - Bề mặt ngoài của bể chứa bằng thép lắp đặt ngầm phải có lớp bọc chống ăn mòn có cấp độ không thấp hơn mức tăng cường quy định tại TCVN 4090:1985 - Kho tàng, trạm và đường ống dẫn xăng dầu - Đường ống chính dẫn dầu và sản phẩm dầu - Tiêu chuẩn thiết kế.

*** Cột bơm xăng dầu:**

- Vị trí lắp đặt cột bơm xăng dầu trong cửa hàng xăng dầu phải phù hợp các yêu cầu sau:
 - + Cột bơm phải được đặt tại các vị trí thông thoáng. Trường hợp cột bơm đặt trong nhà, phải đặt trong gian riêng biệt, có biện pháp thông gió và có cánh cửa mở quay ra ngoài.
 - + Đảm bảo các phương tiện có thể dừng đỗ dễ dàng dọc theo cột bơm và không làm cản trở các phương tiện giao thông khác ra, vào cửa hàng.
 - Cột bơm phải được đặt trên đảo bơm. Đảo bơm phải được thiết kế phù hợp với các yêu cầu sau:
 - + Cao độ phải cao hơn mặt bằng bãi đỗ xe ít nhất 0,15 m.
 - + Chiều rộng không được nhỏ hơn 1,0 m.
 - + Đầu đảo bơm phải cách mép cột đỡ mái che bán hàng hoặc cột bơm ít nhất 0,5 m.

*** Đường ống công nghệ:**

- Đường ống công nghệ trong cửa hàng xăng dầu phải được chế tạo từ vật liệu chịu xăng dầu và không cháy. Đường kính trong của ống ít nhất phải bằng 32mm. Đối với đường ống thép phải có biện pháp bảo vệ chống ăn mòn. Đối với đường ống bằng vật liệu không dẫn điện phải tính đến biện pháp triệt tiêu tĩnh điện trong quá trình xuất, nhập xăng dầu.

- Các mối liên kết trên đường ống công nghệ phải đảm bảo kín, bền cơ học và hóa học.

- Các đường ống công nghệ đi song song với nhau phải đặt cách nhau ít nhất bằng một lần đường kính ống lớn hơn. Đối với ống có liên kết bằng mặt bích đặt song song, khoảng cách giữa các ống ít nhất bằng đường kính mặt bích cộng thêm 3cm. Đối với ống có liên kết bằng mặt bích đặt so le, khoảng cách giữa mép ngoài của mặt bích đến mép ngoài của ống gần nhất tối thiểu 3cm.

- Khoảng cách từ điểm thấp nhất của đường ống xuất xả dầu trong bể chứa để xuất xả dầu cho cột bơm phải cách đáy bể ít nhất 15cm.

- Nhập xả dầu vào bể chứa phải sử dụng phương pháp nhập kín. Đường ống nhập xả dầu vào từng bể phải kéo dài xuống đáy bể và cách đáy bể ≤ 20 cm.

- Tất cả các bể chứa xả dầu đều phải lắp đặt van thở. Cho phép lắp đặt chung một van thở đối với các bể chứa cùng nhóm nhiên liệu.

- Đối với cửa hàng xả dầu trên mặt đất đường ống công nghệ tuân thủ:

+ Đường ống công nghệ trong cửa hàng phải đặt ngầm trực tiếp trong đất hoặc đặt trong rãnh có nắp, xung quanh ống phải chèn chặt bằng cát. Chiều dày lớp chèn ít nhất bằng 15cm (Nếu đường ống nằm trong hào chiều dày lớp chèn ít nhất bằng 5cm). Cho phép đặt nổi đường ống công nghệ tại các vị trí không bị tác động bởi người và phương tiện qua lại.

+ Đường ống công nghệ trong các khu vực ô tô qua lại, phải đặt trong ống lồng đặt ngầm hoặc trong rãnh chèn cát có nắp. Hai đầu ống lồng phải được xảm (trét khe hở) kín. Độ sâu chôn ống phải đảm bảo không ảnh hưởng tới độ bền của toàn bộ hệ thống đường ống.

- Đối với bể chôn ngầm, đường ống công nghệ phải dốc về phía bể chứa, độ dốc phải đảm bảo khả năng hút của máy bơm.

- Yêu cầu đối với van thở:

+ Thông số kỹ thuật phù hợp với kết cấu, dung tích và điều kiện vận hành bể chứa. Miệng xả của van thở phải hướng sang ngang hoặc hướng lên phía trên.

+ Đường kính trong của ống nối từ bể tới van thở ≥ 50 mm.

+ Van thở của cửa hàng xả dầu phải có bình ngăn lửa, hệ thống chống sét đánh thẳng riêng hoặc phải nằm trong vùng bảo vệ của hệ thống chống sét đánh thẳng chung của cửa hàng xả dầu.

+ Trường hợp ống nối van thở lắp dọc theo tường, cột của các hạng mục xây dựng thì miệng xả của van thở phải cao hơn nóc hoặc mái nhà ít nhất 1 m và cách các loại cửa không ít hơn 3,5 m.

* Hệ thống thu hồi hơi xả dầu:

- Hệ thống thu hồi hơi phải đảm bảo toàn bộ hơi xả dầu sinh ra trong

quá trình nhập hàng phải được hoàn lưu về xitec của ô tô.

- Các thiết bị sử dụng trong hệ thống thu hồi hơi phải làm bằng vật liệu chịu xăng dầu và không cháy.

- Yêu cầu chung đối với hệ thống thu hồi hơi:

- + Hệ thống van thở của các bể chứa phải đáp ứng các quy định tại QCVN 01:2020/BTC.

- + Họng chờ thu hồi hơi của cửa hàng được lắp đặt độc lập tương ứng với hệ thống van thở của bể chứa.

- + Các khớp nối nhanh phải đảm bảo yêu cầu chất lượng và độ kín: gioăng cao su phải là loại chịu dầu, đầu đực và đầu cái của các khớp nối nhanh tại cửa hàng xăng dầu và trên ô tô xitec phải đồng bộ.

- + Sau khi lắp đặt hệ thống phải tiến hành thử nghiệm độ kín và kiểm tra chất lượng của các chi tiết van thở, van chặn, khớp nối nhanh của toàn bộ hệ thống.

- * *Biện pháp quản lý cụ thể:*

- Đối với bồn chứa và hệ thống đường ống:

- + Bồn chứa luôn ở tình trạng kín.

- + Tồn trữ các sản phẩm xăng, dầu theo đúng khả năng chứa đầy của bồn vì thể tích khoảng trống chứa hơi trên bề mặt xăng, dầu càng nhỏ thì lượng xăng, dầu bay hơi sẽ càng nhỏ.

- + Các bồn chứa sẽ luôn được kiểm soát và chống nóng bằng cách: đo nhiệt độ, sơn bằng sơn cao cấp cách nhiệt hoặc phản xạ nhiệt.

- + Hiện tượng rò rỉ phụ thuộc vào chất lượng bồn chứa, hệ thống ống dẫn, van, bơm, các thiết bị khác và mức độ thành thạo trong thao tác vận hành của nhân viên.

- + Kiểm tra định kỳ hệ thống bồn chứa, hệ thống đường ống, mặt bích, các khớp nối, hệ thống các van, các mối hàn nhằm phát hiện và sửa chữa kịp thời những chỗ rò rỉ hoặc hư hỏng. Đặc biệt lưu ý các mối hàn giữa đáy và thành bồn, vòng đệm lót kín trong các máy bơm và các cụm nắp bích xoay quanh các ống cổ hạt của giàn xuất nhập, các mối liên kết mặt bích và vòng đệm lót kín của các thiết bị trên bồn, của hệ thống ống trong trạm bơm, hồ van...vì đây chính là nơi dễ xảy ra rò rỉ xăng, dầu nếu các vòng đệm và cụm nắp bích bị mài mòn hoặc không được bảo trì tốt.

- + Khi phát hiện thấy các vết dầu trên các mối hàn và trên các lá thép thành bồn có dầu ngấm qua các vòng đệm của van chặn hoặc trong các mặt bích thì sẽ ngưng ngay việc nhập xăng, dầu mới, xuất hết xăng, dầu cũ càng nhanh càng tốt để tu sửa lại.

- + Nhanh chóng khắc phục rò rỉ từ các lỗ nhỏ trên đường ống bằng cách lót đệm và đánh đai lại để chờ thay thế đoạn ống mới. Khắc phục rò rỉ từ các

mỗi liên kết mặt bích bằng các đai ốc tương tự. Đai ốc sẽ giữ chặt các tấm lót cao su, bọc kín toàn bộ mỗi liên kết mặt bích, ngăn chặn hoàn toàn rò rỉ.

+ Khi phát hiện rò rỉ ở các bồn chứa đầy sản phẩm thì sẽ lập tức tháo hết sản phẩm xăng dầu ra bồn chứa ứng cứu sự cố, gắn ngay mát-tít dự phòng sự cố lên chỗ có rò rỉ hoặc vá bằng keo epoxy.

+ Trường hợp có sự cố tại các van cầu hoặc van chặn thì sẽ ngừng bơm ngay lập tức rồi dùng nêm gỗ nút chặt chỗ rò rỉ lại.

+ Liên lạc chặt chẽ giữa phương tiện chở dầu và các nhân viên trong kho trong quá trình nhập xăng, dầu vào bồn chứa. Thông báo kịp thời với phương tiện chở dầu khi thấy có hiện tượng tăng áp bất thường để có thể dừng bơm kịp thời trước khi xảy ra sự cố vỡ đường ống.

+ Các hồ ga thường xuyên đầy nắp để chống bốc hơi tự nhiên, gây ô nhiễm khu vực nhà bơm, ảnh hưởng đến công nhân vận hành.

- Đối với phương thức vận hành: Để giảm thiểu sự bay hơi của xăng, dầu, hoạt động kinh doanh xăng dầu tại cửa hàng phải tuân theo một số quy định sau:

- Thực hiện phương pháp nhập kín;
- Các mối/bích nối, bích cổ bể đảm bảo kín;
- Quá trình xuất, nhập xăng, dầu luôn ở trạng thái nhúng chìm. Xăng, dầu bơm vào bồn từ dưới đáy lên. Trong quá trình nhập vào bồn chứa, có thể giảm lượng bay hơi bằng cách rút ngắn thời gian nhập, tránh nhập dồn một lúc gây nên tình trạng thiếu bồn chứa.

- Hạn chế tối đa việc súc rửa bồn chứa khi thay đổi loại sản phẩm chứa trong bồn bằng cách có kế hoạch nhập từng chủng loại hàng một cách hợp lý.

b. Giảm thiểu khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông

Như đánh giá ở phần trước hoạt động của dự án chỉ phát sinh bụi và khí thải do hoạt động của các phương tiện vận chuyển đến nạp nhiên liệu. Do vậy, chủ dự án sẽ tiến hành trồng cây xanh trong khu vực để làm giảm lượng khí thải phát sinh từ nguồn này. Cây xanh rất có ích đối với vi khí hậu và môi trường. Cây xanh có tác dụng che nắng, giảm bớt bức xạ mặt trời, giữ bụi, lọc sạch không khí, giảm tiếng ồn và che chắn tiếng ồn, mặt khác nó còn tạo mỹ quan cho khu vực dự án, tạo ra cảm giác êm dịu về màu sắc cho môi trường.

Thường xuyên quét dọn, tăng cường công tác vệ sinh chung để giảm thiểu bụi cuốn, luôn luôn giữ sạch cảnh quan môi trường trong toàn khu vực cửa hàng.

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường chung cho cán bộ, nhân viên và khách hàng vào dự án, cũng như có những quy định chung về giữ gìn vệ sinh môi trường.

c. Giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng:

Do máy phát điện của dự án có tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm nhỏ

hơn quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và hoạt động không liên tục nên chủ dự án sẽ khắc phục bằng cách bố trí máy phát điện cách xa khu làm việc, bố trí thông thoáng để phân tán khói thải ra môi trường.

d. Giảm thiểu mùi từ khu vực nhà vệ sinh, bể tự hoại:

Khu nhà vệ sinh sử dụng hệ thống nhà vệ sinh khép kín. Khu vệ sinh thường xuyên được công nhân vệ sinh dọn rửa và khử mùi hàng ngày nên hạn chế tối đa mùi hôi phát sinh và không gây ảnh hưởng đến môi trường không khí khu vực cửa hàng.

Khu bể tự hoại được xây kín hoàn toàn, có ống thông khí ra bên ngoài nhằm hạn chế mùi hôi phát sinh.

3.2.2.2. Đối với công trình thu gom, xử lý nước thải

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn không nhiễm xăng dầu qua khu vực dự án:

Nước mưa khi chảy tràn trên mặt bằng dự án sẽ cuốn theo các chất cặn bã, rác, lá cây, đất cát,... làm tăng hàm lượng chất rắn lơ lửng của nước mưa. Khi dự án đi vào hoạt động, công ty sẽ đầu tư hệ thống thoát nước mưa gồm: Rãnh thoát nước mặt và rãnh thu gom dầu tràn, nước nhiễm dầu riêng về bể tách dầu rồi thoát ra rãnh thoát nước mặt bằng ống PVC D90. Trong đó:

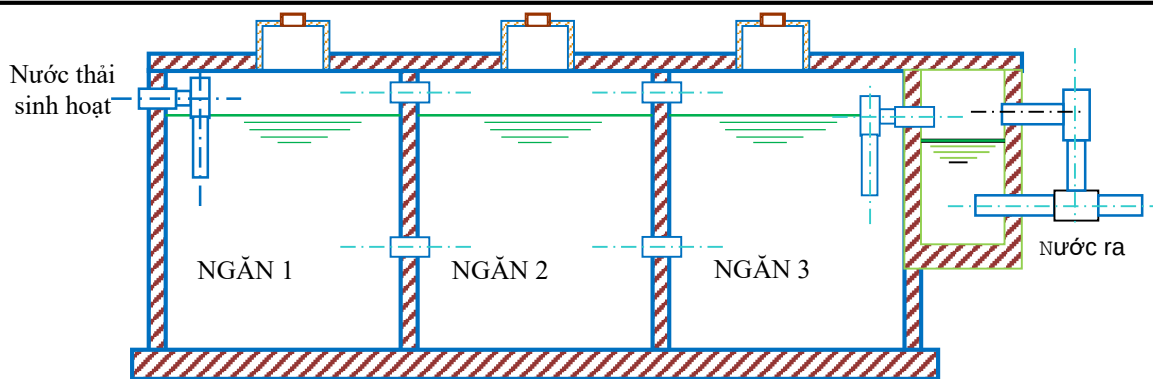
- Nước mưa chảy tràn không nhiễm xăng, dầu: thoát theo độ dốc san nền theo hướng Tây Bắc sang Đông, nước mưa sau khi thu gom vào hệ thống rãnh thoát nước nội bộ sẽ dẫn về điểm xả nước mưa 01 theo phương thức tự chảy. Định kỳ 06 tháng/lần công ty tiến hành kiểm tra, nạo vét hệ thống hố ga thoát nước, thực hiện tốt công tác vệ sinh công cộng để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa.

- Nước mưa trên mái được thu gom và thoát theo các tuyến ống PVC D90 về các hố ga lắng, sau đó dẫn về đường ống tổng để thoát ra điểm thoát nước mưa ra sau nhà bán hàng của dự án và ra ruộng.

b. Xử lý nước thải sinh hoạt:

Với lưu lượng nước thải sinh hoạt dự kiến khoảng 0,9 m³/ngày, nước thải này không lẫn các hóa chất độc hại, thành phần chủ yếu là các chất bẩn vô cơ 40 ÷ 45% (phần lớn ở dạng hòa tan) và 55 ÷ 60% chất bẩn hữu cơ (ở dạng keo, khó hòa tan nhưng dễ phân hủy sinh học), các chất dinh dưỡng. Ngoài ra, thành phần nước thải sinh hoạt còn chứa nhiều vi khuẩn gây bệnh. Để bảo vệ môi trường và chất lượng nước nguồn tiếp nhận công ty sẽ thu gom và xử lý bằng 01 bể tự hoại có tổng thể tích 4,44 m³.

(Trang bên)



Hình 3. 5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc

*** Quy trình hoạt động:**

Nước thải được thu gom vào bể lắng sơ cấp tiếp nhận nước thải rồi chảy sang bể phân huỷ yếm khí. Ở bể phân huỷ yếm khí, dưới sự hoạt động của vi sinh vật kỵ khí, lên men các chất ô nhiễm tạo thành khí CH_4 , CO_2 , ...khí thải được thoát ra ngoài theo đường ống dẫn khí. Hỗn hợp nước thải được dẫn qua bể lắng thứ cấp, phần nước trong được dẫn về hệ thống xử lý tập trung. Phần bùn được giữ lại trong các bể lắng, định kỳ thực hiện việc nạo vét, hút bùn trong các ngăn lắng.

Phương pháp sinh học yếm khí là thực hiện các quá trình oxy hoá nhờ các enzym của vi sinh vật yếm khí. Các vi sinh vật yếm khí sẽ sử dụng các chất hữu cơ, một số chất vô cơ có trong nước thải trong điều kiện không có oxy để phát triển sinh khối. Số lượng sinh khối sẽ tăng lên và bám dính lại với nhau thành các khối có trọng lượng và thể tích tăng dần.

Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng: lắng và phân huỷ cặn lắng. Cặn lắng được lưu giữ trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan.

Theo TCVN 7957:2008 về thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế thì thể tích tối thiểu của bể tự hoại được tính toán như sau: $W = W_n + W_b$, trong đó:

- W_n : thể tích nước của bể, lấy bằng 2/3 thể tích phần bùn của bể (m^3)
- W_b : thể tích bùn của bể (m^3), được tính theo công thức sau:

$$W_b = [aT(100 - W_1)bc]N/[(100 - W_2)1000]$$

Trong đó:

a: Lượng cặn trung bình của một người thải ra: 0,7 - 0,8 lít/ngày.

b: Hệ số kể đến khả năng giảm thể tích cặn khi lên men: 0,7 (giảm 30%)

c: Hệ số kể đến việc để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn để duy trì vi sinh vật giúp cho quá trình lên men cặn được nhanh hơn: 1,2 (để lại 20%)

N: Số người mà bể phục vụ: 20 người

T: Thời gian giữa hai lần lấy cặn: 90 - 180 ngày

W_1, W_2 : Độ ẩm cần tươi vào bể và của cần khi lên men, tương ứng 95% và 90%.

$$W_b = [0,8 \times 180 \times (100 - 95) \times 0,70 \times 1,2] \times 20 / [(100 - 90) \times 1000] = 1,8144 \text{ m}^3$$

$$W_n = 1,8144 \times 2/3 = 1,2096 \text{ m}^3$$

Vậy dung tích của bể tự hoại là: $W = 1,2096 + 1,8144 = 3,024 \text{ m}^3$.

Công ty dự kiến sẽ xây dựng 01 bể tự hoại ngầm dưới chân các công trình nhà vệ sinh có tổng dung tích 4,44 m³ là hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt từ dự án. Bể tự hoại được bố trí cụ thể như sau:

Bảng 3. 42. Số lượng và các thông số kỹ thuật của bể tự hoại

STT	Khu vực	Số lượng bể	Kích thước Dài x Rộng x Cao (mm)	Thể tích/bể (m ³)
1	Nhà vệ sinh chung	01	2.000 x 1.200 x 1.850	4,44

Công ty chúng tôi sẽ tính toán, thiết kế dung tích các bể tự hoại đảm bảo được thời gian lưu và xử lý nước thải sinh hoạt của cửa hàng từ khu nhà vệ sinh. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT trước khi đầu nối xả thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Kết cấu của bể tự hoại: Tường bể tự hoại, hồ thấm xây bằng bê tông không nung đặc mác #75, vữa mác #75; tại góc bể giữa các vách ngăn và đáy bể phải trái nguyệt góc; đáy bể có hai lớp, lớp bê tông lót đá 4x6 mác 100# dày 100mm, lớp bê tông chịu lực mác 200# đá 1x2 dày 150mm; nắp bể bằng tấm đan bê tông cốt thép mác 200, đá 1x2 dày 80mm; tường vách ngăn bể tự hoại xây bằng gạch bê tông không nung đặc mác #75, vữa mác #75, trát vữa xi măng mác 75# dày 15mm; đánh bóng bằng xi măng nguyên chất.

- Điểm thoát nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án cùng với nước mưa chảy tràn nhiễm xăng dầu sẽ thoát về 01 điểm xả thải (được trình bày cụ thể ở phần d, mục 3.2.2)

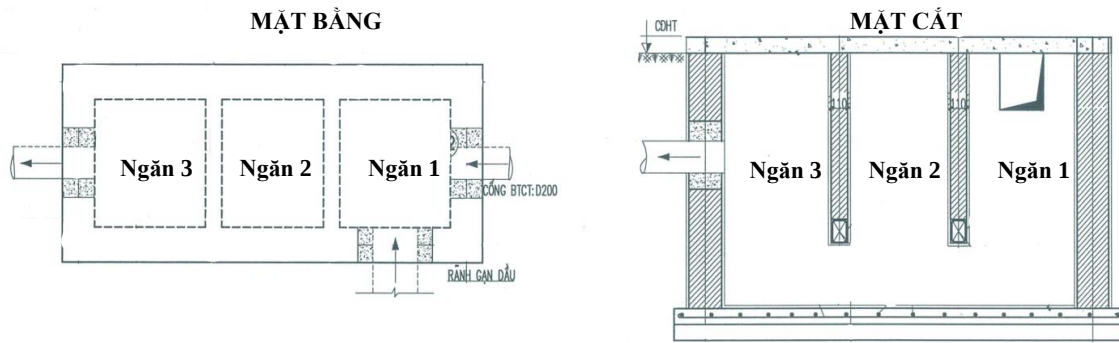
b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải nhiễm xăng, dầu:

b1. Đối với nước mưa chảy tràn nhiễm xăng, dầu:

Nước mưa chảy tràn nhiễm xăng, dầu qua khu vực dự án được thu gom theo rãnh thoát nước qua đường có khẩu độ B = 550 cm (kích thước rãnh: Dài x Rộng x Sâu = 1,2m x 1,1m x 1m) dẫn về 01 bể lắng gạn dầu 3 ngăn thể tích 7,07 m³ để xử lý. Nước thải nhiễm xăng, dầu sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 29:2010/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu) sẽ thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực theo đường ống PVC D200 (chiều dài L=20m).

**** Chi tiết bể lắng gạn dầu:***

(Trang bên)



Hình 3. 6. Sơ đồ cầu tạo bể lắng gạn dầu

- Kích thước bể: Dài x Rộng x Cao = 3000 x 1.240 x 1900 mm.
 - Thể tích: $V = 7,07 \text{ m}^3$
 - Kết cấu bể: kết cấu bằng bê tông đá dăm B15 mác 200, xây thành bể bằng gạch đặc mác 75; thành, đáy láng vữa xi măng chống thấm dày 20mm; tấm nắp hố dung tấm đan BTCT 1.200x400mm.
 - Bể lắng gạn dầu có thiết kế 3 ngăn gồm:
 - + Ngăn 1: Ngăn tiếp nhận nước đầu vào.
 - + Ngăn 2: Ngăn tách dầu.
 - + Ngăn 3: Ngăn thu nước.
- *Quy trình xử lý*: Nước mưa chảy tràn lẫn dầu chảy vào ngăn chứa (ngăn 1), sau đó tự chảy qua ngăn 2 để tách dầu mỡ (dầu nổi trên bề mặt sẽ được thu gom về thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 200 lít để lưu chứa, định kỳ hợp đồng đơn vị chức năng xử lý theo đúng quy định), nước tiếp tục qua ngăn thu nước (ngăn 3) trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.
- Định kỳ dầu mỡ từ bể tách dầu được thu gom vào thùng chứa và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý đúng quy định.
 - Thường xuyên thu dọn, vệ sinh đất cát, lá cây, cành cây, nạo vét rãnh thoát nước để tránh gây tắc nghẽn hệ thống thoát nước.

*** Đối với nước thải từ quá trình súc rửa bể chứa xăng, dầu:**

Chất thải lỏng nguy hại từ quá trình súc rửa bể chứa xăng dầu: 2 năm tiến hành súc rửa 1 lần tương ứng với $0,4 \text{ m}^3/2 \text{ năm}$. Do nước thải là nước thải vệ sinh bể chứa xăng, dầu vì vậy nước thải có tính chất nguy hại. Chủ đầu tư tiến hành thu gom toàn bộ nước thải súc rửa bể chứa xăng dầu vào 2 thùng phuy (thể tích 500lít/thùng), sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng tới mang đi xử lý (định kỳ 2 năm/1 lần).

d. Điểm đầu nối thoát nước mưa chảy tràn nhiễm dầu và nước thải sinh hoạt của dự án:

Toàn bộ nước thải nhiễm dầu được xử lý sơ bộ qua bể lắng gạn dầu cùng với nước thải sinh hoạt sau xử lý lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ theo đường ống PVC

D110 thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực tại 01 điểm xả thải.

- Tọa độ điểm xả thải: 01 Điểm thoát nước tại phía Đông khu vực dự án thuộc khu 1, xã Vĩnh Lại, tọa độ X = 2351237.73, Y = 560551.425 (tọa độ VN 2000, kinh tuyến 104⁰45, múi chiều 3⁰).

3.2.2.3. Đối với công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn:

a. Chất thải rắn sinh hoạt:

Để hạn chế những tác động do chất thải rắn sinh hoạt, Chủ dự án sẽ thực hiện các giải pháp sau:

- Sử dụng thùng thu gom rác (03 thùng Composite dung tích 25 lít/thùng) để thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt.

- Quy định nhân viên làm việc của Công ty bỏ rác vào thùng thu gom, cuối ngày làm việc tập kết rác tại một điểm.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý toàn bộ loại chất thải rắn phát sinh trong quá trình vận hành của dự án.

b. Chất thải rắn nguy hại:

Bảng 3. 43. Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của cửa hàng

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Găng tay, giẻ lau bám dính dầu mỡ	Rắn	18 02 01	5
2	Vỏ thùng phuy đựng dầu	Rắn	18 01 02	20
3	Bóng đèn huỳnh quang hỏng thải	Rắn	16 01 06	0,1
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	0,2
5	Dầu thải từ quá trình súc rửa bể (tính trung bình cho 1 năm)	Lỏng	19 07 01	365
6	Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu	Lỏng	17 05 05	5
Tổng cộng				395,3
<i>* Ghi chú: Mã chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>				

- Toàn bộ chất thải nguy hại sẽ được phân loại tại nguồn ngay tại nơi phát sinh. Nghiêm cấm để CTR nguy hại với CTR sinh hoạt thông thường.

- Bố trí 05 thùng lưu giữ CTR nguy hại dung tích 250 lít/thùng, được thiết kế đúng quy cách như: phân biệt màu sắc, kín có biển báo gắn mã chất thải nguy hại.

+ Vỏ có khả năng chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với CTNH bên trong, có khả năng chống thấm cao;

+ Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng;

+ Có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30cm mỗi chiều, được ghi rõ, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

Nhận biết được tính độc hại và nguy hiểm của CTNH vì vậy công ty sẽ

tiến hành thu gom, lưu giữ tạm thời tại cửa hàng, khi đủ khối lượng vận chuyển sẽ thuê đơn vị có chức năng xử lý định kỳ 6 tháng/lần theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Toàn bộ các loại chất thải này thuộc danh mục chất thải nguy hại theo Thông tư 02/2022/BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cửa hàng có mức độ nguy hại cao. Nếu không có biện pháp thu gom, xử lý thích hợp sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước mặt, nước ngầm khu vực.

3.2.2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Đối với tiếng ồn của hoạt động giao thông ra vào khu vực: Trồng cây xanh dọc theo khuôn viên cửa hàng. Các hàng cây xanh không chỉ tạo cảnh quan đẹp mà còn có vai trò to lớn trong giảm thiểu ô nhiễm không khí. Cây xanh hấp thụ được một số khí độc hại, phát tán được mùi hôi, ngăn chặn và giảm được tiếng ồn, điều tiết vi khí hậu, tạo nhiệt độ mát mẻ trong khu vực xung quanh.

3.2.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a. Phòng cháy chữa cháy:

Yêu cầu chung về công tác phòng cháy chữa cháy: Các hạng mục công trình của dự án phải tuân thủ đúng các quy định về phòng cháy chữa cháy ngay từ khâu thiết kế. Đảm bảo sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng thì công trình được cơ quan chức năng thẩm định và cấp giấy phép về phòng cháy chữa cháy, đảm bảo các điều kiện quy định về kinh doanh các dịch vụ của dự án.

Các biện pháp phòng ngừa: Trong quá trình hoạt động kinh doanh, cán bộ, nhân viên trong đơn vị phải thực hiện đúng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy được niêm yết công khai và các nội quy sau:

- + Không vận hành hệ thống điện khi hệ thống cung cấp bị rò rỉ hay thiếu an toàn.

- + Không hút thuốc và đốt lửa trong phạm vi an toàn của khu kỹ thuật.

- + Bố trí đầy đủ dụng cụ chống cháy để kịp thời dập lửa khi có hỏa hoạn như bình bột Oxy - 11 - 10, các dụng cụ chữa cháy như phuy cát, xẻng...Trang bị bình chữa cháy chuyên dụng tại những điểm có nguy cơ cháy cao như cột bơm xảng dầu, khu vực bồn chứa...

- + Do nhiên liệu đầu vào là xăng, dầu là vật liệu dễ bắt lửa do đó chúng đều được bố trí trong các kho bãi riêng biệt và có hệ thống phòng cháy chữa cháy.

- + Toàn bộ mặt bằng cửa hàng được bố trí thiết kế các hòng nước chữa cháy và bố trí các bình bột, các thiết bị chữa cháy theo đúng quy phạm an toàn

về phòng cháy chữa cháy. Ngoài ra, tại vị trí bồn chứa nhiên liệu bố trí các họng cát dự trữ.

+ Kiểm soát ngăn chặn và không chế rò rỉ nhiên liệu bằng hệ thống tự động.

+ Thiết lập đội cấp cứu của khu vực thường trực trong và sau giờ làm việc, có đủ phương tiện thiết bị cứu hỏa.

+ Hệ thống bồn chứa phải được thiết kế, chế tạo, lắp đặt, bảo trì, kiểm tra và thử nghiệm định kỳ theo TCVN 6153 ÷ □6156:1996 và các quy định hiện hành trong các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan.

+ Phải treo biển cấm lửa, hướng dẫn chữa cháy tại các vị trí dễ thấy.

Các tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy được áp dụng và tuân thủ là:

+ TCVN 3254 - 89. An toàn cháy. Yêu cầu chung;

+ TCVN 3991 - 85. Tiêu chuẩn phòng cháy trong thiết kế xây dựng;

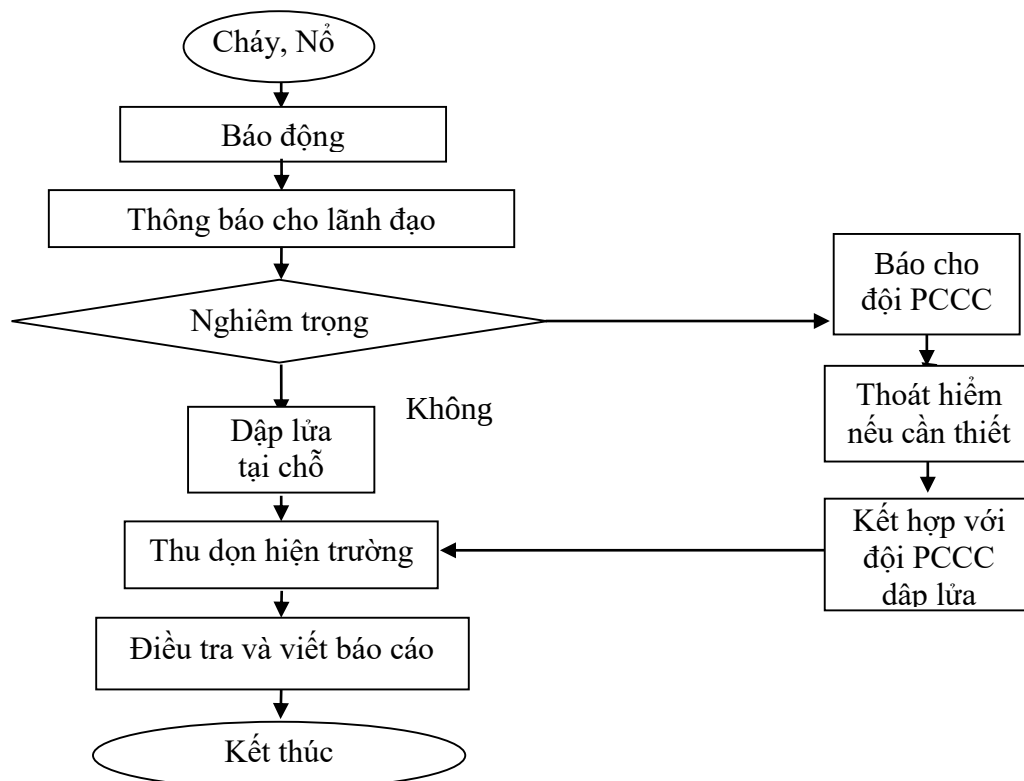
+ TCVN 4879 - 89. Phòng cháy. Dấu hiệu an toàn;

+ TCVN 5279 - 90. An toàn cháy nổ. Yêu cầu chung;

+ TCVN 5040 - 90. Thiết bị phòng cháy và chữa cháy;

Và một số tiêu chuẩn khác về thiết bị chữa cháy.

+ Sơ đồ tổ chức ứng phó sự cố:



Hình 3. 7. Quy trình ứng phó sự cố PCCC

b. An toàn lao động:

Đối với công nhân làm việc trực tiếp tại các vị trí bơm xăng dầu. Chủ đầu tư cam kết thực hiện đúng theo Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày

12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của bộ luật lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản và nuôi con.

Tất cả cán bộ, nhân viên của Cửa hàng xảng dầu đều được đào tạo kiến thức về an toàn lao động và bảo vệ môi trường. Người lao động được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ theo quy định của doanh nghiệp. Có nội quy an toàn lao động và toàn thể người lao động phải tuyệt đối chấp hành.

Các trang thiết bị sử dụng điện đều có hệ thống tự ngắt khi có chập điện xảy ra, dụng cụ phòng cháy chữa cháy được bố trí theo đúng thiết kế được phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy thẩm định và phê duyệt.

Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân.

Ngoài ra, còn bố trí phòng y tế, tủ thuốc cơ quan và trang bị các trang thiết bị, dụng cụ vật tư y tế để kịp thời sơ cấp cứu ngay tại khu vực khi có sự cố xảy ra.

c. Giảm thiểu sự cố rò rỉ xảng dầu:

Xảng, dầu từ bồn chứa đến các cột bơm đều theo một hệ thống hiện đại, khép kín, trường hợp có sự cố rò rỉ xảng dầu thì thiết bị sẽ báo hiệu.

Ngoài ra, quy định hằng ngày công nhân sẽ kiểm tra toàn bộ hệ thống bồn chứa để kịp thời phát hiện khi có dấu hiệu xảng dầu rò rỉ như mùi, hoặc tiếng xì hơi.

Bồn chứa được sử dụng do các hãng sản xuất lớn chế tạo chuyên dụng, có độ an toàn kỹ thuật cao, được kiểm định ban đầu và định kỳ (2 - 3 năm một lần).

Quá trình nạp liệu từ xe chở về bồn được tuân thủ nghiêm ngặt các thủ tục kiểm tra trước khi nhập và quy trình nhật theo đúng quy định.

Đối với khu vực đặt bồn xảng, dầu được bê tông móng và xây bao quanh để kịp thời thu gom xử lý khi có sự cố rò rỉ xảng, dầu xảy ra, tránh gây thấm xuống đất hoặc ảnh hưởng đến môi trường bên ngoài.

**** Trường hợp ứng phó nếu sự cố rò rỉ xảng dầu xảy ra:***

- Tuân thủ đúng các giải pháp ứng phó rủi ro sự cố rò rỉ dầu nhớt, thu gom và khắc phục ngay sự cố rò rỉ.

- Liên hệ với đơn vị cung cấp xảng dầu để dùng xe bồn hút hết lượng dầu trong bồn chứa nếu trường hợp cần thiết để khắc phục sự cố.

- Tạm ngừng hoạt động để khắc phục sự cố.

- Báo cáo đến cơ quan chức năng để có phương án xử lý kịp thời.

- Phối hợp với đơn vị chức năng để thu gom xử lý lượng xảng dầu rò rỉ trường hợp không xử lý đạt hiệu quả.

d. Phòng chống sét, thiên tai và biến đổi khí hậu:

- Lắp đặt hệ thống chống sét đúng theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Xây

dựng. Hệ thống chống sét được thiết kế theo yêu cầu chống sét đánh thẳng, bố trí các kim thu sét tại các vị trí cao nhất của công trình;

- Thiết kế kết cấu công trình vững chắc, đảm bảo có thể chịu đựng được tác động của gió bão;

- Thành lập đội phòng chống thiên tai, đội ứng cứu, cứu hộ tại chỗ, bồi dưỡng kiến thức phòng chống, ứng cứu khi có sự cố do thiên tai xảy ra;

- Xây dựng phương án phòng chống bão trước mùa mưa bão.

e. Các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự:

Trong quá trình hoạt động, vận hành dự án, Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ sẽ thực hiện các biện pháp để đảm bảo an toàn, an ninh trật tự sau:

- Xây dựng và ban hành nội quy về giữ gìn an ninh trật tự - BVMT - nếp sống văn hóa.

- Phối hợp với chính quyền và công an địa phương trong công tác giữ gìn an ninh trật tự;

3.3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BVMT

3.3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường của dự án

Trên cơ sở đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường, các công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, công ty dự kiến kinh phí đối với các công trình bảo vệ môi trường sẽ được đầu tư xây dựng như sau:

Bảng 3. 44. Dự trù danh mục kinh phí công trình xử lý môi trường đầu tư khi dự án đi vào hoạt động

TT	Tên công trình	Số lượng	Kinh phí (đồng)
1	Bể tự hoại 3 ngăn	01 bể	15.000.000
2	Bể tách dầu 3 ngăn	01 bể	10.000.000
3	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước mưa và các hố ga	01 HT	10.000.000
4	Thùng chứa chất thải nguy hại dung tích từ 250 lít/thùng.	05 cái	10.000.000
5	Thùng chứa chất thải sinh hoạt 25 lít/thùng	03 cái	5.000.000
6	Thùng chứa chất thải thông thường dung tích 250 lít/thùng.	02 cái	5.000.000
7	Trồng cây xanh trong khuôn viên cửa hàng	-	10.000.000
8	Hệ thống PCCC, chống sét	01 HT	150.000.000
9	Hệ thống phun nước giảm bụi do hoạt động vận chuyển.	01	10.000.000
Tổng cộng kinh phí đầu tư các công trình xử lý BVMT			225.000.000

Công ty cam kết thực hiện lắp đặt đồng bộ các thiết bị xử lý môi trường trước khi dự án đi vào hoạt động để đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường trong

quá trình hoạt động sản xuất và cam kết chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

3.3.2. Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

3.3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị:

Để đảm bảo các công tác an toàn môi trường trong giai đoạn này, ngay từ đầu khi ký hợp đồng với nhà thầu thi công chủ dự án sẽ đưa ra các điều khoản về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng dự án và yêu cầu cam kết tuân thủ nghiêm túc các điều khoản đưa ra.

Đồng thời công ty sẽ bố trí cán bộ kỹ thuật đảm nhận phụ trách theo dõi các công tác bảo vệ môi trường và an toàn lao động.

3.3.2.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

Với nhận thức hoạt động của dự án phải thân thiện với môi trường mà mục tiêu cụ thể là hạn chế tới mức thấp nhất những tác động tiêu cực do dự án gây ra đến môi trường xung quanh, hướng tới mục tiêu lâu dài là phát triển một cách bền vững, công tác tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp BVMT luôn được Công ty chúng tôi lưu tâm đặc biệt là trong quá trình hoạt động của cửa hàng.

Công ty sẽ bố trí cán bộ theo dõi kiểm soát các thông số về chất lượng môi trường, bảo vệ và giám sát môi trường. Chất lượng môi trường sẽ được thường xuyên theo dõi, số liệu sẽ được lưu trữ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

Cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm theo dõi và quản lý chất thải, mọi vấn đề liên quan đến môi trường của cửa hàng kịp thời đưa ra những giải pháp và cùng công ty quyết định để giải quyết các vấn đề môi trường nảy sinh hoặc tồn tại trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Bộ phận ATLD và BVMT với các phòng ban về công tác BVMT.

- Quản lý hoạt động của hệ thống giảm thiểu ô nhiễm không khí.
- Quản lý chất thải:
 - + Chất thải rắn thông thường được thông kê khối lượng phát sinh theo thời gian (tháng/quý/năm).
 - + Chất thải nguy hại: chủ yếu là thực hiện công tác thu gom, đưa về khu vực lưu giữ theo quy định và thông kê lượng chất thải phát sinh theo thời gian (tháng/quý/năm).
 - + Chất thải rắn sinh hoạt: thông kê, xử lý chất rắn sinh hoạt phát sinh tại cửa hàng theo thời gian (tháng/quý/năm).
- Xây dựng hệ thống phòng chống sự cố môi trường, phòng chống cháy nổ.

- Thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong sản xuất: đăng ký chất thải rắn nguy hại, thực hiện giám sát môi trường định kỳ.

- Thực hiện nghiêm chỉnh chương trình kiểm soát ô nhiễm định kỳ theo quy định của Sở Tài nguyên và Môi trường, cũng như kế hoạch giám sát và quan trắc môi trường hàng năm.

Bảng 3. 45. Tổ chức nhân sự cho công tác quản lý môi trường tại cửa hàng

TT	Công việc	Người thực hiện	Ghi chú
1	- Quản lý chung - Thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong hoạt động của cửa hàng	Cán bộ quản lý	Các công việc sẽ được thực hiện trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh của cửa hàng
2	Quản lý lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cửa hàng	Cán bộ kỹ thuật	
3	Quản lý chất thải rắn thông thường		
4	Quản lý chất thải nguy hại		
5	Quản lý chất thải rắn sinh hoạt	Bộ phận hành chính	
6	- Phòng chống các sự cố môi trường - Hoạt động phun nước chống bụi trên đường giao thông nội bộ của cửa hàng	Cán bộ kỹ thuật	

3.4. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ NHẬN DẠNG, ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO

3.4.1. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá

3.4.1.1. Về mức độ chi tiết của các đánh giá:

Đánh giá tác động tới môi trường của dự án tuân thủ theo trình tự:

- Xác định và định lượng nguồn gây tác động theo từng hoạt động (hoặc từng thành phần của các hoạt động) gây tác động của dự án.

- Xác định quy mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động.

- Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn gây tác động, quy mô không gian, thời gian và tính nhạy cảm của các đối tượng chịu tác động.

Các đánh giá về các tác động là khá chi tiết và cụ thể. Cũng chính vì vậy mà trên cơ sở các đánh giá, Dự án đã đề ra được các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường một cách khả thi.

3.4.1.2. Về độ tin cậy của các đánh giá:

Công cụ đánh giá tác động môi trường là các phương pháp đã được trình bày và đánh giá ở trên. Kết quả đánh giá là tin cậy. Do đó, việc đánh giá các tác động và mức độ tác động của dự án tới môi trường đối với từng giai đoạn thực hiện của dự án là thực tế. Chủ đầu tư đã có những cam kết trình bày chi tiết trong báo cáo này để thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu và phòng ngừa ô nhiễm nhằm đảm bảo phát triển dự án và bảo vệ môi trường khu vực.

3.4.2. Nhận xét về mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng trong báo cáo ĐTM

Các phương pháp áp dụng để dự báo các tác động môi trường bao gồm các phương pháp sau:

- Phương pháp thống kê: Đơn vị tư vấn lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã thực hiện nhiều đợt khảo sát, thu thập số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tại khu vực Dự án. Các số liệu thu thập được cập nhật trong những năm gần đây. Do đó, phương pháp này cho kết quả định lượng chính xác và có độ tin cậy cao.

- Phương pháp khảo sát, đo đạc và lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm. Xác định các thông số về chất lượng không khí, nước, đất, độ ồn tại khu vực dự án và xung quanh theo quy trình, quy phạm. Việc thực hiện các công việc trên được thực hiện nghiêm túc nên các số liệu thu được đảm bảo độ tin cậy và chính xác cao.

- Phương pháp đánh giá nhanh: áp dụng theo quy định của WHO để xác định tải lượng của các chất ô nhiễm dựa vào hệ số ô nhiễm đối với các thành phần môi trường. Phương pháp này cho kết quả nhanh và khá chính xác.

- Phương pháp so sánh: Đánh giá các tác động trên cơ sở so sánh các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam. Phương pháp này có độ tin cậy cao.

- Phương pháp liệt kê, lập bảng kiểm tra và ma trận: Phương pháp này đơn giản, dễ nhận dạng và phát hiện những yếu tố tác động và bị tác động mạnh nhất. Tuy nhiên chứa nhiều yếu tố chủ quan, cảm tính của người đánh giá và tiêu chí đánh giá không đủ chính xác.

- Phương pháp phân tích đánh giá tổng hợp: là phương pháp đánh giá tổng hợp các tác động tới môi trường của dự án để trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động và phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường có tính khả thi. Tuy phương pháp này mang tính chủ quan của người đánh giá nhưng được thực hiện bởi các chuyên gia có kinh nghiệm về lĩnh vực môi trường nên các đánh giá đảm bảo độ tin cậy.

Nhìn chung các phương pháp trên đã sử dụng để đánh giá các tác động tới môi trường của dự án. Những phương pháp này đã được giới thiệu trong các nghiên cứu cũng như trong các hướng dẫn về đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Vì vậy, mức độ tin cậy là khá cao.

CHƯƠNG IV
PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN
BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Dự án “Cửa xăng dầu Vĩnh Lại” tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ không thuộc loại hình khai thác khoáng sản, không thuộc dự án chôn lấp chất thải, không thuộc dự án bồi hoàn đa dạng sinh học nên không có phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

CHƯƠNG V

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ DỰ ÁN

5.1.1. Mục tiêu của chương trình quản lý môi trường

Chương trình quản lý môi trường được đề ra nhằm quản lý các vấn đề bảo vệ môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án nhằm thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5.1.2. Thực hiện chương trình quản lý môi trường

- Có chương trình kế hoạch bảo vệ môi trường cụ thể, chi tiết cho từng năm.
- Thường xuyên nâng cao nhận thức về môi trường cho cán bộ công nhân viên, thông qua các hoạt động của các tổ chức, đoàn thể. Qua đó, giáo dục cho người lao động, khách hàng ý thức bảo vệ môi trường.
- Xây dựng khuôn viên cây cảnh xung quanh khu vực tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp.
- Cam kết thực hiện lắp đặt đồng bộ các thiết bị xử lý môi trường nước thải, chất thải rắn để xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường khi dự án đi vào hoạt động và cam kết chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

5.1.3. Nội dung chương trình quản lý môi trường

Chương trình quản lý môi trường của dự án được xác định dựa trên cơ sở những đánh giá về nguồn tác động, đối tượng, quy mô bị tác động và các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu trong giai đoạn chuẩn bị, xây dựng và vận hành dự án trình bày tại chương 3 của báo cáo. Chương trình quản lý môi trường bao gồm các nội dung chính sau:

- Đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án.
- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải, thu gom, lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại.
- Phối hợp với cơ quan quản lý môi trường địa phương, các đơn vị chuyên môn tiến hành giám sát môi trường định kỳ trong suốt quá trình triển khai thi công và vận hành của dự án.
- Thực hiện chương trình đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, kế hoạch phòng chống sự cố môi trường.

Công ty sẽ thành lập tổ an toàn lao động và BVMT nhằm mục đích kiểm soát các thông số về chất lượng môi trường trong quá trình hoạt động của dự án. Cán bộ kỹ thuật sẽ có trách nhiệm theo dõi và quản lý chất thải, mọi vấn đề liên quan đến môi trường của dự án, kịp thời đưa ra những giải pháp và cùng lãnh

đạo công ty giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh hoặc tồn tại trong quá trình hoạt động cụ thể:

- Quản lý hoạt động giảm thiểu ô nhiễm môi trường như: hệ thống tưới nước phun ẩm sân đường nội bộ, hệ thống bảo hộ lao động, trồng và chăm sóc cây xanh, cây sinh cảnh tạo cảnh quan vi khí hậu của cửa hàng.

- Quản lý chất thải thông thường: công việc chủ yếu là thống kê khối lượng theo thời gian đối với các loại chất thải thông thường phát sinh trong hoạt động xuất, nhập, mua bán xăng dầu.

- Quản lý chất thải sinh hoạt: bao gồm thống kê, xử lý lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại cửa hàng theo thời gian.

- Quản lý chặt chẽ các quá trình xuất nhập xăng dầu, bốc dỡ hàng hóa tại cửa hàng.

- Xây dựng hệ thống phòng chống chống cháy nổ và phòng chống sự cố môi trường.

- Thực hiện các quy định quản lý môi trường trong hoạt động kinh doanh: kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, đăng ký chất thải rắn nguy hại, thực hiện giám sát môi trường định kỳ.

Chương trình quản lý môi trường được cụ thể hoá cho từng giai đoạn của dự án cho trong bảng 5.1.

Bảng 5. 1. Bảng chương trình quản lý môi trường của dự án

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
1	2	3	4	5	6	7	8
Giai đoạn chuẩn bị dự án	- Chuẩn bị nguồn vốn; thực hiện các thủ tục pháp lý; - Lập dự án đầu tư và thiết kế cơ sở; - Lựa chọn nhà thầu thi công.	Không phát sinh nguồn thải	Không gây tác động đến môi trường			Chủ dự án	Chủ dự án
	San lấp mặt bằng	- Bụi, khí thải từ các xe tải vận chuyển cát đến khu vực san lấp; - Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các máy móc phục vụ san lấp mặt bằng; - Nước thải sinh hoạt của các công nhân thực hiện san lấp; - Chất thải rắn sinh hoạt; - Chất thải bóc lớp bùn hữu cơ.	- Áp dụng biện pháp thi công cuốn chiếu; - Thực hiện che chắn; - Tưới nước; - Bảo dưỡng máy móc thiết bị thường xuyên; - Các biện pháp an toàn lao động. - Sử dụng nhà sinh di động cho chủ nhà thầu đầu tư.	Thời gian thực hiện san lấp 20 ngày	Nằm trong kinh phí xây dựng của dự án	Chủ dự án và các chủ thầu	Chủ dự án
Giai đoạn thi công xây dựng	Giai đoạn thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án	- Bụi, khí thải từ các xe tải vận chuyển vật liệu xây dựng, cát, đá, sắt thép, thiết bị máy móc. - Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các máy móc phục vụ thi công xây dựng. - Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình thi	- Áp dụng biện pháp thi công cuốn chiếu; - Thực hiện che chắn; - Tưới nước; - Bảo dưỡng máy móc thiết bị thường xuyên;	Trong thời gian	Nằm trong kinh phí xây	Chủ dự án và	Chủ dự án

Báo cáo ĐTM của Dự án “Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại” tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ của
Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ

		công có gia nhiệt: cắt, hàn kết cấu thép.	- Các biện pháp an toàn lao động.	thi công 60 ngày	dựng của dự án	các chủ thầu	
		Chất thải rắn xây dựng	Thu gom, tập kết và đổ thải đúng nơi quy định của địa phương (sau khi thống nhất khu vực đổ thải với UBND xã Vĩnh Lại)				
		Chất thải rắn nguy hại: dầu mỡ, giẻ lau bám dính dầu mỡ;	Thu gom chứa vào thùng phuy riêng biệt có nắp đậy kín tại khu vực thi công và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.				
	Hoạt động vận chuyển, lưu trữ VLXD	- Bụi từ quá trình bốc xếp nguyên vật liệu xây dựng;	- Thực hiện che chắn khi vận chuyển và bốc dỡ.	Trong suốt giai đoạn thi công dự án	Năm trong kinh phí xây dựng của dự án	Chủ dự án và các chủ thầu	Chủ dự án
	Sinh hoạt của công nhân trên công trường xây dựng	Nước thải sinh hoạt	Sử dụng nhà sinh di động do chủ nhà thầu đầu tư				
		Chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom hàng ngày đem đổ vào thùng tập kết rác trong khu vực theo đúng quy định.				
	Nước mưa chảy tràn tại khu vực dự án	Đất, cát và các vật liệu rơi vãi theo nước mưa chảy vào nguồn nước mặt.	Thu gom lắng bằng hố ga sau đó thoát bằng hệ thống thoát nước chung của khu vực xã Vĩnh Lại				
	Giai đoạn vận chuyển, lắp đặt máy móc thiết bị	- Bụi, khí thải, tiếng ồn từ các xe tải vận chuyển	- Thực hiện che chắn khi vận chuyển và bốc dỡ. - Có trang phục bảo hộ lao động cho công nhân bốc dỡ	Thời gian lắp đặt 05 ngày	Năm trong kinh phí xây dựng của dự án	Chủ dự án và đơn vị cung ứng thiết bị	Chủ dự án
		- Chất thải rắn: bao bì, nilon, giấy xộp đựng máy móc - Chất thải nguy hại: giẻ lau dính dầu mỡ, can đựng dầu,...	- Thu gom và lưu giữ trong kho chứa chất thải rắn và kho chất thải nguy hại của công ty sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng đến vận chuyển đi xử lý.				

Báo cáo ĐTM của Dự án “Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại” tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ

	Sinh hoạt của 05 công nhân lắp đặt máy móc	Nước thải sinh hoạt	Thu gom, xử lý bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực xã Vĩnh Lại				
		Chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom hàng ngày đem đổ vào thùng tập kết rác trong khu vực theo đúng quy định.				
Giai đoạn hoạt động của Cửa hàng bán lẻ xăng dầu	Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án	- Khí thải từ các hoạt động giao thông - Tiếng ồn do việc khởi động các động cơ ô tô, xe máy.	Tác động không thường xuyên và trong thời gian rất ngắn.	Trong suốt giai đoạn hoạt động của dự án	Năm trong kinh phí xây dựng của dự án	Chủ dự án	- Chủ dự án - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lâm Thao.
	Hoạt động xuất nhập hàng hóa	- Hơi xăng dầu trong quá trình xuất nhập hàng hóa tại cửa hàng.					
	Hoạt động kinh doanh, bán lẻ xăng dầu tại cửa hàng	- Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là rác thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại cửa hàng phát sinh khoảng 0,3kg/ngày. - Chất thải rắn công nghiệp: Bùn phát sinh từ bể tự hoại: 0,8 m ³ /năm.	Chất thải rắn có thể tái chế được lưu giữ tạm thời tại cửa hàng để định kỳ bán lại cho cá nhân hoặc các đơn vị thu mua phế liệu. Những chất thải không thể tái chế sẽ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển xử lý theo đúng quy định.				
		- Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động khoảng 395,3 kg/năm	Thu gom lưu giữ chứa trong các thùng phuy dung tích 250 lít/thùng có nắp đậy kín sau đó lưu giữ trong khu vực dự án. Khi đủ khối lượng cho 01 chuyến vận chuyển chủ dự án sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý				
	Hoạt động của CBCNV	Nước thải sinh hoạt	Xử lý bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn tổng dung tích 4,44 m ³ trước khi đầu nối vào HT thoát nước chung				

Báo cáo ĐTM của Dự án “Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại” tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ của
Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ

			khu vực xã Vĩnh Lại.				
		Nước mưa chảy tràn nhiễm xăng, dầu	Được thu gom bằng hệ thống rãnh thoát nước (kích thước Dài x Rộng x Sâu = 1,2m x 1,1m x 1m) về 01 bể lắng gạn dầu thể tích 7,07 m ³ , sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.				
		Chất thải rắn sinh hoạt	Chất thải rắn sinh hoạt của nhân viên được thu gom hàng ngày đem đổ vào thùng tập kết rác trong khu vực theo đúng quy định. Hàng tháng công ty thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định của tổ dân cư và yêu cầu của đơn vị thực hiện dịch vụ vệ sinh môi trường khu vực.				
	Các sự cố môi trường	- Sự cố cháy nổ; - Sự cố quá tải bể tự hoại.	- Lắp đặt hệ thống an toàn điện, hệ thống phòng chống sét, hệ thống phòng cháy chữa cháy. - Trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy; - Hệ thống báo cháy tự động.				

5.2. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ DỰ ÁN

5.2.1. Nội dung giám sát

a. Giám sát chất lượng môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng:

**** Giám sát môi trường không khí:***

- Các thông số quan trắc: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂.
- Vị trí giám sát: K1- Mẫu không khí trong khu đất thực hiện dự án.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

**** Giám sát môi trường nước thải:***

- Các thông số giám sát: pH, BOD₅, DO, COD, TSS, NH₄⁺_N, Cl⁻, NO₂⁻_N, NO₃⁻_N, PO₄³⁻, Các chất hoạt động bề mặt, Tổng dầu mỡ, Coliform.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

**** Giám sát môi trường đất:***

- Các thông số giám sát: pH (KCl), Zn, Cu, Cd, As, Pb.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

**** Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:***

Giám sát số lượng, chủng loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động xây dựng.

b. Giám sát chất lượng môi trường trong giai đoạn vận hành dự án

**** Giám sát nước thải sinh hoạt:***

- Ký hiệu mẫu: 01 vị trí sau bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.
- Các thông số giám sát, quan trắc: pH, BOD₅, TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliforms.
- Tần suất giám sát: 01 năm/01 lần.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, mức B.

**** Giám sát nước thải công nghiệp:***

- Ký hiệu mẫu: 01 vị trí sau bể lắng cặn dầu trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.
- Các thông số giám sát, quan trắc: pH, TSS, COD, dầu mỡ khoáng.

- Tần suất giám sát: 01 năm/01 lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, mức B.

* Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Công ty sẽ giao cho Cán bộ phụ trách môi trường và an toàn lao động giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh, phân loại, thu gom để xử lý theo đúng quy định.

- Giám sát khối lượng, chủng loại CTR và CTNH. Định kỳ tổng hợp kết quả và báo cáo cho cơ quan quản lý môi trường địa phương.

- Tần suất: 01 năm/lần.

* Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

Giám sát số lượng, chủng loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động xây dựng.

5.2.2. Chế độ báo cáo

Kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường và kết quả giám sát môi trường được lưu giữ lại tại Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ định kỳ gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ với tần suất báo cáo (01 lần/năm), trước ngày 15/01 của năm tiếp theo.

CHƯƠNG VI

KẾT QUẢ THAM VẤN

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. KẾT LUẬN

Hoạt động dự án “Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại” của Công ty TNHH tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ sẽ đem lại hiệu quả kinh tế và mức đóng góp cho xã hội, hoạt động kinh doanh của chúng tôi sẽ đảm bảo về vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

Báo cáo ĐTM của Dự án được lập tạo cơ sở pháp lý cho quá trình thực hiện dự án theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

Trong quá trình hoạt động của Dự án sẽ có những tác động tiêu cực đến môi trường. Để giảm thiểu ô nhiễm và khống chế các tác động xấu đến môi trường ở mức tiêu chuẩn cho phép công ty cam kết sẽ thực hiện các biện pháp khống chế giảm thiểu ô nhiễm và phòng chống sự cố môi trường đồng thời cam kết thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát chất lượng môi trường như đã trình bày trong báo cáo và nghiêm chỉnh chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường theo các hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ trong các hoạt động kinh doanh có ảnh hưởng đến môi trường.

Chúng tôi cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường nhằm đảm bảo các thông số ô nhiễm do nước thải, bụi, tiếng ồn đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam. Cụ thể như sau:

- Tiếng ồn, độ rung: luôn đảm bảo giới hạn cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT đối với môi trường ngoài cửa hàng và đảm bảo QCVN 24:2016/BYT đối với môi trường trong cửa hàng.

- Nước thải sinh hoạt được xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước; nước thải nhiễm dầu xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt khi thải ra mương thoát nước chung của khu vực thuộc địa bàn xã Vĩnh Lại.

- Chất thải rắn: các chất thải rắn nguy hại, công nghiệp và sinh hoạt đều được thu gom, lưu giữ và vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định. Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển chất thải để đưa đi xử lý, không để chất thải phát tán vào môi trường xung quanh.

Đồng thời, thông qua báo cáo ĐTM này chúng tôi cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án như sau:

- Thực hiện các phương án giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động theo nội dung trong báo cáo ĐTM, cam kết đảm bảo đạt TCVN về môi trường quy định.

- Thường xuyên kiểm tra để kịp thời xử lý các trường hợp mà sự cố môi

trường có thể xảy ra.

- Chúng tôi sẽ áp dụng các biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ đồng thời tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ làm việc, phục vụ tại cửa hàng đảm bảo quá trình hoạt động của dự án an toàn và đạt hiệu quả cao nhất, không gây ô nhiễm môi trường.

- Đối với nước thải và các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại được công ty chúng tôi cam kết sẽ thu gom, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định.

Đồng thời cam kết duy trì vận hành đồng bộ các thiết bị và biện pháp xử lý môi trường trong quá trình hoạt động của cửa hàng và cam kết chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

2. KIẾN NGHỊ

1. Kính đề nghị UBND tỉnh Phú Thọ, Sở Tài nguyên và Môi trường sớm xem xét, phê duyệt báo cáo ĐTM của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ chúng tôi.

2. Kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn trong lĩnh vực bảo vệ môi trường để công ty chúng tôi hoạt động có hiệu quả kinh tế mà vẫn đảm bảo tốt vấn đề bảo vệ môi trường góp phần vào việc phát triển bền vững.

3. CAM KẾT

Trong quá trình hoạt động công ty chúng tôi xin cam kết:

* Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phòng chống sự cố như đã trình bày trong báo cáo ĐTM này đảm bảo đạt các Tiêu chuẩn Việt Nam và Quy chuẩn Việt Nam đồng thời tăng cường công tác đào tạo cán bộ nhằm nâng cao năng lực nhận thức về vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn và đạt hiệu quả cao nhất.

* Thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ 6 tháng/lần và lập báo cáo định kỳ gửi về cơ quan quản lý môi trường.

* Nếu xảy ra sự cố môi trường công ty sẽ báo cáo ngay tới các cơ quan chức năng đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan này để giải quyết khắc phục sự cố hữu hiệu, kịp thời trong thời gian nhanh nhất và sẽ bồi thường khắc phục sự cố.

Kính trình UBND tỉnh Phú Thọ, Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các phòng ban hữu quan quan tâm, xem xét, thẩm định phê duyệt báo cáo ĐTM Dự án “Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại” tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ để chúng tôi hoàn chỉnh thủ tục pháp lý theo quy định của Luật Môi trường và các quy định của địa phương.

PHỤ LỤC CÁC GIẤY TỜ PHÁP LÝ KÈM THEO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH PHÚ THỌ
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2600887919

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 06 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 08 tháng 01 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TÂN DAT PHÚ THỌ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN DAT PHU THO COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TAN DAT PHU THO CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

SN 543, đường Trần Phú, Phường Dữu Lâu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại: 0913382017

Fax:

Email: tandattnhh@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 1.900.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ chín trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN KHẮC HOẠT

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/05/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025060002225

Ngày cấp: 16/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 11, khu 1, Phường Dữu Lâu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 11, khu 1, Phường Dữu Lâu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN KHẮC HOẠT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/05/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025060002225

Ngày cấp: 16/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 11, khu 1, Phường Dữu Lâu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ,
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 11, khu 1, Phường Dữu Lâu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ,
Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỞNG PHÒNG

Đào Thị Tuyết Lan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2223 /QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 19 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v thu hồi, chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ thuê để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 và Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư để thực hiện dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao;

Căn cứ Thông báo số 49/TB-UBND ngày 12/7/2022 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lâm Thao;

Theo đề nghị của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ (Đơn xin thuê đất ngày 30/5/2023); đề nghị của UBND huyện Lâm Thao (Tờ trình số 137/TTr-UBND ngày 29/9/2023) và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 589/TTr-TNMT ngày 13/10/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. a) Thu hồi diện tích 1.496,9 m² đất chuyên trồng lúa nước thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Vĩnh Lại quản lý tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao.

Vị trí khu đất thu hồi tại thửa đất số 10, 25, 31, 32, 33, 34, 35, 36 trong chi giới A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A1 thể hiện bản trích đo địa chính tỷ lệ

1/500 do Công ty TNHH TG Vina lập, đã được UBND xã Vĩnh Lại, UBND huyện Lâm Thao xác nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình duyệt.

b) Chuyển mục đích sử dụng diện tích **2.368,7 m²** đất (Bao gồm: 1.496,9 m² đất thu hồi nêu trên và 871,8 m² đất chuyên trồng lúa nước đã được Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ thỏa thuận, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân) sang đất phi nông nghiệp và giao cho Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ, UBND xã Vĩnh Lại, cụ thể như sau:

- Giao diện tích **1.384,5 m²** đất thương mại dịch vụ theo chỉ giới A3, A4, A5, A6, A7, A8, A3 cho Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ thuê để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại theo chủ trương đầu tư và dự án đã được phê duyệt.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Thời hạn thuê đất: 49 năm kể từ ngày UBND tỉnh ký ban hành Quyết định cho thuê đất.

- Giao diện tích **984,2 m²** đất giao thông theo chỉ giới A1, A2, A3, A8, A1 cho UBND xã Vĩnh Lại quản lý theo quy định.

Ranh giới, diện tích chuyển mục đích sử dụng, giao đất, cho thuê đất được thể hiện trên cùng bản vẽ trích đo địa chính tỷ lệ 1/500 nêu trên.

Điều 2. UBND tỉnh giao trách nhiệm như sau:

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức việc giao đất tại thực địa theo đúng ranh giới, vị trí và diện tích trên bản vẽ được duyệt.

- UBND huyện Lâm Thao chỉ đạo các phòng, đơn vị chuyên môn và UBND xã Vĩnh Lại thực hiện việc chỉnh lý biến động đất đai; kiểm tra, giám sát việc bóc tách, sử dụng tầng đất mặt theo quy định.

- Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ thực hiện phương án bảo vệ phát triển đất chuyên trồng lúa nước; phối hợp với các cơ quan liên quan xác định đơn giá thuê đất, ký Hợp đồng thuê đất, nộp tiền thuê đất và quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Cục thuế tỉnh, UBND huyện Lâm Thao, UBND xã Vĩnh Lại, Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Phan Trọng Tấn;
- Các PCVP;
- TTPVHCC;
- CV: TH5, TH6;
- Lưu VT, TN2.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Trọng Tấn

Ký và: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ
Số: 12345/QĐ-UBND ngày 12/07/2024

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

Số: 2329 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 16 tháng 9 năm 2021.

BẢN SAO

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(Cấp lần đầu: Ngày 16 tháng 9 năm 2021)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Văn bản đề nghị thực hiện dự án và hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số: 530/BC-SKH&ĐT ngày 14/9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư: Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 2600887919 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/6/2013. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 1058, đường Hùng Vương, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật: Họ và tên: Trần Thanh Cảnh; Sinh ngày: 20/12/1976; Quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân số: 131310883; Ngày cấp: 23/5/2015; Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ; Chức danh: Giám đốc; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Phố Mai Sơn II, phường Tiên cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

2. Tên dự án: Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại.

3. Mục tiêu dự án: 01 Kho chứa nguyên liệu 100 m³ (bao gồm: 04 bể chứa x 25 m³).

4. Quy mô dự án:

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 3.376,9 m² (trong đó: Đất hành lang giao thông là 1.641,5 m²; đất dự kiến thực hiện dự án là 1.735,4 m²).

- Quy mô xây dựng: Nhà mái che cột bơm 150,0 m², Nhà bán hàng 189,0m², công trình phụ trợ 200 m², và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác: sân, bãi đỗ xe, bể chứa xăng dầu ngầm; bể lắng dầu, bể nước cứu hỏa, hố cát cứu hỏa, cây xanh... với tổng diện tích 1.196,4 m².

5. Dự kiến tổng vốn đầu tư của dự án: 5,5 tỷ đồng (năm tỷ năm trăm triệu đồng). Trong đó: Vốn góp: 1,1 tỷ đồng (đạt 20% tổng vốn đầu tư); vốn huy động: 4,4 tỷ đồng (đạt 80% tổng vốn đầu tư).

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 49 năm, kể từ ngày được nhà nước quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

+ Tháng 12/2021: Hoàn thành vốn góp;

+ Tháng 3/2023: Hoàn thành huy động vốn thực hiện dự án.

- Tiến độ thực hiện:

+ Tháng 9/2021 - 7/2022: Thực hiện các thủ tục đầu tư để bàn giao mặt bằng;

+ Tháng 8/2022 – tháng 02/2023: Dự kiến khởi công công trình.;

+ Tháng 3/2023: Hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động.

9. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

- Các ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư:

+ Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp tại văn bản hợp nhất số 14/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Văn phòng Quốc hội.

+ Ưu đãi về thuế nhập khẩu: Theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016.

+ Các ưu đãi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

10. Các điều kiện khác để thực hiện dự án đầu tư:

- Có dự án đầu tư được cơ quan thẩm định và phê duyệt; thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện dự án, đầu tư dự án theo đúng nội dung Chấp thuận chủ trương đầu tư;

- Chỉ được chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất cho thuê đất sau khi dự án sau khi phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được duyệt huyện Tam Nông.

- Chỉ được thực hiện đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành các thủ tục đầu nối giao thông, môi trường, PCCC, cấp phép xây dựng và các thủ tục khác theo quy định.

- Nhà đầu tư phải thực hiện đúng các nội dung tại Chấp thuận chủ trương đầu tư, UBND tỉnh sẽ xem xét thu hồi Chấp thuận chủ trương, chấm dứt hoạt động của dự án và không hoàn trả bất kỳ khoản chi phí nào đã đầu tư vào dự án của Nhà đầu tư trong các trường hợp: Không hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động theo đúng tiến độ được cấp có thẩm quyền chấp thuận; thực hiện dự án

không đúng, không đầy đủ nội dung cam kết, quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và các quy định có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của nhà đầu tư

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ đăng ký đầu tư và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chịu mọi hậu quả phát sinh theo quy định của pháp luật hiện hành nếu không thực hiện báo cáo hay báo cáo sai sự thực. Tự chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn tham gia đầu tư theo tiến độ đã đăng ký và hiệu quả của dự án; triển khai dự án đảm bảo đúng các quy định về: Đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, kinh doanh kiểm định xe cơ giới, giao thông, phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn lao động và các vấn đề khác liên quan đến việc triển khai dự án.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lâm Thao hoàn thiện thủ tục đất đai theo quy định.

- Hoàn thiện thủ tục đầu nối giao thông theo quy định.

- Trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng phải tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ độ điều; thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu tại các văn bản tham gia ý kiến thẩm định của các sở, ngành liên quan trong quá trình thực hiện dự án.

- Ký quỹ thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020 và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác.

- Nghiêm chỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện dự án theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020.

2. Trách nhiệm của sở, ngành, đơn vị có liên quan:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về số liệu, thông tin và kết quả thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án.

- Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải và UBND huyện Lâm Thao chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định theo lĩnh vực quản lý, ý kiến không phản đối về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án.

- Các sở, ngành, đơn vị: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông, Công an tỉnh, UBND huyện Lâm Thao và các cơ quan có liên quan hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đầu tư, đất đai, môi trường, xây dựng, phòng chống cháy nổ,...theo đúng quy định hiện hành; thẩm định trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra tiến độ thực hiện dự án, việc chấp hành các quy định của dự án; kịp thời xử lý vi phạm theo quy định (nếu có).

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thời điểm có hiệu lực của quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an tỉnh,

UBND huyện Lâm Thao và Giám đốc Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ có trách nhiệm thi hành quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ (01 bản); một bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Thanh Hải;
- CVP, PVPTH;
- Lưu: VT, KT4.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]



Nguyễn Thanh Hải



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Quang

UBND TỈNH PHÚ THỌ
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **790**/VP-KTN
V/v xem xét đề nghị xây dựng
cửa hàng kinh doanh bán lẻ
xăng dầu tại xã Vĩnh Lại, huyện
Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Phú Thọ, ngày **06** tháng 11 năm 2019

Kính gửi: Sở Công Thương.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Văn bản số 45/CV-TĐPT ngày 01/11/2019 của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ có nội dung đề nghị xây dựng cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu tại khu 1 xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (Văn bản sao gửi kèm theo).

Căn cứ Quy chế làm việc của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển văn bản của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ đến Sở Công Thương để xem xét, xử lý đề nghị của Công ty theo quy định; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT Nguyễn Thanh Hải;
- Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ;
- CVP, PCVP TH;
- Lưu: VT, KT4_(2b)

CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Văn Khai

UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Số: 664/SCT-KHTC

V/v báo cáo, đề xuất UBND tỉnh vị
trí, địa điểm xây dựng CHBL xăng
dầu tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm
Thao, tỉnh Phú Thọ

Phú Thọ, ngày 09 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: UBND tỉnh Phú Thọ.

Thực hiện văn bản chỉ đạo số 1277/UBND-KTN ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị Định số 08/2018/NĐ-CP của Chính phủ và văn bản của Bộ Công Thương liên quan đến kinh doanh bán lẻ xăng dầu; Văn bản số 790/VP-KTN ngày 06/11/2019 của Văn phòng UBND tỉnh Phú Thọ về việc xem xét đề nghị về xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Trên cơ sở đề nghị xem xét sự phù hợp vị trí, địa điểm đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ.

Căn cứ các ý kiến của các sở, ngành liên quan và UBND huyện Lâm Thao tại các văn bản: Số 1953/SXD-KTQH&QLN ngày 22/11/2019 của Sở Xây dựng; Số 2524/SGTVT- QLGT ngày 19/11/2019 của Sở Giao thông vận tải; Số 3043/TNMT-QLĐĐ ngày 21/11/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Số 1346/TNMT-QLĐĐ ngày 03/6/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Số 1690/SNN-KHTC ngày 22/11/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Số 903/SVHTTDL-QLDSVH ngày 29/11/2019 của Sở Văn hóa thể thao và Du lịch; Số 1339/UBND-TNMT ngày 22/11/2019 của UBND huyện Lâm Thao (sao gửi kèm theo). Sở Công thương báo cáo, đề xuất UBND tỉnh vị trí, địa điểm xây dựng cửa hàng xăng dầu tại: **Xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ; Vị trí tiếp giáp với tuyến đường QL.2D (đường 320 cũ) từ Km 17 + 435 đến Km 17+505 của đường QL.2D, phía bên phải tuyến** như sau:

1. Sự cần thiết đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu:

Để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân địa phương và phục vụ tốt cho các phương tiện lưu thông trên tuyến đường QL.2D đi qua Xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Việc đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu tại vị trí trên cơ bản phù hợp để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương và phát triển của doanh nghiệp; trên cơ sở khảo sát, nắm tình hình địa bàn: Việc đầu tư cửa hàng xăng dầu tại khu vực trên sẽ phát huy tối đa được hiệu quả sử dụng đất, đảm bảo an sinh xã hội và sẽ tạo điều kiện cho phát triển sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng xăng dầu của nhân dân.

2. Sự phù hợp về quy hoạch sử dụng đất và các nội dung liên quan đến vị trí khu đất:

Hiện trạng khu đất dự kiến đầu tư cửa hàng xăng dầu có diện tích 3.376,9 m², đối chiếu với quy hoạch đã được phê duyệt. Khu đất đề xuất được xác lập là đất chuyên trồng lúa nước; theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Lâm Thao đã được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 770/QĐ-UBND ngày

10/4/2019, xác định quy hoạch đất thương mại dịch vụ quy hoạch đến năm 2020 tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao đã xác định cho nhu cầu sử dụng đất cụ thể cho các dự án năm 2020, xong không có dự án CHXD trên. Việc đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu tại vị trí trên cần phải điều chỉnh phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt (khi triển khai dự án khu đất đề xuất đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu phải được chuyển đổi sang đất dịch vụ thương mại).

3. Về đầu nối an toàn giao thông đường bộ: Vị trí đề xuất Cửa hàng xăng dầu thuộc đoạn đường cấp III; Đường QL.2D.

- Vị trí dự kiến đầu tư CHXD cách cửa hàng bán lẻ liền kề cùng phía, bên phải tuyến đang hoạt động là: Cách cửa hàng xăng dầu phía trước là: 10.440m (Km7+030); Cách cửa hàng xăng dầu liền kề phía sau là: 18.180m (Km 35+650).

(Theo thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải thì khoảng cách giữa 2 cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên của đoạn tuyến quốc lộ đối với đường ngoài khu vực nội thành, nội thị không nhỏ hơn 12.000m)

- Việc xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu phải tuân thủ theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Vị trí trên khi triển khai dự án phải có hướng dẫn đầu nối của ngành Giao thông vận tải. Để tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế xã hội và phục vụ tốt nhu cầu thị trường khu vực. Sở Công Thương Phú Thọ kính đề nghị UBND tỉnh xem xét việc cho Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ được thực hiện các bước đầu tư theo quy định hiện hành (Luật đất đai, Luật Đầu tư, Luật phòng cháy, Luật đề điều; đảm bảo để không ảnh hưởng đến di tích chùa Quỳnh Lâm và cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái của các di tích khác trên địa bàn xã Vĩnh Lại và xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao; thực hiện đầu tư theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; thực hiện đầu nối giao thông theo quy định...) đồng thời giao cho các sở, ngành liên quan và UBND huyện Lâm Thao thực hiện các nội dung liên quan đến công tác quản lý nhà nước, hướng dẫn doanh nghiệp triển khai dự án theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Cty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Mạnh Hùng

**UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2524SGTVT-QLGT

Phú Thọ, ngày 19 tháng 11 năm 2019

V/v Tham gia ý kiến vị trí, địa điểm xây dựng Cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Kính gửi: Sở Công thương Phú Thọ

Sở Giao thông vận tải Phú Thọ nhận được Văn bản số 1299/SCT-KHTC ngày 13/11/2019 của Sở Công thương Phú Thọ về việc xin ý kiến đề báo cáo, đề xuất UBND tỉnh về vị trí, địa điểm xây dựng Cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Sau khi xem xét, Sở GTVT Phú Thọ có ý kiến như sau:

1. Vị trí dự kiến dự án xây dựng Cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc địa phận xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Vị trí này tiếp giáp với QL.2D (ĐT.320 cũ) từ Km17+435 ÷ Km17+505 phía bên phải tuyến (Hiện tại đoạn tuyến đường này là đường cấp III do Sở GTVT quản lý, hành lang an toàn đường bộ của đoạn tuyến là 15,0m tính từ chân mái taluy nền đường trở ra).

- Tuyến QL.2D trong địa phận tỉnh Phú Thọ mới được nâng cấp từ các tuyến ĐT.324, ĐT.320 lên thành QL.2D theo Quyết định số 1181/QĐ-BGTVT ngày 21/4/2017 của Bộ GTVT, vì vậy tuyến quốc lộ này hiện chưa có thỏa thuận điểm đầu nối với Bộ GTVT.

- Về khoảng cách từ vị trí dự kiến dự án xây dựng Cửa hàng bán lẻ xăng dầu đến các điểm đầu nối liền kề cùng phía phải tuyến đã có trong Quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh giai đoạn 2015 – 2020 của ĐT.320 là: Cách điểm đầu nối phía trước 710m (Km16+760/QL.2D, vị trí này tương ứng với Km5+680/ĐT.320 cũ); cách điểm đầu nối phía sau 1.620m (Km19+090/QL.2D, vị trí này tương ứng với Km7+960/ĐT.320 cũ). (Theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải thì khoảng cách tối thiểu này giữa hai điểm đầu nối liền kề nằm ngoài khu vực nội thành, nội thị với đường cấp III là 1.500m).

- Về khoảng cách từ vị trí dự kiến dự án xây dựng Cửa hàng bán lẻ xăng dầu đến các Cửa hàng xăng dầu liền kề cùng phía bên phải tuyến đang hoạt động là: Cách cửa hàng xăng dầu phía trước là 10.440m (Km7+030/QL.2D); cách cửa hàng xăng dầu phía sau là 18.180m (Km35+650/QL.2D). (Theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải thì khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên của đoạn tuyến quốc lộ đối với đường ngoài khu vực nội thành, nội thị không nhỏ hơn 12.000m).

- Việc kết nối từ Cửa hàng bán lẻ xăng dầu qua tuyến đường gom dân sinh (phía dưới Quốc lộ 2D) phải có ý kiến của Sở Nông nghiệp và PTNN và UBND huyện Lâm Thao để đảm bảo an toàn giao thông trong khu vực.

2. Để dự án triển khai đảm bảo đúng các quy định hiện hành, trước khi phê duyệt và triển khai dự án phải có văn bản thỏa thuận bổ sung điểm đầu nối vào QL.2D của Bộ GTVT và phải được UBND tỉnh quyết định duyệt bổ sung quy hoạch điểm đầu nối vị trí trên vào QL.2D.

Trên đây là ý kiến của Sở GTVT, đề nghị Sở Công thương Phú Thọ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- GD, PGĐ (Ô. Hùng);
- Lưu: VT, QLGT (H-03b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tiến Hùng

UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ XÂY DỰNG

Số: 1953/SXD-KTQH&QLN

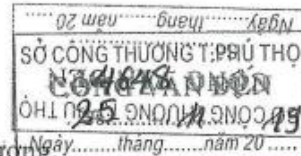
V/v vị trí, địa điểm xây dựng
CHBL xăng dầu tại xã Vĩnh Lại,
huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 22 tháng 11 năm 2019



Người ký: Sở X
Email: soxaydung@ph
v.vn
Số quan: Tỉnh
Thời gian ký:
25.11.2019 09:
407:00



Quản lý

Kính gửi: Sở Công thương

Sở Xây dựng nhận được Văn bản số: 1299/SCT-KHTC ngày 13/11/2019 của Sở Công thương về việc xin ý kiến đề báo cáo, đề xuất UBND tỉnh về vị trí, địa điểm xây dựng CHBL xăng dầu tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ của Công ty TNHH Tấn Đạt.

Sau khi nghiên cứu các hồ sơ tài liệu có liên quan và đối chiếu các quy định hiện hành, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Vị trí, địa điểm xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu theo đề nghị của Công ty TNHH Tấn Đạt có diện tích 3.376,9m² tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (vị trí tiếp giáp QL2D, tại Km 17+395; bên phải tuyến).

Đối chiếu với điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao giai đoạn 2011-2015 và định hướng 2020 đã được UBND huyện Lâm Thao phê duyệt, khu đất Công ty đề xuất thực hiện dự án được xác lập là đất Thương mại dịch vụ (đất dự kiến quy hoạch cây xăng). Do đó vị trí công ty đề nghị thực hiện dự án là phù hợp với quy hoạch nông thôn mới đã được UBND huyện Lâm Thao phê duyệt.

2. Đối với diện tích đề xuất là 3.376,9m², trong đó đất hành lang giao thông là 1.641,5m² và đất thực hiện dự án là 1.735,4m²; Đề nghị Công ty TNHH Tấn Đạt trong quá trình triển khai thực hiện các bước tiếp theo (bố trí quy hoạch tổng mặt bằng các công trình trong khu đất) cần đảm bảo mật độ xây dựng toàn khu tuân thủ theo quy định tại Bảng 2.7b, mục 2.8.6: Mật độ xây dựng thuần (net-tô) tối đa của nhóm nhà dịch vụ đô thị và nhà sử dụng hỗn hợp theo diện tích lô đất và chiều cao công trình - QCVN 01:2008/BXD "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng" đối với diện tích thực hiện dự án 1.735,4m² nêu trên.

Trên đây là ý kiến của Sở Xây dựng gửi Sở Công thương tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh Phú Thọ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/cáo);
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, KTQH&QLN (L-5b).



Trần Quang Tuấn

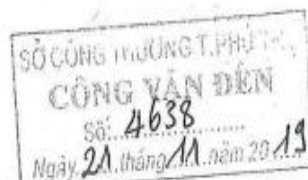
UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 3043/TNMT-QLDD

V/v tham gia ý kiến đề báo cáo, đề xuất
UBND tỉnh về vị trí, địa điểm xây dựng cửa
hàng bán lẻ xăng dầu tại xã Vĩnh Lại, huyện
Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

Phú Thọ, ngày 21 tháng 11 năm 2019



Kính gửi: Sở Công thương.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số 1299/SCT-KHTC ngày 13/11/2019 của Sở Công thương về việc xin ý kiến đề báo cáo, đề xuất UBND tỉnh về vị trí, địa điểm xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao. Sau khi nghiên cứu, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

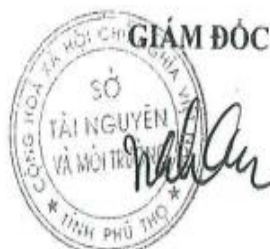
Khu đất Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ đề nghị đầu tư dự án Cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (vị trí tiếp giáp với QL.2D tại đoạn Km17+395, bên phải tuyến) có diện tích 3.376,9m², hiện trạng là đất chuyên trồng lúa nước.

Theo điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Lâm Thao đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 xác định quỹ đất thương mại dịch vụ tại xã Vĩnh Lại tăng thêm là 5,35ha, diện tích này đã xác định nhu cầu sử dụng đất cho các dự án cụ thể tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao không còn chỉ tiêu đất thương mại dịch vụ để thực hiện dự án Cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ. Đồng thời, đối chiếu với Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Lâm Thao đã được UBND tỉnh phê duyệt kèm theo Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 10/4/2019, vị trí khu đất Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ đề nghị thực hiện dự án Cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu được xác định là đất trồng chuyên trồng lúa nước. Vì vậy, việc thực hiện dự án trên chưa phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Lâm Thao đã được phê duyệt.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo./. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD Sở (Ô.Lý);
- Lưu VT, CC QLDD (08b- Bình) /s/



Nguyễn Văn Hậu

UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: 903 /SVHTTDL-QLDSVH

V/v tham gia ý kiến về vị trí, địa điểm
xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại
xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 29 tháng 11 năm 2019

Kính gửi: Sở Công thương tỉnh Phú Thọ.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận được văn bản số 1299/SCT-KHTC ngày 13/11/2019 của Sở Công thương Phú Thọ về việc xin ý kiến đề báo cáo, đề xuất UBND tỉnh về vị trí, địa điểm xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Sau khi xem xét hồ sơ quản lý di sản văn hóa; Sơ đồ vị trí đề nghị đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ; Biên bản làm việc ngày 26/11/2019 của UBND xã Bản Nguyên, UBND xã Vĩnh Lại và Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến như sau:

- Vị trí, địa điểm dự kiến xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại Khu hành chính số 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao; diện tích: 3.376,9m².

- Đối với di tích lịch sử - văn hóa: Vị trí, địa điểm dự kiến xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại khu hành chính số 1, xã Vĩnh Lại đến di tích gần nhất chùa Quỳnh Lâm (xã Bản Nguyên) là 61m; không ảnh hưởng đến các khu vực bảo vệ di tích chùa Quỳnh Lâm và cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái của các di tích khác trên địa bàn xã Vĩnh Lại và xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao.

Yêu cầu Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ trong quá trình đầu tư xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu thấy có khả năng có di tích, di vật, cổ vật bảo vật quốc gia hoặc phát hiện được di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thì phải tạm ngừng hoạt động xây dựng và thông báo kịp thời cho UBND xã Vĩnh Lại, UBND huyện Lâm Thao, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết, xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời không được làm ảnh hưởng đến cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái của các di tích lịch sử - văn hóa và sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến tham gia đề Sở Công thương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. *ky*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc;
- Lưu: VT. (Tg.05b). *ky*



Nguyễn Đắc Thủy

UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 1690 /SNN-KHTC

V/v tham gia ý kiến về vị trí, địa điểm
xây dựng CHBL xăng dầu tại xã Vĩnh
Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
của Công ty TNHH Tấn Đạt.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 25 tháng 11 năm 2019



[Handwritten signature]

Kính gửi: Sở Công thương tỉnh Phú Thọ.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 Sở Công thương có Văn bản số 1293/SCT-KHTC về việc xin ý kiến đề báo cáo, đề xuất UBND tỉnh về vị trí, địa điểm xây dựng CHBL xăng dầu tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, Sở Nông nghiệp và PTNT có ý kiến như sau:

1. Vị trí, địa điểm xây dựng Cửa hàng bán lẻ xăng dầu: Tại Khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, với diện tích đất dự kiến sử dụng là 3.388,85 m² (giới hạn bởi các điểm tọa độ 1, 2, 3,...6, 1), là đất chuyên trồng lúa nước. Khu vực trên tương ứng Km 88+300 đề tả Sông Thao (là tuyến đê cấp II), nằm về phía đông, trong đó phần diện tích (giới hạn bởi các điểm tọa độ 3, 4, 5, 6, 3) nằm trong hành lang bảo vệ đê điều.

2. Trong trường hợp dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư thực hiện một số nội dung sau:

- Không xây dựng các hạng mục công trình cửa hàng xăng dầu trong hành lang bảo vệ đê điều. Khi làm đường đầu nối từ cửa hàng xăng dầu lên đê Tả Thao phải được UBND tỉnh cấp phép sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định của Thông tư số 46/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác và nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của Luật đất đai, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Nông nghiệp và PTNT gửi Sở Công Thương tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD Sở (Ô.Bình);
- Chi cục Thủy lợi;
- Các Phòng KHTC;
- Lưu VT.



Người ký: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cơ quan: Tỉnh Phú Thọ

Thời gian ký: 25.11.2019

Nguyễn Ngọc Sơn 09:31:01 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1389/UBND-TNMT
V/v tham gia ý kiến về vị
trí, địa điểm xây dựng cửa
hàng kinh doanh bán lẻ
xăng dầu tại xã Vĩnh Lại,
huyện Lâm Thao.

Lâm Thao, ngày 12 tháng 11 năm 2019

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ.

UBND huyện Lâm Thao nhận được Văn bản số 1299/SCT-KHTC ngày 13/11/2019 của Sở Công Thương về việc xin ý kiến đề báo cáo, đề xuất UBND tỉnh về vị trí, địa điểm xây dựng Cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Trong đó đề nghị UBND huyện Lâm Thao cho ý kiến cụ thể có phù hợp (hay không phù hợp) của vị trí, địa điểm, quy mô của dự án, quy hoạch sử dụng đất, sự phù hợp với các quy hoạch khác liên quan, khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất đối với dự án; sự phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và sự cần thiết của việc đầu tư cửa hàng xăng dầu tại vị trí trên.

Về các nội dung này, UBND huyện có ý kiến như sau:

Dự án xây dựng cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu tại địa bàn xã Vĩnh Lại của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ phù hợp với kế hoạch và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện; đáp ứng được nhu cầu xăng dầu phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Vị trí thực hiện dự án phù hợp với điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã Vĩnh Lại giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020. Về quy hoạch sử dụng đất sẽ cập nhật vào Quy hoạch sử dụng đất của huyện Lâm Thao giai đoạn 2021-2030 sau khi có Quyết định chấp thuận Chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền.

UBND huyện Lâm Thao trả lời đề Sở Công Thương tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTHU, TT HĐND huyện (b/c);
- CT; các PCT UBND Huyện;
- Các phòng: TN&MT, KT&HT, NN&PTNT;
- CVP HĐND&UBND huyện;
- Lưu VT, TNMT (K-10b).



Trần Hoài Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 709 /QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 10 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI VỚI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(Cấp lần đầu: Ngày 16 tháng 9 năm 2021
Điều chỉnh lần thứ 01: Ngày 10 tháng 4 năm 2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế
hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt
động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;
Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
về việc sửa đổi một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày
09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận
nhà đầu tư số 2329/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú
Thọ đối với dự án Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện
Lâm Thao của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư và hồ sơ kèm theo
của nhà đầu tư;

Xét Báo cáo thẩm định số: 84/BC-SKH&ĐT ngày 01 tháng 4 năm 2024
của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận
nhà đầu tư của Dự án Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện
Lâm Thao của Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ (được Ủy ban nhân dân tỉnh
quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày
16/9/2021; Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số

6330751534 ngày 23/9/2021; điều chỉnh lần 1 ngày 15/3/2023), với các nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thông tin nhà đầu tư quy định tại Điều 1 Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2329/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

“Nhà đầu tư: Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600887919 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/6/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 15/01/2024. Địa chỉ trụ sở chính: SN 543, đường Trần Phú, phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc Hoạt; Sinh ngày: 20/5/1960; Quốc tịch: Việt Nam; CCCD số: 025060002225; Ngày cấp: 16/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Chức danh: Giám đốc; Địa chỉ thường trú/địa chỉ liên lạc: Tổ 11, khu 1, phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

2. Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án quy định tại Điều 1 Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2329/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

“Tiến độ thực hiện dự án:

- Tiến độ góp vốn và huy động vốn:
- + Quý IV/2021: Hoàn thành góp vốn.
- + Quý I/2025: Hoàn thành huy động vốn.
- Tiến độ hoàn thành dự án đi vào hoạt động: Tháng 3 năm 2025”

3. Các nội dung khác không đề cập, thực hiện theo Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của nhà đầu tư

- Chấp hành đúng quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai; các điều kiện để thực hiện dự án đầu tư và trách nhiệm của nhà đầu tư quy định tại các Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện đầy đủ ý kiến của các sở, ngành, đơn vị liên quan kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Tập trung nguồn lực, vốn đầu tư để thực hiện dự án theo đúng nội dung, tiến độ cam kết và được chấp thuận điều chỉnh.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty (đã được chứng nhận thay đổi) chịu trách nhiệm toàn diện về việc triển khai thực hiện dự án và các nghĩa vụ, trách nhiệm khác có liên quan trong việc tổ chức hoạt động và thực hiện dự án đầu tư.

- Trong quá trình hoạt động phải tuân thủ nghiêm túc các quy định về đầu tư, đất đai, môi trường, quy hoạch, giao thông, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định có liên quan; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, các nghĩa vụ khác theo quy định; nghiêm chỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện dự án theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020, Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

2. Trách nhiệm của sở, ngành, đơn vị có liên quan

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về số liệu, thông tin và kết quả thẩm định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án. Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định theo lĩnh vực quản lý và ý kiến không phản đối về chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư có liên quan và đôn đốc, giám sát tiến độ thực hiện dự án theo đúng cam kết và các quy định hiện hành.

- Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đất đai, xây dựng, môi trường, giao thông, phòng cháy chữa cháy,... và các thủ tục liên quan để triển khai dự án theo đúng tiến độ; kịp thời hỗ trợ nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đồng thời kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện dự án, xử lý theo quy định (nếu có vi phạm).

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2329/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao; Thủ trưởng các cơ quan liên quan; Giám đốc Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ có trách nhiệm thi hành quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ (01 bản); 01 bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Thanh Hải;
- CVP, PCVPTH;
- TTPVHCC;
- Lưu: VT, CT1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Thanh Hải

Cơ quan: Tỉnh Phú Thọ, Chức vụ: Phó Chủ tịch
Ngày ký: 10-04-2024 15:45:03 -07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH TẤN ĐẠT PHÚ THỌ

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên

Mã số doanh nghiệp: 2600887919

Đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 6 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 27 tháng 5 năm 2021

Do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp

Địa chỉ trụ sở chính: số nhà 1058, đường Hùng Vương, phường Tiến Cát,
thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

DL 658809

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 576, tờ bản đồ số: 45 (Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000)
b) Địa chỉ: Khu 1, xã Vĩnh Lợi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
c) Diện tích: 1.384,5 m² (Bảng chữ: Một nghìn ba trăm tám mươi tư phẩy năm mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: riêng: 1.384,5 m²
chung: không
đ) Mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 19 tháng 10 năm 2072
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Người sử dụng đất được UBND tỉnh Phú Thọ cho thuê thửa đất trên để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lợi

Phú Thọ, ngày 19 tháng 04 năm 2024
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THO
TU. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Phạm Văn Quang

Số vào sổ cấp GCN: CT.10342

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



ĐIỂM	ĐOẠN	ĐOẠN
	CHUỖ ĐAI CANH	CHUỖ ĐAI CANH
A1	30,00	30,00
A2	36,95	36,95
A3	6,03	6,03
A4	11,25	11,25
A5	29,97	29,97
A6	43,01	43,01

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

và chữa cháy và các quy định của pháp luật có liên quan; trong đó, phải chấp hành nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và các quy định pháp luật khác trong quá trình đầu tư, xây dựng và tổ chức sản xuất kinh doanh; Thực hiện dự án theo đúng các nội dung quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Đảm bảo nguồn vốn để thực hiện dự án theo đúng nội dung, tiến độ đã được chấp thuận chủ trương đầu tư/cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Đăng ký, kê khai và nộp các loại thuế và các nghĩa vụ tài chính khác cho Nhà nước-Việt Nam và cho địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6330751534 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Phú Thọ cấp chứng nhận lần đầu ngày 23/9/2021.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ và được đăng tải lên Hệ thống thông tin Quốc gia về Đầu tư.

Nơi nhận:

- Như điều 5;

- Lưu: TD&QLDABT

GIÁM ĐỐC



Trịnh Thế Truyền

CHỨNG THỰC

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 17-04-2023

Số công thư: 1619/2023/STC



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Quang

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ



Số: 6330751534 - Ngày cấp: 15/03/2023

UBND TỈNH PHÚ THỌ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 6330751534

Chứng nhận lần đầu: Ngày 23 tháng 9 năm 2021
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01: Ngày 15 tháng 03 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;
Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 07/03/2016; Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016; Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Kế hoạch và Đầu tư;
Căn cứ Quyết định chấp thuận đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2329/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ;
Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6330751534 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Phú Thọ cấp chứng nhận lần đầu ngày 23/9/2021;
Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án và hồ sơ kèm theo của nhà đầu tư.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ

Chứng nhận: Dự án Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại tại Khu I, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ; Mã số dự án 6330751534 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Phú Thọ cấp chứng nhận lần đầu ngày 23/9/2021;

Được đăng ký điều chỉnh: Tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: Công ty TNHH Tân Đạt Phú Thọ

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 2600887919 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/6/2013. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 1058, đường Hùng Vương, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Họ và tên: Trần Thanh Cảnh; Sinh ngày: 20/12/1976; Quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân số: 131310883; Ngày cấp: 23/5/2013; Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ; Chức danh: Giám đốc; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Phố Mai Sơn II, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án: Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại.

2. Mục tiêu dự án: 01 Kho chứa nguyên liệu 100 m³ (bao gồm: 04 bể chứa x 25 m³).

3. Quy mô dự án:

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 3.376,9 m² (trong đó: Đất hành lang giao thông là 1.641,5 m²; đất dự kiến thực hiện dự án là 1.735,4 m²).

- Quy mô xây dựng: Nhà mái che cột bơm 150,0 m², Nhà bán hàng 189,0m², công trình phụ trợ 200 m², và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác: sân, bãi đỗ xe, bể chứa xăng dầu ngầm, bể lắng dầu, bể nước cứu hỏa, hố cát cứu hỏa, cây xanh... với tổng diện tích 1.196,4 m².

4. Dự kiến tổng vốn đầu tư của dự án: 5,5 tỷ đồng (Năm từ năm trăm triệu đồng). Trong đó: Vốn góp: 1,1 tỷ đồng (đạt 20% tổng vốn đầu tư); vốn huy động: 4,4 tỷ đồng (đạt 80% tổng vốn đầu tư).

5. Thời hạn hoạt động của dự án: 49 năm, kể từ ngày được nhà nước quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Khu I, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

7. Tiến độ thực hiện dự án:

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

+ Tháng 12/2021: Hoàn thành vốn góp;

+ Tháng 3/2023: Hoàn thành huy động vốn thực hiện dự án.

- Tiến độ thực hiện:

Tháng 9/2021 - 3/2024: Thực hiện các thủ tục đầu tư để bàn giao mặt bằng; Đầu tư xây dựng công trình và hoàn thành dự án đưa vào hoạt động.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Dự án được hưởng các ưu đãi như sau:

- Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Ưu đãi về thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định: nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

- Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuế mặt nước.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

- Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật. Thực hiện báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư.

- Hoàn tất các thủ tục liên quan để thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường, Luật phòng cháy



HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11 /2023/HĐTD

Phú Thọ, ngày 28 tháng 11 năm 2023

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ thuê để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Thông báo số 3326/TB-CTPTH ngày 06/11/2023 của Cục Thuế tỉnh Phú Thọ về đơn giá thuê đất, thuê đất mặt nước.

Hôm nay, ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ

Do ông: Phạm Văn Quang - Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, làm đại diện.

Địa chỉ trụ sở: Phường Tân Dân - Thành phố Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ

Tài khoản: 8123.2.1076993 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

II. Bên thuê đất là: Công ty TNHH Tấn Đạt Phú Thọ

Do ông: Trần Thanh Cảnh - Chức vụ: Giám đốc, làm đại diện.

Địa chỉ: Số 1058, đường Hùng Vương, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Tài khoản: 2707201002520 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ II.

III. Hai Bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê là 1.384,5 m² (bằng chữ: Một nghìn, ba trăm tám mươi tư phẩy năm mét vuông) tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.
2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định trên Bản trích đo địa chính tỷ lệ 1/500 do Công ty TNHH TG Vina lập, đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 19/10/2023.
3. Thời hạn thuê đất: 49 năm kể từ ngày 19/10/2023.
4. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất thương mại, dịch vụ (để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại).

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất là 10.400 đồng/m²/năm (Mười nghìn, bốn trăm đồng trên một mét vuông trên một năm).
2. Tiền thuê đất được ổn định 05 năm, kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2028. Hết thời hạn trên, giá tiền thuê đất được tính lại theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.
3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm.
4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc nhà nước huyện Lâm Thao.
5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê, ... thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;
3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mãi tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

CHỨNG THỰC
BẢN SÀU ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: **23-01-2024**

Số chứng thực...**26**...Quyển số...**01**...



BÊN THUÊ ĐẤT

CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Cảnh



BÊN CHO THUÊ ĐẤT

Phạm Văn Quang



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu Hiền



BẢN TRÍCH ĐO ĐỊA CHÍNH THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VÀ GIAO ĐẤT CHO CÔNG TY TNHH TẤN ĐẠT PHÚ THỌ THỦY
ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU VĨNH LẠI

Địa điểm: Khu Đồng Vườn Không - xã Vĩnh Lại - huyện Lâm Thao - tỉnh Phú Thọ

Số: 03/2023/TĐĐC-TC; tỷ lệ 1/500



TỶ LỆ: 1:500
BẢNG THỐNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM MỐC
(HỆ TOẠ ĐỘ NHÀ NƯỚC VN 2000)

TÊN ĐIỂM	TOA ĐỘ		KHOẢNG CÁCH (M)
	X(m)	Y(m)	
A1	2351214.440	560476.070	37.16
A2	2351219.000	560512.950	24.60
A3	2351242.700	560519.540	30.00
A4	2351272.650	560517.770	26.95
A5	2351272.390	560490.820	6.93
A6	2351270.880	560484.050	11.25
A7	2351269.330	560472.910	29.97
A8	2351239.410	560474.660	25.01
A1	2351214.440	560476.070	



GHI CHÙ

[illegible]

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 2224 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 19 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ Ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 5 năm (2020-2024); Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 04/11/2023 ban hành quy định về bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 về đơn giá bồi thường các loại cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Thông báo số 49/TB-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao;

Căn cứ Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lâm Thao;

Theo đề nghị của UBND huyện Lâm Thao (Tờ trình số 138/TTr-UBND ngày 29/9/2023) và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 588/TTr-TNMT ngày 13/10/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, chi tiết như sau:

1. Khối lượng bồi thường, hỗ trợ:

- Diện tích đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND xã Vĩnh Lại quản lý được bồi thường, hỗ trợ là 1.496,9 m² đất chuyên trồng lúa nước (Vị trí 1, khu vực 4).

- Số tổ chức được hỗ trợ: 01 tổ chức (UBND xã Vĩnh Lại).

- Số hộ gia đình, cá nhân được bồi thường, hỗ trợ: 04 hộ gia đình, cá nhân.

2. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ:

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (làm tròn) là: **112.710.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

STT	Nội dung	Kinh phí phê duyệt (đồng)
I	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ	112.709.685
1	Hỗ trợ về đất	63.749.977
2	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	32.785.703
3	Bồi thường năng suất sản lượng	8.689.505
4	Thưởng GPMB nhanh (tạm tính)	7.484.500
II	Kinh phí tổ chức thực hiện	0
III	TỔNG CỘNG (I+II)	112.709.685

(Chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ của từng chủ sử dụng đất có biểu kèm theo).

Điều 2. UBND huyện Lâm Thao có trách nhiệm chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Lâm Thao căn cứ vào phương án bồi thường, hỗ trợ được duyệt, kiểm tra chặt chẽ tính pháp lý của hồ sơ, thời gian chi trả trước khi chi trả tiền. Kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, UBND huyện Lâm Thao, UBND xã Vĩnh Lại và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Phan Trọng Tấn;
- Các PCVP;
- TTPVHCC;
- Lưu VT, TN2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Trọng Tấn

DANH SÁCH CHI TIẾT KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án: Đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Vĩnh Lại tại khu 1, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao
(Kèm theo Quyết định số: 2224/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Diện tích thu hồi	Kinh phí bồi thường (đồng)		Kinh phí hỗ trợ (đồng)		Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)
			Chi phí đầu tư vào đất còn lại	NSSL cây trồng	Thưởng GPMB nhanh (tạm tính)	Hỗ trợ đất công ích UBND xã	
		LUC					
		1.496,9	32.785.703	8.689.505	7.484.500	63.749.977	112.709.685
1	Phạm Quốc Hải	494,8	10.837.308	2.872.314	2.474.000		16.183.622
2	Lê Thành Đông	167,0	3.657.701	969.435	835.000		5.462.136
3	Đào Danh Tuyên	375,7	8.228.732	2.180.939	1.878.500		12.288.170
4	Lê Xuân Lộc	459,4	10.061.963	2.666.817	2.297.000		15.025.780
5	UBND xã Vĩnh Lại	1.496,9				63.749.977	63.749.977

THUYẾT MINH:

1. TÍNH SỨC CHỮA:

75M3 – CHỮA TRONG 3 BỂ NGÂN LÂM ĐỒI

BẢO GỒM:

- 01 BỂ 25M3 NGÂN LÂM ĐỒI: 01 MỎA CHỮA 12,5M3 XĂNG (ES) VÀ 01 MỎA CHỮA 12,5M3 XĂNG (ES)
- 01 BỂ 25M3 NGÂN LÂM ĐỒI: 01 MỎA CHỮA 12,5M3 DẦU (DO) VÀ 01 MỎA CHỮA 12,5M3 XĂNG (AGS)
- 01 BỂ 25M3 NGÂN LÂM ĐỒI: 01 MỎA CHỮA 12,5M3 DẦU (DO) VÀ 01 MỎA CHỮA 12,5M3 DẦU (DO)

2. CHỨC NĂNG CÔNG NGHIỆP:

- NHẬP: NHẬP CÁC LOẠI XĂNG DẦU BẰNG PHƯƠNG PHÁP TỰ CHẢY TỪ 0 TỶ XUỐNG
- QUA CÁC HỒNG NHẬP KÍN VÀO BỂ CHỮA, MỖI LOẠI NHIÊN LIỆU MỘT HỒNG NHẬP RIÊNG BIỆT
- XUẤT: XUẤT BÁN LẺ CHO PHÒNG TIỀN BẢNG CỘT BOM ĐIỆN TỬ CHUYỂN ĐIỆN

3. BỂ CHỮA:

- DÙNG LOẠI BỂ CHỮA 25M3 CHỌN NGÂN
- TRƯỚC KHI CHO BỂ VÀO LẮP ĐẶT CẦN PHẢI VỆ SINH CÔNG NGHIỆP
- SỨC NỮA SẠCH CÁC TẬP CHẤT TRONG BỂ VÀ LAU KHÔ BỂ TRƯỚC KHI CHỮA XĂNG DẦU
- CHỐNG RỈ BỂ CHỮA: BỌC CHỐNG RỈ BỂ CHỮA LOẠI TĂNG CƯỜNG THEO TIÊU QUY ĐỊNH TCVN 4090:1985.
- BỌC BẢO QUẢN NGÂN BỂ 2 LỚP VÀI THỦY TINH + 3 LỚP NHỰA ĐƯỜNG MỎNG, TỔNG CHIEU DÀY LỚP BỌC = 6 ± 5MM

4. ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHIỆP:

- LẮP ĐẶT BẰNG PHƯƠNG PHÁP MỎI RÊN VÀ HÀN, DÒNG QUE HÀN NSO-28 (TONG), HOẶC LOẠI QUE HÀN CÓ KHẢ NĂNG TƯƠNG ĐƯƠNG,
- CHIEU CAO MỎI HÀN BẰNG CHIEU DÀY NHỎ NHẤT CỦA CHI TIẾT CẦN HÀN, MỎI RÊN ĐƯỢC LÀM KÍN BẰNG VẬT LIỆU CHUYÊN DỤNG
- SỬ DỤNG LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG, TIỀN HÀNH THỎ BÊN THỎ KÍN ĐƯỜNG ỐNG VỚI ÁP LỰC THỎ 3KG/CM2
- CHỐNG RỈ ĐƯỜNG ỐNG BẰNG BĂNG 02 LỚP SƠN CHỐNG RỈ THEO QUY ĐỊNH
- BỂ CHỮA XĂNG ES, DẦU DO NGÂN LÂM ĐỒI CÓ ĐƯỜNG ỐNG XUẤT RA CỘT BOM MỎI CHUNG VÀO 1 ĐƯỜNG ỐNG, QUẢN LÝ BẰNG HỆ THỐNG VAN CHẶN

- VẬT LIỆU: VẬT LIỆU CHỊU XĂNG DẦU VÀ KHÔNG CHÁY.
- ĐƯỜNG KÍNH TRONG: ĐƯỜNG KÍNH TRONG CỦA ỐNG ≥ 32 MM.
- CHỐNG ẦM MỒN VÀ CHỐNG TỈNH ĐIỆN: ĐỐI VỚI ĐƯỜNG ỐNG THIẾT PHẢI CÓ BIỆN PHÁP BẢO VỆ CHỐNG ẦM MỒN, ĐỐI VỚI ĐƯỜNG ỐNG BẰNG VẬT LIỆU KHÔNG DẪN ĐIỆN PHẢI TÍNH ĐẾN BIỆN PHÁP THIẾT TÍNH ĐIỆN TRONG QUÁ TRÌNH XUẤT, NHẬP XĂNG DẦU
- LÊN KẾT ỐNG: LÊN KẾT ỐNG PHẢI ĐẢM BẢO KÍN, ĐẾN CƠ HỌC VÀ HÓA HỌC
- VỊ TRÍ ĐẶT ỐNG: TRONG ĐẤT HOẶC BÊN CỎ NẤP, XUNG QUANH PHẢI CHÈN CHẶT BẰNG CÁT. CHIEU DÀY LỚP CHÈN ≥ 15 CM. CHO PHÉP ĐẶT MỎI TẠI CÁC VỊ TRÍ KHÔNG BỊ TÁC ĐỘNG BỀN NGƯỜI VÀ PHƯƠNG TIỆN QUAY LẠI
- ĐƯỜNG ỐNG TRONG KHU VỰC 0 TỶ IN LẠI: ĐẶT TRONG ỐNG LỒNG ĐẶT NGẦM HOẶC TRONG BÊN CHÈN CÁT CỎ NẤP. HAI ĐẦU ỐNG LỒNG PHẢI ĐƯỢC XÂM KÍN. ĐỘ SÂU ỐNG PHẢI ĐẢM BẢO KHÔNG ẢNH HƯỞNG TỚI ĐỘ BỀN CỦA TOÀN BỘ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG
- KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC ỐNG: ĐƯỜNG ỐNG IN SONG SONG PHẢI CÁCH NHAU $\geq$ MỘT LẦN ĐƯỜNG KÍNH ỐNG
- ỐNG CÓ LÊN KẾT MẶT BÍCH: ≥ 0 MẶT BÍCH + 3 CM
- ĐỘ ĐỐC CỦA ỐNG: ĐỐC VỀ PHÍA BỂ CHỮA $\geq 1\%$
- ĐƯỜNG ỐNG XUẤT XĂNG DẦU: ĐIỂM THẤP NHẤT CỦA ĐƯỜNG ỐNG XUẤT CÁCH ĐÁY BỂ ≥ 15 CM. MỖI CỘT BOM PHẢI CÓ ĐƯỜNG ỐNG XUẤT RIÊNG BIỆT. ỐNG XUẤT BỂ NGẦM PHẢI CÓ VAN 1 CHIEU
- ĐƯỜNG ỐNG NHẬP: PHƯƠNG PHÁP NHẬP KÍN. ĐƯỜNG ỐNG NHẬP PHẢI Kéo DÀI XUỐNG ĐÁY BỂ VÀ CÁCH ĐÁY BỂ ≤ 20 CM.
- VAN THỎ: PHẢI LẮP ĐẶT. CHO PHÉP LẮP ĐẶT CHUNG 1 VAN THỎ ĐỐI VỚI CÁC BỂ CHỮA CÙNG NHÓM NHIÊN LIỆU. PHẢI CÓ THIẾT BỊ NGĂN LỬA.
- YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI VAN THỎ: THÔNG SỐ KỸ THUẬT PHÙ HỢP VỚI KẾT CẤU, DUNG TÍCH VÀ ĐIỀU KIỆN VẬN HÀNH BỂ CHỮA.
- + MỆNG XÁ VAN THỎ PHẢI HƯỚNG SANG NGANG HOẶC HƯỚNG LÊN PHÍA TRÊN
- + ĐƯỜNG KÍNH TRONG CỦA MỎI TỪ BỂ TỚI VAN THỎ: ≥ 50 MM + ĐỘ CAO: CÁCH MẶT ĐẤT ≥ 3 M
- + ỐNG MỎI VAN THỎ LẮP ĐẶT THEO TƯỜNG BAO CỬA CHỖ: CHO PHÉP ĐIỀU CHỈNH ỐNG MỎI VAN THỎ CHIỀU ≥ 450 THEO PHƯƠNG THẲNG ĐỒNG, KHOẢNG CÁCH TỪ VAN THỎ BÊN MẾP TRONG BỜ TƯỜNG VỀ PHÍA CHỖ $\geq 2M$ (GẦN CỘT 0,5 M NẾU CÓ HỆ THỐNG THU HỒI HƠI XĂNG). + ỐNG MỎI VAN THỎ ĐƯỢC THEO TƯỜNG, CỘT CỦA CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG: MỆNG XÁ VAN THỎ CAO HƠN MỐC HỐC MÀN NHÀ ≥ 1 M VÀ CÁC LOẠI CỬA $\geq 3,5$ M.
- + CHỐNG SÉT VAN THỎ: CHỐNG SÉT ĐÁNH THẲNG RIÊNG HOẶC NẦM TRONG VÙNG BẢO VỆ HỆ THỐNG CHỐNG SÉT ĐÁNH THẲNG CHUNG CỦA CHỖ.
- + CHIEU CAO KIM THU SÉT: ĐẢM BẢO CHO VAN THỎ NẦM HOÀN TOÀN TRONG VÙNG BẢO VỆ CỦA KIM THU SÉT. TRƯỜNG HỢP CÁC VAN THỎ ĐẶT CAO VÀ KHÔNG NẦM TRONG VÙNG BẢO VỆ CHỐNG SÉT CỦA CÁC CÔNG TRÌNH CAO XUNG QUANH THÌ PHẢI CHỐNG SÉT ĐÁNH THẲNG CHO VAN THỎ BẰNG CÁC CỘT THU SÉT ĐƯỢC MỎI BẰNG THỂ.
- + ĐẦU KIM THU SÉT CÁCH VAN THỎ: ≥ 5 M

5. TRƯỚC KHI SỬ DỤNG: PHẢI VỆ SINH ĐƯỜNG ỐNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP THỦY KẾ NÉN



KÝ HIỆU	NGƯỜI HOÀN THIỆN	MỘT BẢNG
1	2024	Số sơ thiết kế bản vẽ thi công
2		
3		
4		
5		
6		
7		
CHỖ DẤU TÊN		
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TM & XD HÙNG CƯỜNG PHÚ THỌ		
CƠ QUAN THIẾT KẾ		
CÔNG TY THANH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ		
ĐỊA CHỈ: Tay Nét P. Hùng Trưng - TP. Việt Trì - T. Phú Thọ Điện thoại: 0983.973.253		
PHỤ THU OFFICE: Số 8, Hùng Trưng - TP. Việt Trì - T. Phú Thọ Tel: 0983.973.253		
GIÁM ĐỐC CÔNG TY THANH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ LÊ THỊ THUY HOÀN		
CHỖ CHỮ TÊN: T. PH		
KS: NGUYỄN BẢO TÀI		
THIẾT KẾ VẼ:		
KS: BUI XUÂN ĐÔNG		
KHOA:		
NGUYỄN NGỌC ĐỨC		
CÔNG TRÌNH		
CỦA HÀNG XĂNG DẦU VĨNH LẠI		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: 1 - XÃ VĨNH LẠI - HUYỆN LÂM ĐỒI - TỈNH PHÚ THỌ		
HẠNG MỤC:		
TÊN BẢN VẼ		
THUYẾT MINH CÔNG NGHỆ		
TÝ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ	
KHO GIẤY: A3	TMCN - 01	

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TM&XD
HÙNG CƯỜNG PHÚ THỌ**

THẨM TRA

Theo văn bản số 01/BC-KTTH
Ngày 5 tháng 7 năm 20 24
Chủ trì bộ môn ký tên:

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG
1	2024	ĐIỂM ĐÓNG
2		
3		
4		
5		
6		
7		

CÔNG TY TNHH TẤN ĐẠT
PHÚ THỌ

CÔNG TY
TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
TÂN PHONG PHÚ THO

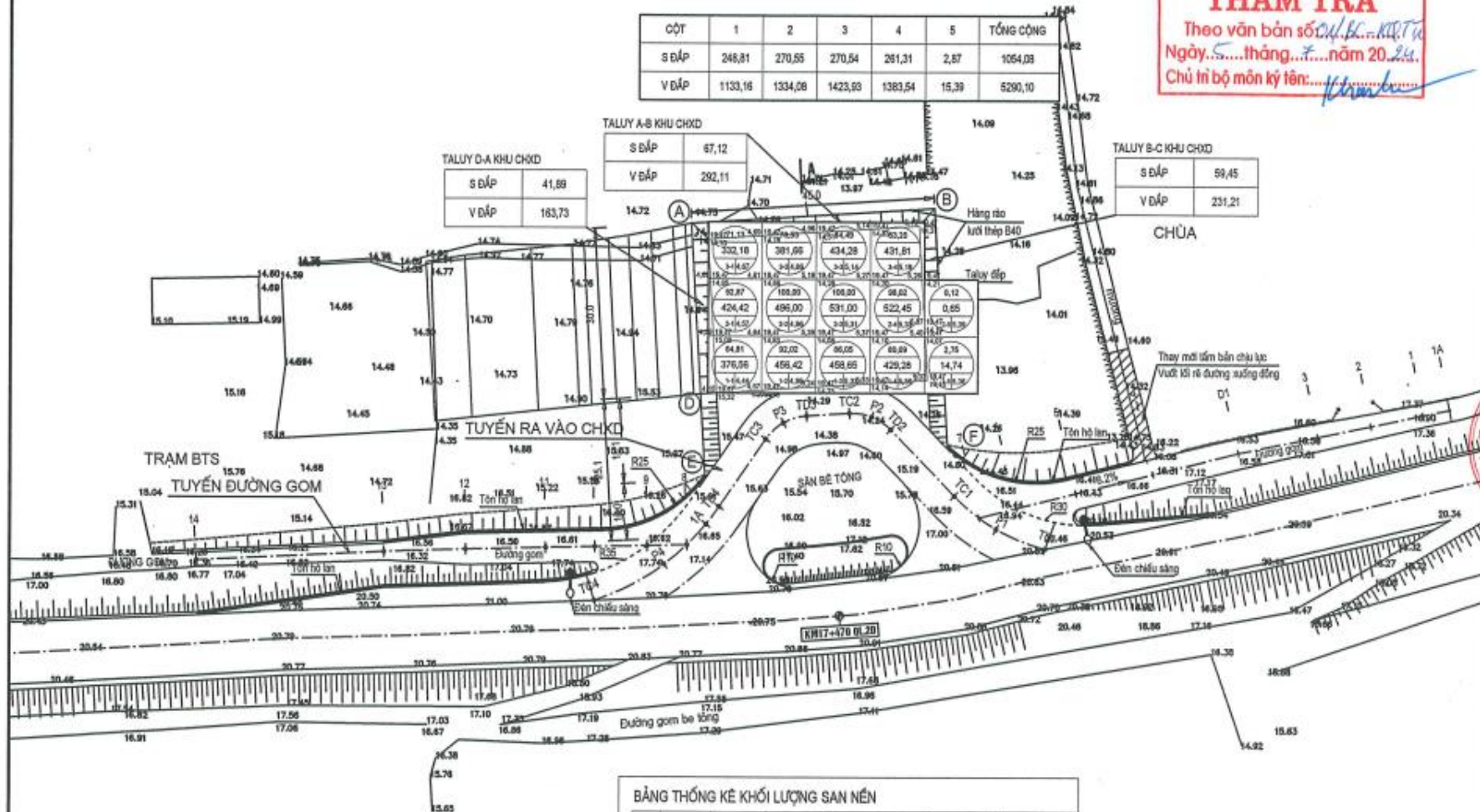
ĐỊA CHỈ:
Tầng 9, Ngõ Trung - TP. Hồ Chí Minh - T. Phú Thọ
Điện thoại: 0988.675.253

PHỤ THUỘC OFFICE:
Add: 9, Ngõ Trung - TP. Hồ Chí Minh - T. Phú Thọ
Tel: 0988.675.253

GIÁM ĐỐC **CHAU**
TƯ VẤN VÀ ĐUNG
TÂN MẠNG
PHỤ THẠ
LE THỊ THUY HOAN
CHỦ TRƯỞNG

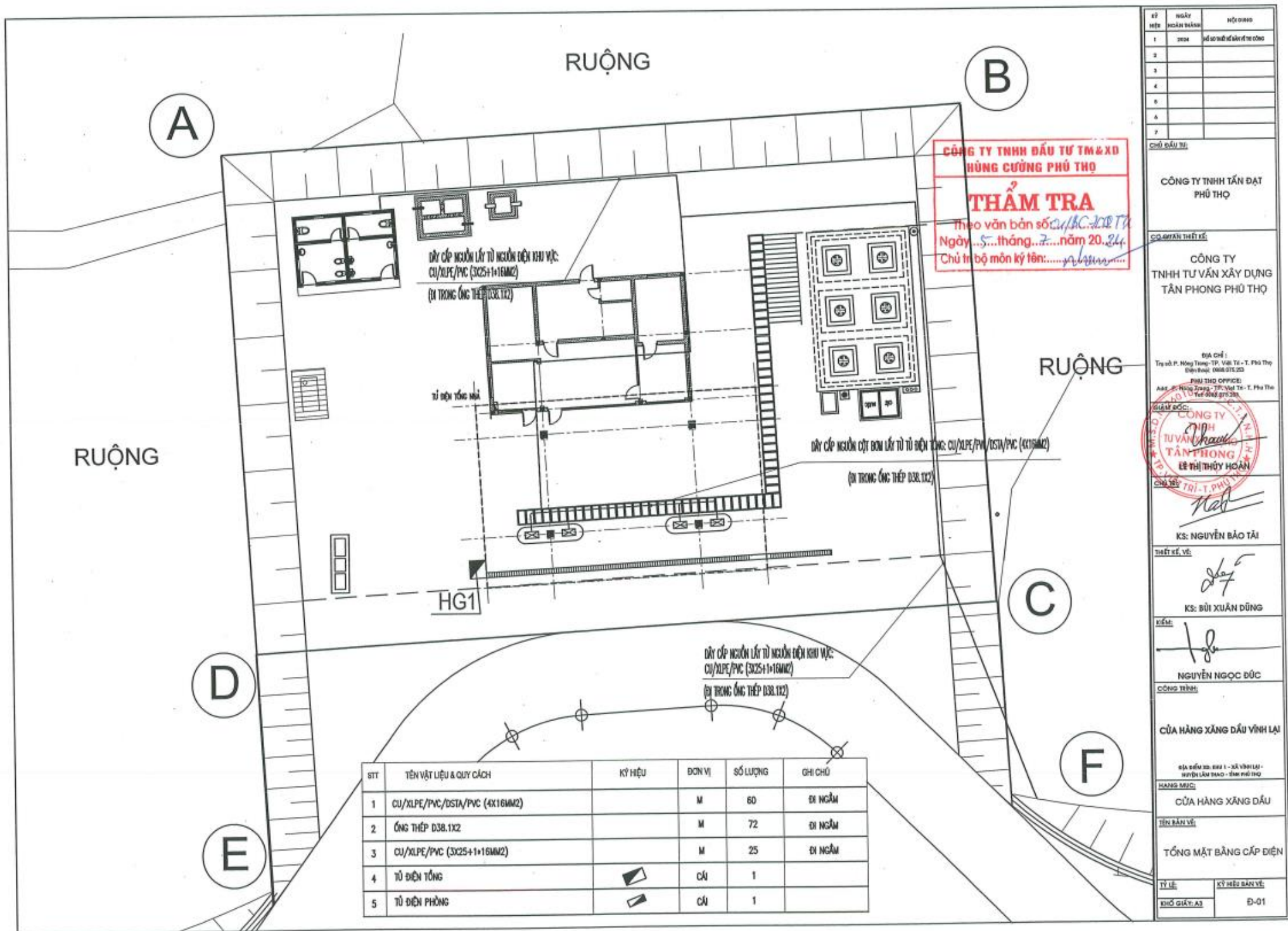
PHỔ GIẤY A3

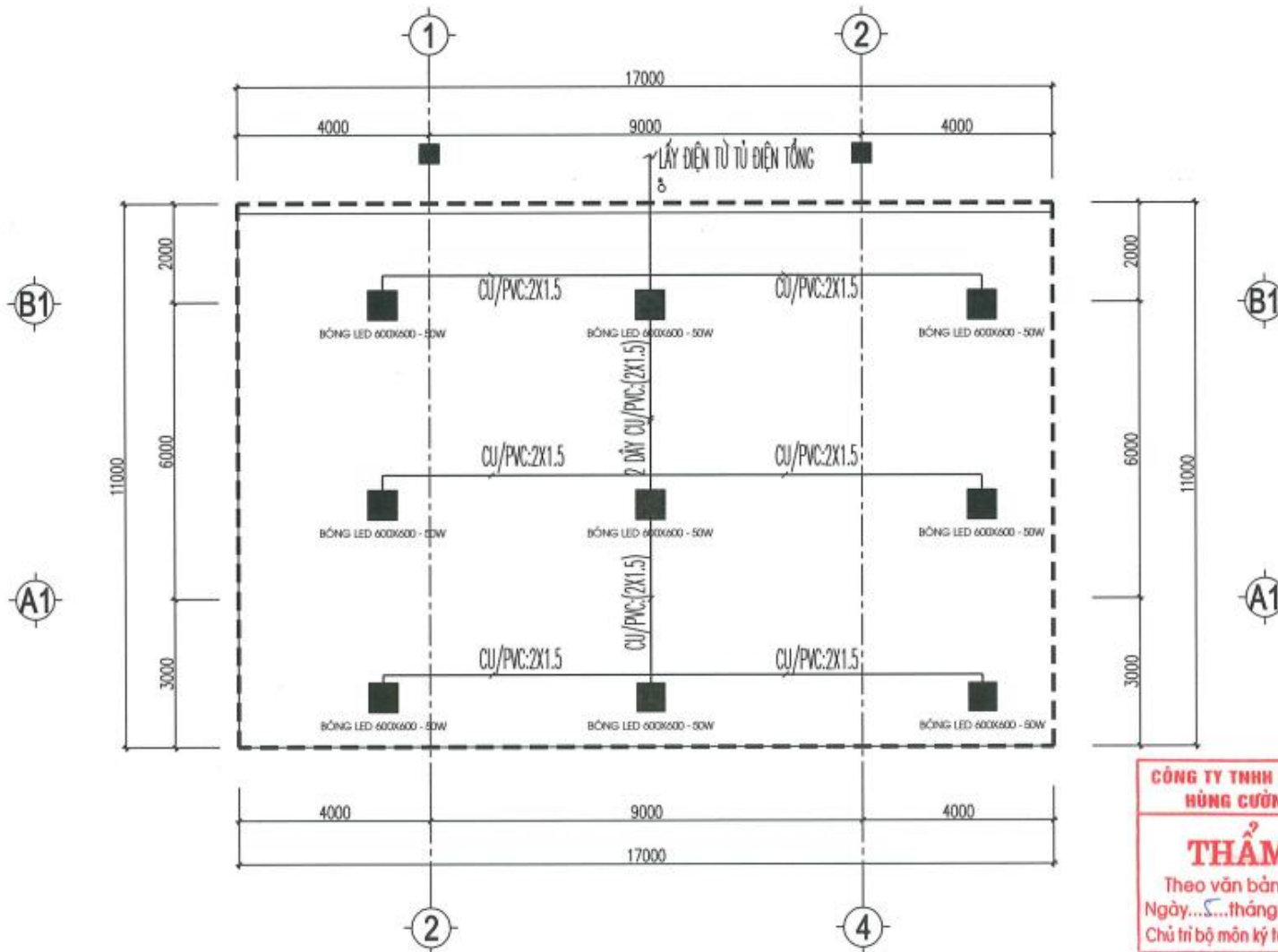
MB: 03 - 2



STT	TÊN KHU	DIỆN TÍCH CHXD (M ²)	DIỆN TÍCH TA LUY (M ²)	CHIỀU CAO ĐẬP TRUNG BÌNH (M)	KHỐI LƯỢNG ĐẬP (M ³)	KHỐI LƯỢNG ĐẬP TALUY (M ³)
1	CHXD	1054,08	168,46	5,02	5280,10	687,05

$V = S \times H = 1054,08 \times 0,20 = 210,82 \text{ (M}^3\text{)}$
 $V \text{ (TALUY)} = S \times H = 168,46 \times 0,20 = 33,69 \text{ (M}^3\text{)}$
 RỘNG ĐÓ:
 S: DIỆN TÍCH VẾT HỒ CƠ KHU BẮT
 H: CHIỀU DÀY VẾT HỒ CƠ TRUNG BÌNH





BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ - THIẾT BỊ NHÀ CỘT BOM

STT	TÊN VẬT LIỆU & QUY CÁCH	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	BÓNG LED 600X600X3MM - 50W		BỘ	09	Ánh sáng (10)
2	CÔNG TẮC 3 NHẤN 1 CHIỀU 16A (10)		CẶ	01	Lắp ở cột 1.2m
3	CỤ/PVC/PVC (2X1.5)		M	80	Ánh tường hoặc trần
4	ỐNG LƯỚI PVC TỰ CHỐNG CHÁY # 16		M	80	Ánh tường hoặc trần
5	HỘ CHÁI ĐẦU MỐI CÁP/HỘ PHÂN DÂY		CẶ	02	

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐIỆN TRẦN MÁI CHE CỘT BOM

STT	HỌ TÊN	SỐ QUÂN THIẾT KẾ
1	...	...
2	...	...
3	...	...
4	...	...
5	...	...
6	...	...
7	...	...

CHỖ ĐẤU VÉ

CÔNG TY TNHH TẤN ĐẠT PHÚ THỌ

CƠ QUAN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ

Địa chỉ: ...
 Trụ sở: P. Hùng Trưng - TP. Vinh - T. Phú Thọ
 Điện thoại: 0980.075.203

PHỤ THO OFFICE:
 ANH P. Hùng Trưng - TP. Vinh - T. Phú Thọ
 Fax: 0980.075.203

CHỖ ĐẤU VÉ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG
LÊ THỊ THUYẾT HOÀN

CHỖ ĐẤU VÉ

KS: NGUYỄN BẢO TÀI

CHỖ ĐẤU VÉ

KS: BUI XUÂN DŨNG

CHỖ ĐẤU VÉ

NGUYỄN NGỌC ĐỨC

CÔNG TRÌNH

CỦA HÀNG XĂNG DẦU VĨNH LẠI

Hệ thống cấp nước 1 - hệ thống cấp nước sinh hoạt - hệ thống cấp nước

HÀNG MỤC

CỦA HÀNG XĂNG DẦU

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG ĐIỆN

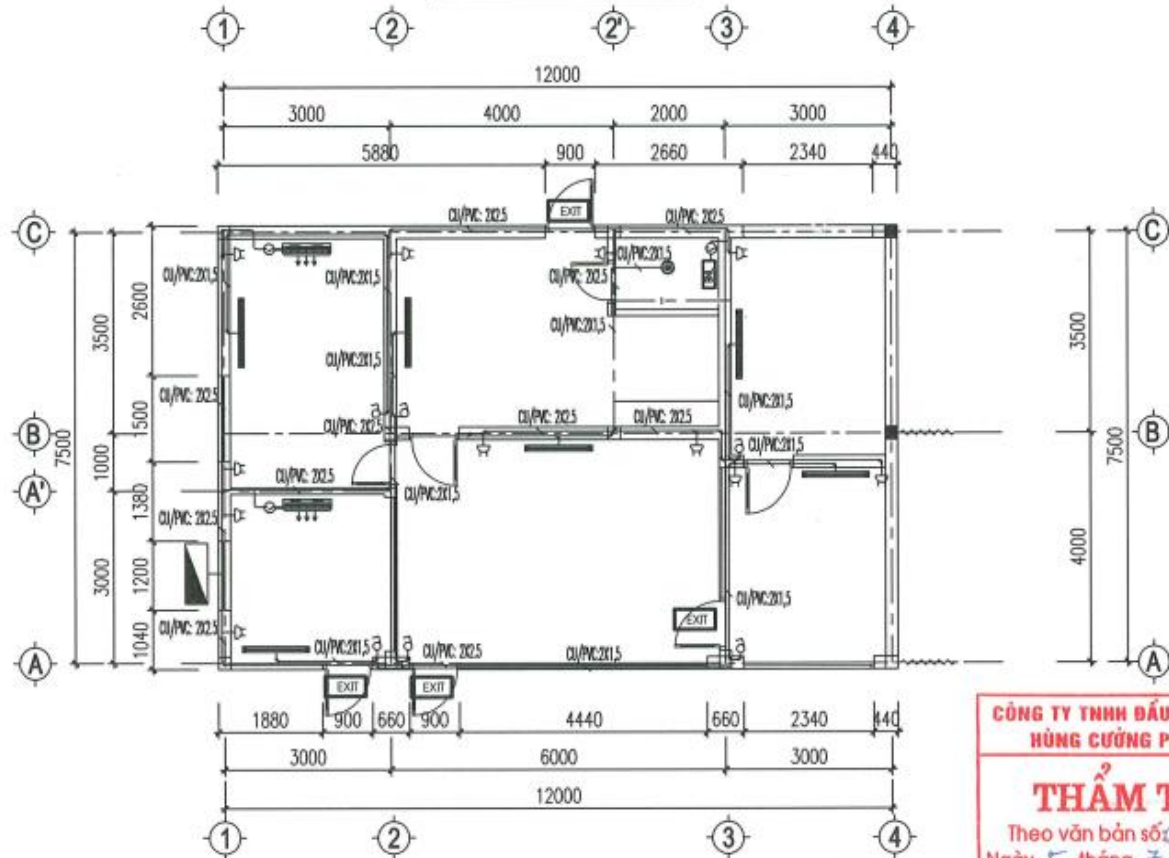
TÝ LỆ

KÝ HIỆU BẢN VẼ

CHỖ ĐẤU VÉ

Đ-02

MẶT BẰNG NHÀ BÁN HÀNG



BẢNG THỐNG KÊ DANH MỤC VẬT TƯ - THIẾT BỊ

STT	TÊN VẬT LIỆU & QUY CÁCH	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	ĐÈN HUỖNH QUANG 220V/1.2MX1X36W		BỘ	06	LẮP THEO TK
2	ĐÈN LỚP D250 BÓNG COMPACT 220V/16W		BỘ	06	LẮP SÁT TRẦN(TK)
4	CÔNG TẮC 1 NHẪN 1 CHIỀU 10A (LD)		CÁI	06	LẮP Ở CỘT 1.2M
5	CÔNG TẮC 2 NHẪN 1 CHIỀU 10A (LD)		CÁI	02	LẮP Ở CỘT 1.2M
6	Ổ CẮM DÔI 10A		CÁI	10	LẮP Ở CỘT 1.2M
7	ẤT 20A-2P		CÁI	03	ÂM TƯỜNG
8	ẤT 50A-2P		CÁI	01	TỦ ĐIỆN
9	ẤT 100A-2P		CÁI	01	TỦ ĐIỆN
10	ĐE CHÌM CÁC LOẠI CÔNG TẮC, Ổ CẮM		CÁI	21	ÂM TƯỜNG

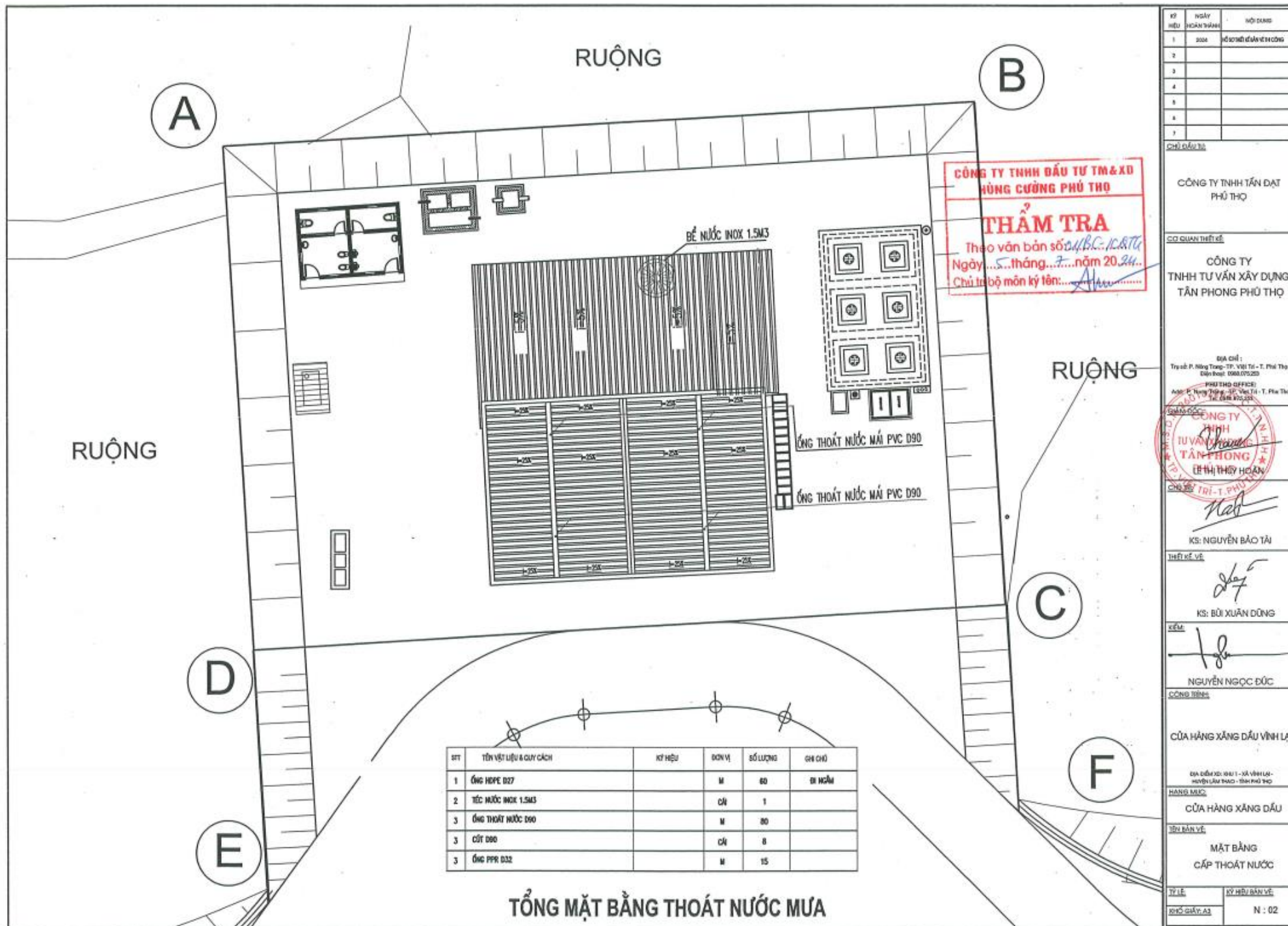
STT	TÊN VẬT LIỆU & QUY CÁCH	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
11	TỦ ĐIỆN TỔNG PHÒNG		CÁI	01	LOẠI <=BOX30MM
12	TỦ ĐIỆN TỔNG TOÀ NHÀ		CÁI	1	LẮP Ở CỘT 0.2M
13	CU/PVC/PVC (2X2.5)		M	100	ÂM TƯỜNG HOẶC TRẦN
14	CU/PVC/PVC (2X1.5)		M	150	ÂM TƯỜNG HOẶC TRẦN
15	ỐNG LUỒNG PVC TỰ CHỐNG CHÁY D16		M	250	ÂM TƯỜNG HOẶC TRẦN
16	HỘP CHẠ ĐẤU NỐI CÁP(HỘP PHÂN DÂY)		CÁI	05	
17	ĐÈN EXIT		BỘ	03	TREO TRÊN CỬA RA VÀO
18	MÁY PHÁT ĐIỆN 3 PHA 10KW		MÁY	1	

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TM&XD
HÙNG CƯỜNG PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số CU/BC...KĐ.TK
Ngày...5...tháng...7...năm 2024...
Chủ trì bộ môn ký tên: *Nhau*

KÝ HIỆU	HỌ TÊN	MỖI CHỖ
1	2024	Số tài liệu đầu vào của công ty
2		
3		
4		
5		
6		
7		
CHỖ DẤU TAY		
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TM&XD PHÚ THỌ		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ		
M&A CHẾ: Trụ sở: P. Hùng Trưng - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ Điện thoại: 0986.075.200 PHỤ THO ĐƠN VỊ: Anh. P. Hùng Trưng - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ Tel: 0986.075.200		
KS: NGUYỄN BẢO TÀI Thiết kế vẽ: <i>Ngô</i> KS: BUI XUÂN DŨNG Kiến: <i>Ngô</i> NGUYỄN NGỌC ĐỨC CÔNG TRÌNH:		
CỬA HÀNG XĂNG DẦU VĨNH LẠI		
M&A CHẾ: M&A CHẾ: 1 - X&A V&A L&A - M&A CHẾ: M&A CHẾ: 1 - X&A V&A L&A - M&A CHẾ: M&A CHẾ: 1 - X&A V&A L&A -		
CỬA HÀNG XĂNG DẦU		
TÊN BẢN VẼ		
MẶT BẰNG ĐIỆN		
TÊN	KÝ HIỆU BẢN VẼ	
ĐỒ GỒ: A3	D-03	



KÝ HIỆU	NGÀY HOÀN THIỆN	NỘI DUNG
1	2024	ĐIỀU CHỈNH VÀ TẠO CÔNG
2		
3		
4		
5		
6		
7		

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TẤN DAT
PHÚ THỌ

CƠ QUAN THIẾT KẾ

CÔNG TY
TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
TÂN PHONG PHÚ THỌ

ĐỊA CHỈ:
Trụ sở: P. Hùng Trưng - TP. Việt Trì - T. Phú Thọ
Điện thoại: 098.075.253

PHÒNG THO OFFICE:
Văn phòng: P. Hùng Trưng - TP. Việt Trì - T. Phú Thọ
Điện thoại: 098.075.253

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG

CHỦ TRƯỞNG: *Nguyễn Văn Hùng*

CHỦ TRƯỞNG: *Nguyễn Văn Hùng*

KS: NGUYỄN BẢO TÀI

THIẾT KẾ VẼ: *Nguyễn Văn Hùng*

KS: BÙI XUÂN DŨNG

KÊM: *Nguyễn Văn Hùng*

NGUYỄN NGỌC ĐỨC

CÔNG TRÌNH:

CỬA HÀNG XĂNG DẦU VINH LẠI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ VINH LẠI - HUYỆN LÂM THẠCH - TỈNH PHÚ THỌ

HẠNG MỤC:

CỬA HÀNG XĂNG DẦU

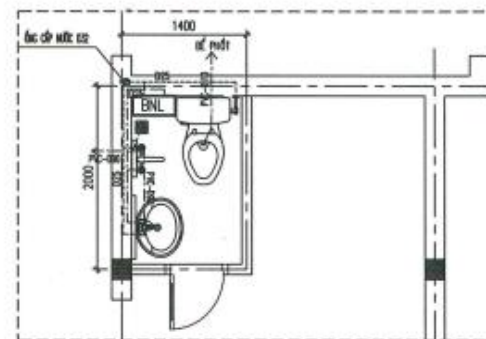
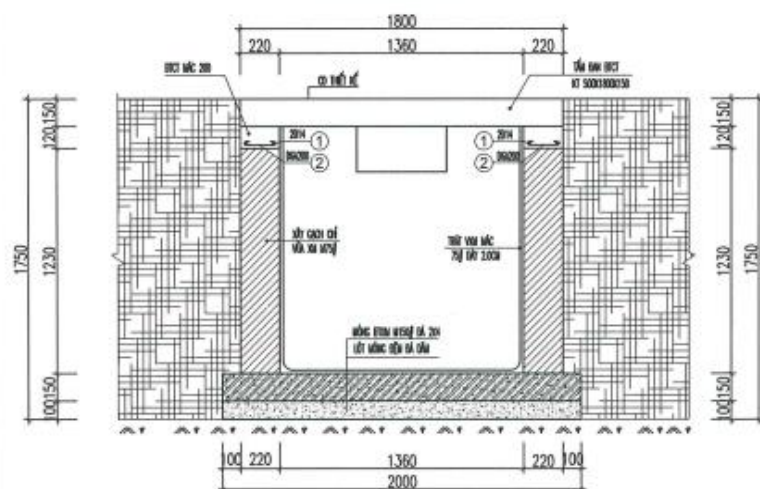
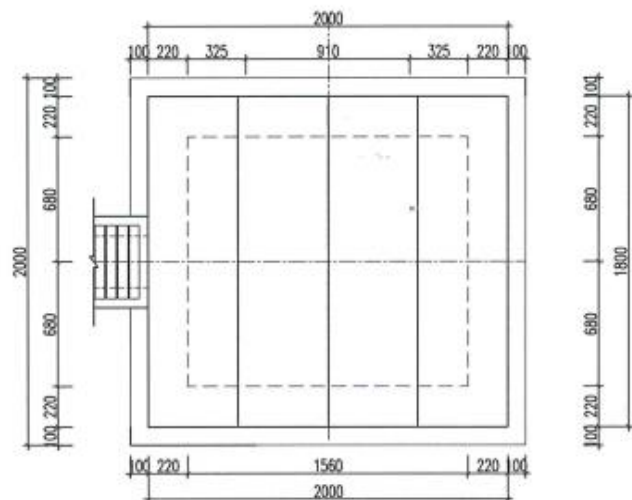
TRUYỀN BÀN VẼ:

MẶT BẰNG
CẤP THOÁT NƯỚC

TỶ LỆ:

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

KÝ HIỆU BẢN VẼ: N : 02



KHU WC 1

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TM&XD
HÙNG CƯỜNG PHÚ THỌ**

THẨM TRA

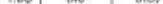
Theo văn bản số: 01/BC-KD7

Ngày...5...tháng...7...năm 2021

Chủ trì bộ môn ký tên:.....

STT	TÊN/ỨNG DỤNG CỦA CHẤT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	GHÉP
1	ÓNG PPR 325 LAMB	M	30	
2	ÓNG PPR 325 NÔNG	M	5	
3	CÁI XE PPR 325	CÁI	02	
4	CÔNG THU PPR 325-25	CÁI	02	
5	ÍTẾ PPR 325	CÁI	08	
6	MỎI NÉN TRONG 325	CÁI	07	
7	ỐNG TRUYỀN NƯỚC D110	M	10	
8	ỐNG TRUYỀN NƯỚC D80	M	30	

ਸਿ	ਟਿਕਾਣਾ/ਪਿੰਡ/ਕੋਈ ਹੋਰ	ਮਾਮਲਾ	ਸੰਪਰਕ	ਦਫਤਰ
1	ਚੌਕੀ ਫਿਰੋਜ਼	ਚੌਕੀ	1	
2	ਚੌਕੀ ਫਿਰੋਜ਼	ਚੌਕੀ	2	
3	ਫਿਰੋਜ਼-80	ਚੌਕੀ	1	
4	ਫਿਰੋਜ਼-80	ਚੌਕੀ	1	
5	ਚੌਕੀ ਫਿਰੋਜ਼	ਚੌਕੀ	1	
6	ਫਿਰੋਜ਼	ਚੌਕੀ	2	
7	ਚੌਕੀ ਫਿਰੋਜ਼	ਚੌਕੀ	8	
8	ਫਿਰੋਜ਼	ਚੌਕੀ	2	

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	BUỒNG KINH (MM)	CHIỀU DÀI 1 THANH (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG TƯỜNG (KG)	TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	BUỒNG KINH (MM)	CHIỀU DÀI 1 THANH (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG TƯỜNG (KG)
					1 C.KIỆN	T.BỘ								1 C.KIỆN	T.BỘ		
Giang MG Số lượng 3	1		14	6800	2	6	40.8	49.30	Tấm dãn Số lượng 12	1		12	1750	5	60	105	93.22
										2		6	570	9	68	61.56	13.66
	2		6	290	35	105	30.45	6.76		3		8	854.2	16	192	164.0064	64.74

SỐ HẺU	HẠNG HOÀN THIỆN	MÔ ĐUNG
1	2024	NÚT KHÉP ĐIỀU KHIỂN CỬA
2		
3		
4		
5		
6		
7		

CÔNG TY TNHH TÂN DẠT PHÚ THỌ

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY
THANH TƯ VẤN XÂY DỰNG
TÂN PHONG PHÚ THỌ

Địa chỉ:
Thị trấn P. Hùng Trưng - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ
Điện thoại: 0986.070.250

PHỤ THO OFFICE:
Anh P. Hùng Trưng - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ
Tel: 0986.070.250



KS: NGUYỄN BẢO TÀI

THIẾT KẾ:



KS: BÙI XUÂN DŨNG

VẬT:



NGUYỄN NGỌC ĐỨC

CÔNG TRÌNH

CỦA HÀNG XĂNG ĐẦU VINH L

ĐỊA CHỈ: SỐ 101-102-103 VÀ 104 LI-
HƯỚNG ĐI TRÁI - BÊN HỒ NƯỚC

HÀNG MỐC:

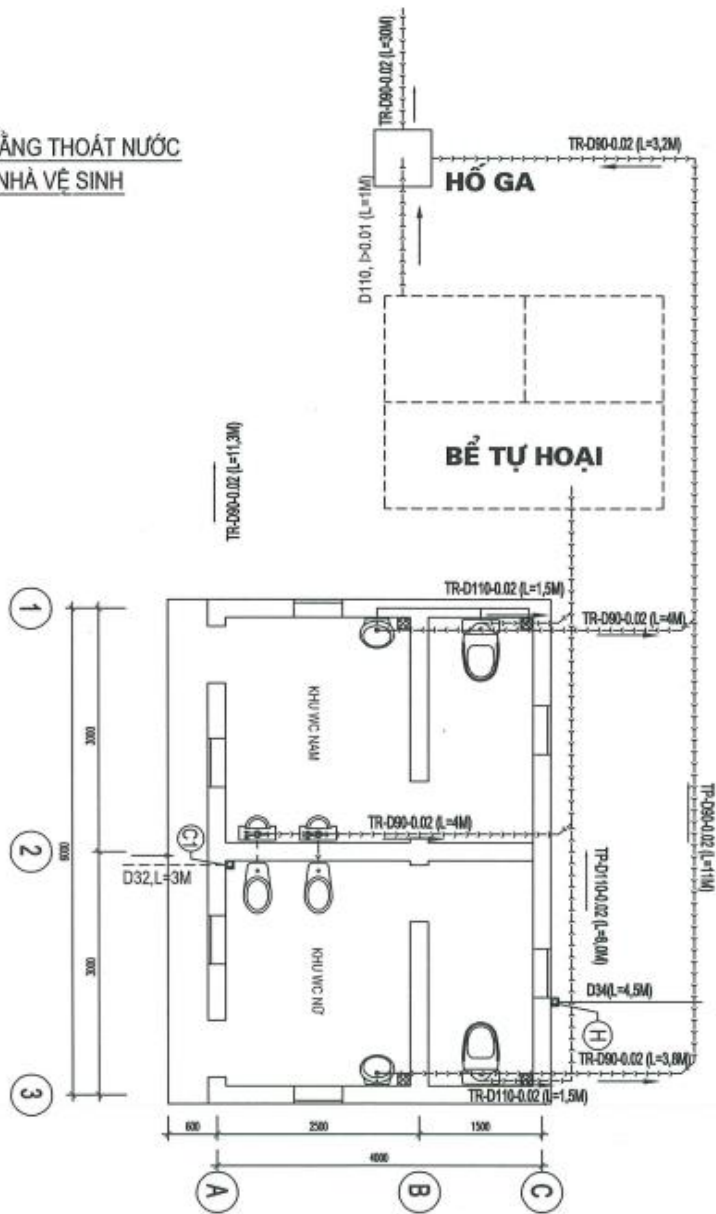
CỦA HÀNG XĂNG ĐẦU

TÊN BẢN VẼ:

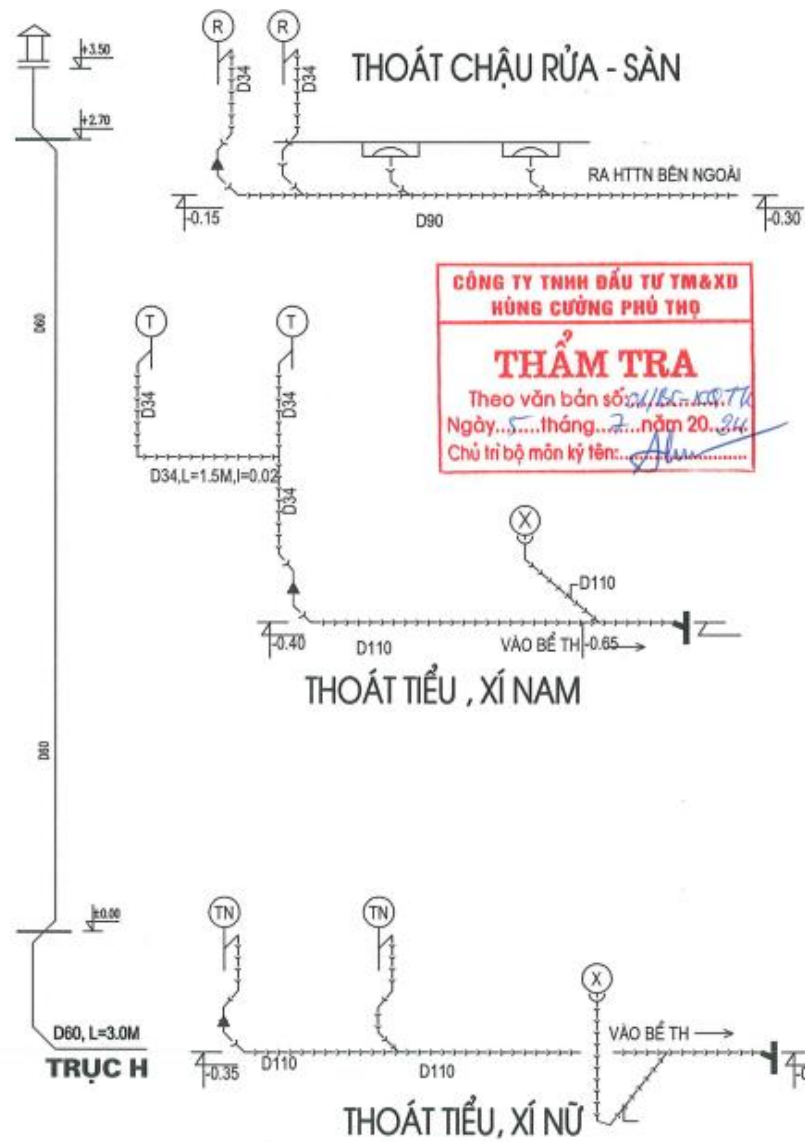
MẶT BẰNG
CẤP THOÁT NƯỚC NHÀ
WC, HỒ GA

TÝ LỆ	KHỐI MẪN VẼ
BẢNH GIẤY A3	N- 03

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC
NHÀ VỆ SINH

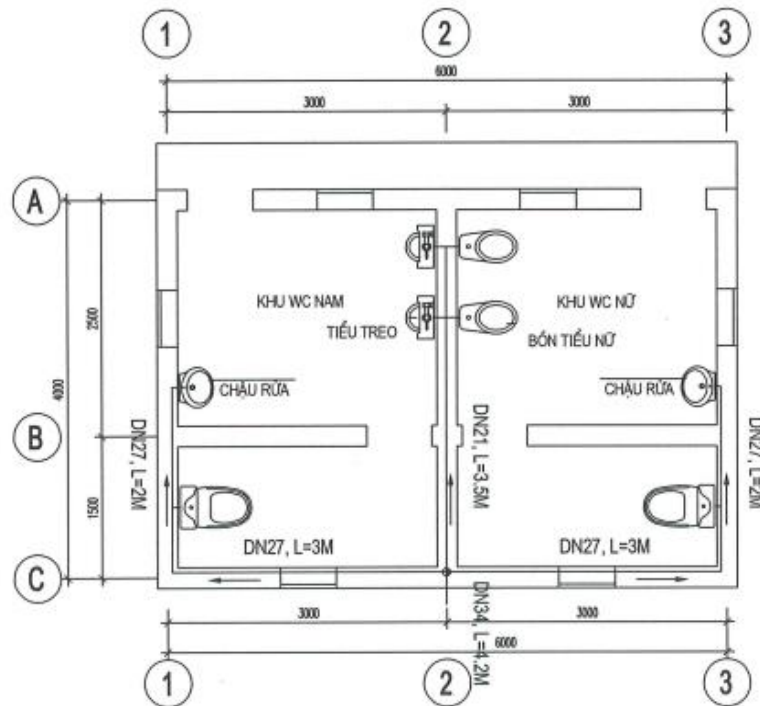


SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN THOÁT NƯỚC KHU WC



KỶ HIỆU	NGÀY HOÀN THÀNH	MÔ TẢ CÔNG SỐ HỒ SƠ ĐƠN MỞ CÔNG
1	2024	SỐ HỒ SƠ ĐƠN MỞ CÔNG
2		
3		
4		
5		
6		
7		
CHỦ ĐẦU TƯ		
CÔNG TY TNHH TẤN ĐẠT PHÚ THỌ		
CƠ QUAN THIẾT KẾ		
CÔNG TY THANH TỰ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ		
Địa chỉ: Tuyến P. Hùng Trưng - TP. Vinh - T. Phú Thọ (Điện thoại: 0965.075.203) PHỤ THO OFFICE: Apt. P. Hùng Trưng - TP. Vinh - T. Phú Thọ (Điện thoại: 0965.075.203) CHỖ ĐÓNG CHỮ TỰ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ LE THỊ THUY HOÀN		
CHỮ CHỮ		
KS: NGUYỄN TẤN HÙNG		
THỜI GIAN: 10/10/2024 KS: BUI XUÂN DƯƠNG NGUYỄN NGỌC ĐỨC		
CÔNG TRÌNH		
CỬA HÀNG XĂNG DẦU VINH LẠI		
Địa chỉ: Đường số 1 - Xã Vinh Lai - Huyện Lâm Thao - Tỉnh Phú Thọ HẠNG MỨC: CỬA HÀNG XĂNG DẦU		
TÊN BẢN VẼ		
SƠ ĐỒ CẤP THOÁT NƯỚC		
TÝ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ	
KHO GIẤY: A3	N-03	

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC NHÀ VỆ SINH



GHI CHÚ

- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ LÀ MM
 - COS LẤY NƯỚC VÀO CÁC THIẾT BỊ LÀ COS CÁCH SÀN WC
 - ỐNG DÙNG TRONG CẤP NƯỚC LÀ ỐNG NHỰA HÀN NHIỆT PPR
 - ỐNG DÙNG TRONG THOÁT NƯỚC LÀ ỐNG NHỰA TIỀN PHONG
 - TRƯỚC KHI CẮT ỐNG PHẢI ĐO KÍCH THƯỚC THỰC TẾ
- ỚNG NHÁNH CẤP NƯỚC (H) ỚNG ĐỪNG THÔNG HƠI BẾ TỰ/HOẠI
 ———— ỚNG NHÁNH THOÁT NƯỚC
 (T1)(T2) ỚNG ĐỪNG THOÁT NƯỚC XÍ TIỂU
 (T3) ỚNG ĐỪNG THOÁT NƯỚC RỬA, SÀN
 (C2)(C3) ỚNG ĐỪNG CẤP NƯỚC WC
 (C1) ỚNG ĐỪNG CẤP NƯỚC LÊN KẾT
- (H) XÍ BỆT
 (H) CHẬU RỬA
 (H) TIỂU NAM
 (H) TIỂU NỮ

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TM&XD
HÙNG CƯỜNG PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số: C.T.ĐC-KT.TK

Ngày... tháng... năm 20... 24

Chủ trì bộ môn kỹ tên: ...

BẢNG KẾ KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ

STT	TÊN VẬT LIỆU & QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
Phần cấp nước:			
1	ống nhựa HDPE D20	m	10
2	ống nhựa PVC D21	m	5.9
3	ống nhựa PVC D27	m	13.5
4	ống nhựa PVC D34	m	4.2
5	Côn nhựa DK 34/27	cái	3
6	Côn nhựa DK 27/21	cái	01
7	Cút ren trong D21-1/2" mm	cái	4
8	Cút ren trong D27-1/2" mm	cái	4
9	Cút nhựa D21	cái	2
10	Cút nhựa D27	cái	5
11	Cút nhựa D34	cái	1
12	côn nhựa D27/21 mm	cái	03
13	Tê nhựa D21/21 mm	cái	3
14	Tê nhựa D27/27 mm	cái	2
15	Tê nhựa D34/34 mm	cái	3
16	Tê nhựa D34/27 mm	cái	02
17	Van cầu D34	cái	1
18	Van gạt D21	cái	02
19	Van phao D20	cái	01
20	Rắc co D34	cái	02
21	Rắc co D27	cái	08
21	Rắc co D21	cái	02

KÝ	HỌ TÊN	HỌ ĐANG
1	ĐH	ĐH
2		
3		
4		
5		
6		
7		
CHỖ DẤU TAY		
CÔNG TY TNHH TẤN ĐẠT PHÚ THỌ		
CÔNG QUAN THIẾT KẾ		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ Địa chỉ: ... Trụ sở: P. Hùng Trưng - TP. Phú Thọ Văn phòng: P. Hùng Trưng - TP. Phú Thọ Mã số thuế: 031022629 Số tài khoản: 031022629 Số điện thoại: 0918.075.033		
SẴN ĐÓNG		
LÊ THỊ THỦY HOÀN		
CHỦ TÀI		
KS: NGUYỄN TẤN HÙNG		
THIẾT KẾ VẼ		
KS: BÙI XUÂN DƯƠNG		
KHOA		
NGUYỄN NGỌC ĐỨC		
CÔNG TRÌNH		
CỬA HÀNG XĂNG DẦU VINH LẠI		
ĐẠ ĐỒ KỸ THUẬT 1 - XÁ VINH LẠI - HUYỆN LẠM THẠCH - THÀNH PHỐ PHÚ THỌ		
HÀNG MỤC		
CỬA HÀNG XĂNG DẦU		
TÊN BẢN VẼ		
MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC		
TÊN	KÝ HỮU BẢN VẼ	
ĐẠ ĐỒ KỸ THUẬT 1	N-01	

RUỘNG

RUỘNG

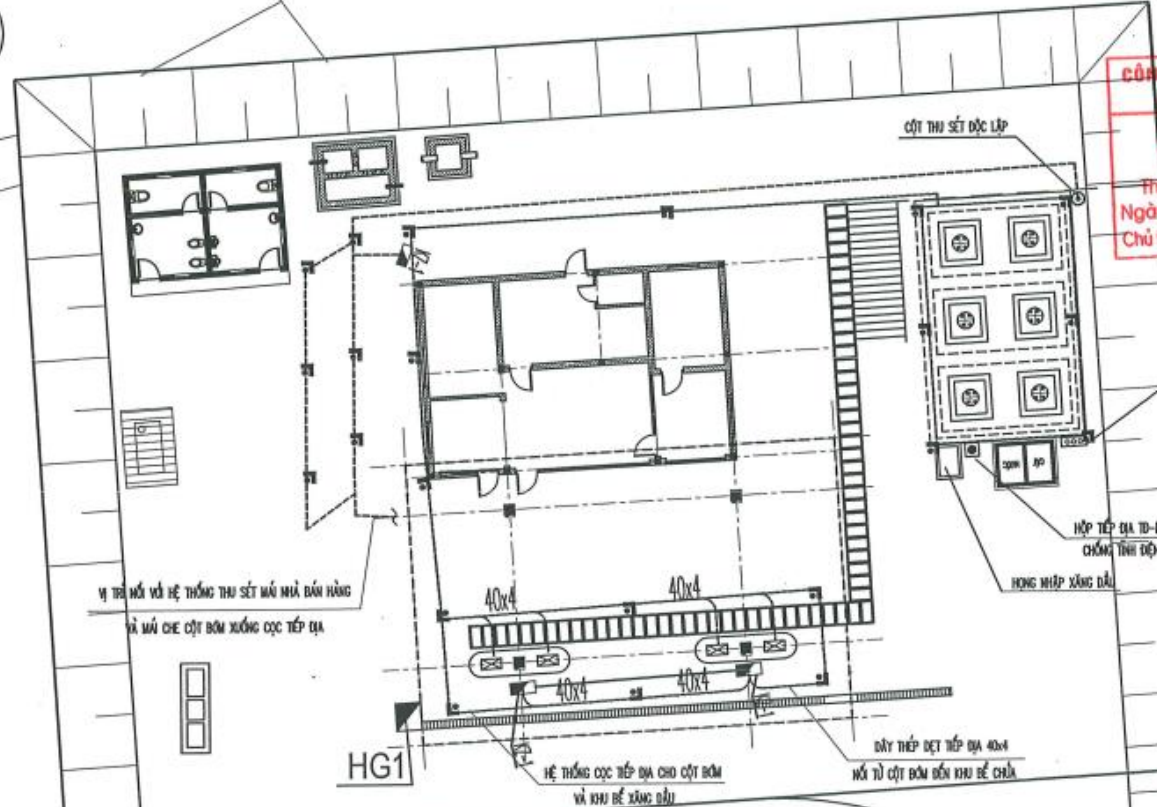
B

A

RUỘNG

C

F



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TM & XD
HÙNG CƯỜNG PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số 24/BC-KT/TC
Ngày 5 tháng 7 năm 2024
Chủ trì bộ môn kỹ thuật: *[Signature]*

KÝ	NGÀY	HỌ TÊN
1	2024	HỒ SƠ THIẾT KẾ MÔ HÌNH
2		
3		
4		
5		
6		
7		

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH TẤN ĐẠT
PHÚ THỌ

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY
TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
TÂN PHONG PHÚ THỌ

ĐỊA CHỈ:
Trụ sở: P. Hùng Vương - TP. Việt Trì - T. Phú Thọ
Điện thoại: 0988 015 283

PHÒNG THIẾT KẾ:

Ông: P. Hùng Vương - TP. Việt Trì - T. Phú Thọ
Số điện thoại: 0988 015 283

GIÁM ĐỐC NHÌN
TƯ VẤN XÂY DỰNG
TÂN PHONG PHÚ THỌ

LE THỊ THUY HOÀNG

CHỮ TAY:

[Signature]

KS: NGUYỄN BẢO TÀI

THIẾT KẾ:

[Signature]

KS: BÙI XUÂN DŨNG

KÊM:

[Signature]

NGUYỄN NGỌC ĐỨC

CÔNG TRÌNH:

CỬA HÀNG XĂNG DẦU VĨNH LẠI

Địa điểm xây dựng: 1 - Xã Vĩnh Lạc - Huyện Lâm Thao - Tỉnh Phú Thọ

HÀNG MỤC:

CỬA HÀNG XĂNG DẦU

TÊN BẢN VẼ:

TỔNG MẶT BẰNG
CHỐNG SÉT

TÝ LỆ:

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

KHỔ GIẤY: A3

CS: 01

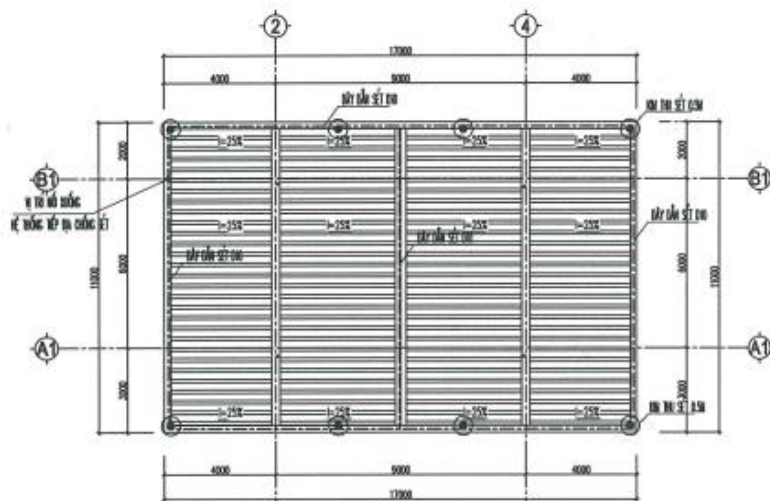
GHI CHÚ:

- CHỐNG SÉT ĐÁNH THẲNG CHO NHÀ BÀN HÀNG VÀ MÃI CHE CỘT BƠM. SỬ DỤNG HỆ THỐNG LƯỚI VÀ KIM THỦ SÉT. DÂY THỦ SÉT LÀM BẰNG THÉP D10. KIM THỦ SÉT LÀM BẰNG THÉP D18 CÓ CHIỀU CAO HIỆU DỤNG H=0,5M ĐƯỢC CỐ ĐỊNH TẠI CÁC GÓC MÃI
- CHỐNG SÉT ĐÁNH THẲNG CHO CỤM VẠN THỜ DÙNG CỘT THỦ SÉT ĐỘC LẬP ĐẶT CÁCH VẠN THỜ 5M, ĐẶT DƯỚI BÁT, CHIỀU CAO HIỆU DỤNG H=9M
- THI CÔNG MẠCH TIẾP ĐỊA XONG ĐO KIỂM TRA LẠI ĐIỆN TRỞ TIẾP ĐẤT ĐẠT TRỊ SỐ YÊU CẦU THÌ TIẾP TỤC THI CÔNG PHẦN TRÊN MÃI
- NHỮNG CHỖ UỐN CUNG CỦA DÂY DẪN SÉT > 90 ĐỘ CẦN HÀN GẠC CÓ CHỊU LỰC
- TRƯỜNG HỢP THỂ NGHIỆM TRỊ SỐ ĐIỆN TRỞ KHÔNG ĐẠT THEO THIẾT KẾ CẦN ĐÓNG BỐ SUNG CỤC TIẾP ĐỊA ĐẾN KHI TRỊ SỐ ĐẠT THEO QUY ĐỊNH
- ĐIỆN TRỞ YÊU CẦU SAU KHI THI CÔNG HỆ THỐNG CHỐNG SÉT VÀ TIẾP ĐỊA CHO NHÀ BÀN HÀNG VÀ MÃI CHE CỘT BƠM PHẢI CÓ TRỊ LÀ $R < 10$
- ĐIỆN TRỞ YÊU CẦU SAU KHI THI CÔNG HỆ THỐNG TIẾP ĐỊA CHO KHU BẾ CHUA VÀ CỘT BƠM XĂNG DẦU PHẢI CÓ GIÁ TRỊ LÀ $R < 4,2$

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ

STT	TÊN VẬT TƯ - QUY CÁCH	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	CỌC TIẾP ĐỊA L63x63x2,5M		CÁI	22
2	DÂY THÉP ĐẪN TIẾP ĐỊA 40x4		MÉT	125
3	HỘ TIẾP ĐỊA CHỐNG TỈNH ĐIỆN		CÁI	01
4	KẸP KIỂM TRA KZ		CÁI	03

TỔNG MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỌC TIẾP ĐỊA



MẶT BẰNG KIM THU SÉT MÁI CHE CỘT BƠM

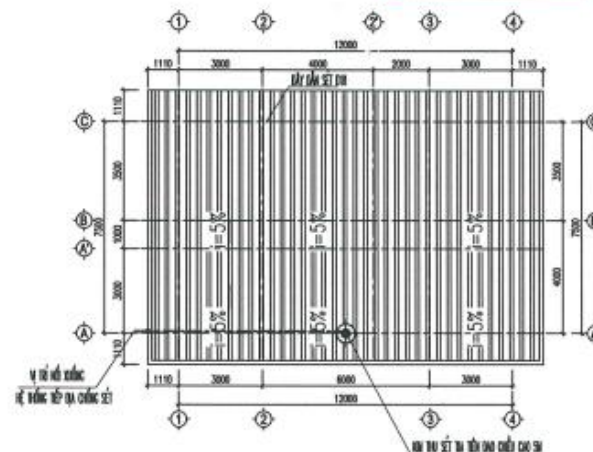
BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ

STT	TÊN VẬT TƯ - QUY CÁCH	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	KIM THU SÉT Ø18, H=0.5M	⊙	CÁI	08
2	CỘT THU SÉT TIỀN ĐẠO H=5M	⊕	CỘT	01
3	DÂY DẪN SÉT Ø10	---	MÉT	100

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TM&XD
HÙNG CƯỜNG PHÚ THỌ**

THẨM TRA

Theo văn bản số 24/B.C...K.P.T.
Ngày...S...tháng...7...năm 20...24.
Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*



MẶT BẰNG KIM THU SÉT MÁI NHÀ BÁN HÀNG

GHI CHÚ:

- CHỐNG SÉT ĐÁNH THẲNG CHO NHÀ BÁN HÀNG VÀ MÁI CHE CỘT BƠM, SỬ DỤNG HỆ THỐNG LƯỚI VÀ KIM THU SÉT. DÂY THU SÉT LẮM BẰNG THÉP D10. KIM THU SÉT LẮM BẰNG THÉP D18 CỎ CHIỀU CAO HIỆU DỤNG H=0.5M ĐƯỢC CỐ ĐỊNH TẠI CÁC GÓC MÁI
- CHỐNG SÉT ĐÁNH THẲNG CHO CỤM VÁN THỜ DÒNG CỘT THU SÉT ĐỘC LẬP ĐẶT CÁCH VÁN THỜ 5M, ĐẶT DƯỚI ĐẤT, CHIỀU CAO HIỆU DỤNG H=9M
- THI CÔNG MẠCH TIẾP ĐỊA XONG DO KIỂM TRA LẠI ĐIỆN TRỞ TIẾP ĐẤT ĐẠT TRỊ SỐ YÊU CẦU THÌ TIẾP TỤC THI CÔNG PHẦN TRÊN MÁI
- NHỮNG CHỖ UỐN CONG CỦA DÂY DẪN SÉT > 90 ĐỘ CẦN HÀN GIA CỐ CHỊU LỰC
- TRƯỜNG HỢP THÍ NGHIỆM TRỊ SỐ ĐIỆN TRỞ KHÔNG ĐẠT THEO THIẾT KẾ CẦN ĐÓNG BỔ SUNG CỤC TIẾP ĐỊA ĐẾN KHI TRỊ SỐ ĐẠT THEO QUY ĐỊNH
- ĐIỆN TRỞ YÊU CẦU SAU KHI THI CÔNG HỆ THỐNG CHỐNG SÉT VÀ TIẾP ĐỊA CHO NHÀ BÁN HÀNG VÀ MÁI CHE CỘT BƠM PHẢI CÓ TRỊ LÀ $R < 10 \Omega$
- ĐIỆN TRỞ YÊU CẦU SAU KHI THI CÔNG HỆ THỐNG TIẾP ĐỊA CHO KHU BẾ CHỮA VÀ CỘT BƠM XĂNG DẦU PHẢI CÓ GIÁ TRỊ LÀ $R < 4 \Omega$

STT	Họ tên	Nội dung
1	2004	Nội dung của văn bản
2		
3		
4		
5		
6		
7		

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH TẤN ĐẠT PHÚ THỌ

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ

Địa chỉ: **Địa chỉ:**
Trụ sở: P. Hùng Trưng - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ
Điện thoại: 0989.875.353

PHÒNG THI CÔNG:
Địa chỉ: P. Hùng Trưng - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ
Điện thoại: 0989.875.353

CHỦ ĐẦU TƯ:
Ký: *[Signature]*
Họ: **NGUYỄN BẢO TÀI**

THI CÔNG:
Ký: *[Signature]*
Họ: **ĐỖ XUÂN DŨNG**

CHỦ ĐẦU TƯ:
Ký: *[Signature]*
Họ: **NGUYỄN NGỌC ĐỨC**

CÔNG TRÌNH:

CỬA HÀNG XĂNG DẦU VĨNH LẠI

Địa chỉ: **Địa chỉ:**
Số 1 - Xã Vĩnh Lại - Huyện Lâm Thao - Tỉnh Phú Thọ

HÀNG MÀC:

CỬA HÀNG XĂNG DẦU

TÊN SẢN PHẨM:

MẶT BẰNG CHỐNG SÉT

TỔNG KẾT:

KÝ HIỆU SẢN PHẨM:

CHỖ QUẢN LÝ:

CS-02

A

B

D

C

F

45000

CỘT THU SÉT ĐỘC LẬP

1000

1 BÌNH MFZ35
3 CHÂN SỢI
4 BÌNH MFZ8
1 NỘI QUY, TIÊU LỆNH

6200

7720

2 BÌNH MFZ8
1 NỘI QUY, TIÊU LỆNH

12220

HG1

12200

3110

9000

2 CHÂN SỢI
4 BÌNH MFZ8
1 NỘI QUY, TIÊU LỆNH

7240

7500

2 CHÂN SỢI
4 BÌNH MFZ8
1 NỘI QUY, TIÊU LỆNH

THUYẾT MINH:

1-CĂN CỨ THIẾT KẾ:

- NHIỆM VỤ THIẾT KẾ DO CHỦ ĐẦU TƯ CUNG CẤP
- BẢN VẼ DỰA HÌNH HIỆN TRẠNG DO CHỦ ĐẦU TƯ CẤP

2-TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG:

- QCVN 07-6:2016/BXD : QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- CÔNG TRÌNH CẤP XĂNG DẦU, KHÍ DỐT
- QCVN01:2020/BCT : QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ YÊU CẦU THIẾT KẾ CỬA HÀNG XĂNG DẦU.
- TCN 5684:2003 : AN TOÀN CHỮA CHÁY CÁC CÔNG TRÌNH XĂNG DẦU
- TCN 5945:2005 : NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP - YÊU CẦU THIẾT KẾ
- TCN 5307:2009 : KHO DẦU MỎ VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ - CHỐNG SÉT VÀ CHỐNG TỈNH ĐIỆN
- YÊU CẦU CHUNG VỀ TK VÀ TH CÔNG HỆ THỐNG THU HÚT HƠI TRONG QUÁ TRÌNH NHẬP HÀNG TẠI CỬA HÀNG BÁN LẺ
- KHI TH CÔNG CẦN XEM KỸ CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN KHÁC

BẢNG THỐNG KÊ TRANG THIẾT BỊ PCCC

STT	TÊN HÀNG MỤC	BÌNH MFZ35	BÌNH MFZ8	CHÂN SỢI	BỘ NỘI QUY, TIÊU LỆNH
1	PHÒNG BÁN HÀNG + KHÁCH	-	2	-	1
2	PHÒNG TÂN	-	-	-	-
3	KHO CHỨA DẦU NHỚT	-	2	1	1
4	NHÀ ĐỂ MÁY PHÁT ĐIỆN	1	2	-	1
5	KHU BẾ CHỨA XĂNG DẦU + HỌNG NHẬP	1	4	3	1
6	CỘT BƠM XĂNG DẦU (4 CỘT)	-	8	4	2
	TỔNG	2	18	8	6



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ

Địa chỉ:
Tọa độ P. Hưng Trưng - TP. Vĩnh Trì - T. Phú Thọ
Điện thoại: 0368.075.253



KS: NGUYỄN BẢO TÀI

KS: BÙI XUÂN DŨNG

NGUYỄN NGỌC ĐỨC

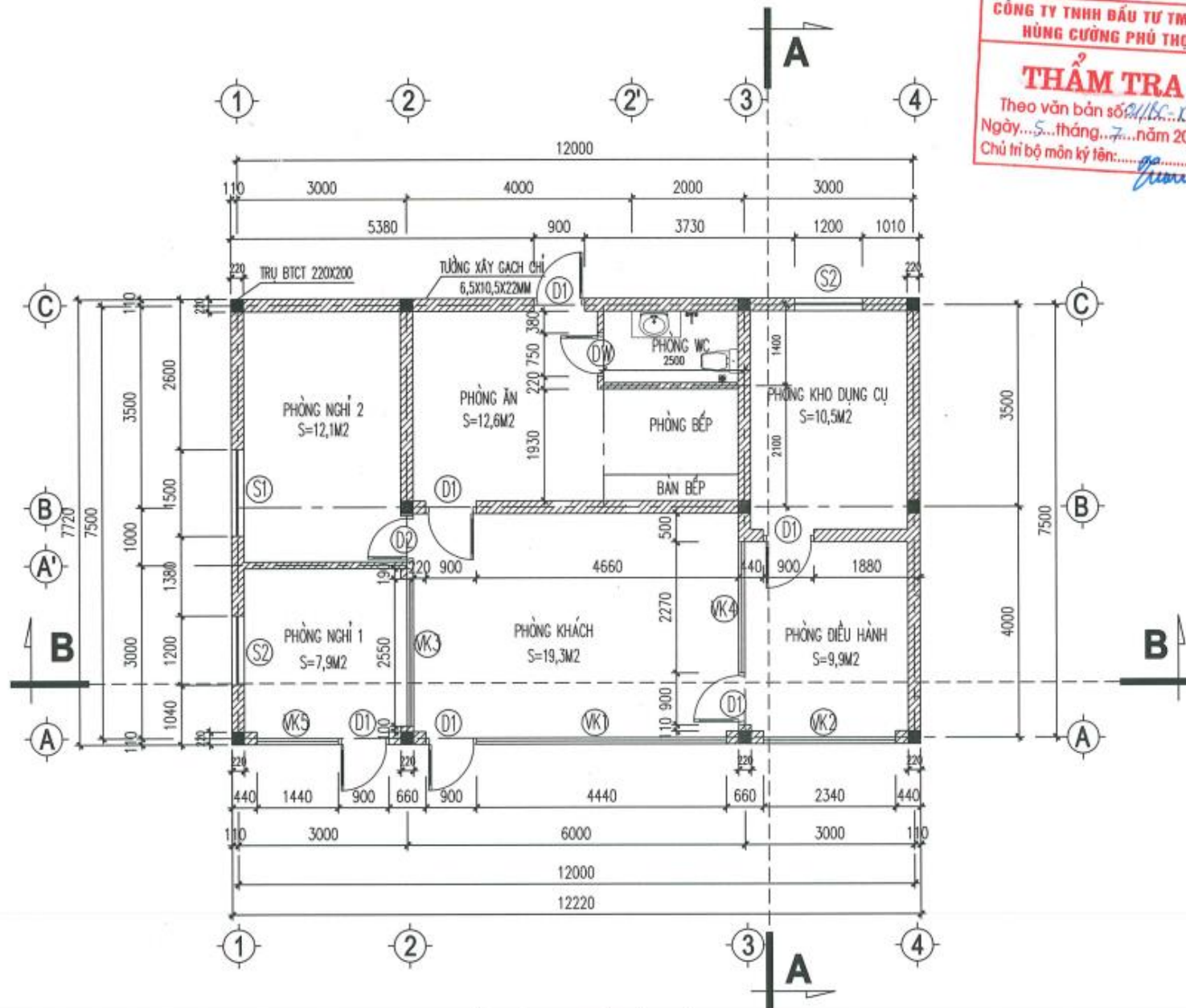
CỬA HÀNG XĂNG DẦU VĨNH LẠI

CỬA HÀNG XĂNG DẦU

BỐ TRÍ TRANG THIẾT BỊ PCCC

TỔ LỆ

PCCC-01



MẶT BẰNG NHÀ BÁN HÀNG

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TM&XD
HÙNG CƯỜNG PHÚ THỌ**

THẨM TRA
Theo văn bản số...
Ngày... tháng... năm 20...
Chủ trì bộ môn kỹ thuật:...

STT	HỌ TÊN	NỘI DUNG
1	...	...
2	...	...
3	...	...
4	...	...
5	...	...
6	...	...
7	...	...

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TM&XD HÙNG CƯỜNG PHÚ THỌ

CƠ QUAN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ

Địa chỉ: ...
Tay nh P. Hùng Cường - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ
Điện thoại: 0989.673.253

PHỤ THO OFFICE:
Kính: P. Hùng Cường - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ
Điện thoại: 0989.673.253

QUẢN LÝ THI CÔNG:
Kính: P. Hùng Cường - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ
Điện thoại: 0989.673.253

CHỦ TRƯỞNG:
Kính: P. Hùng Cường - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ
Điện thoại: 0989.673.253

KS: NGUYỄN BẢO TÀI

THIẾT KẾ VẼ:
Kính: P. Hùng Cường - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ
Điện thoại: 0989.673.253

KS: BÙI XUÂN DŨNG

NGUYỄN NGỌC ĐỨC

CÔNG TRÌNH:

CỬA HÀNG XĂNG DẦU VĨNH LẠI

Địa chỉ: ...
Tay nh P. Hùng Cường - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ
Điện thoại: 0989.673.253

HÀNG MỐC:

CỬA HÀNG XĂNG DẦU

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG NHÀ BÁN HÀNG

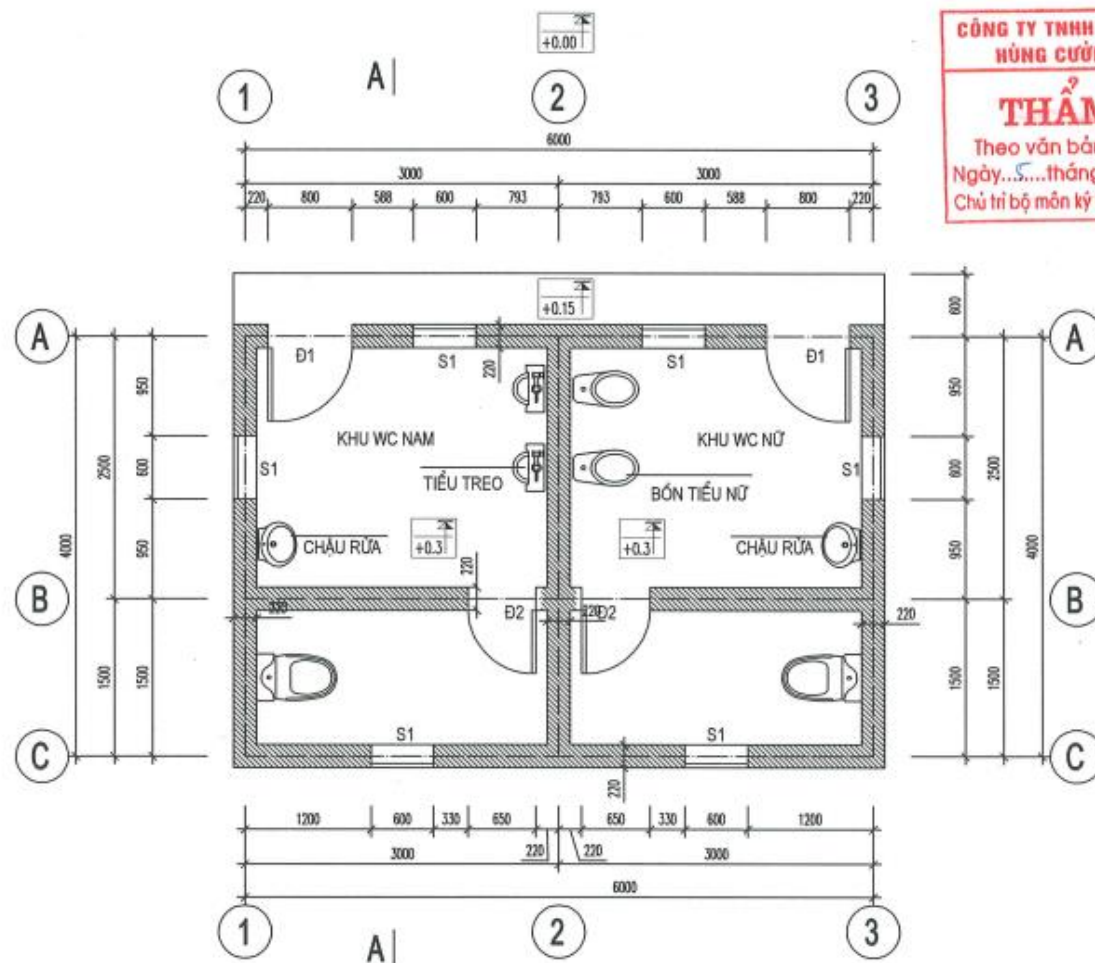
TÝ LỆ:

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

KHOẢNG CÁCH:

KT-02

MẶT BẰNG NHÀ VỆ SINH



**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TM&XD
HÙNG CƯỜNG PHÚ THỌ**

THẨM TRA

Theo văn bản số 24/BC-KT-TX
Ngày 5 tháng 7 năm 2024.
Chủ trì bộ môn kỹ tên: *Trần Văn Hùng*

STT	Ngày	Nội dung
1	2024	Đã thẩm định và phê duyệt
2		
3		
4		
5		
6		
7		

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TẤN ĐẠT PHÚ THỌ

CO QUAN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ

Địa chỉ:
Thị trấn P. Hùng Thắng - TP. Việt Trì - T. Phú Thọ
Điện thoại: 090.875.223

PHỤ THO OFFICE:
Add: P. Hùng Thắng - TP. Việt Trì - T. Phú Thọ
Số điện thoại: 090.875.223

CHỮ ĐÓNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG

LÊ THỊ THUY HOÀN

CHỮ TRƯỞNG

KS. NGUYỄN TẤN HÙNG

THIẾT KẾ VẼ

KS. BUI XUÂN DŨNG

KÊM

NGUYỄN NGỌC ĐỨC

CÔNG TRÌNH

CỬA HÀNG XĂNG DẦU VĨNH LẠI

Địa chỉ xây dựng:
Xã Hùng Thắng - Huyện Lâm Thao - Tỉnh Phú Thọ

HẠNG MỤC:

CỬA HÀNG XĂNG DẦU

TÊN BẢN VẼ:

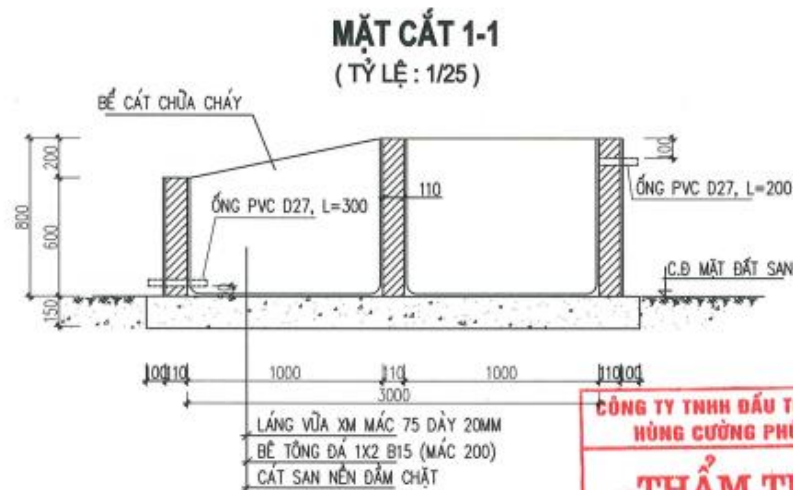
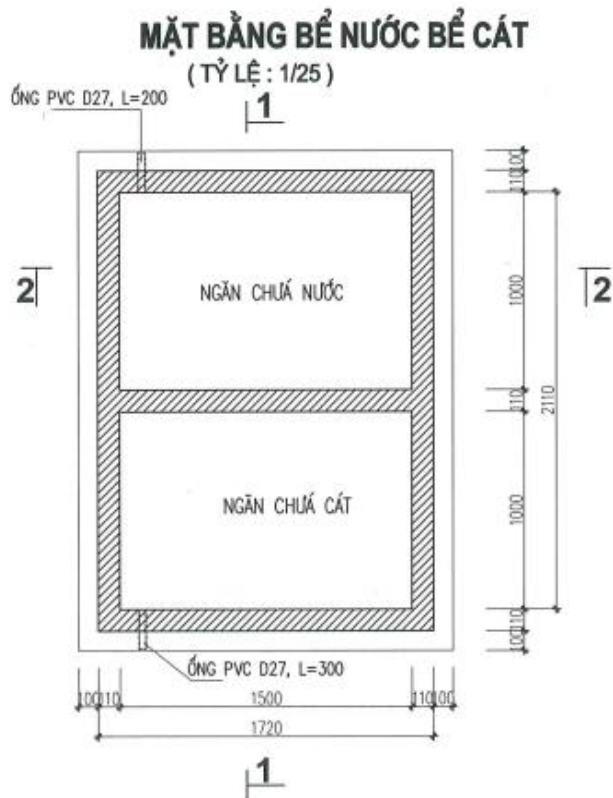
MẶT BẰNG NHÀ VỆ SINH

TÝ LỆ:

1/50

Ngày vẽ:

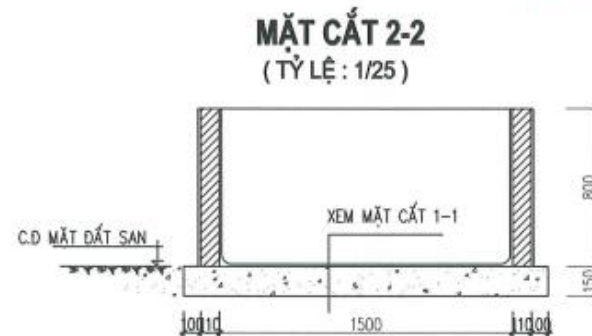
KT-01



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TM&XD
HÙNG CƯỜNG PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số: 21/BC-KT-TX
Ngày: 5 tháng 2 năm 2024
Chủ trì bộ môn kỹ thuật: Nguyễn Bảo Tài



GHI CHÚ

- VỊ TRÍ BỂ NƯỚC, BỂ CÁT XEM TRONG BẢN VẼ "BỐ TRÍ TRANG THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY CHỨA CHÁY - PCCC01"
- BỂ NƯỚC, BỂ CÁT XÂY GẠCH ĐẶC MÁC 75.
- ĐÁY ĐỒ BÊ TÔNG ĐÁ 1x2 CẤP ĐỘ BỀN B15 (MÁC 200) DÀY 150
- LÁNG, TRÁT TRONG VÀ NGOÀI BẰNG VỮA XI MĂNG MÁC 50 DÀY 20
- NGĂN CHỨA NƯỚC PHÍA TRONG BỂ ĐÁNH MÀU BẰNG XI MĂNG NGUYÊN CHẤT.
- ĐẶT BỂ CÁT CHỨA CHÁY DÙNG NẮP TÔN KÍCH THƯỚC: 1200x1700 DÀY 1MM

STT	HỌ TÊN	HỌ ĐANG
1	Nguyễn Văn A	Chủ đầu tư
2		
3		
4		
5		
6		
7		

CÔNG TY TNHH TẤN ĐẠT PHÚ THỌ

CƠ QUAN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Typhố P. Hùng Trưng - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ
Số điện thoại: 0989.77.000
Email: tanphong@tanphong.vn

THẨM TRA

Theo văn bản số: 21/BC-KT-TX
Ngày: 5 tháng 2 năm 2024
Chủ trì bộ môn kỹ thuật: Nguyễn Bảo Tài

CHỦ TRƯỞNG

Nguyễn Văn A

KS: NGUYỄN BẢO TÀI

THIẾT KẾ

Nguyễn Văn B

KS: BÙI XUÂN DƯƠNG

SỐ

1/8

NGUYỄN NGỌC ĐỨC

CÔNG TRÌNH

CỬA HÀNG XĂNG DẦU VINH LẠI

Địa chỉ: Đường số 1 - Xã Vĩnh Lại - Huyện Vĩnh Lại - Tỉnh Vĩnh Phúc

HÀNG MỤC

CỬA HÀNG XĂNG DẦU

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT

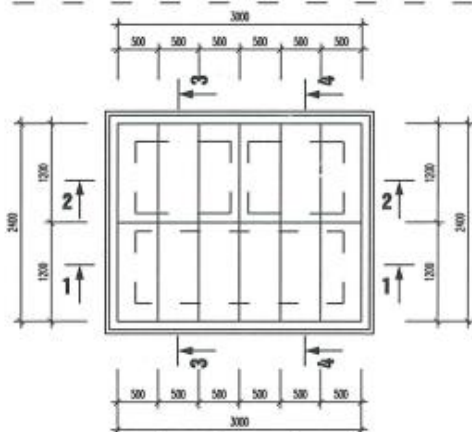
HỒ GA + BỂ PHÒNG CHÁY

Tỷ lệ: 1/25

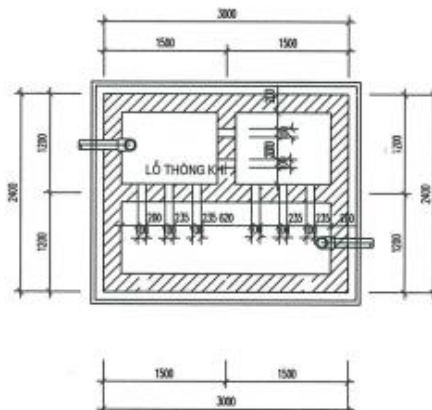
Số giấy: 13

Số bản vẽ: N-07

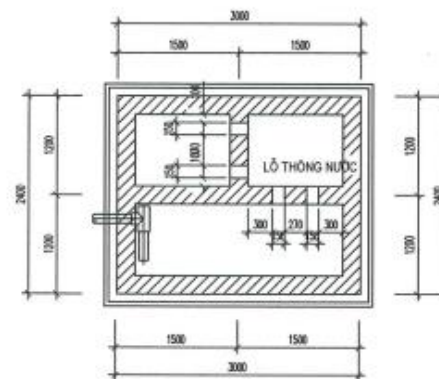
KT	Ngày	Họ và Tên
1	2024	Nguyễn Tấn Đạt
2		
3		
4		
5		
6		
7		
CHỖ ĐẤU TƯ		
CÔNG TY TNHH TẤN ĐẠT PHÚ THỌ		
CƠ QUAN THIẾT KẾ		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ		
MPA CHẾ: Trụ sở P. Hồng Trung - TP. Vĩnh Trì - T. Phú Thọ Điện thoại: 0989.075.253 (PHÒNG QUẢN LÝ) ANH B. Hồng Trung - TP. Vĩnh Trì - T. Phú Thọ Tel: 0989.075.253		
GIÁM ĐỐC CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ CHỖ ĐẤU TƯ		
KS: NGUYỄN TẤN HUNG		
THIẾT KẾ VẼ		
KS: BUI XUÂN DƯƠNG		
NGUYỄN NGỌC ĐỨC		
CÔNG TRÌNH		
CỬA HÀNG XĂNG DẦU VINH LẠI		
Địa điểm xây dựng: 1 - xã Vĩnh Lạc - huyện Lâm Thao - tỉnh Phú Thọ		
HẠNG MỤC:		
CỬA HÀNG XĂNG DẦU		
TÊN BẢN VẼ		
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI		
TỶ LỆ	KỶ HỮU BẢN VẼ	
KHỔ GIẤY: A3	N-05	



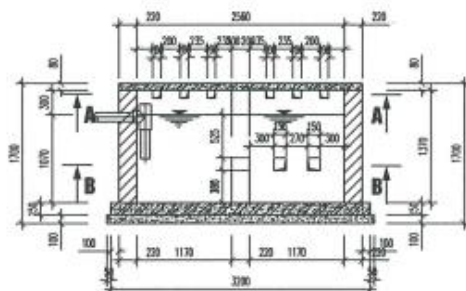
MẶT BẰNG TẮM ĐẠN BỂ TỰ HOẠI



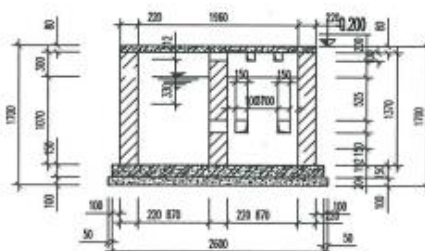
MẶT CẮT A-A



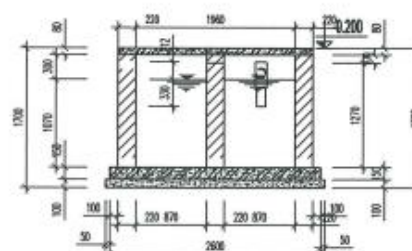
MẶT BẰNG CẮT B-B



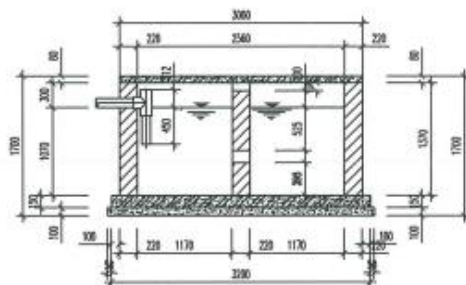
MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 4-4



MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 2-2

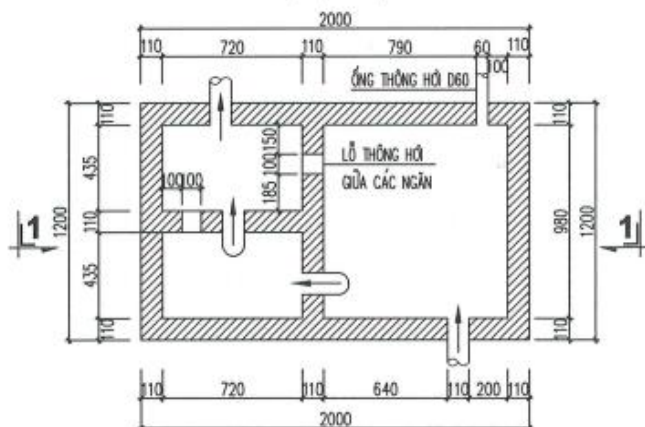
GHI CHÚ:

- TƯỜNG BỂ TỰ HOẠI HỖ THẨM XÂY BẰNG BÊ TÔNG KHÔNG NUNG ĐẶC MÁC #75, VỮA MÁC #75
- MẶT TRONG TRÁT VỮA XI MĂNG MÁC #75,
- TẠI GÓC BỂ GIỮA CÁC VÁCH NGĂN VÀ GIỮA VÁCH NGĂN VÀ DÂY BỂ PHẢI TRÁT NGUYẾT GÓC
- DÂY BỂ GỒM HAI LỚP, LỚP BÊ TÔNG LÓT ĐÁ 4X8 MÁC 100# ĐẦY 100MM. LỚP BÊ TÔNG CHỊU LỰC MÁC 200# ĐÁ 1X2 ĐẦY 80MM
- NẮP BỂ BẰNG TẮM ĐẠN BÊ TÔNG CỐT THÉP MÁC 200, ĐÁ 1X2 ĐẦY 80MM
- ỐNG THOÁT NƯỚC RA VÀO BỂ BẰNG ỐNG PVC
- TƯỜNG VÁCH NGĂN BỂ TỰ HOẠI XÂY BẰNG GẠCH BÊ TÔNG KHÔNG NUNG ĐẶC MÁC #75, VỮA MÁC #75; TRÁI VỮA XI MĂNG MÁC 75# ĐẦY 15MM
- DÁNH BÓNG BẰNG XI MĂNG NGUYÊN CHẤT

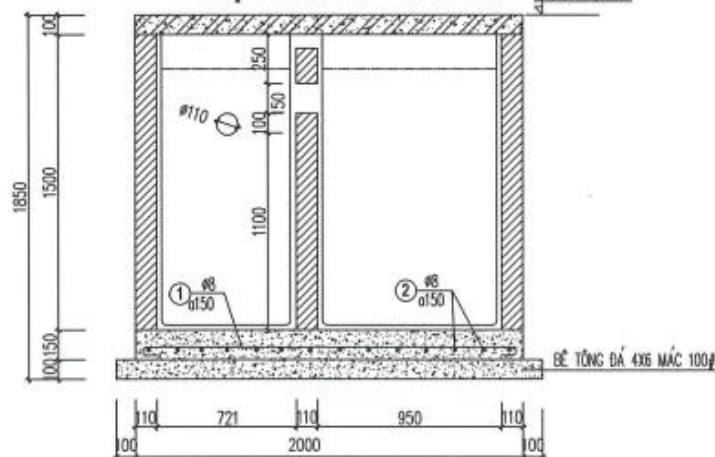


MẶT BẰNG BỂ PHỐT (SL:01)

(TỈ LỆ : 1/25)



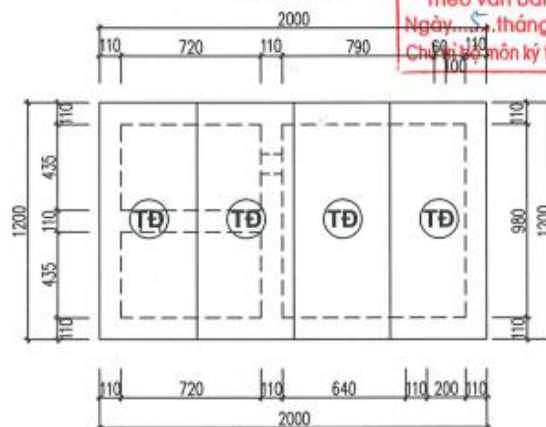
MẶT CẮT 1-1 (TỈ LỆ : 1/25)



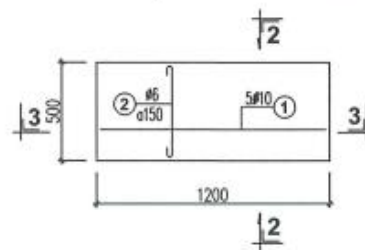
THỐNG KÊ CỐT THÉP BỂ PHỐT 2

TÊN C.KIỆN	SỐ T.T	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC (MM)	ĐK (MM)	CHIỀU DÀI 01 THANH (MM)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG T. LƯỢNG (KG)
					1C.KIỆN	T. BỘ	
TĐ (SL:04)	1	1150	10	1150	5	5	5.75
	2	50 450 50	6	550	8	8	4.4
ĐÁY BỂ	1	60 1950 60	8	2070	11	11	22.8
	2	60 1150 60	8	1270	14	14	17.8

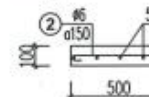
MẶT BẰNG BỂ PHỐT (TỈ LỆ : 1/25)



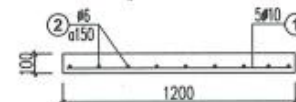
CẤU TẠO TẦM ĐƠN TĐ



MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 3-3



GHI CHÚ:

- VỊ TRÍ BỂ PHỐT, HƯỚNG ỚNG DẪN NƯỚC VÀO, RA KHỎI VỊ TRÍ ĐẶT ỚNG THÔNG HƠI XEM BẢN VẼ MẶT BẰNG CTN
- BÊ TÔNG MẮC 200 ĐÁ 1x2
- CỐT THÉP AI ($\phi \leq 10$); AI ($\phi > 10$)
- LỚT MÓNG BẰNG BÍT ĐÁ 2X4 MẮC 100
- XÂY BỂ BẰNG GẠCH ĐẶC MẮC $\geq 75\%$ VXM 50
- TRÁT TRONG BỂ VXM 75 ĐẦY 2CM, BƠ TRƠN GÓC CẠNH ĐÁNH MÀU BẰNG XM NGUYÊN CHẤT
- TRÁT MẶT TRONG VÀ LÁNG ĐẦY RÀNH BẰNG Vữa XM MẮC 75 ĐẦY 20
- CỬA THÔNG GIỮA CÁC NGĂN CÓ KÍCH THƯỚC 200x110x100
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ GHI THEO NM
- KHI THI CÔNG CẦN XEM CÙNG CÁC BẢN VẼ KHÁC.

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TM&XD
HÙNG CƯỜNG PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số 04/BC-CCSTC

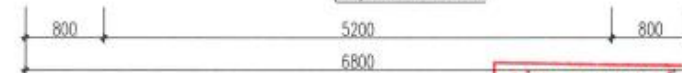
Ngày 5 tháng 7 năm 2024

Chữ ký và đóng dấu của thẩm tra viên

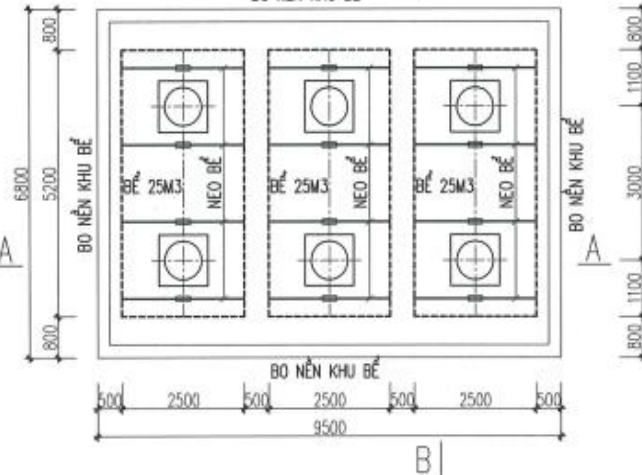
HỌ TÊN	NGÀY	SỐ QUÂN
1	2024	SỐ QUÂN ĐÃ KIỂM TRA
2		
3		
4		
5		
6		
7		
CHỦ ĐẦU TƯ		
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ ĐẠT PHÚ THỌ		
CƠ QUAN THIẾT KẾ		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ		
Địa chỉ: Huyện P. Hùng Trưng - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ Điện thoại: 0989.075.283 Email: P. Hùng Trưng - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ Tel: 0989.075.283		
KẾ: NGUYỄN BẢO TÀI KẾ: BUI XUÂN DƯƠNG NGUYỄN NGỌC ĐỨC CÔNG TRÌNH CỦA HÀNG XĂNG DẦU VĨNH LẠI HANG MẮC CỦA HÀNG XĂNG DẦU CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI TỶ LỆ KHỔ GIẤY A3		
KÝ HẸU BẢN VẼ N-05		

(TỶ LỆ : 1/50)

CÁT ĐEN TỬ NƯỚC ĐẦM CHẶT

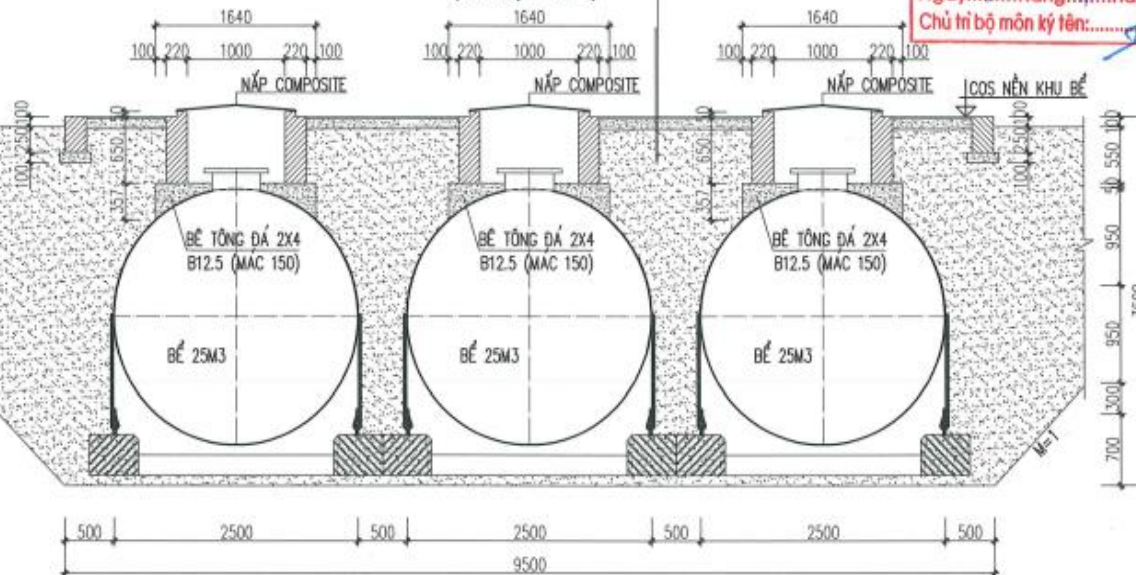


(TỶ LỆ : 1/100)



(TỶ LỆ : 1/50)

CAT ĐEN TÔI NƯỚC ĐAM CHẬT



GHI CHÚ

- CAO ĐỘ MẶT NỀN KHU BẾ XEM TRONG BẢN VẼ KIẾN TRÚC
- THÀNH HỔ VAN XÂY GẠCH CHỈ MẮC 75, VỮA XI MĂNG MẮC 50. TRÁT TRONG VÀ NGOÀI THÀNH HỔ VAN BẰNG VỮA XI MĂNG MẮC 50 DÀY 20 MM
- MẶT TRONG THÀNH VÀ ĐÁY HỔ VAN ĐÁNH BẰNG XI MĂNG NGUYÊN CHẤT
- NỀN KHU BẾ CHÍNH LÀ NỀN ĐƯỜNG BÃI BẰNG BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 B15 (MẮC 200) DÀY 200 MM
- DẦM GẮNG CHỐNG NỔ XEM BẢN VẼ LIÊN QUAN
- NÁP GANG KÍCH THƯỚC 1100X1100 ĐÁY HỔ VAN ĐƯỢC MUA SẴN
- KHI THI CÔNG PHẢI CHỨA ĐẦY NƯỚC VÀO BỂ

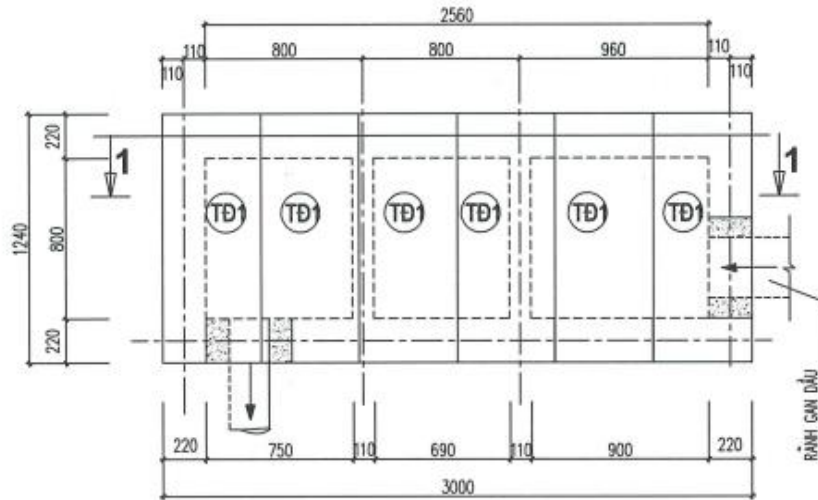
**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TM&XD
HÙNG CƯỜNG PHÚ THỌ**

THẨM TRÁ

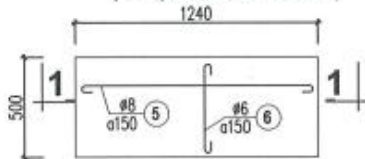
Theo văn bản số: 24/KC-KĐ.TĐ
Ngày... 5... tháng... 7... năm 2024...
Chủ trì bộ môn ký tên: 

KÝ HIỆU	NGÀY NGÀY (DATE)	NGÀY ĐĂNG
1	2024	01/01/2024
2		
3		
4		
5		
6		
7		
CHỮ DẤU TAY		
CÔNG TY TNHH TÂN ĐẠT PHÚ THỌ		
CƠ QUAN THIẾT KẾ		
CÔNG TY THANH TỬ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ		
Địa chỉ: Tỉnh P. Hùng Vương - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ Điện thoại: 0988.075.252		
PHỤ THO GUYỄN Auk P. Hùng Vương - TP. Vĩnh Yên - T. Phú Thọ Điện thoại: 0988.075.252		
CHỮ DẤU		
CÔNG TY THANH TỬ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG LÊ THỊ THUYẾT CHỮ DẤU		
CHỮ TAY		
KS: NGUYỄN TẤN HUNG		
THIẾT KẾ		
KS: BÙI XUÂN DŨNG		
CHỮ DẤU		
NGUYỄN NGỌC ĐỨC		
CÔNG TY		
CỬA HÀNG XĂNG DẦU VĨNH LẠI		
Địa chỉ: Xã Tân Lập 1 - Xã Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Yên		
HÀNG MỐC		
CỬA HÀNG XĂNG DẦU		
TÊN MÀN VẼ		
CHI TIẾT BẾ CHỮA XĂNG DẦU		
TỶ LỆ		KÝ MÀN VẼ
THỜI GIAN: 01		KC-13

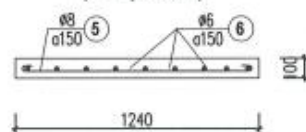
MẶT BẰNG BLGD (SL=01 BẾ) (TỈ LỆ: 1/25)



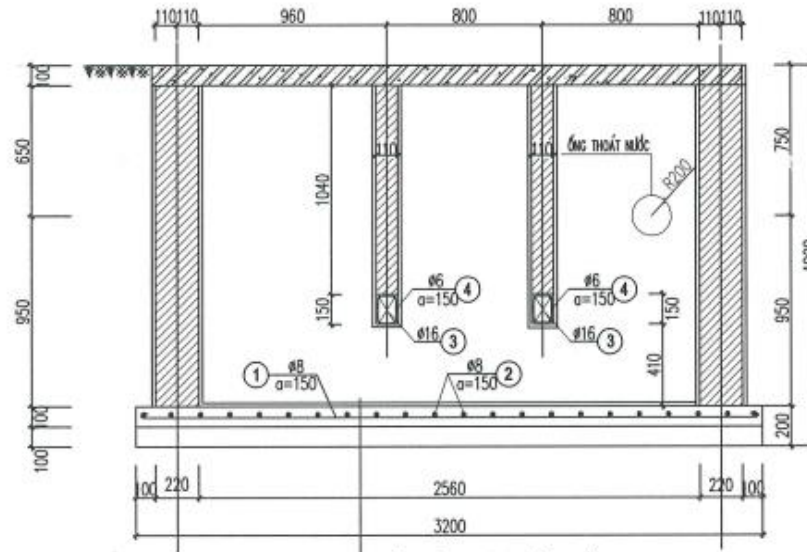
CHI TIẾT TẤM ĐẠN TĐ1 (TỈ LỆ: 1/25; SL: 06 CK)



MẶT CẮT 1-1 (TỈ LỆ: 1/25)



MẶT CẮT 1-1 (TỈ LỆ: 1/25)



LĂNG VỮA XI MĂNG MẮC 50 DÀY 20 MM

BÊ TÔNG DÁ DẦM B15 (MẮC 200)

BÊ TÔNG DÁ 4X6 MẮC 100

DẤT ĐẦM CHẤT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TM&XD
HÙNG CƯỜNG PHÚ THỌ

THẨM TRA

Theo văn bản số: 01/KC-KP/TC
Ngày: 5 tháng 7 năm 2024
Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

GHI CHÚ

- Vị trí bể lắng dầu, hướng ống dẫn nước vào, ra khỏi bể xem trong bản vẽ mặt bằng
- BÊ TÔNG DÁ DẦM B15 MẮC 200, BÊ TÔNG DÁ 4X6 MẮC 100
- THÉP # <10; R=2250 KG/CM2, THÉP : >10; R=2800 KG/CM2
- XÂY BẾ BẰNG GẠCH ĐẶC MẮC >=75#; VXM 50#
- TRÁT TRONG BẾ VXM75# DÀY 2CM, VỎ TRÒN GÓC CẠNH ĐÁNH MÀU BẰNG XM NGUYÊN CHẤT
- TRÁT MẶT TRONG VÀ LĂNG ĐÁY RÀNH BẰNG VỮA XM MẮC 75 DÀY 20
- TẤM NẮP HỖ DUNG TẤM ĐẠN BÊ TÔNG CỐT THÉP 1200x400 MM
- KÍCH THUỐC BẢN VẼ GHI THEO MM
- KHI THI CÔNG CẦN XEM CÙNG CÁC BẢN VẼ KHÁC.

THỐNG KÊ THÉP (CHO 1 CẤU KIỆN)

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	ĐK (MM)	CHIỀU DÀI (MM)	S.LƯỢNG/ 1 C.K.	S.LƯỢNG C.K.	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
THÉP BẾ	1	60 3150 60	8	3270	9	1	29.43	11.61
	2	60 1200 60	8	1320	22	1	29.04	11.46
	3	1200	16	1200	8	1	9.6	15.15
	4	50 100 60	6	420	18	1	7.56	1.68
TĐ1 (SL=08 CK)	5	60 1200 60	8	1320	4	1	5.28	2.09
	6	50 450 50	6	550	9	1	4.9	1.09

ST	NGÀY	HỌ TÊN
1	2024	NGUYỄN VĂN A
2		
3		
4		
5		
6		
7		
CHỦ ĐẦU TƯ		
CÔNG TY TNHH TÂN DẠT PHÚ THỌ		
CƠ QUAN THIẾT KẾ		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ		
Địa chỉ: Thị trấn P. Hùng Thắng - TP. Việt Trì - T. Phú Thọ (Điện thoại: 0988.875.289)		
PHỤ ĐỒ (KHOẢNG) A/C: P. Hùng Thắng - TP. Việt Trì - T. Phú Thọ Tic: 0988.875.289		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN PHONG PHÚ THỌ <i>[Signature]</i> LÊ THỊ THUY HOÀNG CHỨC VỤ: TRƯỞNG T. PH. TH.		
CHỦ TRƯỞNG		
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TM&XD HÙNG CƯỜNG PHÚ THỌ <i>[Signature]</i> KS: NGUYỄN BẢO TÀI		
THIẾT KẾ VẼ		
<i>[Signature]</i> KS: BÙI XUÂN DŨNG		
<i>[Signature]</i> NGUYỄN NGỌC ĐỨC		
CÔNG TRÌNH		
CỬA HÀNG XĂNG DẦU VINH LẠI		
Địa chỉ: 01/01/01/01 - Xã Vinh Lại - Huyện Lâm Thao - Tỉnh Phú Thọ		
HÀNG MỤC		
CỬA HÀNG XĂNG DẦU		
TÊN BẢN VẼ		
CHI TIẾT BẾ LẮNG GẠCH DẦU		
TỈ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ	
KHOẢNG CÁCH	N-09	